

Linh mục EDWARD MCNAMARA

*Dòng Đạo Binh Chúa Kitô,
GIÁO SƯ PHỤNG VỤ
Đại học Regina Apostolorum
(Nữ Vương các Thánh
Tông Đồ), Rôma*

THƯ VIỆN ĐIỆN TỬ



CÔNG GIÁO VIỆT NAM

giải đáp
thắc mắc
PHỤNG VỤ

TẬP 2

Người dịch:
NGUYỄN TRỌNG ĐA

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

Linh mục Edward McNamara

*Dòng Đạo Binh Chúa Kitô (LC),
Khoa trưởng Thần học và giáo sư phụng vụ
Đại học Regina Apostolorum
(Nữ Vương các Thánh
Tông Đồ), Rôma*

GIẢI ĐÁP THẮC MẮC PHỤNG VỤ TẬP 2

CÔNG GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG

Người dịch: Nguyễn Trọng Đa



MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	6
LỜI CẢM ƠN	7
TỔNG QUÁT	7
1. Ai phải cử hành Các Giờ Kinh Phụng Vụ và cử hành các giờ nào?.....	8
2. Khăn che Thánh Giá là màu gì?.....	11
3. Khi Tòa Thánh trống ngôi, ý chỉ của Đức Thánh Cha cho hội Tông đồ cầu nguyện có còn hiệu lực nữa không?.....	13
4. Tác vụ Đọc sách có thể được trao sau tác vụ Giúp lễ không?.....	14
5. Thứ Sáu đầu tháng kính Thánh Tâm Chúa.....	17
6. Giờ châu Thánh Thể được thực hiện như thế nào?.....	21
7. Có được sử dụng thánh ca mà không cần phê duyệt không?.....	23
8. Việc dời ngày lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội được qui định thế nào?.....	27
9. Lăn chuỗi trong giờ châu Thánh Thể có được không?.....	29
10. Trộn tro của nhiều người chết được không?.....	30
THÁNH LỄ	33
11. Sách Tin Mừng được đặt trang trọng ở đâu?.....	33
12. Được phép hát Alleluia tại giảng đài không?.....	36
13. Tại sao linh mục rửa tay sau khi dâng lễ vật?.....	39
14. Phụ nữ làm Chưởng nghi được không?.....	40
15. Giám mục có thể sửa đổi các phần của Thánh lễ không?.....	42
16. Khi Tòa Thánh trống tòa, linh mục có phải đọc tên ĐTC Biển Đức trong Kinh nguyện Thánh Thể không?.....	45
17. Có đọc tên Giám mục nghỉ hưu (emeritus) trong Kinh nguyện Thánh Thể không?.....	46
18. Thánh Lễ cầu cho việc bầu Giáo Hoàng nên được cử hành thế nào?...	49
19. Việc lột bàn thờ ngày thứ Năm Tuần Thánh được qui định cho các bàn thờ nào?.....	51
20. Linh mục lau môi bằng khăn lau chén được không?.....	53
21. Bài Tin Mừng được hát trong các Thánh lễ nào?.....	55
22. Khi linh mục đọc "Anh chị em hãy cầu nguyện để hy lễ của tôi...", thì cộng đoàn đứng phải không?.....	57

23. Giám mục có quyền giải thích luật phụng vụ như thế nào?.....	59
24. Có cung điệu để hát cho bài ca Tin Mừng không?.....	62
25. Xin cho biết các mức độ của việc làm phép	64
26. Linh mục mới truyền chức có phải là là vị đồng tế trong thánh lễ truyền chức của họ không?.....	66
27. Tràng hạt Mân côi được làm phép ra sao?.....	68
28. Nước được rót chút ít vào một hay nhiều chén thánh có rượu?...	69
29. Lời nguyện “Infra Actionem, Trong Lễ Quy, Cùng hiệp thông” xuất hiện từ khi nào?	72
30. Khi nào kinh Vinh Danh được bỏ hoặc hát?.....	74
31. Phụng Vụ Lời Chúa cho thiếu nhi được thực hiện ra sao?.....	76
32. Linh mục không đồng tế có thể đọc bài Tin Mừng không?.....	80
33. Người đi lễ trẻ có được rước lễ không?.....	82
34. Khi, một linh mục có tội trọng, ngài cử hành Thánh lễ được không?	84
35. Bài Giảng nên kéo dài bao nhiêu phút?.....	87
36. Các công thức tung hô sau Truyền Phép được sử dụng như thế nào? ..	91
37. Bồng lễ và nghĩa vụ cử hành thánh lễ liên quan với nhau ra sao?	93
38. Đưa vật nuôi vào Nhà Thờ được không?.....	97
39. Hát Sursum Corda (Hãy nâng tâm hồn lên) như thế nào?.....	100
40. Khi bỏ hương vào bình hương, linh mục ngồi hay đứng?.....	102
41. Tại sao gọi là Thánh Pius thay vì Thánh Pio?.....	104
42. Linh mục được phép ban phép lành Tòa Thánh cho người nguy tử không?....	105
43. Còn nghi thức làm phép muối nữa không?.....	107
44. Dùng cái gì để rảy Nước thánh?.....	110
45. Tiếp nhận Bánh và Rượu ở vị trí nào?.....	111
46. Trong Thánh Lễ đại triều của Giám Mục, tại sao nhà tạm lại để trống?.....	114
47. Lễ Các Đẳng thuộc bậc lễ nào?.....	117
48. Về màu của áo choàng, khăn vai, và qui định về ban phép lành	120
49. Việc rời nhà thờ ngay sau Rước lễ là sai như thế nào?	121
50. Có thể đưa tên thánh Giuse vào các Kinh nguyện ngoài bốn Kinh nguyện Thánh Thể chính không?.....	124
51. Lá thư mục vụ nào được đọc thay cho bài giảng lễ?.....	127
52. Được dùng chuông mõ Phật giáo trong phụng vụ không?	129

53. Giáo dân được phép giảng trong buổi cử hành phụng vụ Lời Chúa ngoài thánh lễ không?.....	133
54. Cộng đoàn quỳ gối đến hết Vinh tụng ca (doxology) không?...	136
55. Vị trí nào dành cho Giám mục khi ngài không đồng tế trong Thánh Lễ?	138
56. Có buộc tráng chén với nước và rượu không?.....	141
57. Linh mục nói lời thô tục trong bài giảng được không?	143
58. Tại sao thấp bảy ngọn nến trong lễ đại triều Giám mục?.....	147
59. Làm nghi thức xức tro sớm được không?.....	149
60. Đọc “anh em” hay “chị em” trong Kinh Cáo Minh được không?	151
61. Lời nguyện tín hữu có là bắt buộc trong Thánh lễ ngày thường hoặc Thánh lễ an táng không? Được phép chúc bình an trước phần dâng lễ vật không?	153
62. Ai tham dự lễ Chúa Nhật ở nhà thờ Chính thống giáo, có chu toàn luật buộc dự lễ không?	157
63. Khi Giáo phận trông tòa, ai cử hành Lễ Dầu?	160
64. Nghi thức thông hỏi trong lễ Phục Sinh được thực hiện ra sao?	162
65. Tại sao trong lời nguyện, đôi khi “Thánh” (Sanctus) lại gọi là “Chân Phước” (Beatus)?.....	165
66. Làm gì khi Bánh thánh rơi xuống nền nhà?.....	167
67. Người đi lễ trễ sau bài Tin Mừng có được rước lễ không?.....	169
68. Câu kết “nhờ Đức Kitô Chúa chúng con” của lời nguyện có ý nghĩa gì?	170
69. Lễ phục nào cho linh mục không đồng tế?.....	174
70. Tại sao có phiên bản ngắn và phiên bản dài cho một số bài Tin Mừng Chúa Nhật?.....	177
71. Có đúng là phó tế phải quỳ lúc truyền phép?.....	180
72. Linh mục cần biết tiếng Latinh ở mức độ nào để cử hành Thánh lễ Latinh?.....	182
73. Tượng Chịu nạn được đặt trên mọi bàn thờ không?.....	185
74. Nói thêm về tượng Thánh giá bàn thờ.....	188
75. Người Hôi giáo chia sẻ quan điểm thay cho bài giảng Thánh lễ được không?.....	190
76. Bài giảng có cần được viết sẵn hay không?.....	194
77. Có được vỗ tay trong bài giảng không?.....	198

78. Rước Lễ Lân Đầu, có cần trọng thể không?.....	201
79. Ban phép lành qua điện thoại được không?.....	203
80. Linh mục giải tội qua điện thoại được không?.....	205
81. Câu “Xin Chúa tặng thêm điều chúng con chẳng dám cầu xin” được hiểu thế nào?	208
82. Linh mục rước lễ trước hay sau các tín hữu?.....	211
83. Một linh mục đồng tế có thể chụp ảnh trong Thánh lễ không?..	213
84. Phải truyền phép cả bánh và rượu cho Thánh lễ	215
85. Các tín hữu có buộc làm dấu Thánh giá kẹp trước bài Tin Mừng không? ...	217
86. Tại sao có nhiều ấn bản Phụng vụ Giờ Kinh bằng tiếng Anh?..	221
87. Linh mục cử hành lễ an táng cho người Tin lành được không?..	224
88. Khi nào Phó tế phải mặc áo lễ Phó tế?.....	226
CÁC BÍ TÍCH	228
89. Cần bổ túc nghi thức rửa tội cho hài nhi nguy tử không?	228
90. Giáo Hội quy định gì về việc tuyên xưng lại thề hứa hôn phối? 230	
91. Trẻ em viết tội ra giấy và đề tên được không?.....	232
92. Việc kết hôn dân sự và kết hôn tôn giáo được thực hiện ra sao?234	
93. Khi nào linh mục vi phạm ấn tích giải tội?.....	236
94. Ai ký tên vào chứng chỉ Bí tích Rửa tội?	239
95. Cần xưng gì khi thường xuyên xưng tội?.....	241
96. Trong lễ cưới, linh mục được phép nói “Cha tuyên bố hai con là vợ chồng với nhau” không?.....	244
97. Người đã ly dị tái hôn được rước lễ theo quyền “tòa trong” không?..	246
98. Chứng sinh giữ vai trò phó tế được không?.....	251
99. Liệu đôi tân hôn phải có sự tháp tùng của cha mẹ trong cuộc rước không?	255

LỜI GIỚI THIỆU

Công Đồng Vatican II đã cho thấy phụng vụ là đỉnh cao quy hướng “cho mọi hoạt động của Giáo hội, đồng thời là nguồn mạch cho tất cả sức mạnh của Giáo hội. Nói thế, vì những hành vi phụng vụ đều nhằm vào việc làm cho toàn thể dân thánh, Nhiệm Thể Chúa Kitô, trở nên gắn bó chặt chẽ với nhau và với Thiên Chúa, nhờ đó, các Kitô hữu có thể hội họp với nhau hầu ca tụng Chúa giữa lòng Giáo Hội, tham dự hy lễ và ăn uống với nhau nơi bàn tiệc của Người.

Như thế phụng vụ của Giáo Hội Công giáo là hoạt động, và chính hoạt động này làm cho các thành viên trở thành dân thánh qua lời đọc, âm nhạc, hành động, dấu chỉ, . . . Khi các tín hữu cử hành bí tích hay á bí tích là họ nỗ lực thể hiện sự hiệp nhất với Thiên Chúa, với các thánh trên trời và những người khác, và như vậy, đem lại niềm vui và ơn cứu độ.

Vì là hoạt động của Hội thánh, nên các hành vi cần phải được tổ chức và quy định theo những gì mà Hội thánh mong muốn. Hay nói khác đi, những cử chỉ và hành vi trong phụng vụ phải nói lên được tâm tình và tất cả ý nghĩa chiều sâu của nền phụng tự Kitô giáo, nên phụng tự có tính tâm linh, như Đức Kitô diễn tả, là lối thờ phượng trong Thần Khí và chân lý, nghĩa là sự thờ phượng của con người được Thánh Thần tác động. Vì thế, Giáo hội Chúa Kitô có sứ mạng tổ chức phụng vụ và quy định các dấu chỉ và hành vi để diễn tả các thực tại thiêng thánh...

Tập sách là những giải đáp cụ thể do một giáo sư có thẩm quyền biên soạn, và được anh Giuse Nguyễn Trọng Đa chuyển dịch, sẽ giúp chúng ta có được những hành vi, tâm tình đúng đắn hơn khi cử hành phụng vụ. Ước mong bản dịch này sẽ giúp các anh chị em tín hữu, nhất là các thừa tác viên, sống phụng vụ cách trọn hảo trong từng cử chỉ và nghi thức.

Linh mục Giuse NGUYỄN CAO LUẬT OP.

LỜI CẢM ƠN

Các bài giải đáp thắc mắc phụng vụ trong sách này, tôi đã dịch từ bản tiếng Anh và đăng trên trang Vietcatholic, sau khi tôi đã xuất bản cuốn “Giải đáp thắc mắc Phụng vụ I” trong tháng 11-2013.

Để có bản dịch hoàn chỉnh, tôi đã trích dẫn các bản dịch Việt ngữ về Kinh Thánh, Sách Giáo lý Giáo Hội Công giáo, Công đồng Vatican II, Giáo luật, các văn kiện Tòa Thánh...trong bài của mình.

Do đó, tôi có lời cảm ơn sâu sắc và chân thành đến Hội Đồng Giám Mục Việt Nam; Nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ; Giáo Hoàng Học Viện Thánh Piô X Đà Lạt; Nhóm các linh mục Nguyễn Văn Phương, Phan Tấn Thành, Vũ Văn Thiện, Mai Đức Vinh; Linh mục Nguyễn Chí Cần (Giáo phận Nha Trang), Ty Linh...là dịch giả của các văn kiện trên.

Đặc biệt tôi cảm ơn Linh mục Trần Công Nghị, anh Nguyễn Long Thao, anh Đặng Minh An, và Ban Biên tập của trang Vietcatholic, đã nâng đỡ và tạo mọi điều kiện trong việc tôi cộng tác với Ban.

Tôi cũng xin cảm ơn Tỉnh Dòng Phanxicô Việt Nam, Cựu Học viên GHHV Thánh Piô X Đà Lạt, anh em Cựu Phan Sinh, bạn bè thân hữu, và gia đình thân thương của tôi, đã khuyến khích tôi rất nhiều trong việc làm hữu ích này.

*Nguyện xin Chúa trả công vô cùng cho Quý vị.
Trân trọng,*

GIUSE NGUYỄN TRỌNG ĐÀ

17-10-2014

TỔNG QUÁT

1. Ai phải cử hành Các Giờ Kinh Phụng Vụ và cử hành các giờ nào?

Hỏi: Tôi viết thư này để hỏi cha về bốn phận cử hành Các Giờ Kinh Phụng Vụ, vì lợi ích của những người đăng ký cho “đường thiêng liêng tối thiểu”. Tất cả những người đọc Thần vụ đều đặn (và rủi thay có một số người tận hiến cho Chúa một cách đặc biệt mà không chăm lo cầu nguyện) dường như chấp nhận rằng giờ Kinh Sáng và giờ Kinh chiều là bắt buộc, có lẽ bởi vì các giờ kinh này được xác định như là “giờ kinh then chốt” trong “Văn kiện trình bày và qui định các Giờ Kinh Phụng Vụ”. Họ cảm thấy các giờ Kinh khác là tùy chọn, kể cả giờ Kinh Sách, mặc dù họ có thể thừa nhận rằng các giờ kinh ấy “là rất ích lợi về đường thiêng liêng”, như đã nêu trong “Văn kiện trình bày và qui định các Giờ Kinh Phụng Vụ”. Tôi xin cha làm sáng tỏ rằng liệu các giờ kinh này là bắt buộc hoặc tùy chọn? - S. D., Old Goa, Ấn Độ.

Đáp: Trước hết, chúng ta phải phân biệt giữa những người có bốn phận đọc Kinh Thần vụ.

Tất cả các linh mục và phó tế chuyển tiếp thuộc nghi lễ Latinh có nghĩa vụ buộc, được hứa vào lúc truyền chức, cử hành toàn bộ Các Giờ Kinh Phụng Vụ: “Các con có muốn gìn giữ và gia tăng tinh thần cầu nguyện phù hợp với cách sống của các con, và trong tinh thần ấy, các con có muốn chu toàn các Giờ Kinh Phụng Vụ theo điều kiện của các con, làm một với dân Thiên Chúa, để cầu nguyện cho họ và cho toàn thể thế giới không?” (X. Sách Nghi thức Rôma, Nghi thức phong chức phó tế). Điều này được xác nhận bởi số 29 của “Văn kiện trình bày và qui định các Giờ Kinh Phụng Vụ”, và Khoản luật 276, § 2, 3, của Bộ Giáo Luật.

Việc cử hành này bao gồm: giờ Kinh Sách, giờ Kinh Sáng, một trong ba giờ Kinh giữa (Kinh giờ Ba, kinh giờ Sáu và kinh giờ Chín), giờ Kinh Chiều và giờ Kinh Tối.

Các phó tế vĩnh viễn cử hành một phần các giờ Kinh này, được quyết định bởi đáng Bản quyền địa phương, thường là Kinh Sáng, Kinh Chiều và Kinh tối.

Các tu sĩ không giáo sĩ và các người thánh hiến khác cử hành một phần của các Giờ Kinh Phụng Vụ, tùy theo luật cụ thể của họ và các cam kết cá nhân của họ.

Một số Dòng tu có phiên bản Các Giờ Kinh Phụng Vụ riêng của họ, vốn thường là dài hơn Các Giờ Kinh Phụng Vụ của Giáo Hội hoàn vũ.

Có thể có một số thực thể khác trong Giáo Hội. Ví dụ, có thể rằng các giáo sĩ thuộc các Giáo hạt tông nhân Anh giáo mới tuân giữ truyền thống riêng của họ trong cử hành Thần vụ, mặc dù một số giáo sĩ chọn cử hành Các Giờ Kinh Phụng Vụ.

Tầm quan trọng của nghĩa vụ cho hàng giáo sĩ xuất phát từ bản chất của sứ vụ như là trung gian cho các linh hồn. Dt 5, 1 diễn tả điều này thật đẹp: “Thượng tế nào cũng là người được chọn trong số người phàm, và được đặt lên làm đại diện cho loài người, trong các mối tương quan với Thiên Chúa, để dâng lễ phẩm cũng như tế vật đền tội”.

Vì lý do này, ngày 15-11-2000, Tòa Thánh đã ban hành một “câu trả lời cho một nghi ngờ” (Prot. Số 2330/00/L) liên quan đến nghĩa vụ cử hành Kinh Thần vụ, và nhắc lại rằng “Việc cử hành toàn bộ Các Giờ Kinh Phụng Vụ hàng ngày, dành cho các linh mục và phó tế trên con đường tiến đến chức linh mục, là một phần quan trọng của thừa tác vụ Giáo Hội của họ”.

Liên quan đến các trường hợp ngoại lệ cho luật tổng quát này, Thánh bộ Phụng tự cung cấp các giải thích sau đây:

Câu hỏi # 1: Thánh Bộ Phụng tự và Kỷ luật Bí tích nói gì về việc mở rộng nghĩa vụ cử hành hoặc đọc hằng ngày Các Giờ Kinh Phụng Vụ?

Đáp: Những người đã được truyền chức là bị ràng buộc về luân lý, ngay khi họ được truyền chức thánh, để cử hành toàn bộ Kinh Thần vụ toàn bộ hàng ngày, như qui định trong khoản luật 276, § 2, số 3 của “Bộ Giáo luật được trích dẫn trước đây. Việc cử hành này không có về phần mình bản chất của một việc đạo đức riêng tư, hoặc việc thực hành đạo đức do cá nhân giáo sĩ thực hiện,

nhưng là một hành động riêng dành cho tác vụ thánh và thừa tác vụ.

Câu hỏi # 2: Liệu nghĩa vụ sub gravi (buộc nặng) mở rộng cho toàn bộ việc đọc kinh Thần Vụ sao?

“Đáp: Phải nhớ các điều sau đây:

Một lý do nghiêm trọng, có thể là sức khỏe, hoặc công tác mục vụ, hoặc một hành động bác ái, hoặc quá mệt mỏi, chứ không là một sự bất tiện đơn giản, có thể miễn đọc một phần hoặc thậm chí toàn bộ Kinh Thần Vụ, theo nguyên tắc chung nói rằng một luật Giáo hội thuần túy không ràng buộc, khi một sự bất tiện nghiêm trọng hiện diện;

“Việc bỏ đọc một phần hoặc toàn bộ Kinh Thần Vụ do sự lười biếng hoặc do việc thực hiện các hoạt động không cần thiết, là không hợp pháp, và thậm chí có thể gây nên một sự đánh giá thấp, theo tính nghiêm trọng của vấn đề, về thừa tác vụ và luật thiết định của Giáo Hội;

Tuy nhiên, việc bỏ giờ Kinh Sáng hoặc giờ Kinh Chiều đòi hỏi một lý do lớn hơn, vì hai giờ Kinh này là “bản lề đôi của Kinh Thần vụ hàng ngày” (SC 89);

“Nếu một linh mục phải cử hành Thánh Lễ nhiều lần trong cùng một ngày, hoặc giải tội trong nhiều giờ, hoặc giảng nhiều lần trong cùng một ngày, và việc này khiến cho ngài mệt mỏi, ngài có thể xem xét, với sự an bình của lương tâm, rằng ngài có một cái cơ hợp pháp để bỏ một phần tương ứng của Kinh Thần vụ;

“Đáng Bản quyền của linh mục hay phó tế, vì một lý do chính đáng hay nghiêm trọng, tùy theo trường hợp, có thể miễn cho họ toàn bộ hoặc một phần Kinh Thần Vụ, hoặc cho thay thế việc đọc Kinh Thần Vụ bằng một việc đạo đức khác (ví dụ, lần chuỗi Mân Côi, Đi dâng Thánh Giá, đọc Kinh thánh hay sách thiêng liêng, một thời gian cầu nguyện hợp lý,...).

“Câu hỏi: Đây là vai trò của tiêu chí 'veritas temporis' (đúng giờ chỉ định) liên quan đến vấn đề này?

Đáp: Câu trả lời phải được đưa ra nhiều phần, để làm rõ các trường hợp đa dạng.

“Các Giờ Kinh Phụng Vụ không có thời giấc qui định nghiêm ngặt, và có thể được cử hành vào bất cứ giờ nào, và giờ Kinh có thể được bỏ qua, nếu có một trong các lý do như đã nêu trong câu trả lời số 2 ở trên. Theo tập tục, Kinh Thần Vụ có thể được đọc bất kỳ thời gian nào, bắt đầu với giờ Kinh Chiều hoặc giờ Kinh Tối của ngày hôm trước, sau giờ Kinh Chiều (x. GILH, 59).

“Điều này cũng đúng cho các giờ Kinh giữa, vốn không được qui định cho giờ cử hành. Với các giờ Kinh này, nên đọc trong thời gian giữa buổi sáng và buổi chiều. Nếu đọc ngoài cộng đoàn, nên chọn một trong ba giờ giữa là Kinh giờ Ba, kinh giờ Sáu và kinh giờ Chín, và đọc đúng giờ qui định cho nó, để cho truyền thống đọc giờ kinh giữa được duy trì, giữa bận bịu công việc hàng ngày (x. GILH, 77).

“Giờ Kinh Sáng nên được đọc trong các giờ buổi sáng, và giờ Kinh Chiều nên đọc vào buổi chiều tối, như tên của các phần Thần Vụ này cho biết. Nếu một người nào đó không có thể đọc giờ Kinh Sáng vào buổi sáng, người ấy có nghĩa vụ đọc giờ kinh này càng sớm càng tốt sau đó. Trong cùng một cách như vậy, nếu giờ Kinh Chiều không có thể được đọc vào buổi chiều tối, nó phải được đọc càng sớm càng tốt sau đó (SC 89). Nói cách khác, sự trở ngại vốn cản trở việc giữ việc đọc giờ kinh đúng theo giờ qui định của nó, không phải là nguyên nhân để miễn cho việc đọc các giờ Kinh Sáng và giờ Kinh Chiều, bởi vì chúng là các giờ Kinh then chốt (SC, 89), vốn “xứng hưởng sự quý trọng lớn nhất” (GILH, 40).

“Bất cứ ai muốn đọc Các Giờ Kinh Phụng Vụ, và với sự tận hiến, cố gắng cử hành việc ca ngợi Đấng Tạo Thành vũ trụ, có thể ít nhất đọc phần Thánh vịnh của giờ Kinh, vốn đã bị bỏ, mà không có thánh thi, và kết thúc với bài đọc ngắn và lời nguyện”. (Zenit.org 15-1-2013).

2. Khăn che Thánh Giá là màu gì?

Hỏi: Trong Sách Lễ Rôma mới, trong mùa Chay, khăn che Thánh Giá là màu tím, trong khi lễ phục là màu đỏ. Nhưng tôi đã

nhận thấy rằng một số nhà thờ dùng khăn màu tím và một số nhà thờ dùng khăn màu đỏ; ngay cả Tòa thánh dùng khăn màu đỏ, vốn là màu thích hợp cho việc che Thánh Giá vào ngày Thứ Sáu Tuần thánh. Xin cha nói rõ về màu của khăn che Thánh Giá- M. P., St Petersburg, Florida, Mỹ.

Đáp: Sách Lễ Rôma nói như sau về việc che ảnh tượng: Ngày Chủ Nhật thứ 5 Mùa Chay: “Việc che Thánh giá và cách ảnh tượng trong nhà thờ từ Chủ nhật này nên được tuân giữ, nếu Hội Đồng Giám Mục quyết định như thế. Thánh giá được che khăn cho đến phần Kính thờ Thánh giá trong nghi lễ của Thứ Sáu Tuần thánh, nhưng các ảnh tượng khác vẫn được che cho đến lúc khởi đầu Lễ Vọng Phục Sinh”.

Màu sắc cụ thể của khăn không được đề cập ở đây, nhưng màu tím được xem là hợp lý, vì đây là màu truyền thống và nó cũng tương thích với mùa phụng vụ.

Sách lễ nói rõ hơn về các hình thức thứ nhất của phần Kính thờ Thánh giá vào ngày Thứ Sáu Tuần thánh:

“Thầy phó tế, được các người giúp lễ hoặc một thừa tác viên phù hợp khác tháp tùng, đi vào phòng thánh. Từ nơi này, với hai người giúp lễ cầm nến sáng đi kèm, thầy rước Thánh giá, được che bằng khăn màu tím, đi vào nhà thờ đến giữa cung thánh”.

Trong hình thức ngoại thường, màu tím cũng được quy định cho cả Thứ Sáu Tuần thánh và cho việc che mọi ảnh tượng và Thánh giá được trưng cho mọi người thờ kính, trước giờ Kinh Chiều áp ngày chủ nhật Lễ Lá (Chủ Nhật thứ năm của Mùa Chay).

Tuy nhiên, như độc giả này nêu rõ, khi Đức Thánh Cha cử hành nghi thức Thứ Sáu Tuần thánh, khăn che màu đỏ đã được sử dụng để che Thánh giá trong các năm gần đây.

Điều này có thể là một tập tục đặc biệt của phụng vụ dành cho Đức Thánh Cha, cũng giống như truyền thống lễ phục màu đỏ được sử dụng cho thánh lễ an táng của một Đức Thánh Cha.

Như tôi đã nói trong một hay hai bài trước đây (xem bài ngày 8-3-2005), nguồn gốc lịch sử của sự thực hành này có thể xuất phát

từ một tập tục ở Đức trong thế kỷ thứ chín, đó là treo một tấm màn lớn trước bàn thờ từ đầu Mùa Chay.

Tấm vải màn này, được gọi là “Hungertuch” (màn chay), che hoàn toàn bàn thờ, nên tín hữu không nhìn thấy bàn thờ trong Mùa Chay, và không được gỡ bỏ cho đến khi bài Thương khó ngày thứ tư Tuần thánh được đọc đến câu “màn trướng trong Đền Thờ bị xé ngay chính giữa”.

Một số tác giả nói rằng có một lý do thực tiễn cho tập tục này, bởi vì các tín hữu ít học cần có một cách thức để biết đó là Mùa Chay.

Tuy nhiên, các tác giả khác cho rằng đó là phần còn sót lại của một tập tục xưa về việc đền tội công khai, trong đó các người đền tội bị trục xuất theo nghi thức khỏi nhà thờ từ đầu Mùa Chay.

Sau khi nghi thức sám hối công khai đi vào quên lãng - nhưng toàn thể cộng đoàn trở thành nhóm người đền tội một cách tượng trưng bằng việc xúc tro ngày thứ Tư Lễ Tro - không còn việc đuổi họ ra khỏi nhà thờ nữa. Thay vào đó, bàn thờ hoặc nơi Cự Thánh “đã được che để người ta không nhìn bàn thờ”, cho đến khi họ được hòa giải với Thiên Chúa vào lễ Phục sinh.

Vì cùng lý do tương tự, sau đó vào thời Trung cổ, các ảnh tượng và Thánh giá được che khăn từ đầu Mùa Chay.

Quy định việc che Thánh giá này từ Chủ nhật Lễ Lá được thực hành trễ hơn, và không xuất hiện cho đến khi sách Nghi thức Giám mục được xuất bản vào thế kỷ XVII.

Sau Công Đồng chung Vatican II, Tòa Thánh bỏ qui định che mọi ảnh tượng, nhưng việc thực hành vẫn còn, mặc dầu trong một hình thức giảm nhẹ. (Zenit.org 26-2-2013)

3. Khi Tòa Thánh trống ngôi, ý chỉ của Đức Thánh Cha cho hội Tông đồ cầu nguyện có còn hiệu lực nữa không?

Hỏi: *Căn cứ ý kiến của chúng tôi về cầu nguyện theo ý Đức Thánh Cha (xem bài ngày 26-2), một độc giả hỏi liệu các ý chỉ của Đức Thánh Cha cho Hội Tông Đồ Cầu Nguyện có còn hiệu lực không, khi Tòa Thánh trống ngôi. Các ý chỉ này đã được công bố cho đến năm 2014.*

Đáp: Các ý chỉ này vẫn có hiệu lực, trừ phi vị Giáo hoàng mới thay đổi chúng một cách minh nhiên. Việc công bố các ý chỉ cầu nguyện này luôn quan tâm đến sự không chắc chắn không thể tránh khỏi của bất kỳ sự kiện tương lai nào, kể cả khi Tòa Thánh trống ngôi. Do đó, các ý chỉ cầu nguyện ấy vẫn là ý của Đức Giáo hoàng, ngay cả khi Ngài là Đấng đặt ra các ý chỉ ấy không còn ngôi trên Ngai tòa Thánh Phêrô nữa.

Nếu Đức Thánh Cha mới không có hành động gì, thì người ta cho rằng Ngài mặc nhiên chấp thuận và thông qua các ý chỉ cầu nguyện đã được phê duyệt bởi vị Tiền nhiệm. Ngài không bắt buộc phải làm như vậy, cũng như Ngài không buộc phải thực thi một chương trình các hoạt động đã được phê duyệt trước đó.

Tuy nhiên, các ý chỉ cầu nguyện này thường được ghi vào trong lịch phụng vụ và các tài liệu khác, vốn đòi hỏi phải có kế hoạch dài hạn và in ấn trước; do đó hầu như chắc chắn Giáo hoàng mới sẽ không thay đổi các ý chỉ cầu nguyện của vị Tiền nhiệm. Ngài sẽ chỉ bắt đầu đưa ra ý chỉ cầu nguyện riêng của Ngài từ năm 2015 trở đi.

Vì vậy, trừ khi có các dấu hiệu rõ ràng ngược lại, các người tham gia vào Hội Tông Đồ Cầu Nguyện vẫn tiếp tục cầu nguyện không ngừng theo các ý chỉ đã được chỉ định trước. (Zenit.org 5-3-2013)

4. Tác vụ Đọc sách có thể được trao sau tác vụ Giúp lễ không?

Hỏi: *Liệu các Tác vụ Đọc sách và Giúp lễ luôn luôn được trao theo thứ tự này, ít nhất là đối với những người chuẩn bị cho*

chức linh mục không? Tôi nhận ra rằng đây là thứ tự bình thường và, trong một nghĩa nào đó, là thứ tự hợp lý - Phụng Vụ Lời Chúa được cử hành trước Phụng vụ Thánh Thể. Nhưng trong một trường hợp cụ thể - nếu chẳng hạn một chủng sinh chuyển qua chủng viện khác, hoặc sắp đi công tác mục vụ hoặc vì lý do thông cảm, khi các bạn của người ấy đã nhận Tác vụ Đọc sách – liệu một Giám mục có thể trao Tác vụ Giúp lễ cho người ấy trước, và sáu tháng sau trao Tác vụ Đọc sách, với lý do là tiện lợi không? - M. W., Boroko, Papua New Guinea

Đáp: Năm 1973, Đức Thánh Cha Phaolô VI đã ban hành tông thư *Ministeria Quaedam*, thiết lập các Tác vụ Đọc sách và Giúp lễ, vốn sẽ được trao cho tất cả các ứng viên cho chức thánh. Để trao các Tác vụ này, các điều kiện sau đây phải được đáp ứng:

“8. Sau đây là các yêu cầu để cho nhận Tác vụ:

“a) trình bày đơn xin đã được tự do viết ra và ký tên bởi ứng viên và gửi cho Đấng Bản quyền (Giám mục và, trong các Dòng giáo sĩ, Bề trên thượng cấp), Đấng có quyền chấp nhận đơn xin;

“b) độ tuổi thích hợp và các phẩm chất đặc biệt được xác định bởi Hội đồng Giám mục;

“c) có ý chí vững chắc để trung thành phục vụ Chúa và dân Chúa.

“9. Các Tác vụ được trao bởi Đấng Bản quyền (Giám mục và, trong các Dòng giáo sĩ, Bề trên thượng cấp) thông qua các nghi thức phụng vụ *De institutione lectoris* và *De institutione acolythi*, đã được Tòa Thánh duyệt xét lại.

“10. Một thời gian cách quãng, được xác định bởi Tòa Thánh hoặc bởi Hội đồng Giám mục, cần được tuân giữ giữa việc trao Tác vụ Đọc sách và Giúp lễ, khi hơn một Tác vụ được trao cho cùng một người.

“11. Trừ khi họ đã làm như vậy, các ứng viên cho chức phó tế và linh mục cần phải nhận các Tác vụ Đọc sách và Giúp lễ, và thực thi các Tác vụ này trong một thời gian thích hợp, để chuẩn bị sẵn sàng cho việc phục vụ tương lai Lời Chúa và Bàn thờ. Việc

miễn chức nhận các Tác vụ về phía các ứng viên này là dành cho Tòa Thánh.

“12. Việc trao các Tác vụ này không cho họ quyền được Giáo Hội trợ cấp hoặc trả lương.

“13. Nghi thức trao các Tác vụ Đọc sách và Giúp lễ sẽ sớm được công bố bởi Bộ thẩm quyền của Giáo triều Rôma”.

Các qui định chính yếu của văn kiện này đã được đưa sau đó vào điều 230 và điều 1035 của Bộ Giáo Luật.

“Điều 230: § 1. Các giáo dân thuộc nam giới có đủ tuổi và điều kiện do nghị định của Hội Đồng Giám Mục ấn định, có thể lãnh Tác vụ Đọc sách hoặc Giúp lễ, qua một nghi lễ phụng vụ đã qui định. Tuy nhiên, việc trao Tác vụ này không cho họ quyền được Giáo Hội trợ cấp hoặc trả lương” (Bản dịch Việt ngữ của các Linh Mục Nguyễn Văn Phương, Phan Tấn Thành, Vũ Văn Thiện, Mai Đức Vinh).

Như vậy, một người nam có thể được trao Tác vụ Đọc sách mà không nhất thiết ước muốn nhận Tác vụ Giúp lễ, nhưng dường như không ai trở thành thầy Giúp lễ mà không đã trải qua Tác vụ Đọc sách. Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng vì nhiều lý do thực tế các Tác vụ này hầu như chỉ được trao cho các ứng viên cho chức linh mục và chức phó tế.

Điều 1035, Bộ Giáo luật, nói như sau:

“§1. Trước khi lãnh chức Phó Tế dù là vĩnh viễn hay chuyển tiếp, ứng viên buộc phải lãnh nhận các Tác vụ Đọc sách và Giúp lễ, và phải thi hành các Tác vụ ấy trong một thời gian tương xứng.

§ 2. Giữa Tác vụ Giúp lễ và chức Phó Tế phải có một thời gian cách quãng ít là sáu tháng”.

Điều này chắc chắn bao hàm rằng Tác vụ Giúp lễ phải diễn ra trước chức phó tế. Không chỗ nào nói đến thời gian thi hành Tác vụ Đọc sách, và vì vậy người ta có thể suy ra một cách hợp lý là thời gian gian này phải diễn ra trước. Cũng không chỗ nào nói đến thời gian cách quãng giữa việc trao Tác vụ Đọc sách và Giúp lễ.

Điều này được nhấn mạnh trong một số tài liệu khác, chẳng hạn các qui định cơ bản được Thánh bộ Giáo dục Công Giáo ban

hành năm 1998, về việc đào tạo các phó tế vĩnh viễn. Số 59 của tài liệu này nói:

“Thật là thích hợp khi có một thời gian cách quãng giữa việc các trao Tác vụ Đọc sách và Giúp lễ, để cho ứng viên lãnh Tác vụ có thời gian thi hành Tác vụ mà mình đã nhận. “ Giữa Tác vụ Giúp lễ và chức Phó Tế phải có một thời gian cách quãng ít là sáu tháng”.

Do đó đừng sợ mất thời gian để cho phép trao hợp pháp Tác vụ Đọc sách sau khi trao Tác vụ Giúp lễ. Nếu điều này xảy ra do một sơ suất kỹ thuật (và tôi đã có kinh nghiệm về việc xảy ra một lần rồi), thì nó sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp pháp của hai Tác vụ, và việc truyền chức tiếp theo.

Nếu một Đấng Bản quyền có một tình huống đặc biệt để giải quyết, chẳng hạn như trong ví dụ do độc giả nêu ra ở trên, ngài có thẩm quyền cần thiết để hành xử khi còn trong luật và tôn trọng thứ tự của các Tác vụ. Ngài có thể rút ngắn thời gian cách quãng giữa việc trao hai Tác vụ Đọc sách và Giúp lễ. Ngài có thể trao một trong hai Tác vụ này trong một buổi lễ tương đối riêng tư. Trong trường hợp cần thiết cấp bách, ngài thậm chí còn có thể trao cả hai Tác vụ cho cùng một người trong một buổi lễ duy nhất, do đó loại trừ thời gian thi hành Tác vụ Đọc sách và Giúp lễ.

Tuy nhiên ngài không bao giờ được phép trao Tác vụ Giúp lễ trong cùng buổi lễ truyền chức Phó tế. (Zenit.org 11-6-2013)

5. Thứ Sáu đầu tháng kính Thánh Tâm Chúa

Hỏi: Các giáo hữu của tôi có lòng sùng kính Thánh Tâm Chúa Giêsu vào ngày thứ Sáu đầu tháng của chín tháng liên tiếp. Do một công tác mục vụ khác, khi tôi không thể cử hành Thánh lễ cho họ vào một trong các ngày thứ Sáu đầu tháng ấy, liệu tôi có thể chuyển qua cử hành thánh lễ Thánh Tâm vào ngày thứ Sáu thứ nhì trong tháng, thay vì thứ Sáu đầu tháng được không, thưa cha? - D. M., Nairobi, Kenya.

Đáp: Câu hỏi này liên quan đến lời hứa của Thánh Tâm Chúa với Thánh nữ Margarita Maria Alacoque (1647-1690). Trong số các lời hứa, có lời Chúa nói:

“Với lòng thương xót quá bội của Thánh Tâm Cha, Cha hứa rằng: Tình Yêu toàn năng của Cha sẽ ban cho tất cả những ai Rước Lễ liên tiếp 9 ngày thứ sáu đầu tháng được ơn ăn năn thống hối trong giờ lâm tử. Họ sẽ không qua đời trong lúc còn mất ơn nghĩa cùng Cha và chưa kịp lãnh nhận các phép Bí Tích. Thánh Tâm Cha sẽ là nơi nương náu an toàn trong giây phút cuối cùng của đời họ”.

Trong khi lòng sùng kính Thánh Tâm Chúa được phổ biến sâu rộng sau khi Chúa hiện ra nhiều lần với Thánh Margarita Maria, nó không phụ thuộc vào các thị kiến ấy. Trong hình thức này hay hình thức khác, lòng sùng kính ấy được bắt nguồn từ Kitô giáo như là một cách đặc biệt để tiếp cận với Chúa Kitô. Như Thánh Âutinh nói, đó là đến với Chúa Kitô Thiên Chúa qua Chúa Kitô làm người.

Lòng sùng kính Thánh Tâm đã được ngụ ý nơi nhiều bậc thầy của đời sống thiêng liêng. Chân Phước Henry Suso, một tu sĩ Dòng Đa minh lấy cảm hứng từ Thánh Âutinh, đã nói: “Nếu con mong muốn đạt được sự hiểu biết thiên tính, cần phải bước dần dần theo con đường nhân tính của Ta và cuộc Khổ Nạn của nhân tính này là con đường dễ dàng nhất”.

Lòng sùng kính Thánh Tâm đã được khắc sâu trong nhiều thế kỷ bởi các lần suy niệm về các vết thương của Chúa Kitô, và đặc biệt là vết thương cạnh nương long Chúa. Các suy tư này được hỗ trợ bởi các văn bản Kinh thánh như Ga 19, 34 và Is 53,5. Đặc biệt có ảnh hưởng nhất là Diễm Ca 4, 9: “Này em gái của anh, người yêu anh sắp cưới, trái tim anh, em đã chiếm mất rồi!”. Nhiều nhà văn như Origen, Thánh Ambrôxiô và Thánh Gioan Kim Khẩu áp dụng văn bản này cho cuộc Thương Khó. Truyền thống sau đó đã được củng cố bởi phiên bản Phổ thông (Vulgate) của Kinh Thánh, vốn dịch câu văn là “làm bị thương” (vulnerasti) thay vì “chiếm”.

Trong thời Trung Cổ, các suy tư ban đầu đã được đào sâu và mở rộng với các ý tưởng mới, đặc biệt với các yếu tố cá nhân hơn

và dịu dàng hơn. Trong số các nhà văn gây ảnh hưởng cho sự phát triển này, có Thánh Bede Vị Đáng kính, thánh Haimo thành Auxerre, và Gioan thành Fécamp, một tu sĩ Biển Đức. Suy niệm của các ngài về cuộc Thương Khó tạo cảm hứng cho nhiều người noi theo. Hình ảnh thánh Bernard thành Clairvaux thống trị thời đại của mình, và suy niệm của ngài về Diễm ca đã tạo xung động mới cho lòng tôn kính Thánh Tâm. Lòng sùng kính của ngài trực tiếp ảnh hưởng đến nhiều người khác, như bạn ngài là Aelred thành Rievaulx và Ekbert thành Schönaue, mà phần “*Stimulus Dilectionis*” của ngài được Thánh Bonaventura đưa vào trong các số 18-31 của tác phẩm “*Lignum Vitae*” của thánh nhân.

Các tác phẩm này cũng ảnh hưởng đến lòng đạo đức bình dân và các việc sùng kính, cũng như phụng vụ, với nhiều bài thánh thi và các ngày lễ liên quan đến chủ đề của cuộc Thương Khó, chẳng hạn lễ Thánh Tâm Chúa Kitô bị đâm thấu. Để làm ví dụ, chúng tôi cung cấp một bản dịch thô của bài thánh ca thể kỷ 12 “*Summi Regis Cor Aveto*”, được sáng tác tại Đan viện Seinfeld gần Cologne, Đức.

“*Summi regis cor, aveto, te saluto corde laeto, te complecti me delectat, et hoc meum cor affectat, ut ad te loquar, animes. Quo amore vincebaris, quo dolore torquebaris, cum te totum exhaurires, ut te nobis impartires, et nos a morte tolleres?*” (Hỡi Thánh Tâm Chúa cao cả của con, hãy để con hát cho Ngài nghe, và gửi đến Ngài lời chào vui vẻ và thân mật. Trái tim con ước mong ôm hôn Ngài một cách hân hoan. Nỗi đớn đau nào đã thâm nhập vào Ngài, đến nỗi Ngài tự hạ hoàn toàn, hỡi người con yêu mến, và chịu đau khổ vì chúng con, và như thế, Ngài cứu chúng con khỏi chết?)

Trong các thế kỷ sau đó, nhiều vị thánh khác ảnh hưởng đến sự phổ biến lòng sùng kính Thánh Tâm, chẳng hạn thánh Matilda và thánh Gertrude Cả, và các nữ tu Dòng Chartreuse của thánh Barbara thành Cologne. Trong số các đồ đệ của học thuyết được lan tỏa bởi đan viện là Thánh Phêrô Canisius và thánh Phêrô Fabro, hai tu sĩ Dòng Tên. Lòng sùng kính Thánh Tâm, được cổ vũ bởi các tu sĩ Dòng Tên thời đầu, chuẩn bị đất tốt mà nhiều năm sau đã

đẫn Thánh Claude de la Colombiere, Dòng Tên, hiểu và chấp nhận các thị kiến của người xưng tội với ngài là Thánh Margarita Maria Alacoque. Nó cũng giải thích phần nào sự thúc đẩy mạnh mẽ và sự hỗ trợ lệnh truyền của Chúa, mà Dòng Tên đã làm cho lòng sùng kính Thánh Tâm trong nhiều thế kỷ.

Để trả lời cho câu hỏi chính xác trên đây, tôi tin rằng có hai giải pháp khả dĩ cho khó khăn này, liên quan đến việc không thể chu toàn các ngày thứ Sáu đầu tháng.

Trước hết, vì lời hứa được kết hợp với việc Rước lễ, và không nhất thiết phải tham dự Thánh Lễ, một phụng vụ Rước lễ có thể được sắp xếp vào ngày thứ sáu, khi Thánh Lễ không thể được cử hành. Việc này xem ra là giải pháp an toàn nhất.

Thứ đến, một vài tác giả cho rằng đối tượng của lòng sùng kính này là làm cho tâm hồn chúng ta cháy lửa yêu mến nồng nàn đối với Chúa Giêsu, và đền bù cho các xúc phạm đã làm với Chúa, nhất là trong Bí Tích Thánh Thể. Bởi vì việc này có thể được thực hiện mỗi ngày, các tác giả gợi ý rằng các việc đạo đức gắn liền với thứ Sáu đầu tháng không bị giới hạn vào ngày đặc biệt này. Do đó, nếu một người nào bị ngăn trở cách hợp pháp để thực hiện việc đạo đức vào ngày thứ Sáu, người ấy có thể cử hành việc đạo đức ấy trong cùng một tinh thần vào một ngày khác.

Đây là một ý kiến hợp pháp, nhưng chưa phổ quát, dựa vào lòng lòng thương xót hải hà và sự hiểu biết vô cùng của Chúa. Hầu hết các tác giả không nhắc đến các luật ngoại trừ, vì ân sủng được gắn với một lời hứa đặc biệt được thực hiện trong một mặc khải riêng tư. Tuy nhiên, thật là rõ ràng rằng người nào thực hiện các việc đạo đức với mục đích thích hợp, sẽ được trợ giúp cách hợp lệ bởi ân sủng của Chúa.

Dường như không có luật nào của Giáo Hội về vấn đề này. Nói chung, ngoại trừ trong việc ban ân xá, Giáo Hội cố tránh đưa ra luật lệ về các vấn đề liên quan đến mặc khải riêng tư, ngay cả khi chúng được chính thức phê chuẩn và khuyến khích, chẳng hạn việc đạo đức sùng kính Thánh tâm. (Zenit.org 17-9-2013)

6. Giờ cầu Thánh Thể được thực hiện như thế nào?

Hỏi : Trong chủng viện của chúng tôi, mỗi lần chúng tôi tổ chức Giờ cầu Thánh Thể, thì Giờ này thường diễn tiến như sau: 1) Đặt Mình Thánh Chúa, hát bài O Salutaris Hostia, kinh mở đầu, 2) đọc các kinh khác, như Phụng Vụ Các Giờ Kinh, lần chuỗi, thánh ca, 3) hát Tantum Ergo, Lời nguyện Thánh thể, phép lành với Mình Thánh Chúa, cất Mình Thánh Chúa vào nhà cầu, hát bài kết thúc. Một số trong chúng tôi thích có một Giờ cầu đơn giản, thỉnh lặng vào buổi sáng, không có thêm các kinh nguyện. Liệu làm như thế được không, hoặc liệu đưa thêm vào vài việc đạo đức hay kinh nguyện khác có được không? - S. M. , Canada.

Đáp: Người có công cổ vũ Giờ cầu Thánh Thể hàng ngày là Tôi Tớ Chúa Đức Tổng Giám mục Fulton Sheen. Ngài thực hiện việc này, đôi khi với sự hy sinh cá nhân tuyệt vời, suốt trong hơn 60 năm.

Tuy nhiên, cần phải nhớ rằng phần lớn các giờ cầu Thánh Thể này được thực hiện trước Chúa Kitô ngự trong nhà tạm, chứ không trước Mình Thánh Chúa được đặt trên bàn thờ. Đúng vậy, nhà tạm là nơi tự nhiên cho thời gian dài của việc cầu nguyện trong thỉnh lặng, trước sự hiện diện của Chúa Kitô.

Đây là một sự thực hành mà nhiều linh mục vẫn tiếp tục làm ngày nay, và nhiều Giám mục khuyến khích các linh mục của mình noi theo gương này.

Giờ cầu trước Mình Thánh Chúa được đặt trên bàn thờ cũng rất được khuyến khích, nhưng các giờ cầu Thánh thể, đặc biệt là trong thời gian tương đối ngắn, là chủ yếu hành vi công khai, mà trong đó sự hiện diện của Chúa Kitô được công bố và tôn vinh.

Một trong các tài liệu đầu tiên trong lĩnh vực này là huấn thị *Eucharisticum Mysterium* (Mầu nhiệm Thánh thể, ngày 25-5-1967). Về giờ cầu Thánh Thể ngắn, số 62 của Huấn thị nói:

“Nếu giờ cầu Thánh Thể là ngắn, thì Hào quang hoặc Bình thánh được đặt trên bàn thờ. Nếu giờ cầu là trong một khoảng thời

gian dài, thì nên dùng một bệ cao, đặt trong một vị trí nổi bật; tuy nhiên, cần lưu ý là không quá cao hoặc quá xa.

“Trong giờ cầu, tất cả cần được sắp xếp để cho tín hữu có thể tham gia chăm chú vào việc cầu nguyện với Chúa Kitô, Chúa chúng ta.

“Để cổ vũ việc cầu nguyện cá nhân, có thể đọc các đoạn trích từ Kinh Thánh, cùng với bài suy niệm hoặc bài diễn giảng Lời Chúa để giúp tín hữu hiểu hơn nữa về Mầu nhiệm Thánh Thể. Cũng cần có các phút thinh lặng thánh vào thời điểm thích hợp.

“Cuối giờ cầu, có phép lành với Mình Thánh Chúa.

“Nếu ngôn ngữ địa phương được sử dụng, thay vì hát *Tantum Ergo* trước phép lành, có thể hát một thánh ca Thánh Thể, theo qui định của Hội đồng Giám mục”.

Ngoại trừ một số chi tiết nhỏ, tài liệu này là cơ sở cho nhiều luật sau đó có liên quan đến giờ cầu Thánh Thể. Chẳng hạn, nghi thức cầu Thánh Thể ngoài Thánh Lễ nói:

“89. Các giờ cầu ngắn nên được sắp xếp như thế nào, để phép lành với Mình Thánh Chúa diễn ra sau một thời gian hợp lý dành cho việc đọc lời Chúa, các bài hát, kinh nguyện, và một khoảng cầu nguyện thinh lặng. Còn việc đặt Mình Thánh Chúa chỉ cốt để ban phép lành là bị cấm”.

Do đó, rõ ràng là về việc cầu ngắn, chẳng hạn Giờ cầu với Mình Thánh Chúa được đặt trên bàn thờ, chúng viện nên đi theo đúng luật phụng vụ.

Về các hoạt động có thể được thực hiện trong giờ cầu, quyền *“Compendium Eucharisticum”* (Tổng lược Bí tích Thánh Thể), do Thánh Bộ Phụng tự và Kỷ luật Bí tích ấn hành năm 2009, đưa ra nhiều gợi ý cho các bài hát và kinh nguyện, cũng như khả năng khôi phục lại một số tập quán cũ đã bị loại ra khỏi nghi thức.

Ví dụ, Thánh Bộ đã phục hồi câu tung hô *“Panem de caelo praestitisti eis. R. Omne delectamentum in se habentem”* (Chúa đã ban bánh bởi trời cho nhân loại. Đáp: Bánh có đủ mọi mùi thơm ngon) sau thánh ca *Tantum Ergo*, hoặc bài hát khác khi ban Phép

lành và trước kinh nguyện “Deus qui nobis sub sacramento... Lạy Chúa Giêsu, Chúa đã trời lại cho chúng con bí tích Mình và Máu Chúa...” “

“*Compendium Eucharisticum*” cũng cung cấp một số kinh cầu và lời nguyện để sử dụng trong giờ cầu, chẳng hạn như Kinh cầu Thánh Tâm, Kinh cầu Máu Châu Báu, Kinh cầu Chúa Giêsu Kitô Linh Mục và Hy lễ, và Kinh cầu *Iesu dulcis Memoria* (Thật dịu dàng biết bao khi tưởng nhớ Chúa Giêsu) dựa trên một bài thánh ca cổ. Ngoài ra, còn có ba kinh cầu, được soạn thảo để chuẩn bị cho Đại Năm Thánh 2000: Kinh cầu Chúa Giêsu Kitô; Kinh cầu Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa và con người, và Kinh cầu Chúa Giêsu Đấng Cứu Chuộc chúng ta. Các văn bản này đã được công bố bởi Ủy ban Trung ương chuẩn bị Đại Năm Thánh. Các văn bản này có thể được tìm thấy, trong nhiều nguồn khác, trong tờ báo cơ quan chính thức của Bộ Phụng Tự, *Notitiae* 32 (1996) (613-618).

Tiếc thay, cho đến nay bộ sưu tập hữu ích này của các bản văn Thánh Thể vẫn chưa được dịch từ tiếng Latinh ra hầu hết các ngôn ngữ hiện đại.

Cuối cùng, những gì chúng tôi đã nói không loại trừ khả năng thời gian dài cầu nguyện thỉnh lặng trước Mình Thánh Chúa được đặt trên bàn thờ. Tuy nhiên, các tài liệu chính thức dự đoán khả năng này trước hết, trong bối cảnh của các giờ cầu kéo dài hoặc giờ cầu vĩnh viễn, mà trong đó mọi người thay nhau thờ lạy Chúa Kitô ngự trong Hào quang. (Zenit.org 5-11-2013)

7. Có được sử dụng thánh ca mà không cần phê duyệt không?

Hỏi : Tôi hơi thắc mắc về việc sử dụng thánh ca được chấp thuận trong phụng vụ khi cử hành Thánh lễ. Trong giáo xứ của chúng tôi, ca trưởng thường dùng các bài sáng tác riêng của ông cho Kinh Vinh Danh, Thánh Thánh Thánh, Tung hô sau truyền phép và Tung hô Amen trước kinh Lạy Cha. Ông thích sử dụng đàn piano hơn, do đó, đàn organ ít được dùng trong Thánh lễ. Ông

cũng cho chơi đàn trong các thánh lễ thánh trong Thánh Lễ, mà tôi thấy là làm chia trí cho giây phút cầu nguyện riêng. Khi linh mục tiến đến bàn thờ ở đầu Thánh Lễ, ca trưởng tiếp tục cho hát bài ca nhập lễ, đôi khi kéo dài đến hai phiên khúc, ngay cả khi rõ ràng là vị linh mục phải chờ đợi cho ca đoàn hát xong. Theo tôi hiểu, mọi thánh ca phụng vụ phải được Giám mục phê duyệt, và đó là lý do tại sao có một imprimatur (được phép in) trong các sách thánh ca và sách lễ của chúng ta. Tôi nói có sai không, thưa cha, và tôi nên học để chấp nhận thánh ca riêng của ca trưởng ấy không? - P. B., Winter Garden, bang Florida, Mỹ.

Đáp: Câu hỏi này đã được giải quyết ở nhiều cấp độ tại Mỹ rồi.

Tài liệu có thẩm quyền nhất là bản dịch cuốn Qui chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma được chấp thuận cho nước Mỹ. Số 393 của tài liệu này nói:

“Phải chú ý đến vai trò cao cả của hát ca trong cử hành, như là thành phần cần thiết hay trọn vẹn của phụng vụ. Ủy ban Phụng tự thuộc Hội Đồng Giám Mục Mỹ có quyền phê chuẩn, trước khi ấn hành, các giai điệu thích hợp, nhất là cho các bản văn phần Thường Lễ, cho các lời đáp và tung hô của giáo dân, và cho các nghi thức đặc biệt xảy ra trong năm phụng vụ”.

Các bản dịch qua các ngôn ngữ khác có các qui định tương tự cho các Ủy ban phù hợp của mỗi Hội đồng Giám mục. Điều này là bởi vì sự chấp thuận các qui định ấy là thẩm quyền của Hội đồng Giám mục Quốc gia, và một số Hội đồng có các chính sách riêng của mình.

Các Giám mục Mỹ đưa ra qui định trong văn kiện năm 2007 “*Sing to the Lord*, Hãy hát mừng Chúa”, gồm các hướng dẫn cho các nhà soạn nhạc, nhạc sĩ, nhạc công, ca viên. Văn kiện này nói:

“107. Hội Đồng Giám Mục Mỹ đã ủy quyền cho Ủy ban Phụng tự trách nhiệm giám sát việc xuất bản các sách phụng vụ, vốn trình bày và hướng dẫn các nghi thức cải cách, được triển khai trong các năm kể từ Công đồng chung Vatican II. Trong ánh sáng của trách nhiệm này, “Các Hướng dẫn cho việc xuất bản các công

cụ giúp tham dự Thánh lễ” đã được triển khai cho các nhà xuất bản để in các tài liệu cho việc tham gia cộng đoàn.

“108 Các bài thánh thi, thánh ca, và lời tung hô được viết cho cộng đoàn phụng vụ được phê duyệt để sử dụng trong phụng vụ bởi vị Giám mục giáo phận, mà trong đó chúng được xuất bản, để đảm bảo rằng các văn bản này thực sự thể hiện đức tin của Giáo Hội, với độ chính xác thần học, và thích hợp với bối cảnh phụng vụ.

“109. Nhà soạn nhạc, là người đặt nhạc cho bản văn phụng vụ, phải tôn trọng sự toàn vẹn của văn bản đã được phê duyệt. Chỉ khi có sự chấp thuận của Ban Thư ký Hội Đồng Giám Mục Mỹ về Phụng Tự, các sửa đổi nhỏ mới được thực hiện cho bản văn phụng vụ đã được phê duyệt”.

Trong số các “sửa đổi nhỏ” này, vốn có thể được cho phép, văn kiện đã tiên liệu khả năng đưa thêm lời vào (lời đưa thêm hoặc lời khấn nguyện không có trong sách lễ) trong bài ca “Lạy Chiên Thiên Chúa” khi linh mục bẻ bánh. Đề xuất này được coi là trái với qui tắc phụng vụ phổ quát, và Thánh bộ Phụng Tự đã yêu cầu sửa lại bản văn để loại trừ khả năng này.

Vì vậy, vào tháng 9-2012, số 188 của văn kiện “Sing to the Lord” đã được sửa đổi thành như sau:

“188. Bài ca *Agnus Dei* (Lạy Chiên Thiên Chúa) đi kèm với các nghi thức Bẻ bánh. ‘Như là một quy định, ca đoàn hay ca viên hát đối đáp hay đọc lớn tiếng kinh “*Lạy Chiên Thiên Chúa*”, và giáo dân đáp lại. Lời khấn cầu này đi kèm với nghi thức Bẻ bánh, và vì lý do này, bài ca có thể được lặp đi lặp lại, bao lâu còn cần để kèm theo việc bẻ bánh. Lần cuối cùng được kết thúc bằng câu: “*dona nobis pacem, Xin ban bình an cho chúng con*” (QCTQSLR, số 83). Bài ca *Agnus Dei* không nên được kéo dài không cần thiết (xem QCTQSLR, số 83), và cũng không được thêm lời nào vào bài ca này”.

Một tuyên bố giải thích sự thay đổi đã làm sáng tỏ một điểm khác, với một tầm nhìn về việc soạn nhạc cho sự thực hiện bản dịch mới của Sách Lễ Rôma:

“Các nhạc sĩ đặt nhạc mới cho các phần của Lễ Quy từ Sách Lễ Rô-ma bị cấm đưa thêm bản văn cho bài ca “Lạy Chiên Thiên Chúa”. Do đó, mọi phần nhạc mới cho Lễ Quy phải tuân theo và thích hợp với sự thay đổi này”.

Tương tự như vậy, điều này nói rằng sự thay đổi của điều 188 “có hiệu quả ngay tức thì, và ảnh hưởng đến tất cả phần nhạc hiện nay và tương lai của bài ca “Lạy Chiên Thiên Chúa”.

Do đó, nếu ca trưởng của giáo xứ của bạn đã đệ trình các bài do ông sáng tác cho giáo quyền xem xét và đã được phê duyệt, các bài thánh ca ấy được phép sử dụng. Nếu không, ông không được tiếp tục sử dụng chúng trong phụng vụ, cho đến khi ông có giấy phép hợp pháp.

Điều này không có nghĩa là không có bài sáng tác nào được duyệt nữa. Thật vậy, văn kiện “*Sing to the Lord*” có lời khuyên cho các nhà soạn nhạc:

“81. Giáo hội cần các nghệ sĩ, và các nghệ sĩ cần Giáo Hội. Trong mọi thời đại, Giáo Hội đã kêu gọi các nghệ sĩ sáng tạo để mang lại tiếng nói mới cho việc chúc tụng Chúa và cầu nguyện. Trong dòng lịch sử, Thiên Chúa vẫn tiếp tục thở hơi Thần Khí sáng tạo của Ngài, làm cho trở nên cao quý việc làm của trái tim và bàn tay của các nhạc sĩ. Các hình thức thể hiện thì thật là nhiều và đa dạng.

“82. Giáo Hội đã bảo vệ và cử hành các lối diễn tả ấy trong nhiều thế kỷ. Trong thời đại chúng ta, Giáo Hội vẫn tiếp tục mong muốn đưa thêm cái mới vào cái cũ. Giáo Hội hân hoan kêu gọi các nhà soạn nhạc và người viết văn hãy sáng tác với tài năng đặc biệt của mình, để cho Giáo Hội có thể tiếp tục gia tăng kho báu về thánh nhạc”.

Cuối cùng, liên quan đến các yếu tố khác như việc sử dụng đàn piano và lựa chọn chơi đàn trong phút thinh lặng suy niệm, điều này là tốt nhất được giải quyết bởi cha xứ trong một tinh thần phục vụ việc phụng tự thánh và sự tôn kính phải lễ. (Zenit.org 12-11-2013)

8. Việc dời ngày lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội được qui định thế nào?

Hỏi: Năm nay (2013) lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội đã được cử hành ngày thứ hai, 9-12, tại giáo xứ của tôi. Lễ đã được dời qua ngày 9, bởi vì ngày 8-12 là một Chúa Nhật Mùa Vọng, nên không được cử hành lễ khác. Mặc dù lễ cử hành vào ngày Chúa Nhật 8-12 là một ngày lễ buộc, lễ vào ngày dời không là ngày lễ buộc, vì luật buộc đã được đáp ứng bằng cách tham dự Thánh Lễ ngày Chúa Nhật 8-12 rồi. Nếu một người tham dự Thánh lễ vào tối Thứ bảy 7-12, người ấy đã chu toàn luật buộc dự lễ Chúa Nhật. Nhưng, thưa cha, liệu người ấy có chu toàn luật buộc dự lễ vào ngày 8-12, là lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội không, trong trường hợp lễ này rơi vào ngày Chúa Nhật? - R. C., Calangute, Ấn Độ.

Đáp: Trước hết, tôi cần phải minh định một trong các tiền đề của bạn. Không phải là luôn luôn chính xác khi nói rằng luật buộc chấm dứt khi một ngày lễ được dời ngày. Luật liên quan đến nội dung của lễ ấy, chứ không liên quan đến ngày mà lễ ấy được cử hành.

Vì vậy, trong một số quốc gia, nơi mà lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội đã được dời qua ngày thứ hai 9-12, luật buộc dự lễ này vẫn còn đó.

Trong các trường hợp này, phải dự lễ hai lần. Việc này được thực hiện từ chiều tối thứ bảy 7-12 đến hết ngày 9-12.

Chúng ta phải phân biệt giữa yêu cầu tối thiểu của Giáo luật về việc chu toàn luật buộc, vốn đòi hỏi tham dự bất cứ Thánh Lễ Công Giáo nào vào chiều vọng lễ, ngay cả khi công thức của Thánh Lễ không là công thức của Thánh lễ buộc, và lợi ích tinh thần của việc tôn vinh ngày lễ trọng càng trọn vẹn càng tốt.

Vì vậy, vì lợi ích tinh thần lớn nhất, và như là một biểu hiện của sự hiệp thông với Giáo Hội hoàn vũ, một người Công Giáo (nếu luật buộc đòi hỏi) cần tham dự Thánh Lễ Chúa Nhật Mùa

Vọng và Thánh Lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội vào ngày thứ hai.

Tuy nhiên về mặt Giáo luật, một người Công Giáo sẽ thực hiện cả hai lần buộc, nếu tham dự Thánh lễ chiều thứ bảy và chiều Chúa Nhật, ngay cả khi hai Thánh Lễ này đều có các lời nguyện và bài đọc giống nhau. Cũng có thể chu toàn hai lần buộc, nếu người ấy tham dự hai Thánh Lễ buổi sáng và chiều tối của ngày Chúa Nhật.

Vì thế, không thể chu toàn hai lần buộc khi chỉ tham dự một thánh lễ, tức là như người ta nói “bắn một phát trúng hai con chim”.

Ở một số nước, chẳng hạn ở Mỹ, các Giám mục miễn chức cho tín hữu luật buộc dự lễ ngày Chúa Nhật, khi ngày lễ buộc rơi vào hoặc được chuyển qua một ngày thứ bảy hoặc ngày thứ hai. Việc này có thể được thực hiện thông qua một luật chung, do Hội đồng Giám mục công bố với sự chấp thuận của Tòa Thánh. Đây là trường hợp của Mỹ, mặc dù trong quốc gia này, lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội vẫn là một lễ buộc khi ngày 8-12 rơi vào ngày thứ bảy hoặc ngày thứ hai, nhưng không phải khi lễ rơi vào ngày Chúa Nhật, và trong trường hợp này lễ Đức Mẹ được dời qua ngày thứ hai, 9-12, như đã xảy ra trong năm nay.

Một sự miễn chức như vậy cũng có thể là kết quả của một quyết định mục vụ đúng, dựa vào quyết định của các Giám mục địa phương, liên quan đến khả năng của tín hữu tham dự Thánh lễ hai ngày liên tiếp, mà một trong hai ngày là một ngày làm việc bình thường.

Có lẽ sự miễn chức này của Giám mục xảy ra trong giáo phận của bạn đọc đặt câu hỏi, làm cho bạn tin rằng luật buộc tự động ngừng khi có sự đổi ngày mừng lễ.

Các trường hợp ngoại lệ cho quy tắc đổi ngày đôi khi được thực hiện ở các quốc gia, mà ở đó ngày lễ mừng thấm đậm vào văn hóa dân tộc của các nước ấy. Ví dụ, ở Ý, Tây Ban Nha và một số nước khác gắn bó về lịch sử với Tây Ban Nha, lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội luôn được mừng vào ngày 8-12, ngay cả khi lễ

roi vào ngày Chúa Nhật. Đây một phần là do mối quan hệ lịch sử sâu sắc mà Tây Ban Nha đã có trong việc phát triển lòng sùng kính và học thuyết Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, và một phần là do tại Ý và Tây Ban Nha ngày lễ Đức Mẹ trùng hợp với một ngày nghỉ của ngân hàng dân sự quốc gia.

Một trường hợp tương tự là lễ Đức Mẹ Guadalupe ở Mexico. Mặc dù lễ này không phải là một ngày nghỉ dân sự hoặc không phải là ngày lễ buộc ở Mexico, Tòa Thánh thường ban phép chuẩn miễn đặc biệt, cho phép lễ Đức Mẹ được tổ chức vào ngày Chúa Nhật. Nhưng không như trường hợp của lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội ở Tây Ban Nha và Ý, sự chuẩn miễn này không phải là vĩnh viễn, cũng không là tự động. Hội Đồng Giám Mục Mexico phải xin phép chuẩn miễn của Tòa thánh, mỗi lần lễ Đức Mẹ trên rơi vào một ngày Chúa Nhật. (Zenit.org 17-12-2013).

9. Lăn chuỗi trong giờ cầu Thánh Thể có được không?

***Hỏi:** Trong một số quốc gia, chúng ta lăn chuỗi Mân Côi và đọc Kinh cầu các thánh trong giờ cầu Thánh thể. Khi chúng ta tin rằng Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã sống lại trọn vẹn, hiện diện trong Phép Thánh thể, có đúng chăng nếu chúng ta lăn chuỗi Mân Côi hay đọc Kinh cầu kính Đức Mẹ Maria? Khi Chúa Kitô hiện diện trước mặt chúng ta, tại sao chúng ta lại đi đường vòng để nhờ Mẹ Maria mà đến với Chúa Giêsu, thay vì cầu nguyện trực tiếp với Chúa Giêsu? Thưa cha, con sẽ rất biết ơn khi nghe cha chỉ bảo, bởi vì con quả thật là bối rối khi thấy điều này xảy ra trong nhà thờ giáo xứ con. Con yêu mến Đức Mẹ và thường cầu nguyện với Đức Mẹ, nhưng đôi khi con cảm thấy rằng chúng ta đặt nặng tầm quan trọng cho Mẹ hơn cho Chúa Giêsu. - T. N., Manathavady, Ấn Độ.*

Đáp: Đây là một câu hỏi thường được đặt ra, và chúng tôi đã trả lời trong nhiều dịp, và lần trả lời nhiều và rõ ràng nhất là vào ngày 26-10-2010.

Để tổng hợp lại, chúng tôi nhắc lại rằng vào ngày 15-1-1997, Thánh Bộ Phụng tự trong số 2287/96/L, đã trả lời một thắc mắc, trong đó Thánh bộ nói rõ ràng là được phép công khai lần chuỗi Mân Côi trong giờ cầu Minh Thánh Chúa. Tài liệu nói trên cũng nói đến các động cơ đằng sau việc đọc kinh như thế.

Chúng tôi có thể nói thêm rằng không có gì mâu thuẫn trong việc lần chuỗi Mân Côi trước phép Thánh Thể. Mặc dù chuỗi Mân Côi bề ngoài là một kinh nguyện kính Đức Mẹ, nó cũng tập trung một cách sâu sắc vào Chúa Kitô, qua việc chiêm ngắm các mầu nhiệm. Do đó, thật là có ý nghĩa khi trong “năm sự sáng”, do Chân Phước Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đặt ra, có việc thiết lập Bí Tích Thánh Thể.

Đôi khi người ta quên rằng việc đọc kinh khi lần hạt, chẳng hạn việc đọc kinh Kính Mừng nhiều lần, là trên hết giúp linh hồn đi vào chiêm ngắm mầu nhiệm. Bản thân các mầu nhiệm là các điểm nổi bật trong đời sống của Chúa Cứu Thế, và một số mầu nhiệm đưng đến vai trò của Đức Mẹ Maria trong kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa cho loài người.

Vì vậy, thật ra việc lần chuỗi Mân Côi trong bất cứ tình huống nào cũng luôn đem chúng ta đến gần Chúa Kitô hơn, và không bao giờ đặt tầm quan trọng cho Đức Mẹ hơn là cho Chúa Kitô. Nếu chúng ta cho là Mẹ quan trọng hơn Chúa, thì điều này có nghĩa rằng chúng ta cần học hỏi cách thức cầu nguyện như Giáo Hội, và chính Đức Mẹ, mong muốn cầu nguyện với Chúa ra sao. (Zenit.org 4-10-2011)

10. Trộn tro của nhiều người chết được không?

Hỏi: *Có hợp pháp để hòa trộn tro của một số người chết và đặt các tro này trong một chiếc bình cho một lễ tang không? Giáo Hội có các qui định nào về trường hợp này không? - W. G., Denver, Colorado, Mỹ.*

Đáp: Cho đến khi Bộ Giáo luật năm 1983 được công bố, việc hỏa táng không là một sự lựa chọn cho người Công Giáo nói chung.

Việc hỏa táng đã được phổ biến trong thời La Mã cổ đại, nhưng các Kitô hữu, cũng như hầu hết người Do Thái trước họ, tin sự sống lại của người chết và ưa thích việc an táng hơn. Việc thực hành Kitô giáo này cũng được củng cố bởi niềm tin vào sự thánh hóa thân xác như là đền thờ của Thiên Chúa, qua bí tích rửa tội và được nuôi dưỡng bởi phép Thánh Thể.

Quan niệm này của sự thánh hóa thân xác và qua thân xác là dựa vào mẫu nhiệm Nhập Thể, vì chính Ngôi Lời đã thánh hóa thân xác con người bằng cách đã làm người. Giáo lý này cũng là nền tảng cho việc tôn kính di tích của các thánh.

Do đó, Giáo Hội không chỉ thực hành việc chôn cất người chết, mà ngay từ ban đầu đã chỉ định các khu vực đặc biệt cho việc an táng. Các địa điểm này đã được xem là đất thánh, và một nghi thức đã được soạn thảo để thánh hiến chúng như là nghĩa trang.

Mặc dù việc an táng là một thực hành của Giáo Hội phổ quát trong nhiều thế kỷ, không có luật chung cấm việc hỏa táng. Việc này đã thay đổi vào năm 1886, khi Tòa Thánh cấm việc hỏa táng, vốn được cổ vũ bởi nhiều nhóm Tam Điểm như là một cách thức bác bỏ niềm tin Kitô giáo vào sự sống lại. Lệnh cấm này được đưa vào Bộ Giáo luật năm 1917.

Năm 1963, Giáo Hội bắt đầu nói lệnh cấm hỏa táng và cho phép việc hỏa táng trong trường hợp là tập tục quốc gia, thiếu nơi chôn cất, tránh lây lan trong trường hợp dịch bệnh, và các sự xem xét tương tự. Khi làm như vậy, Giáo Hội công nhận rằng trong đa số các trường hợp hỏa táng, các người thực hiện việc hỏa táng cho người thân không làm như vậy như là một cách thức để phủ nhận việc thân xác sẽ sống lại, nhưng chủ yếu là vì mục đích thực tế.

Đó là cơ sở của Bộ Giáo luật sửa đổi được nói trong Điều 1176 :

“§3. Giáo Hội thiết tha khuyên nhủ nên duy trì phong tục đạo đức chôn cất thi hài người quá cố. Tuy nhiên, Giáo Hội không cấm

hỏa táng, trừ khi nào sự hỏa táng được chọn lựa vì những lý do trái ngược với đạo lý Kitô giáo” (Bản dịch Việt ngữ của các Linh Mục: Nguyễn Văn Phương, Phan Tấn Thành, Vũ Văn Thiện, Mai Đức Vinh).

Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo lặp lại tình trạng này trong số 2301: “Hội Thánh cho phép hỏa táng nếu việc này không phương hại tới đức tin vào sự sống lại của thân xác” (Bản dịch Việt ngữ của Ban giáo lý Tổng giáo phận Sài Gòn).

Lúc đầu, không có bất kỳ nghi thức tang lễ nào trước sự hiện diện của hài cốt hỏa táng. Nhưng theo thời gian, việc này đã thay đổi, và nhiều quốc gia đã thực thi các nghi thức và việc cầu nguyện đặc biệt cho mục đích này.

Tuy nhiên, nguyên tắc lâu đời của sự tôn trọng hài cốt Kitô hữu vẫn là nguyên vẹn, không thay đổi. Vì lý do này, một số Hội đồng Giám mục quốc gia và nhiều Giáo phận, nơi mà việc hỏa táng là phổ biến, đã triển khai các quy định cơ bản cho người Công Giáo.

Trong số các quy định chung phổ biến nhất, được các Giáo phận đưa ra, có:

- Người ta nói chung thích việc hỏa táng diễn ra sau thánh lễ an táng có sự hiện diện của thi hài người chết. Ở một số nước, Tòa Thánh đã ban phép chuẩn cho Thánh lễ an táng diễn ra có sự hiện diện của hài cốt hỏa táng.

- Tro cốt hỏa táng nên được đặt ở một nghĩa trang Công Giáo trong một bình đựng thích hợp. Việc đặt này có thể là dưới đất, hoặc trong hang, hầm hay nhà hài cốt. Giáo Hội khuyên rằng nơi chôn cất được tưởng nhớ một cách ổn định.

- Tro cốt không nên được đặt trong bình đựng không phù hợp, chẳng hạn như đồ trang sức, hộp đĩa hoặc khoang không gian. Tro cốt cũng không được chế tác thành đồ trang sức, tác phẩm nghệ thuật hoặc vật trưng bày.

- Các tập tục, như rải tro trên mặt nước hoặc trên không trung, hoặc giữ tro cốt ở nhà, không được xem là các hình thức tôn kính hài cốt mà Giáo Hội đòi hỏi.

- Các tập tục khác, như hòa trộn tro cốt hoặc phân chia tro cốt cho nhiều gia đình hoặc bạn bè, là không thể chấp nhận được đối với người Công Giáo.

Do đó, không thể chấp nhận cho người Công Giáo hòa trộn tro cốt cho một lễ tang. Tuy nhiên, có thể chấp nhận việc đặt các thi hài trong quan tài bên cạnh nhau cho lễ an táng, và sau đó các thi hài được hỏa táng và tro cốt của họ được hòa trộn với nhau. (Zenit.org 25-3-2014).

THÁNH LỄ

11. Sách Tin Mừng được đặt trang trọng ở đâu?

Hỏi: *Thưa cha, con muốn hỏi một câu liên quan đến việc sử dụng sách Tin mừng. Qui chế Tổng quát Sách Lễ Rôma (GIRM), số 117, nói: “Trên bàn thờ, có thể đặt sẵn một sách Tin Mừng khác với sách Bài Đọc, trừ khi sách Tin Mừng này được mang theo khi rước chủ tế vào hành lễ” (Bản dịch Việt ngữ của linh mục Phanxicô Xavier Nguyễn Chí Cần, giáo phận Nha Trang). Liệu có thể trong một số trường hợp, người ta chuẩn bị sách Tin Mừng trên một giá đọc sách, từ đầu Thánh lễ, tại một số phần khác của nhà thờ - chẳng hạn một nhà thờ cạnh, cửa chính vào nhà thờ hoặc tại trung tâm của lòng chính nhà thờ - và rước sách Tin mừng từ nơi này đến giảng đài vào lúc tung hô câu Alleluia được không? – G. N., Napoli, Ý.*

Đáp: Ngoài số 117 đã nêu ra trên đây, Sách Tin mừng được đề cập trong nhiều số khác của Qui chế Tổng quát Sách Lễ Rôma nữa. Các số chính yếu là:

“44. Trong các cử chỉ cũng phải kể đến các hành động và đi rước, như việc vị tư tế cùng với phó tế và các thừa tác viên tiến tới bàn thờ, việc phó tế cầm sách Tin Mừng đi đến giảng đài trước khi công bố Tin Mừng...”

“60. Bài Tin Mừng là cao điểm của phụng vụ Lời Chúa. Chính phụng vụ dạy ta phải hết lòng tôn kính bài đọc Tin Mừng, vì phụng vụ đặc biệt đề cao bài Tin Mừng hơn các bài đọc khác, phần thì về phía thừa tác viên được cử ra đọc và dọn mình đọc nhờ phép lành hay lời cầu nguyện, phần thì, về phía giáo dân, họ tung hô để nhìn nhận và tuyên xưng Đức Kitô đang hiện diện và nói với họ, và họ đứng để nghe Tin Mừng, phần thì do những dấu tỏ lòng trọng kính đối với sách Tin Mừng”.

“119. [...] Khi có rước lúc nhập lễ, phải chuẩn bị sách Tin Mừng...”

“120. Khi giáo dân đã tập hợp, vị tư tế và các thừa tác viên mặc phẩm phục tiến tới bàn thờ theo thứ tự sau đây: [...] Thầy đọc sách, [hoặc phó tế nếu có, GIRM, số 172] thầy này có thể mang sách Tin Mừng, chứ không phải sách Bài Đọc, nâng cao lên một chút “ [Xem thêm GIRM, các số 194-195].

122. [...] Tập tục đáng ca ngợi là sách Tin Mừng được đặt trên bàn thờ”.

“133. Rồi, vị tư tế cầm lấy sách Tin Mừng, nâng lên một chút, nếu sách đó đặt trên bàn thờ, tiến đến giảng đài, có những thừa tác viên đi trước. Những người này có thể mang bình hương và nến, đứng hướng về giảng đài, tỏ lòng tôn kính đặc biệt đối với Tin Mừng Chúa Kitô”.

“173. Khi đến bàn thờ, nếu mang sách Tin Mừng, thầy phó tế không bái kính, bước lên bàn thờ. Thật là đặc biệt thích hợp khi thầy đặt sách Tin Mừng trên bàn thờ, rồi cùng với vị tư tế hôn kính bàn thờ. Nếu không mang sách Tin Mừng, thầy cúi mình sâu chào bàn thờ cùng với vị tư tế, và cùng với ngài hôn kính bàn thờ”.

“175. [...] Rồi sau khi đã chào kính bàn thờ, thầy lấy sách Tin Mừng trên bàn thờ, nếu sách để trên đó, đoạn tay nâng sách lên một chút tiến tới giảng đài, cùng với các người cầm hương, cầm nến đi trước, nếu có. [...] Khi thầy phó tế giúp Giám Mục, thầy đưa sách cho ngài hôn hay chính thầy vừa hôn sách vừa đọc thầm: “Nhờ những lời Tin Mừng vừa đọc”. Trong các buổi cử hành long trọng, Giám Mục có thể ban phép lành cho dân chúng với sách Tin Mừng. Sau đó thầy đưa sách Tin Mừng về bàn phụ hay một nơi thích hợp và xứng đáng khác” (Tất cả các số đều thuộc bản dịch như trên).

Các số 273 và 277 của Qui chế Tổng quát Sách Lễ Rôma nói về việc tôn kính đặc biệt sách Tin Mừng bằng cách hôn và xông hương sách Tin Mừng.

Từ các văn bản đó, thật rõ ràng rằng tình hình mà độc giả của chúng tôi nhắm tới không được tiên liệu trong các sách phụng vụ. Đúng là các qui định nói rằng việc đặt cuốn sách Tin Mừng trên bàn thờ là “đáng ca ngợi” hoặc là “đặc biệt thích hợp”, vốn không phải là ngôn ngữ của luật nghiêm ngặt. Tuy nhiên, do các qui định không nêu ra địa điểm tùy chọn nào khác, thì không nơi nào khác ngoài chính giảng đài, để đặt sách Tin Mừng, và sự chọn lựa thay thế này bao hàm rằng không còn việc rước sách Tin Mừng nữa.

Thật vậy, đáng chú ý là việc rước duy nhất được nhắm tới là việc rước sách Tin Mừng từ bàn thờ đi. Không việc rước nào khác xem ra là thích hợp cả.

Có lẽ thật là đáng suy nghĩ về ý nghĩa của việc đặt sách Tin Mừng trên bàn thờ.

Trong nghi lễ Latinh, bàn thờ là trung tâm chính và là điểm tập chú của việc cử hành hy lễ tạ ơn. Thực sự theo quy định trong Qui chế Tổng quát Sách Lễ Rôma, số 306, bàn thờ cần phải được chú trọng một cách đặc biệt:

“306. Trên bàn thờ chỉ đặt những gì mà việc cử hành Thánh Lễ đòi hỏi, nghĩa là, sách Tin Mừng từ đầu cử hành cho đến khi công bố Tin Mừng, chén thánh với đĩa, bình thánh, nếu cần, khăn thánh, khăn lau và Sách Lễ từ lúc trình lễ phẩm cho đến khi tráng

chén. Phải đặt cách kín đáo những gì cần khuếch âm tiếng của vị tư tế” (Bản dịch như trên).

Vì vậy, trong bối cảnh Thánh lễ, việc đặt sách Tin Mừng trên bàn thờ là một dấu hiệu của sự tôn kính cao nhất. Ngay cả khi cuốn sách đã được đặt nơi khác, trên một giá đọc sách đặc biệt như độc giả của chúng tôi gợi ý, việc ấy sẽ thực sự làm giảm, hơn là tăng cường sự tôn kính phải có cho Sách thánh.

Việc rước Sách, từ một địa điểm tùy chọn khác đến giảng đài, một cách nào đó làm giảm và làm suy yếu tương quan thân mật giữa Tin Mừng và Hy tế tạ ơn, vốn được biểu tượng bằng cách đặt sách Tin Mừng trên bàn thờ, và mang sách từ bàn thờ đến giảng đài.

Vì vậy, tôi không tin rằng sự gợi ý của độc giả, về việc đặt sách Tin Mừng ở một nơi có thể nhìn thấy trước Thánh lễ, là có thể chấp nhận được về mặt phụng vụ.

Nói như thế, tôi thấy rằng nó không đi trái với các qui định là phải có một vị trí “thích hợp và xứng đáng” cho sách Tin Mừng, sau khi việc công bố Lời Chúa đã xong. Điều này có thể được thực hiện một cách tôn kính, nhưng không cần thêm sự trang trọng quá đáng nào.

Cuối cùng, trong một số nhà thờ, người ta thường thiết lập một nơi thường xuyên để tôn kính Lời Chúa, hoặc sách Tin Mừng hoặc toàn bộ cuốn Kinh Thánh. Mặc dù tập tục này có nguồn gốc từ Tin Lành, nó vẫn được chọn trong các nhà thờ Công Giáo, như là một phương cách cổ vũ việc đọc và suy niệm theo Sách thánh.

Thật vậy, người Công Giáo chọn điều tốt đẹp nhất của hai thế giới. Chúng ta đọc Sách thánh, rồi đi tới nhà tạm để trò chuyện với chính Tác giả Sách thánh. (Zenit.org 20-8-2014)

12. Được phép hát Alleluia tại giảng đài không?

Hỏi: Xin cha vui lòng giải thích tại sao ca viên không nên hát Alleluia trước Tin Mừng tại giảng đài? - L. C., Fortaleza, Brazil

Đáp: Chủ đề giảng đài và Alleluia, vốn là một lời tung hô chúc tụng Thiên Chúa phát xuất từ từ tiếng Do Thái, được giải đáp trong nhiều tài liệu. Đáng chú ý nhất là Quy chế Tổng quát Sách Lễ Rôma (GIRM) và Phần dẫn nhập cho sách Bài đọc:

Trong Quy chế Tổng quát Sách Lễ Rôma (GIRM):

“309. Phẩm giá Lời Chúa đòi phải có một nơi thích hợp trong nhà thờ, để Lời Chúa được loan báo và giáo dân tự nhiên hướng về đó trong phần phụng vụ Lời Chúa.

Tại giảng đài sẽ đọc các bài đọc, thánh vịnh đáp ca và bài công bố Tin Mừng Phục Sinh. Cũng tại đó có thể giảng và đọc các lời nguyện cho mọi người, tức là lời nguyện giáo dân. Phẩm giá của giảng đài đòi chỉ có thừa tác viên lời đi lên đó.

62. Sau bài đọc đi liền trước bài Tin Mừng thì hát Alleluia, hay bài hát khác, theo luật chữ đỏ, như mùa phụng vụ đòi hỏi. Lời tung hô này được thực hiện ở tư thế đứng, vì cộng đoàn tín hữu chào đón Chúa sẽ nói với mình trong Tin Mừng và biểu lộ đức tin bằng bài ca. Mọi người đứng cùng hát, được ca đoàn hoặc một ca viên khởi xướng, hoặc lặp lại câu ca đoàn hay một ca viên đã hát.

a. Alleluia được hát trong các mùa ngoài Mùa Chay. Câu thì lấy ở sách Bài Đọc, hay sách Graduale.

b. Trong Mùa Chay, thì thay vì Alleluia, hát câu trước Tin Mừng ghi trong sách Bài Đọc. Cũng có thể hát một thánh vịnh khác cũng gọi là ca liên tục (tractus), như có trong sách hát Graduale.

63. Khi chỉ có một bài đọc trước Tin Mừng thì:

a. Trong mùa phải hát Alleluia, có thể hát hoặc bài thánh vịnh có chữ Alleluia, hoặc thánh vịnh và Alleluia với câu tung hô.

b. Trong mùa không phải đọc Alleluia, có thể hát thánh vịnh với câu trước Tin Mừng, hoặc chỉ thánh vịnh thôi;

c. Alleluia hay câu trước Tin Mừng, nếu không hát thì có thể bỏ.

64. Ca tiếp liền, ngoài lễ Phục Sinh và lễ Hiện Xuống thì được tùy ý, và được hát sau Alleluia”. (Bản dịch Việt ngữ của linh mục P.X. Nguyễn Chí Cần, giáo phận Nha Trang)

Và từ “Phần dẫn nhập cho sách Bài đọc”:”56. Ca viên Thánh vịnh chịu trách nhiệm hát, theo cách hát xướng đáp hoặc cách trực tiếp, bài hát giữa các bài đọc – đó là Thánh vịnh hoặc một bài ca Kinh thánh khác, ca tiếp liền và Alleluia, hoặc bài ca khác. Tùy theo dịp đòi hỏi, ca viên thánh vịnh có thể xướng Alleluia và câu Kinh thánh”.

Từ các tài liệu này, chúng tôi có thể lấy các yếu tố sau đây để trả lời câu hỏi của độc giả.

Không có quy định nào nói không có thể hát Alleluia tại giảng đài. Đúng là việc này không bao gồm trong các tình huống nêu ra trong GIRM 309, nhưng cũng tốt là Alleluia có thể được hát tại một nơi khác, trong khi các bài đọc phải được công bố tại giảng đài.

“Phần dẫn nhập cho sách bài đọc” ngụ ý khả năng này, bằng cách dự báo rằng ca viên Thánh Vịnh có thể xướng Alleluia và câu Kinh thánh. Trong Thánh Lễ với một bài đọc, sẽ là vô lý khi ca viên Thánh Vịnh rời khỏi giảng đài để xướng Alleluia.

Cũng cần nhớ rằng câu hát Alleluia được bao gồm trong sách bài đọc, và các sách phụng vụ không đoán chừng rằng mọi người đều có sách lễ trong tay hoặc một bản sao các bài đọc ngày ấy. Một lần nữa, luận lý phụng vụ cho thấy rằng Alleluia có thể được hát tại giảng đài.

Vì vậy, chúng tôi có thể nói rằng phụng vụ, chứ không phải là sự cấm sử dụng giảng đài, tiên liệu nhiều vị trí khác và cách thức khác để hát Alleluia, như đã thấy trong số 62 trên đây. Ca viên Thánh Vịnh hay một ca viên khác có thể xướng Alleluia và câu Kinh thánh từ giảng đài, hoặc tại một vị trí thích hợp.

Cuối cùng, mặc dù việc hát Alleluia được xem như có liên quan đến toàn cộng đoàn, tôi xin có ý kiến rằng, vào những dịp đặc biệt, người ta có thể sử dụng một số bài Alleluia theo nhạc Bình ca (Gregorian) cho các ngày lễ trọng, mặc dù hầu hết các bài này đòi hỏi ca đoàn phải tập hát kỹ càng trước khi thể hiện đúng và hay, trong nhà thờ. (Zenit.org 8-1-2013)

13. Tại sao linh mục rửa tay sau khi dâng lễ vật?

Hỏi: Theo ý kiến của tôi, việc linh mục rửa tay sau khi dâng lễ vật phát sinh từ thời kỳ khi linh mục còn mang theo động vật và thực phẩm tới. Do đó, hiện nay việc rửa tay sau khi dâng bánh và rượu là đặt nhầm chỗ. Dù sao, việc rửa tay là thích hợp như là một nghi thức sám hối trước khi dâng lễ vật. (Một độc giả Đức)

Đáp: Độc giả này tán thành một thuyết về nguồn gốc của nghi thức rửa tay, vốn trở nên quen thuộc cách đây vài năm. Thuyết này nói rằng nghi thức rửa tay là thực tiễn thuở ban đầu và phải thực hiện do bụi bột, để làm sạch đôi tay của linh mục. Chỉ sau đó ít lâu, một ý nghĩa thiêng liêng được gán cho nghi thức ấy.

Vì vậy, như một số người lập luận, sự xuất hiện của bánh lễ được chuẩn bị trước đã làm cho nghi thức rửa tay trở nên lỗi thời. Lý thuyết này, mặc dầu mạch lạc, có bất lợi là đã sai lầm.

Việc nghiên cứu kỹ càng các nghi thức cũ cho thấy rằng nghi thức rửa tay (có niên đại từ thế kỷ thứ tư) là cổ xưa hơn việc rước lễ vật, và thậm chí sau khi tập tục rước lễ vật được thực hiện, chủ tế thường rửa tay trước, chứ không rửa tay sau, khi nhận lễ vật.

Nghi thức rửa tay luôn có ý nghĩa của sự thanh luyện tâm hồn, và nó vẫn giữ ý nghĩa này một cách hợp lệ ngày nay. Nó là một nghi thức quan trọng, và thể hiện nhu cầu thanh luyện của linh mục trước khi bắt đầu Kinh nguyện Thánh Thể.

Quả đúng là mọi người đã làm hành vi sám hối đầu thánh lễ, nhưng nghi lễ Rôma trong nhiều thế kỷ đã có các kinh thanh luyện khác cho linh mục chủ tế trong thánh lễ.

Hầu hết các nghi thức hoặc kinh này đã được loại bỏ hoặc giảm bớt trong hình thức bình thường, nhưng một số nghi thức, chẳng hạn việc rửa tay sau khi dâng lễ vật, đã được giữ lại và không bao giờ có thể được bỏ qua trong bất kỳ Thánh Lễ nào. (Zenit.org 15-1-2013)

14. Phụ nữ làm Chương nghi được không?

Ghi chú: Chương Nghi: Masters of Ceremonies (MC)
Trưởng ban nghi lễ.

Hỏi: *Hình như có một xu hướng trong một số Giáo phận Mỹ là bổ nhiệm nữ giáo dân làm Chương nghi. Việc này có đúng với Phụng vụ không? Sách Lễ Nghi Giám Mục, trong phần có tiêu đề “Nhiệm vụ của các thừa tác viên trong phụng vụ của Giám mục” nói trong các khoản 34, 35 và 36 như chỉ liên quan đến nam giới, vì nói rằng “ông (chương nghi) chịu trách nhiệm hoặc nên làm điều này điều nọ”. Ngược lại, trong phần tiếp theo, về người phụ trách phòng thánh, nói là “ông hoặc bà nên làm điều này điều nọ” - rõ ràng cho phép sử dụng cả hai phái tính. Xin cha vui lòng nhận xét về việc sử dụng hợp pháp nữ giáo dân trong vai trò Chương nghi. - G. F., New Orleans, Louisiana, Mỹ.*

Đáp: Tôi sẽ thảo luận vấn đề này từ quan điểm giải thích luật phụng vụ mà tôi tin là đang được sử dụng. Tuy nhiên tôi phải công nhận rằng luật này là chưa hoàn toàn rõ ràng.

Như bạn đọc của chúng tôi nêu ra, Sách Lễ Nghi Giám Mục đề cập đến một người nam khi nhắc đến chức Chương nghi, và rõ ràng làm một sự phân biệt khi nhắc đến người phụ trách phòng thánh. Câu hỏi đặt ra là: Điều này phản ánh một ý định của luật không, hay chỉ đơn giản dự đoán thực tế vào thời điểm xuất bản sách mà thôi?

Ý kiến cá nhân của tôi là sách Lễ Nghi Giám Mục không có một ý định đặc biệt để loại trừ nữ giới, nhưng chỉ đơn giản phản ánh luật hiện hành khi được xuất bản năm 1984. Luật này ngăn ngừa các công việc tại bàn thờ được thực hiện bởi nữ giới.

Tương tự như vậy, Sách Lễ Nghi dường như giả định rằng công việc này nên được thực hiện bởi thư ký của Giám mục hay một giáo sĩ khác được chỉ định, để đi cùng với Giám mục trong các chuyến thăm giáo xứ trong giáo phận. Thật vậy, theo sách lễ nghi trước kia, vị chương nghi của Giám mục phải là một linh mục ít nhất 25 năm tuổi. Luật nói rằng tất cả những người tham gia vào

buổi lễ phải chú ý và vâng lời Chưởng nghi mà không thảo luận. Trong buổi lễ, Chưởng nghi là người chỉ huy, chứ không phải là người phục vụ.

Các phụ tá Chưởng nghi có thể là phụ phó tế hoặc trẻ tuổi hơn. Khi vắng Chưởng nghi có chức thánh, một thừa tác viên khác có thể thay thế. Tuy nhiên, luật nói rằng trong trường hợp này, Chưởng nghi không có quyền ra lệnh cho các thừa tác viên có chức thánh.

Sách Lễ Nghi Giám mục hiện nay không nhắc đến việc vâng lời Chưởng nghi, hoặc không đòi hỏi cách đặc biệt rằng Chưởng nghi phải là một linh mục. Thật vậy, khoản 35 nói rằng trong buổi lễ “Chưởng nghi thực hiện sự thận trọng lớn nhất: ông không nói nhiều hơn là cần thiết, cũng không thay thế các phó tế hay phụ tá bên cạnh chủ tế. Chưởng nghi nên thực hiện trách nhiệm với sự kính cẩn, nhẫn nại, và chú ý cẩn thận”.

Việc sử dụng từ ngữ “ông hay bà” khi nhắc đến người phụ trách phòng thánh cũng phản ánh thực tế, vì phụ nữ thường phục vụ như là người phụ trách phòng thánh trong các nhà thờ và tu viện.

Vì vậy, tôi sẽ nói rằng việc sử dụng các đại từ phân biệt trong Sách Lễ Nghi chỉ đơn giản phản ánh thực tế rằng khả năng của một nữ Chưởng nghi là không bao giờ được tưởng tượng. Bởi vì điều này là chưa đủ để trả lời câu hỏi liên quan đến tính hợp pháp hiện nay của nữ Chưởng nghi, chúng ta phải tìm thêm nơi khác để trả lời.

Năm 1994, Hội đồng Tòa thánh về giải thích Văn bản pháp luật công bố một sự giải thích cho khoản luật số 230.2 của Bộ Giáo Luật. Số này nói: “Các giáo dân có thể được chỉ định tạm thời đảm nhận việc đọc sách trong các việc phụng vụ. Cũng thế, tất cả các giáo dân có thể thi hành những công tác của người chủ giải, ca trưởng hoặc những công tác khác theo quy tắc luật định” (Bản dịch Việt ngữ của các Linh Mục Nguyễn Văn Phương, Phan Tấn Thành, Vũ Văn Thiện, Mai Đức Vinh).

Hội đồng Tòa thánh này được hỏi liệu các chức năng phụng vụ, mà theo khoản luật trên có thể giao cho các giáo dân, có thể được thực hiện bởi người nam và người nữ bình đẳng không, và liệu việc phụng vụ tại bàn thờ có thể được kể vào các công tác ngang tầm với các công tác khác theo quy tắc luật định không.

Hội đồng Tòa thánh trả lời “có”, theo các hướng dẫn được Tòa Thánh đưa ra.

Sự giải thích này đặc biệt nói đến vấn đề các em gái giúp lễ, nhưng các tiêu chuẩn được sử dụng có thể bao gồm một cách hợp lý trường hợp của nữ Chứng nghi vào “các công tác khác” theo quy tắc luật định.

Vì vậy, tôi có thể nói rằng, do thiếu hướng dẫn cụ thể của Tòa Thánh về hướng ngược lại, một nữ Chứng nghi có thể được sử dụng xét theo quan điểm luật phụng vụ.

Chúng ta nên nhớ rằng khoản luật 230.2 có tính cách cho phép, chứ không có tính cách luật lệ. Không có quyền về phía tín hữu để mong ước công tác này.

Nói tóm lại, việc cho phép trong vấn đề trên của một số Giám mục thì không thể được xem là ràng buộc đối với các Giám mục khác. Trong thực tế, đó là thẩm quyền của mỗi Giám mục để có sự phán đoán thận trọng về điều phải làm, với một tầm nhìn cho sự phát triển có trật tự của đời sống phụng vụ trong giáo phận của ngài. (Zenit.org 29-1-2013)

15. Giám mục có thể sửa đổi các phần của Thánh lễ không?

Hỏi: Tôi đang giúp trong một giáo phận ở Nam Mỹ, và tôi thấy ở đó vị Giám mục mời giáo dân cùng đọc kinh mở đầu Thánh lễ với ngài. Sau đó, ngài mời mọi người cũng làm tương tự cho kinh vinh tụng ca. Ngoài ra, họ còn hát thánh ca trong phần Kinh Nguyện Thánh Thể, và giữa các phần, họ hát các bài ca ngắn. Tôi cũng đã cử hành Thánh Lễ cho quân nhân, và ngay sau khi tôi

truyền phép Bánh thánh, và nâng bánh lên cao, ban nhạc chơi bài quốc ca, và tôi đã đợi cho đến khi họ kết thúc, tôi mới truyền phép Máu thánh. Và trong trọn phần truyền phép, mọi người đều đứng. Tôi hỏi các linh mục địa phương về việc thực hành này, và các cha nói với tôi rằng điều này được Hội đồng Giám mục và Giám mục đặc trách quân đội qui định, mặc dù các cha không trưng cho tôi văn kiện nào cả. Do đó tôi xin hỏi: Liệu một Giám mục có thể sửa đổi các phần của Thánh Lễ không? - J. S., Bolivia.

Đáp: Câu hỏi này cần phải được chia thành các phần, bởi vì các luật khác nhau được áp dụng cho các trường hợp khác nhau.

Trước hết, một nguyên tắc tổng quát liên quan đến thẩm quyền của Giám mục trong phạm vi là rằng ngài không cấm điều gì được phép, và cũng không cho phép điều gì bị cấm. Có thể có một số luật trừ cho nguyên tắc này, và Giám Mục giáo phận có thể miễn chuẩn cho các tín hữu khỏi giữ các luật có tính cách kỷ luật, dù phổ quát dù địa phương, do quyền bính tối cao của Giáo Hội ban hành cho lãnh thổ hay cho thuộc dân của mình. (Điều 87, Bộ Giáo luật).

Tuy nhiên, một Giám mục không có bất kỳ thẩm quyền chung nào để điều chỉnh các văn bản hoặc chữ đồ của Thánh Lễ, và ngài cũng không được làm như vậy. Trong trường hợp đề cập ở trên đây, vị Giám mục đã sai lầm khi mời mọi người tham gia với ngài trong các phần Thánh Lễ chỉ dành cho vị chủ tế.

Cần phải có đa số hai phần ba các Giám mục thuộc Hội đồng Giám mục, cộng thêm sự chuẩn y của Tòa Thánh, mới được phép thực hiện các sự điều chỉnh ổn định cho phạm vi phổ quát.

Đối với những gì mà độc giả của chúng tôi gọi là “một số bài hát” trong Kinh Nguyên Thánh Thể, các phần thêm vào này đã được chuẩn y cho Brazil. Vì quốc gia được đề cập bởi độc giả của chúng tôi có biên giới với Brazil, có thể rằng một số sự thực hành phạm vi của Brazil đã lan qua biên giới. Tuy nhiên, như tôi được biết, không quốc gia nào khác có có sự chuẩn y đặc biệt từ Tòa Thánh cho việc thực hành này.

Kể từ khi Brazil đang xem xét lại bản dịch hiện nay, vốn giống với bản dịch cũ bằng tiếng Anh trong nhiều khía cạnh, dường như có xu hướng là giảm bớt các sự can thiệp như vậy.

Cuối cùng, tập tục chơi bài quốc ca, trong hoặc sau khi truyền phép, dường như có nguồn gốc Tây Ban Nha, đặc biệt là trong giới quân đội. Chính vì thế tập tục này có mặt tại một số quốc gia Nam Mỹ.

Đây là một tập tục đang biến mất dần, nhất là khi luật phụng vụ hiện tại nói rõ ràng rằng người ta không được chơi âm nhạc trong phần Kinh Nguyện Thánh Thể. Vì vậy, huấn thị về âm nhạc trong phụng vụ Musicam Sacram năm 1967 nói:

“Nên dùng nhạc khí để đệm theo tiếng hát hầu giữ cho giọng khỏi xuống, và giúp cho cộng đoàn tham dự dễ dàng hơn, cũng như hợp nhất với nhau mật thiết hơn. Nhưng âm thanh của các nhạc khí không bao giờ được lấn tiếng hát, và làm cho bản văn trở nên khó hiểu. Mọi nhạc khí đều phải im tiếng khi linh mục hay thừa tác viên đọc ca giọng một bản văn được dành riêng cho các vị ấy” (số 64).

“Trong các lễ hát hoặc lễ đọc, có thể dùng đại quần cầm hoặc một nhạc khí nào khác đã được chính thức thừa nhận để đệm theo tiếng hát của ca đoàn và giáo dân. Có thể độc tấu nhạc trước khi linh mục tới bàn thờ, lúc dâng lễ vật, trong khi rước lễ và lúc cuối lễ. Có thể áp dụng cùng một quy tắc đó, thích nghi cho các buổi cử hành thiêng thánh khác” (số 65) (Bản dịch Việt ngữ của Ủy ban phụng tự, HĐGMVN).

Tuy nhiên, trong trường hợp này, người ta có thể lập luận rằng một ngoại lệ được bảo đảm cho một tập tục xa xưa. Đôi khi người ta cũng cho rằng việc hát quốc ca là nhằm tôn vinh Bí Tích Thánh Thể, hoặc như là một dấu hiệu của sự dâng hiến quốc gia cho Chúa Kitô.

Đó là ý nghĩa, khi vào năm 1899, quốc ca Venezuela được hát sau khi truyền phép, trong một cử chỉ long trọng mà các Giám mục Venezuela đã dâng hiến quốc gia này cho Phép Thánh Thể.

Như tôi đã nói, lập luận theo tập tục có thể được thực hiện. Nhưng tốt hơn nên để cho tập tục này trở nên mờ nhạt đi, vì nó không còn phù hợp với luật phụng vụ hiện nay, và dễ dàng mở ngõ cho việc hiểu sai. (Zenit.org 12-2-2013)

16. Khi Tòa Thánh trống tòa, linh mục có phải đọc tên ĐTC Biển Đức trong Kinh nguyện Thánh Thể không?

Hỏi: Sau ngày 28-2, và trước khi bầu được Vị Giáo hoàng mới, chúng ta có tiếp tục đọc tên ĐTC Biển Đức trong Kinh Nguyện Thánh Thể của Thánh Lễ không? Ý kiến của tôi là chúng ta làm những gì chúng ta làm khi Đức Giáo Hoàng qua đời mà thôi: Như thế chúng ta không đọc tên Giáo Hoàng, nhưng vẫn đọc tên giám mục giáo phận. - E. R., Keimoes, Nam Phi.

Đáp: Ý kiến của độc giả chúng tôi là chính xác. Mặc dù Đức Thánh Cha Biển Đức XVI vẫn còn sống, Tòa Thánh sẽ trống ngôi lúc 20g, giờ Rôma, ngày 28-2 (2g chiều giờ New York; 4g sáng ngày 1-3, giờ Sydney; 2g sáng ngày 1-3, giờ Hà Nội).

Đối với việc đọc tên Đức Thánh Cha trong Kinh nguyện Thánh Thể, hầu hết các cẩm nang phụng vụ gần đây không đi vào chi tiết này, nhưng các cẩm nang trước Công đồng Vatican II vẫn nói đến các khía cạnh phức tạp hơn của phụng vụ.

Trong trường hợp này, tên của Đức Thánh Cha, và toàn bộ câu đề cập đến Đức Thánh Cha, không được đọc trong Kinh nguyện Thánh Thể trong giai đoạn trống tòa (*Sede vacante*). Trong thánh lễ, các linh mục chỉ đọc tên giám mục địa phương và hàng giáo sĩ theo hình thức văn chương của mỗi Kinh nguyện Thánh Thể.

Ví dụ, trong Kinh Nguyện Thánh Thể II, câu đọc sẽ là: “cùng với đức giám mục...giáo phận chúng con, và toàn thể hàng giáo sĩ”.

Trong Giáo Phận Rôma: “Cùng với toàn thể hàng giáo sĩ”. Mặc dù Hồng y Giám quản giáo phận Rôma và các giám mục phụ

tá vẫn giữ các chức vụ của mình, nên chọn việc nêu tên tập thể trong thánh lễ.

Một thủ tục tương tự được tuân giữ trong mỗi giáo phận sau cái chết hoặc nghỉ hưu của Đấng bản quyền địa phương. Trong thời gian trống tòa Giám mục, câu “cùng với đức giám mục...giáo phận chúng con” cũng không được đọc. Tên của vị Giám quản tông tòa được đọc, nhưng không đọc tên của Vị Giám quản tông tòa tạm quyền.

Trong trường hợp cả giáo phận và Tòa Thánh đều bị trống tòa, các linh mục nên theo cách thực hành tương tự như ở giáo phận Rôma, nghĩa là chỉ đọc “Cùng với toàn thể hàng giáo sĩ”.

Về vấn đề Tòa thánh trống tòa, Thư Hội đồng Giám mục Việt Nam gửi Cộng đồng Dân Chúa về quyết định từ nhiệm của Đức Thánh Cha Biển Đức XVI, ngày 16-2-2013, nói rõ:

“6. Trong khoảng thời gian Tòa Rôma, Tòa Thánh Phêrô trống tòa kể từ 20g00 ngày 28 tháng 2 năm 2013 (giờ Rôma, như vậy đối với Việt Nam chúng ta là rạng sáng ngày thứ sáu 01 tháng 3 năm 2013), trong các Thánh lễ, chúng ta hiệp ý cầu nguyện cho việc bầu Vị Giáo Hoàng mới của Giáo Hội toàn cầu. Trong Kinh nguyện Thánh Thể, các Linh mục chỉ đọc tên của vị giám mục giáo phận mà thôi. Ví dụ, Kinh nguyện Thánh Thể II: “Xin nhớ đến Hội Thánh Chúa đang lan rộng khắp hoàn cầu, để kiện toàn Hội Thánh trong đức mến, cùng với đức giám mục...giáo phận chúng con, và toàn thể hàng giáo sĩ”. (Zenit.org 19-2-2013).

17. Có đọc tên Giám mục nghỉ hưu (emeritus) trong Kinh nguyện Thánh Thể không?

Hỏi: Trong bài trả lời về việc không nêu danh tánh của Giáo hoàng sau khi Ngài nghỉ hưu, cha có nói điều gì đó về việc không nêu danh tánh của một Giám mục nghỉ hưu. Trong giáo phận nơi tôi phục vụ, sau khi vị Giám mục nghỉ hưu, chúng tôi tiếp tục nêu danh tánh ngài trong Kinh nguyện Thánh Thể là “Giám mục nghỉ

hưu, bishop emeritus,...của chúng con”, sau tên của vị Giám mục đương nhiệm. Ngay cả vị Giám mục đương nhiệm cũng đọc như thế. Thưa cha, có quy tắc nào về điều này không? Chúng tôi có sai lầm khi đọc “cùng với đức Giám mục...giáo phận chúng con, và đức Giám mục nghỉ hưu (emeritus)...của chúng con” trong Kinh Nguyện Thánh Thể không?” – Một độc giả.

Đáp: Trong thực tế, việc đọc như thế là không đúng. Trong phần trả lời ngày 24-11-2009, chúng tôi đã trích dẫn một bài về đề tài này rồi. Bài viết đã được đăng bằng tiếng Ý trong tờ Notitiae, cơ quan thông tin chính thức của Thánh Bộ Phụng Tự và Bí Tích: “Về việc nêu danh tánh Đức Giám Mục trong Kinh Nguyện Thánh Thể” (Notitiae 45 (2009) 308-320).

Mặc dù đây là một bài nghiên cứu, chứ không phải là một sắc lệnh chính thức, bài viết đã tập hợp tất cả các tài liệu hướng dẫn chính thức về đề tài trên.

Bài báo này nói rõ rằng chỉ có Giám mục giáo phận đương nhiệm mới được nêu tên trong Kinh nguyện Thánh thể. Có thể nêu thêm danh tánh vị Giám mục phụ tá, nếu chỉ có một vị mà thôi. Nếu không, các vị được nhắc đến một cách tập thể, chứ không nêu danh tánh.

Lý do cho sự phân biệt này là rằng việc nêu danh tánh Giám mục không phải là một vấn đề lịch sự hoặc kính trọng, nhưng là một vấn đề hiệp thông Giáo Hội. Trong Lễ Quy Rôma, chúng ta không chỉ cầu nguyện “cho”, nhưng cầu nguyện “cùng với” Đức Giáo Hoàng và Đức Giám mục. Nói cách khác, việc cầu nguyện trong sự hiệp thông với Đức Giáo Hoàng và Giám mục địa phương hiệp nhất cộng đoàn địa phương với Giáo Hội hoàn vũ, và biểu hiện Giáo Hội trong việc cử hành đặc biệt này.

Một độc giả Ireland hỏi liệu chúng ta có thể dùng danh hiệu, tước hiệu, hoặc tên riêng trong việc nêu danh tánh Giáo hoàng và Giám mục không. Độc giả này nhắc đến một bài báo bằng tiếng Pháp trong tờ Notitiae 1970, vốn lập luận ủng hộ việc có thể dịch tiếng Latinh thành “cùng với Giám mục Smith của chúng con”.

Độc giả này nhìn nhận rằng bài báo là một nghiên cứu không có lập trường chính thức. Trong thực tế, người ta nhận thấy rằng đề nghị này đã không bao giờ được thực hiện bởi bất kỳ bản dịch chính thức nào.

Tôi tin rằng các nguyên tắc dịch thuật, mà bài báo chủ trương, đã được thay thế bởi các nguyên tắc trong huấn thị *Liturgiam Authenticam* của Tòa Thánh, vốn đòi hỏi một bản dịch theo nguyên văn. Bản dịch mới bằng tiếng Anh mới cũng đòi hỏi như thế. Ở Ireland, trên nguyên tắc người ta có thể nêu “cùng với tiến sĩ McCoy, Giám mục của chúng con”, nhưng việc này sẽ là rất khó khăn ở Mỹ và các nước nói tiếng Anh khác, vì các nơi này không sử dụng các tước hiệu như vậy.

Do đó, tập tục chung là rằng khi nêu danh tánh Đức Giáo Hoàng và Giám mục, người ta chỉ nêu tên mà thôi. Chữ số tương ứng với Giáo hoàng đương kim cũng không được đọc. Chẳng hạn, phải đọc “Đức giáo hoàng Gioan Phaolô” hoặc “Đức Giáo hoàng Bênêđictô”, chứ không đọc “Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II” hoặc “Đức Giáo hoàng Bênêđictô XVI”.

Cuối cùng, một độc giả đảo Malta hỏi: “Sau một số kinh nguyện, như chuỗi Mân Côi, Đàng Thánh Giá..., chúng tôi thường cầu nguyện theo ý Đức Giáo Hoàng để được một ơn đại xá, theo văn kiện về ân xá của Tòa Thánh. Thế thì trong thời gian Tòa Thánh trống ngôi, chúng tôi có thể cầu nguyện theo ý ai để được ơn đại xá?”

Chắc chắn là không có việc ngưng ơn đại xá trong thời gian Tòa Thánh trống ngôi. Bởi vì việc cầu nguyện theo ý Đức Giáo Hoàng là một yêu cầu để có ơn đại xá, người ta có thể cho rằng các việc cầu nguyện này vẫn được thực hiện, mặc dù người cầu nguyện biết rằng mình đang cơ bản phớt lờ lời cầu nguyện cho sự quan phòng của Chúa, để áp dụng nó như mình mong ước. (Zenit.org 26-2-2013)

18. Thánh Lễ cầu cho việc bầu Giáo Hoàng nên được cử hành thế nào?

Hỏi: Trong thời gian cho đến khi bầu được Đức Giáo Hoàng mới, có thể cử hành Thánh Lễ “Pro eligendo Papa” (cầu cho việc bầu Giáo Hoàng) thay vì Thánh Lễ thường ngày được không, dù rằng chúng ta đang ở trong Mùa Chay? – M. D., Pháp.

Đáp: Ủy ban Phụng tự của Hội đồng giám mục Mỹ đã đưa ra một loạt các ghi chú phụng vụ về việc từ nhiệm của Đức Giáo Hoàng. Các ghi chú này bàn đến nhiều vấn đề.

Vì chúng ta đang ở trong Mùa Chay, thật là cần thiết để nhớ rằng các Thánh Lễ cho các nhu cầu khác nhau được đề cập dưới đây chỉ có thể được cử hành vào các ngày trong tuần “theo sự hướng dẫn của Giám Mục giáo phận hoặc với sự cho phép của Ngài” (Qui chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma, số 374).

Các điểm chính của bản ghi chú phụng vụ nói trên là như sau:

“Một khi việc từ nhiệm của Đức Giáo Hoàng có hiệu lực, Đức Giám mục giáo phận và các linh mục trong mỗi giáo xứ có thể xem xét cử hành một Thánh Lễ đặc biệt cầu cho việc bầu Giáo Hoàng, theo các hướng dẫn của lịch phụng vụ. Thánh Lễ nên được cử hành bởi Giám mục giáo phận tại Nhà thờ chính tòa, hoặc tại mỗi Giáo hạt với sự tham dự của càng nhiều tín hữu càng tốt. Thánh Lễ cầu cho việc bầu Giáo hoàng, hay một Giám Mục (được tìm thấy trong phần “Thánh Lễ và Lời nguyện tùy nhu cầu và dịp khác nhau” trong Sách Lễ Rôma) có thể được cử hành.

“Một Thánh Lễ ngoại lịch về Chúa Thánh Thần cũng có thể được cử hành, và chẳng hạn sử dụng Kinh Tiền tụng II của lễ Chúa Thánh Thần: “Hành động của Chúa Thánh Thần trong Giáo Hội”.

“Bài giảng có thể cung cấp cơ hội để suy tư về sứ vụ giáo hoàng và vai trò của sứ vụ này trong Giáo Hội. Đây cũng là cơ hội để vị giảng thuyết giáo huấn các tín hữu về mối quan hệ giữa Giáo hội địa phương và Giáo Hội phổ quát.

“Các giờ Kinh Phụng vụ

“Giờ Kinh Sáng và Giờ Kinh Chiều cũng có thể được cử hành, và vào những ngày khi không có lễ nhớ, lễ trọng và lễ buộc, lời nguyện kết thúc có thể được lấy từ Thánh Lễ cầu cho việc bầu Giáo Hoàng hay Giám Mục.

“Các tín hữu nên được mời gọi dâng ý nguyện riêng, việc làm và tiền dâng hiến để cầu cho việc bầu Giáo Hoàng được thành công. Tập tục đơn giản là họ nên đọc kinh Lạy Cha, kinh Kính Mừng và Kinh Sáng Danh cho ý chỉ này. Khi lần chuỗi Mân côi, tín hữu cũng nên có ý chỉ cầu cho việc bầu Giáo Hoàng.

“Lời nguyện tín hữu

“Trong lời nguyện tín hữu, có thể có các lời cầu như sau:

“- Xin Chúa Thánh Thần linh hứng và ban sức mạnh cho các Hồng y cử tri, trong khi các ngài bầu chọn một Đức Thánh Cha mới để dẫn dắt chúng con, chúng ta hãy cầu xin Chúa.

“- Xin cho Hồng y đoàn trong tiến trình bầu cử này là một phương tiện thật sự cho hồng ân Chúa hướng dẫn Giáo Hội, chúng ta hãy cầu xin Chúa.

“- Xin Chúa Thánh Thần làm việc mạnh mẽ trong tâm Đức Giáo Hoàng được Hồng Y Đoàn chọn lựa, chúng ta hãy cầu xin Chúa.

“Sau khi bầu Đức Giáo Hoàng mới

“Sau khi bầu Đức Giáo Hoàng mới, Giám Mục Giáo phận và các linh mục trong mỗi giáo xứ có thể xem xét cử hành một Thánh Lễ đặc biệt cầu cho Giáo hoàng mới được bầu, theo các hướng dẫn của lịch phụng vụ. Thánh Lễ nên được cử hành bởi Giám mục giáo phận tại Nhà thờ chính tòa, hoặc tại mỗi Giáo hạt với sự tham dự của càng nhiều tín hữu càng tốt. “Nếu đúng vào ngày bầu được Đức Giáo Hoàng, thì Thánh lễ cầu cho Đức Giáo Hoàng (đặc biệt là kỷ niệm ngày được bầu chọn) là thích hợp. Thánh lễ này không có thể được cử hành vào các Chủ Nhật Mùa Vọng, Mùa Chay và Phục Sinh, lễ trọng, Thứ Tư Lễ Tro, và các ngày của Tuần Thánh. Bản văn Thánh Lễ được tìm thấy trong phần “Thánh Lễ và Lời nguyện tùy nhu cầu và dịp khác nhau” trong Sách Lễ Rôma.

“Một lần nữa, các tín hữu được khuyến khích cầu nguyện cho Đức Thánh Cha vừa được bầu chọn trong kinh nguyện riêng tư của họ. Họ được khuyến khích đọc Kinh Lạy Cha, kinh Kính Mừng, và kinh Sáng Danh theo ý cầu cho Đức Giáo Hoàng mới. Khi lần chuỗi Mân côi, tín hữu cũng nên có ý chỉ cầu cho Đức Giáo Hoàng mới.

“Theo tập tục, cờ đuôi nheo vàng và trắng có thể được treo ở lối vào nhà thờ hay nhà nguyện. Hoa có thể được đặt gần lá cờ Vatican, vốn được trưng ở nơi nào đó nổi bật ở tiền đình nhà thờ hoặc nơi tụ tập đông người.

“Lời nguyện tín hữu

“Trong lời nguyện tín hữu, có thể có các lời cầu như sau:

- Xin cho Đức tân Giáo hoàng của chúng con, N., được mạnh sức để Ngài dẫn thân vào sứ vụ hiệp nhất, yêu thương và hòa bình, chúng ta hãy cầu xin Chúa.

“- Xin cho Đức tân Giáo hoàng của chúng con, N., cùng làm việc chung với các Giám mục của Giáo Hội, để xây dựng Thân Thể Chúa Kitô trong hòa bình và hoan hỉ, chúng ta hãy cầu xin Chúa.

“- Xin cho Đức tân Giáo hoàng của chúng con, N., trở nên một nhà vô địch của người nghèo, một nhà hoà giải của các quốc gia, và một sức mạnh cho hòa bình và hiệp nhất trong thế giới chúng con, chúng ta hãy cầu xin Chúa”. (Zenit.org 12-3-2013)

19. Việc lột bàn thờ ngày thứ Năm Tuần Thánh được qui định cho các bàn thờ nào?

Hỏi: *Liệu việc lột bàn thờ sau thánh lễ Tiệc Ly ngày thứ Năm Tuần Thánh chỉ giới hạn cho các bàn thờ, mà Thánh Lễ này được cử hành không? Liệu các bàn thờ trong các nhà thờ và nhà nguyện (ví dụ, nhà nguyện trong đan viện, tu viện, bệnh viện, ...), nơi không có cử hành Thánh lễ Thứ Năm Tuần Thánh, có được lột không, và Minh Thánh Chúa được cất đi nơi khác không? - G. L., Madera, California, Mỹ.*

Đáp: Lời chỉ dẫn trong thư luân lưu về cử hành các nghi thức Tuần Thánh và lễ Phục Sinh, Paschalis Sollemnitatis, là khá ngắn gọn: “Sau thánh lễ, bàn thờ được lột sạch. Mọi thánh giá trong nhà thờ cần được che phủ bằng một tấm màn màu đỏ hoặc tím, trừ khi các thánh giá này đã được che phủ vào ngày thứ Bảy trước Chủ nhật thứ Năm Mùa Chay.

Cũng không thấp đèn trước tượng ảnh các thánh” (số 57).

Sách Lễ Rôma nói rõ hơn: “Tại một thời điểm thích hợp, bàn thờ được lột sạch, và nếu có thể được, các thánh giá được cất khỏi nhà thờ. Các thánh giá còn lại trong nhà thờ cần được che phủ”.

Lời ngắn gọn này có lẽ là do các qui định giả thiết rằng chỉ có một bàn thờ trong nhà thờ. Không hề có lời nào nói về nhà nguyện bên cạnh hoặc nơi Thánh Lễ ngày thứ Năm Tuần Thánh không được cử hành.

Peter J. Elliott (hiện là Giám mục), dựa vào các tập tục trước đó, nói chi tiết về tập tục lột bàn thờ trong cuốn cẩm nang tuyệt vời của ngài “Nghi lễ của năm phụng vụ” (*Ceremonies of the Liturgical Year*).

Về “việc lột bàn thờ”, ngài viết: “Bắt đầu với bàn thờ chính, mọi bàn thờ trong nhà thờ đều được lột sạch, các chân nến và thánh giá được cất đi. Bất kỳ thánh giá nào có thể được xách tay đều được cất đi khỏi nhà thờ. Các thánh giá khác cần được che phủ [...], trừ khi các thánh giá này đã được che phủ vào ngày thứ Bảy trước Chủ nhật thứ Năm Mùa Chay. Tính biểu tượng nghiêm túc này cần được mở rộng cho cả nhà thờ. Cho đến kinh Vinh danh (Gloria) trong Đêm Vọng Phục Sinh, không hề thấp nến hoặc đèn ở các nơi khác trong nhà thờ, vì vậy đèn hoặc đèn khẩn nguyện không được thấp ở các đèn thờ hoặc bàn thờ bên cạnh. Người phụ trách phòng thánh cất hết nước thánh ở các chậu nước thánh gần cửa nhà thờ”.

Mặc dù không gì nói về việc xử lý ở các nhà nguyện và nhà thờ nhỏ, dường như chúng cũng đi theo một luận lý cơ bản như thế. Nhà tạm nên được để trống trước Thứ Năm Tuần Thánh, trừ khi cần lưu giữ Mình Thánh để cho bệnh nhân rước lễ. Các bàn thờ

trong nhà nguyện và nhà thờ nhỏ nên được lột sạch, như đã nêu ở trên, sau khi Thánh Lễ được hoàn tất tại các địa điểm khác.

Nếu có Minh Thánh Chúa trong nhà tạm, đèn nhà tạm vẫn được thấp sáng.

Ở một số nơi, người ta thường khóa các nhà nguyện này lại, để các tín hữu tập trung cầu Thánh Thể trên bàn thờ có Minh Thánh.

Đây là điều được khuyến nên làm, chứ không phải là sự bắt buộc. Chữ đỏ của sách lễ về ngày thứ Năm Tuần Thánh nói rằng: “Nếu việc cử hành cuộc Khổ nạn của Chúa vào ngày thứ Sáu Tuần thánh không diễn ra trong cùng một nhà thờ, Thánh Lễ được kết thúc theo cách thông thường, và Minh Thánh Chúa được cất trong nhà tạm”.

Phải thừa nhận rằng chữ đỏ này nói về một việc khác, nhưng việc chữ đỏ nói về việc đưa Minh Thánh trở về nhà tạm quen thuộc trong một nhà thờ, vốn vẫn được mở cửa cách hợp lý, dẫn chúng ta đi đến kết luận rằng luật không đòi hỏi cách nghiêm ngặt là phải đóng cửa một nhà nguyện, nơi mà Minh Thánh được lưu giữ trong các ngày thánh này. (Zenit.org 26-3-2013)

20. Linh mục lau môi bằng khăn lau chén được không?

Hỏi: *Con xin hỏi liệu một linh mục có thể dùng khăn lau chén (purifier, purificatoire) để làm sạch Máu Thánh dính trên môi ngài, sau khi ngài rước Máu Thánh từ chén thánh không, biết rằng khăn lau chén được dùng để lau chén thánh?. - J. T. P., Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.*

Đáp: Về nguyên tắc, câu trả lời sẽ là không, vào thời điểm này.

Trong cuốn cẩm nang “*Nghi thức của Nghi Lễ Rôma hiện đại*” (Ceremonies of the Modern Roman Rite) của mình, linh mục

– nay là Giám mục - Peter Elliott mô tả thời điểm linh mục rước lễ như sau:

“Cầm khăn lau chén bằng tay phải, linh mục chuyển khăn qua tay trái, đọc thầm *“Xin Máu Thánh Chúa Kitô gìn giữ con, cho con được sống muôn đời”*, rồi ngài kính cẩn và không vội vàng rước Máu Thánh, trong khi tay trái giữ khăn lau chén dưới cằm. Nếu ngài rước hết Máu Thánh, ngài không cần dốc ngược chén thánh lên cao. Ngài đặt chén thánh lên khăn thánh, chuyển khăn lau chén qua tay phải và cẩn thận lau miệng chén thánh, trong khi tay trái giữ phần chân của chén thánh. Nếu có tấm vuông đầy chén thánh, linh mục cần lấy nó xuống, trước khi ngài dùng khăn lau chén, sau đó ngài đặt tấm vuông đầy chén thánh trống rỗng lại.

“Một cách khác là linh mục có thể cầm chén thánh trong hai tay, đọc thầm *“Xin Máu Thánh Chúa Kitô gìn giữ con, cho con được sống muôn đời”*. Sau đó ngài kính cẩn và không vội vàng rước Máu Thánh. Ngài đặt chén thánh lên khăn thánh, cầm khăn lau chén bằng tay phải và cẩn thận lau miệng chén thánh, trong khi tay trái giữ phần chân của chén thánh. Cách làm này là thuận tiện hơn nếu chén thánh đầy rượu”.

Tuy nhiên, về việc tráng chén, cha Elliott có một nhận xét khác:

“Sau khi uống nước tráng chén, linh mục lau môi mình, nếu xét là cần thiết. Ngài để lại khăn lau chén trên bàn thờ hoặc bàn bánh rượu, và người giúp lễ đầy chén thánh lại”.

Các sách hướng dẫn về hình thức ngoại thường đưa ra nhiều chi tiết hơn, nhưng nói chung không tiên liệu việc dùng khăn lau chén như một khăn ăn hoặc khăn tay, ngay cả trong trường hợp tráng chén.

Tôi tin rằng lý do cho sự khác biệt này không phải là một vấn đề vệ sinh, nhưng là sử dụng một vật dụng phụng vụ cách không thích hợp.

Chức năng chính của khăn lau chén vào thời điểm rước Máu Thánh từ chén thánh là để ngăn chặn bất kỳ giọt Máu Thánh nào rơi ra hoặc dính vào mép của chén thánh. Điều này thường không

phải là một nguy hiểm khi một linh mục thận trọng rước Máu Thánh từ chén thánh, và do đó không cần lau môi.

Tuy nhiên, khăn lau chén nên được dùng theo cách này nếu một số giọt Máu Thánh vô tình tóe ra trên cằm.

Trong việc tráng chén, có thể cần lau môi sau khi uống nước. Trường hợp này có thể phát sinh, nếu có nhiều vụn Bánh Thánh trong nước, và một số trong đó có thể dính vào môi linh mục. (Zenit.org 9-4-2013)

21. Bài Tin Mừng được hát trong các Thánh lễ nào?

***Hỏi:** Tôi biết rằng bài Tin Mừng được hát trong dịp lễ Giáng sinh và lễ Phục Sinh. Bởi vì mỗi lễ này bắt đầu một mùa Phụng vụ, xin hỏi là phó tế hoặc linh mục có phải hát bài Tin mừng mỗi ngày Chủ nhật của mùa, hay chỉ hát trong tuần bát nhật của mùa mà thôi? Vì trong 4-5 năm qua, tôi đã hát bài Tin Mừng trong “mùa Giáng sinh và mùa Phục Sinh”. Liệu chúng ta phải công bố, tôi nhấn mạnh là qua việc hát, bài Tin mừng của mùa phụng vụ? Tôi không thấy một từ ngữ rõ ràng nào trong Quy chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma, hay trong chính sách lễ. - C. D., Pendleton, California, Mỹ.*

Đáp: Trong thực tế, không có quy tắc nào bắt buộc bài Tin Mừng phải được hát trong bất cứ mùa đặc biệt nào, hoặc không có bất cứ qui định nào hạn chế việc hát bài Tin Mừng ngoài các mùa này.

Nói cách khác, về mặt lý thuyết bài Tin Mừng có thể được hát hoặc được đọc trong mọi ngày trong năm. Sự lựa chọn để đọc hay hát bài Tin Mừng là dựa vào các hoàn cảnh, chẳng hạn lễ trọng của ngày phụng vụ hay mùa phụng vụ, và khả năng của thừa tác viên thực hiện việc hát tốt hay không, và hiệu quả mục vụ tổng thể của việc áp dụng này.

Như thế, các thừa tác viên rất được khuyến khích để hát bài Tin mừng trong tất cả các lễ trọng và lễ chủ nhật, nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của nó trong cử hành Thánh lễ.

Các qui chế phụng vụ cũng khuyến khích mạnh mẽ việc hát thánh vịnh đáp ca.

Điều này không có nghĩa là việc hát các bài đọc khác là bị loại trừ, nếu người đọc được đào tạo tốt để làm việc này. Truyền thống nhạc bình ca (hát grê-gô-ri-ô) có nhiều thánh ca thường được dùng trong Thánh Lễ trọng. Một bài cho bài Cựu Ước, một bài cho Thư tông đồ, và một bài thứ ba cho bài Tin Mừng. Tầm quan trọng của bài Tin Mừng được nhấn mạnh, không chỉ bởi qua việc nó được hát, nhưng còn bởi sự trang trọng của lời giới thiệu, việc Rước Sách Tin Mừng, việc sử dụng hương, và việc công bố bài Tin Mừng được dành cho một thừa tác viên có chức thánh.

Trong những năm gần đây, nhiều nhạc sĩ đã sáng tác các thánh ca tương đối đơn giản, thích hợp với truyền thống âm nhạc riêng của mỗi ngôn ngữ địa phương.

Về tầm quan trọng của hát trong Thánh Lễ, Quy chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma nói như sau:

“39. Thánh Tông Đồ khuyên Kitô hữu, lúc hội họp trông đợi Chúa đến, hãy cùng nhau hát những bài thánh vịnh, thánh thi và thánh ca do Thánh Thần linh hứng (x. Cl 3, 16). Quả vậy, hát là dấu chỉ niềm vui trong tâm hồn (x. Cv 2, 46). Bởi đó, thánh Au-gút-ti-nô nói đúng: “Người nào yêu thi hát”. Và ngay từ ngàn xưa, câu: “Ai hát hay là cầu nguyện gấp đôi” đã trở thành ngạn ngữ.

“40. Việc sử dụng ca hát trong cử hành Thánh Lễ phải là điều quan trọng, sau khi đã lưu ý đến cách cảm nghĩ của mỗi dân tộc và khả năng của mỗi cộng đoàn. Dù không luôn luôn cần phải hát tất cả các bản văn tự chúng đã được trù liệu để hát, chẳng hạn trong các Thánh Lễ ngày thường, nhưng trong các cử hành vào Chúa Nhật và lễ trọng thì lo sao đừng thiếu tiếng hát của các thừa tác viên và dân chúng.

Nhưng khi chọn lựa những phần để hát thực sự thì hãy dành ưu tiên cho những phần quan trọng hơn, nhất là những phần do vị

tư tế hay phó tế hay người giúp lễ hát, giáo dân thưa, hoặc những phần mà cả vị tư tế lẫn giáo dân cùng hát.

“41. Chiếm vị trí hàng đầu là hát grê-gô-ri-ô, như là đặc điểm của phụng vụ Rôma. Mọi loại thánh nhạc khác, nhất là đa giọng, cũng được phép sử dụng nếu chúng đáp ứng với tinh thần của hành vi phụng vụ và trợ giúp sự tham dự của mọi tín hữu. Vì giáo dân thuộc nhiều quốc tịch mỗi ngày một năng hội họp với nhau hơn, nên ước gì họ có thể cùng nhau hát bằng tiếng Latinh, ít là một vài kinh trong phần Thường Lễ, nhất là kinh Tin Kính và kinh Lạy Cha, với những cung điệu dễ hát” (Bản dịch Việt ngữ của linh mục P.X. Nguyễn Chí Cần, giáo phận Nha Trang). (Zenit.org 16-4-2013)

22. Khi linh mục đọc "Anh chị em hãy cầu nguyện để hy lễ của tôi...", thì cộng đoàn đứng phải không?

Hỏi: Sau khi linh mục rửa tay sau phần dâng bánh rượu, ngài đứng hướng về cộng đoàn và đọc lời mời: “Anh chị em hãy cầu nguyện để hy lễ của tôi cũng là của anh chị em...”. Tôi muốn hỏi rằng, tại thời điểm này của phụng vụ, cộng đoàn ở trong tư thế ngồi hay đứng? Trong nhiều cộng đoàn và quốc gia khác nhau, cộng đoàn giữ việc này trong nhiều tư thế khác nhau. Một số nơi đứng ngay ở lời mời “Anh chị em hãy cầu nguyện”, một số nơi đứng tại thời điểm lời nguyện trên lễ vật, và một số nơi đứng tại thời điểm kinh tiền tụng. Có một số nhầm lẫn vì hương không được sử dụng trong thánh lễ ngày thường. – G. S., Shkoder, Albania.

Đáp: Quy chế Tổng quát Sách Lễ Rôma nói như sau trong số 43:

“43. Tín hữu đứng: từ đầu ca nhập lễ, hoặc khi vị tư tế tiến tới bàn thờ, cho đến hết lời nguyện nhập lễ; khi hát A-lê-lu-ia trước Tin Mừng; khi công bố Tin Mừng; khi đọc kinh Tin Kính và lời nguyện cho mọi người; từ lời mời Orate, fratres (Anh em hãy cầu nguyện) trước lời nguyện tiến lễ cho đến hết lễ, trừ những gì sẽ nói sau.

“Còn ngồi: khi đọc các bài đọc và thánh vịnh đáp ca trước Tin Mừng, khi nghe diễn giảng và khi sửa soạn lễ phẩm cho phần dâng lễ; và tùy nghi khi giữ tĩnh lặng thánh sau hiệp lễ.

“Sẽ quỳ, khi truyền phép Mình Thánh, Máu Thánh, trừ khi vì lý do sức khỏe, vì nơi chật hẹp, hoặc vì quá đông người dự lễ, hay vì những lý do chính đáng khác, không thể quỳ được. Những người không quỳ khi truyền phép thì phải cúi mình sâu khi vị tư tế quỳ gối sau truyền phép.

“Tuy nhiên, Hội Đồng Giám Mục được quyền thích nghi các cử chỉ và điệu bộ ghi trong phần Thường Lễ của Sách Lễ Rôma, sao cho phù hợp với cách cảm nghĩ của mỗi dân tộc. Nhưng cũng phải liệu sao cho phù hợp với ý nghĩa và tính chất của từng phần Thánh Lễ. Ở đâu giáo dân có thói quen quỳ suốt sau câu tung hô Thánh Thánh Thánh cho đến hết Kinh Nguyện Thánh Thể, thì đó là điều đáng khen nên duy trì.

“Để có sự đồng nhất về cử chỉ và điệu bộ trong cùng một cử hành, các tín hữu phải tuân theo lời hướng dẫn của phó tế hay thừa tác viên giáo dân, hay vị tư tế theo như các sách phụng vụ qui định” (Bản dịch Việt ngữ của linh mục P.X. Nguyễn Chí Cần, giáo phận Nha Trang).

Tiêu chuẩn chung này được làm rõ thêm trong số 146:

“146. Trở lại giữa bàn thờ, vị tư tế đứng hướng về giáo dân, dang tay ra, rồi chấp lại, mời gọi họ cầu nguyện, mà rằng: “Anh chị em hãy cầu nguyện...”. Giáo dân đứng lên và thưa “Xin Chúa nhận lễ vật...”. Sau đó, vị tư tế dang tay đọc lời nguyện tiến lễ; cuối lời nguyện, giáo dân tung hô “A-men” (bản dịch của linh mục Cần).

Qui định này nói chưa rõ ràng hoàn toàn, là liệu giáo dân đứng lên ngay khi linh mục đọc “Anh chị em hãy cầu nguyện”, hay liệu giáo dân chờ cho đến khi linh mục đọc xong lời mời rồi giáo dân mới đứng lên và thưa lại “Xin Chúa nhận hi lễ bởi tay cha...”

Tuy nhiên, chữ đỏ của thánh lễ, khi đặt qui định rằng giáo dân đứng lên và thưa giữa “Anh chị em hãy cầu nguyện” và lời thưa của giáo dân, hàm ý rằng giáo dân nên đợi cho đến khi linh

mục đọc xong thì mới đứng lên, hoặc thưa kính trong khi đứng lên ngay khi linh mục đọc gần xong.

Phải nhìn nhận rằng điều này đòi hỏi một cộng đồng khá kỷ luật, để mọi người đứng lên đồng loạt với nhau khi linh mục kết thúc lời mời, và rằng các khoảnh khắc thỉnh lặng hoặc nhàm lẩn là không khó xảy ra.

Vì vậy, tôi không coi đây là một vấn đề đặc biệt, nếu ở một số nơi cộng đoàn đứng ngay lên khi linh mục đang đọc “Orate, fratres, Anh chị em hãy cầu nguyện”. Bởi vì cả lời mời và lời thưa đều ngắn, chúng hầu như không gây bất kỳ khó khăn nào.

Người ta không tiên liệu rằng cộng đoàn đứng lên sau lời thưa, mặc dầu Hội đồng Giám mục hợp pháp có thể đề xuất để chọn sự thay đổi trên so với sách lễ Rôma.

Thật là không phù hợp với truyền thống phụng vụ khi cộng đoàn vẫn ngồi trong lời nguyện trên lễ vật. Cộng đoàn thường đứng, hoặc đôi khi quỳ gối, khi linh mục đọc bất kỳ lời nguyện chủ sự nào trong thánh lễ. (Zenit.org 23-4-2013)

23. Giám mục có quyền giải thích luật phụng vụ như thế nào?

Hỏi: *Sách lễ mới buộc xuất bản một “sách hướng dẫn” của một giáo sư phụng vụ thuộc giáo phận, kèm theo một thư của Giám mục giáo phận nói rằng ngài xem sách hướng dẫn này như là “quy phạm”. Các linh mục đang đặt câu hỏi về nhiều điểm khác nhau, từ cuốn “hướng dẫn” này, xem đó như là cách diễn giải cá nhân, chẳng hạn: “3. Vị tư tế mang dây stola xung quanh cổ và rủ xuống ngực, chứ không mang chéo (Qui chế Tổng quát sách lễ Rôma, GIRM 340)”. Người ta tranh luận để biết liệu Qui chế Tổng quát sách lễ Rôma, số 340, có ý định này trong thực hành hay không. Người ta cũng tranh luận để biết liệu điều này và “các điểm thắc mắc” khác có là hợp pháp hay không (ví dụ, ban phép lành cho trẻ nhỏ đi theo hàng người rước lễ; không có lời giới thiệu hoặc lời chào thể tục, như nói “Chào anh chị em buổi sáng” trước khi làm*

dầu Thánh Giá, ...). Cha có thể vui lòng thảo luận các điểm gây tranh cãi này không ạ? - G. S., bang New York, Mỹ.

Đáp: Câu hỏi này liên quan đến một câu hỏi lớn hơn về đến các đặc quyền phụng vụ của các Giám mục địa phương, so với các luật phụng vụ phổ quát.

Thật ra, vị Giám mục có khá rộng thẩm quyền để đặt ra các qui định bắt buộc đối với giáo phận của ngài, trong một số lĩnh vực phụng vụ. Trong một số trường hợp, ngài cũng có thể giải thích luật phụng vụ, nếu không có sẵn lời giải thích của thẩm quyền cao hơn. Các qui định này là có tính bắt buộc trên mọi người, kể cả các nam nữ tu sĩ trong hầu hết các trường hợp.

Luật ngón tay cái liên quan đến quyền bính của Giám mục là ngài không nên cấm những gì mà luật phổ quát cho phép, và cũng không cho phép những gì mà luật phổ quát cấm. Như thế, chúng ta có thể đưa thêm một hệ luận rằng ngài không thể đưa ra một cách hợp pháp các qui định mới của phụng vụ.

Cũng như tất cả các qui chế tổng quát, có thể có trường hợp ngoại lệ hợp pháp, vốn có thể biện minh ngược lại với các khái niệm ấy trong các trường hợp đặc biệt.

Do đó, theo một câu trả lời từ Ủy ban phụng vụ của Hội Đồng Giám Mục Mỹ, Qui chế Tổng quát sách lễ Rôma (QCTQSLRM) trao cho Giám mục thẩm quyền đặc biệt để điều chỉnh phụng vụ Thánh Lễ trong các lĩnh vực như sau: “Công bố các qui định về việc đồng tế thánh lễ (QC, số 202.), việc giúp vị tư tế nơi bàn thờ (QC, số 107), rước lễ dưới hai hình (QC, số 282-283), qui tắc về thiết kế thánh đường và sửa chữa thánh đường (QC, số 291 và 315), thích nghi các cử chỉ và điệu bộ (QC, số 43, 3), âm nhạc phụng vụ (QC, số 48 và 87), và chọn các ngày khấn nguyện (QC, số 373)”.

Các tài liệu khác đề cập đến quyền của Giám mục để đặt ra các qui chế liên quan “Quy định cử hành Thánh Lễ trên đài phát thanh, truyền hình và qua mạng internet, và trách nhiệm của ngài về thiết lập một lịch giáo phận”.

Vì vậy, nguyên tắc nói rằng Giám mục không nên “cấm những gì được cho phép” cũng có nghĩa là ngài “đừng làm mất sự tự do, đã được các sách phụng vụ dự liệu, để thích ứng, một cách sáng suốt, việc cử hành vào cơ cấu thánh, hay vào nhóm tín hữu, hay là vào các hoàn cảnh mục vụ, để thể nào toàn bộ nghi lễ thánh được thực sự thích nghi vào tâm thức của con người” (xem Huân thị *Redemptionis Sacramentum*, số 21, Bản dịch Việt Ngữ của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam)

Chẳng hạn, một Giám mục có thể thường không cấm việc sử dụng Kinh Nguyên Thánh Thể III, hoặc không quy định rằng Kinh nguyên này luôn được sử dụng cho các Thánh lễ an táng.

Việc không cho phép những gì bị cấm, có nghĩa là nói chung một Giám mục không thể đi trái với một qui chế rõ ràng của sách phụng vụ. Ví dụ, một Giám mục thường không có thẩm quyền cho phép không quỳ gối ở bất cứ nơi nào trong giáo phận của ngài, bởi vì việc quỳ là rõ ràng được dự liệu trong các sách phụng vụ.

Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận rằng các Giám mục có quyền hạn rộng về ban miễn chuẩn, và có thể cho phép một số ngoại lệ so với luật phụng vụ phổ quát, vì một lý do chính đáng. Ví dụ, nếu một vài nhà thờ trong giáo phận không có bàn quỳ, và việc sắm bàn quỳ là rất khó khăn về mặt kỹ thuật hay không khả thi về mặt kinh tế trong thời gian ngắn, một Giám mục có thể cho phép giáo xứ ấy bỏ việc quỳ gối và giữ tư thế đứng thống nhất trong Thánh Lễ, ít là cho đến khi có một giải pháp khác.

Việc không đưa ra các điều mới lạ có nghĩa rằng - không Giám mục nào có quyền đưa ra bất cứ sự thực hành phụng vụ mới nào. Câu trả lời trên đây của các Giám mục Mỹ nói: “Ngoại trừ các thay đổi này và các thay đổi khác của luật được giao cách rõ ràng cho Giám Mục Giáo phận, không thay đổi bổ sung nào cho luật phụng vụ có thể được đưa ra cho việc thực hành phụng vụ giáo phận, mà không có sự chấp thuận đặc biệt trước của Tòa Thánh”.

Về một số “điểm gây thắc mắc” được độc giả của chúng tôi nêu ra, cần phải nhớ rằng vị Giám mục không có thẩm quyền để

giải thích luật và đưa ra các qui chế nhất quán với cách giải thích ấy.

Vì vậy, nếu một Giám mục chấp nhận việc giải thích rằng Qui chế Tổng quát sách lễ Rôma, số 340, loại trừ việc mang chéo dây stola trong hình thức thông thường, hoặc lời chào thể tục khi bắt đầu Thánh lễ cần được bỏ qua, điều này là tốt trong quyền hạn của ngài trong việc điều hành phụng vụ và là một giải thích hợp lý của luật. Việc liệu Qui chế Tổng quát sách lễ Rôma, số 340, có ý tích cực loại trừ sự mang chéo dây stola hay không, sẽ không tạo sự khác biệt cho khả năng rằng Giám mục có thể xem đây là một suy luận hợp lý, và đặt ra một qui định để bảo đảm một sự thực hành chung trong thánh lễ đồng tế. Vấn đề ban phép lành cho trẻ em trong hàng người rước lễ là khó hơn, bởi vì ở đây chúng ta đang đối phó với một sự mới lạ. Nhiều nguồn tin cho biết rằng Tòa Thánh ít ủng hộ việc này. Tuy nhiên, các Hội đồng Giám mục và cá nhân Giám mục đưa ra tín hiệu lẫn lộn.

Từ quan điểm pháp lý, tôi sẽ nói rằng, do là một sự mới lạ, một Giám mục sẽ ngăn cấm việc thực hành này trong thẩm quyền của ngài. Nếu được thuyết phục, ngài có thể xem nó như là một tùy chỉnh mục vụ hữu ích, trừ phi cuối cùng Tòa Thánh sẽ quyết định cách khác. Tuy nhiên, ngài không nên áp đặt về mặt pháp lý sự thực hành này cho các linh mục của ngài, vì điều này sẽ cố gắng để đưa ra một sự mới lạ về phụng vụ. (Zenit.org 7-5-2013)

24. Có cung điệu để hát cho bài ca Tin Mừng không?

Hỏi: *“Tôi không có khả năng phân biệt chính xác các nốt nhạc khác nhau, nhưng rất thích hát bài Tin Mừng, ít là cho lễ Giáng Sinh và lễ Phục Sinh. Liệu có phiên bản âm nhạc rất đơn giản nào cho các giáo sĩ trong tình hình không may của tôi hay không? Nếu không, chúng tôi sẽ tạo một sự sám hối nặng nề cho cộng đoàn vào một thời điểm không phù hợp trong niên lịch phụng vụ” - Một linh mục*

Đáp: Trên nguyên tắc, tất cả các bài hát Tin Mừng phải là khá đơn giản. Trong thực tế Đức Thánh Giáo Hoàng Grêgôriô Cả đã cấm pho tế hát các giai điệu thánh vịnh phức tạp và khá tự do, và giới hạn họ vào các cung điệu đơn giản của bài Tin Mừng, như vậy là không được phô trương trong phụng vụ. Ngài nói rằng ca viên phụng vụ bàn thờ sẽ làm Thiên Chúa tức giận bằng thói quen của mình, mặc dù người ấy (ca viên) mê hoặc mọi người với các giai điệu trầm bổng của mình.

Tuy nhiên, nếu một người không có khả năng làm chủ ngay cả các bài hát đơn giản, tốt hơn nên đề nghị sự giúp đỡ của một giáo sĩ khác, hoặc kiểm chế không nên gây sự khó chịu và đau khổ. Thật là đáng tiếc nếu mọi người đều nói rằng vị linh mục đã hết sức cố gắng trong mọi ý nghĩa của từ ngữ.

Liên quan đến điều này, một độc giả ở Melbourne, Úc, hỏi về hát Alleluia: “Khi tôi lớn lên, tôi nhớ cả cộng đoàn đều hát hoặc đọc Alleluia (hoặc thánh ca Mùa Chay), người đọc hoặc ca viên sẽ đọc hoặc hát câu quy định (hoặc đôi khi cả ca đoàn cùng hát) và sau đó tất cả mọi người sẽ hát hoặc đọc Alleluia một lần nữa. Việc thực hành mới, vốn hiện nay dường như là một qui định ít hay nhiều được chấp nhận ở hầu hết các giáo xứ, là toàn cộng đoàn hát hay đọc cả câu qui định và Alleluia. Tôi cảm thấy không hoàn toàn thoải mái với việc thực hành này, và tôi miễn cưỡng tham gia câu hát, nhưng tôi không chắc chắn liệu sự miễn cưỡng của tôi là đặt nhầm chỗ không. Tôi hiểu rằng Qui chế Tổng quát Sách lễ Rôma (GIRM, số 62, “Sau bài đọc đi liền trước bài Tin Mừng thì hát Alleluia, hay bài hát khác, theo luật chữ đỏ, như mùa phụng vụ đòi hỏi. Lời tung hô này được thực hiện ở tư thế đứng, vì cộng đoàn tín hữu chào đón Chúa sẽ nói với mình trong Tin Mừng và biểu lộ đức tin bằng bài ca. Mọi người đứng cùng hát, được ca đoàn hoặc một ca viên khởi xướng, hoặc lặp lại câu ca đoàn hay một ca viên đã hát”) cho biết rằng câu riêng được dành cho một ca viên hay ca đoàn, và tôi cho rằng, bằng cách nói mở rộng, nó là dành cho người đọc hoặc người hát Thánh vịnh đọc. Tôi quá thận trọng và bối rối về điều này chăng? Liệu tôi chỉ hiểu nghĩa đen khi đọc Qui chế

Tổng quát Sách lễ Rôma chẳng, hoặc là sự lựa chọn được mô tả ở trên được nói trong một tài liệu nào mà tôi không biết chẳng?”

Đáp: Tôi xin nói rằng cả hai hình thức là hoàn toàn chấp nhận được, phù hợp với khả năng của cộng đoàn để hát. Nếu cộng đoàn có khả năng hát toàn câu, thì nên làm như vậy.

Nếu cộng đoàn chỉ có khả năng hát câu Alleluia, nhưng một ca viên có thể hát câu qui định, thì toàn cộng đoàn đọc câu ấy thì tốt hơn.

Nói cách khác, giải pháp cho phép hát là được ưa thích hơn.

Các câu alleluia của nhạc bình ca dành cho lễ trọng là rất phức tạp, được sáng tác cho toàn ca đoàn (hay cộng đoàn Dòng tu) hát, do đó việc hát toàn bộ Alleluia là chắc chắn bắt nguồn từ truyền thống.

Các alleluia này vẫn có thể dùng được, nhưng đòi hỏi ca đoàn hoặc cộng đoàn tập dượt kỹ để hát cho tốt. (Zenit.org 7-5-2013)

25. Xin cho biết các mức độ của việc làm phép

***Hỏi:** Tôi là một linh mục Công Giáo, tôi tin rằng nhờ việc truyền chức thánh, sự gì được một linh mục hợp pháp làm phép thì đã được làm phép chúc phúc. Như thế không có việc làm phép nữa rồi. Sự gì được làm phép là thánh thiêng và có tính bí tích trong bản chất. Tôi cảm thấy khó chịu khi nhìn thấy một số linh mục làm phép nước để dùng cho việc truyền phép, trước khi thêm chút nước vào chén thánh – các ngài cũng dùng phần còn lại của nước này để rửa tay và tráng chén. Phần còn lại sau đó cũng được duy trì cho quá trình tương tự trong thánh lễ kế tiếp. Liệu điều này có đúng về phụng vụ không? - C. I., bang Imo, Nigeria*

Đáp: Trước hết tôi có thể nói rằng chữ đỏ không tiên liệu việc linh mục làm phép nước hoặc làm dấu thánh giá trên nước, trước khi bỏ chút nước vào chén thánh.

Sách Lễ Roma chỉ đơn giản nói: “Phó tế, hoặc linh mục, rót rượu và một chút nước vào chén thánh”

Do đó, nếu một linh mục sử dụng hình thức bình thường sau nghi thức này, sự nhầm lẫn không xảy ra.

Việc thực hành làm dấu thánh giá trên chai nước dường như bắt nguồn từ hình thức ngoại thường. Trong hình thức này, linh mục làm dấu thánh giá trên chai nước, khi người giúp lễ cầm tới và linh mục bắt đầu lời nguyện: “Deus, qui humanae substantiae”, khi ngài đọc tới “da nobis per huius acque et vini mysterium”, ngài cầm chai nước bằng tay phải và rót chút nước vào chén thánh.

Dù nguồn gốc của sự thực hành này là gì chăng nữa, việc làm dấu thánh giá trên một đồ vật là không tự động tương đương với việc làm phép cho nó. Ví dụ, hình thức ngoại thường có nhiều lần làm dấu thánh giá, vốn không là làm phép, nếu nói một cách chặt chẽ. Thật vậy, bởi vì một số trong các dấu thánh giá này được làm trên chính Mình Máu Thánh, chúng có thể không bao giờ được xem là việc làm phép, vì không ai có thể làm phép cho Chúa.

Ngoài ra còn có việc làm phép thuộc các loại khác nhau. Ví dụ, Giáo Hội có một nghi thức riêng để làm phép nước, và nó đòi hỏi nhiều điều hơn là một dấu thánh giá đơn giản. Có một lời cầu nguyện dài diễn tả ý định của Giáo Hội và các mục tiêu trong việc làm phép nước cho sự sử dụng đạo đức. Lời cầu nguyện này thường được sử dụng, mặc dù nó có thể được đọc vắn tắt trong trường hợp khẩn cấp. Chúng được gọi là việc làm phép cấu thành, vốn làm thay đổi mục đích của vật và dành nó cho sự sử dụng thánh thiêng hoặc phụng vụ.

Nó không giống như khi một linh mục làm phép bữa ăn trước khi ăn. Ở đây thực phẩm không trở nên thánh thiêng, và có thể được tái sử dụng nếu còn dư lại. Chúng thường được gọi là việc làm phép khẩn cầu, vì chúng chỉ cầu xin Chúa xuống ơn cho người và đồ vật, mà không làm thay đổi bản tính của họ hoặc làm cho họ nên thánh.

Do đó không phải là đúng khi nói rằng một khi linh mục đã làm phép cho vật gì, thì vật ấy được làm phép chúc phúc luôn luôn

và thường xuyên. Giáo Hội nhìn nhận nhiều mức độ của việc làm phép, và nhiều tình huống khác nhau, và do đó tổ chức các nghi thức của mình một cách phù hợp. (Zenit.org 14-5-2013)

26. Linh mục mới truyền chức có phải là vị đồng tế trong thánh lễ truyền chức của họ không?

Hỏi: *Liệu linh mục mới được truyền chức đọc các phần riêng của Kinh nguyện Thánh Thể không? Bối cảnh là như sau: Trong một Thánh Lễ truyền chức, một trong các linh mục của chúng tôi không cho phép tân linh mục đọc một phần của Kinh Nguyện Thánh Thể dành cho vị đồng tế. Ngài lập luận rằng tân linh mục không phải là vị đồng tế từ đầu Thánh lễ, bởi vì vị này không đi vào lễ đồng tế như là một linh mục, nhưng (tất nhiên) như là một phó tế. - A. P., Thành phố Tagaytay, Philippines.*

Đáp: Linh mục ấy nói sai rồi.

Sách Nghi Thức Giám Mục, số 518, gợi ý tiêu chuẩn hoàn toàn trái ngược với tiêu chuẩn được linh mục ấy đề nghị. Số 518 nói:

“Tất cả các linh mục đồng tế với vị Giám mục trong Thánh lễ truyền chức của họ. Thật là phù hợp nhất khi Đức Giám Mục thừa nhận các linh mục khác đến đồng tế; trong trường hợp này và trong ngày này, các tân linh mục được dành chỗ nhất, trước các linh mục khác trong lễ đồng tế”.

Sau đó, số 540 quy định rằng sau khi lễ truyền chức hoàn tất:

“Trong phụng vụ Thánh Thể, nghi thức lễ đồng tế phải được tuân giữ, nhưng việc chuẩn bị chén thành được bỏ qua [bởi vì nó đã được chuẩn bị trong phần nghi thức diễn nghĩa của lễ truyền chức rồi].”

Do đó, sự hiện diện của các vị đồng tế khác ngoài các tân linh mục, trong khi được khuyến khích, không phải là một điều nhất thiết. Trong trường hợp chỉ có tân linh mục, rõ ràng rằng họ giữ vai trò là vị đồng tế, và đọc các phần dành cho họ.

Tương tự như vậy, lập luận rằng tân linh mục không được đọc một phần Kinh Nguyên Thánh Thể là có vẻ vô lý, khi họ phải đọc các phần trung tâm của Kinh nguyện này, đặc biệt là phần Truyền phép. Dầu sao, đây là thánh lễ đầu tiên của các vị trong đời linh mục.

Việc tân linh mục đọc Lễ quy cũng có trong hình thức ngoại thường, mặc dù hình thức này không tính đến việc đồng tế.

Trong hình thức này, các tân linh mục quỳ, đọc các lời nguyện của Thánh Lễ cùng với vị Giám mục, bắt từ kinh “*Suscipe sancte Pater*” trở về sau. Tuy nhiên, họ không thực hiện các nghi lễ chỉ dành cho Giám mục. Khi rước lễ, họ rước Mình Thánh ngay sau khi Giám mục rước Máu Thánh. Trong trường hợp các tân linh mục, Giám mục cho rước lễ, bỏ qua công thức thông thường.

Một số nhà thần học gợi ý rằng các đặc thù riêng của nghi thức truyền chức trong hình thức ngoại thường là phần sót lại của các thực hành cổ xưa của việc đồng tế vẫn còn trong Giáo Hội Latinh, trước khi sự phục hồi được Công Đồng chung Vatican II thực hiện.

Sự thực hành việc đồng tế vẫn tiếp tục liên tục trong hầu hết các Giáo Hội Đông Phương. Trong Giáo Hội Latinh, nó dường như đã dần dần biến mất. Việc nhắc đến nó lần cuối là vào khoảng năm 1140, nhưng chỉ dành cho Thánh Lễ thứ ba của lễ Giáng sinh ở Rôma.

Đức Thánh Cha Innocent III (1198-1216) đã biết về việc thực hành, nhưng có ý kiến rằng nó không còn diễn ra vào thời Ngài. Dấu vết sớm nhất của việc đọc chung Lễ quy trong lễ đồng tế là vào dịp lễ tấn phong một Giám mục mới, trong một Sách nghi thức Giám mục ở thế kỷ XII, và rằng việc đọc chung của tân linh mục xuất hiện lần đầu tiên trong sách Nghi thức của Giáo triều Rôma kể từ thế kỷ XIII.

Do sự gián đoạn của nhiều thế kỷ trong các bằng chứng tài liệu, thật khó để chứng minh rằng việc đọc chung Lễ quy bởi các tân linh mục là một sự tiếp nối trực tiếp của việc thực hành xưa của việc đồng tế. Tuy nhiên, việc đưa nó vào trong các bản thảo

thời trung cổ của Sách nghi thức Rôma có thể đã chịu ảnh hưởng bởi các nguồn, vốn không còn hiện hữu nữa. (Zenit.org 4-6-2013)

27. Tràng hạt Mân côi được làm phép ra sao?

Hỏi: *Tôi đi lễ, mang theo một tràng hạt Mân côi, để xin cha xứ làm phép tràng hạt này sau thánh lễ, nhưng cha xứ từ chối. Ngài nói rằng lời ban phép lành cuối lễ là đủ cho việc làm phép tràng hạt của tôi rồi, nên không cần làm phép lại nữa, và rằng đức tin của tôi cho phép tôi tin rằng sự làm phép tràng hạt lại là không cần thiết. Bởi vì tôi vâng lời các cha xứ của tôi, nên tôi tin ngài, và muốn đức tin của tôi là đơn giản và an toàn như ngài mong ước. Tôi xin hỏi cha rằng liệu lời ban phép lành cuối lễ là 'đủ tốt' để làm phép cho các á bí tích chẳng, ngay cả đó không phải là ý định của tôi tại thời điểm lời ban phép lành cuối lễ được thực hiện? – Một độc giả.*

Đáp: Câu trả lời vẫn tắt là không được.

Lời ban phép lành cuối lễ là lời chúc lành khẩn cầu trên những người hiện diện trong thánh lễ ấy, để cho trong một cách nào đó, họ mang hoa trái của Thánh lễ theo họ và vào cuộc sống thường ngày của họ. Trong chủ định của Giáo Hội, đây là một lời ban phép lành cho con người, chứ không cho đồ vật.

Khi Giáo Hội muốn làm phép một đồ vật, Giáo Hội có các nghi thức riêng để làm như vậy. Các nghi thức ấy có sẵn trong phần III của cuốn “Sách các Phép”, có tựa đề “Nghi thức làm phép các đồ dành để tỏ lòng đạo đức và sốt sắng”, có một chương dành riêng cho việc làm phép tràng hạt Mân côi với hai nghi thức làm phép, tùy thuộc vào việc có nhiều hay ít tràng hạt để được làm phép.

Trong trường hợp đặc biệt, một linh mục hay phó tế cũng có thể làm phép tràng hạt cách đơn giản như sau: “Xin Chúa chúc lành cho người sốt sắng cầu nguyện với Tràng hạt Mân Côi này, và làm phép cho tràng hạt, nhân danh Cha và Con và Thánh Thần”.

Nói cách khác, có nghi thức làm phép riêng cho mỗi đồ vật. Cũng cần lưu ý rằng mặc dù nghi thức làm phép tràng hạt tiên liệu khả năng cử hành làm phép trong cộng đoàn, nó không bao gồm một nghi thức làm phép tràng hạt trong Thánh Lễ.

Một trường hợp ngoại lệ cho luật chung này việc Đức Thánh Cha làm phép các đồ vật. Tại các cuộc tiếp kiến chung, người ta thường thông báo chính thức rằng Đức Thánh Cha sẽ làm phép cho mọi đồ vật đạo đức do khách hành hương đem tới.

Mặc dù không có thông báo như vậy vào các dịp khác, Đức Thánh Cha cũng biết rằng nhiều người hành hương chỉ có thể tham dự một sự kiện có sự hiện diện của Ngài, và rằng họ cũng mang theo các đồ vật đạo đức để được làm phép trong giờ Kinh Truyền Tin hàng tuần, và trong các Thánh Lễ giáo hoàng. Do đó, việc làm phép các đồ vật này được đưa vào trong ý định của Ngài vào thời điểm Ngài ban phép lành. (Zenit.org 28-5-2013)

28. Nước được rót chút ít vào một hay nhiều chén thánh có rượu?

Hỏi: *Khi Máu Chúa Kitô sẽ được nhiều người rước lấy, linh mục chuẩn bị ba hoặc bốn chén thánh có sẵn rượu. Trước khi truyền phép, một số linh mục chỉ rót chút nước vào một chén thánh, trong khi một số linh mục khác lại rót nước vào tất cả các chén thánh có sẵn rượu. Xin hỏi quy tắc thông thường là rót nước như thế nào? Việc thiếu sự thống nhất trong việc này có thể là không tốt, vì nó có thể tạo ra sự nhầm lẫn trong tâm trí các tín hữu.*
- T. K., Mumbai, Ấn Độ.

Đáp: Các chuyên viên phụng vụ đã tranh luận về sự thực hành đúng cách trong trường hợp này, nhưng không có giải pháp dứt khoát được tìm thấy như là sự thực hành tốt nhất. Theo tôi biết, cũng không có lập trường chính thức nào liên quan đến điểm này.

Việc sử dụng nhiều chén thánh được tìm thấy trước tiên trong các thánh lễ đồng tế, nhưng cũng còn được tìm thấy trong các thánh lễ mà các người tham dự được rước lễ dưới hai hình.

Chữ đo chỉ nói ở số ít, nói rằng thầy phó tế hay linh mục “rót rượu và chút nước vào chén thánh...” (Qui chế Tổng quát Sách Lễ Rôma, số 178).

Đặc điểm kỹ thuật liên quan đến chén thánh chính có nghĩa là sẽ không dùng phụng vụ khi trộn nước với rượu trong một chai lớn hoặc hũ lớn lúc dâng lễ, và sau đó đổ rượu vào nhiều chén thánh.

Nói về việc đồng tế trong thánh lễ, Qui chế Tổng quát Sách Lễ Rôma không chỉ định nghi thức đặc biệt nào:

“214. Phần chuẩn bị lễ phẩm (xem ở trên, các số 139-145) do chủ tế làm, các vị đồng tế khác ngồi tại chỗ” (Bản dịch Việt ngữ của linh mục Phanxicô Xavier Nguyễn Chí Cần, GP Nha Trang).

Các qui định được công bố bởi Hội đồng Giám mục Mỹ về việc cho rước lễ dưới hai hình cũng không làm rõ điểm này, vì các ngài chỉ đề cập đến chén thánh có rượu:

“36. Bàn thờ được thầy phó tế và các người giúp lễ dọn sẵn với khăn thánh, khăn lau chén, Sách Lễ, và chén thánh (trừ khi chén được chuẩn bị ở bàn bên cạnh). Lễ phẩm bánh và rượu được các tín hữu đem lên, và được tiếp nhận bởi linh mục hay thầy phó tế tại một địa điểm thuận tiện. Nếu một chén thánh là không đủ cho việc rước lễ dưới hai hình cho các linh mục đồng tế hay tín hữu của Chúa Kitô, một số chén thánh có rượu được đặt trên một khăn thánh trên bàn thờ trong một nơi thích hợp. Thật đáng tán dương khi chén thánh chính là lớn hơn so với chén thánh khác được chuẩn bị cho việc rước lễ”.

Mặt khác, Bộ Giáo Luật, số 924, nói: “Hy Lễ Thánh Thể phải được cử hành bằng bánh và rượu có pha chút nước” (Bản dịch Việt ngữ của các Linh Mục Nguyễn Văn Phương, Phan Tấn Thành, Vũ Văn Thiện, Mai Đức Vinh).

Tuy nhiên, thật là chưa rõ ràng nếu câu này có nghĩa là nước phải được rót một chút vào mỗi chén thánh, hoặc có nghĩa là nước được rót một chút vào chén thánh chính là đủ rồi.

Một số chuyên viên giải thích điều luật này là yêu cầu nước được rót một chút vào mỗi chén thánh vì mục đích của tính hợp thức (nó sẽ không ảnh hưởng đến tính thành sự của việc cử hành).

Một số chuyên viên khác lại cho rằng thật là đủ khi rót chút nước vào chén thánh chính, như là đại diện cho một chén duy nhất và tạo nên một sự thống nhất đạo đức cho mục đích truyền phép.

Trong trường hợp này, cũng là tương tự cho sự việc rằng linh mục chỉ dâng một đĩa thánh, ngay cả khi có nhiều bình thánh trên bàn thờ. Cũng như thế, một chén thánh tượng trưng cho các chén thánh khác. Lập luận này là khá vững chắc từ quan điểm thần học, và có nghĩa rằng việc rót chút nước vào chén thánh chính là vừa hợp thức vừa thành sự.

Như chúng tôi đã nói ngắn gọn về chủ đề trên ngày 9-10-2007, lập trường thần học này “cũng giải quyết vấn đề nhìn thấy cách vô duyên một phó tế hay linh mục rót chút nước vào nhiều chén thánh đã sắp sẵn trên bàn thờ”.

Đối với những người giải thích điều luật 924 một cách chặt chẽ, có hai khả năng đơn giản: “Nếu chỉ có thêm hai chén thánh, thì rượu và nước, hay chỉ nước (nếu các chén thánh thêm đã được chuẩn bị) có thể được rót sẵn trong tất cả các chén thánh trong phần chuẩn bị lễ vật.

“Nếu có nhiều chén thánh, thì nước và rượu có thể được rót sẵn trong tất cả các chén thánh ngoại trừ chén thánh chính, khi các chén thánh được chuẩn bị trước khi Thánh lễ bắt đầu.

“Giải pháp thứ hai này thường được thực hiện bởi các người phụ trách phòng thánh ở Vatican, cho các thánh lễ đồng tế đồng người tại Quảng trường Thánh Phêrô”.

Do thiếu một tuyên bố chính thức về vấn đề này, tôi có thể nói rằng cả hai việc thực hành, chỉ rót chút nước trong chén thánh chính, hoặc rót chút nước trong tất cả các chén thánh, có thể được thực hiện một cách hợp pháp. (Zenit.org 18-6-2013)

29. Lời nguyện “*Infra Actionem, Trong Lễ Quy, Cùng hiệp thông*” xuất hiện từ khi nào?

Hỏi: Một chữ đỏ gây nhiều chú ý đã xuất hiện trong Sách Lễ Rôma. Ngay trước lời đọc “*Communicantes, Hiệp thông cùng*” (số 86) trong Kinh Nguyện Thánh Thể I, xuất hiện cụm từ “*Infra Actionem, Trong Lễ Quy, Cùng hiệp thông*”. Ý nghĩa của cụm từ này đã khiến tôi thắc mắc. Liệu “*Trong Lễ Quy, Cùng hiệp thông*” là chính Kinh nguyện Thánh Thể chăng? Nếu vậy, tại sao “*Communicantes, Hiệp thông cùng*” được nói rõ, vì tất cả lời nguyện khác cũng thuộc về Kinh nguyện Thánh Thể? Hoặc liệu lời nguyện “*Communicantes, Hiệp thông cùng*” có một vị thế đặc biệt trong Kinh nguyện Thánh Thể chăng? - D. J., Buffalo, New York.

Đáp: Lời nguyện “*Infra Actionem, Trong Lễ Quy, Cùng hiệp thông*” là dài nhất trong ba lời nguyện, vốn có tiêu đề trong Sách Lễ Rôma. Số 85, bắt đầu bằng “*Lạy Chúa, xin nhớ đến (những) tôi tớ của Chúa là T...*” có tiêu đề “*Cầu cho kẻ sống*” (Commemoratio pro vivis). Số 95, sau khi truyền phép và các lời nguyện khác, có tiêu đề là “*cầu cho người đã qua đời*” (Commemoratio pro defunctis). Ý nghĩa của hai lời nguyện này là hiển nhiên; còn ý nghĩa của lời nguyện “*Trong Lễ Quy, Cùng hiệp thông*”, như bạn đọc trên đây ghi nhận, là dường như khó hiểu đối với rất nhiều người, ngoại trừ các chuyên viên phụng vụ.

Trong khi các học giả phụng vụ đặt tên cho các phần khác của Kinh nguyện Thánh Thể, ba tên gọi này là các tên duy nhất được tìm thấy trong chính Sách lễ.

Tiêu đề “*Infra Actionem, Trong Lễ Quy, Cùng hiệp thông*” được tìm thấy trong Lễ Quy Rôma ngay trước lời nguyện “*Communicantes, Hiệp thông cùng*”: “*Hiệp thông cùng Hội Thánh, chúng con kính nhớ: Trước hết Đức Ma-ri-a vinh hiển trọn đời đồng trinh, Mẹ của Đức Giêsu Kitô, là Thiên Chúa, và là Chúa chúng con; sau là thánh Giuse, bạn Đức Trinh Nữ, các thánh...*”

(Communicantes, et memoriam venerantes, in primis gloriosae semper Virginis Mariae, Genetricis Dei et Domini nostri Iesu Christi: sed et beati Ioseph, eiusdem Virginis Sponsi, et beatorum Apostolorum ac Martyrum tuorum...)”. Lời nguyện “Communicantes, Hiệp thông cùng” nhấn mạnh mối tương giao của chúng ta với các thánh trong lúc đồng thời, khi nói rằng chúng ta tưởng nhớ các ngài, chúng ta nhận thức được một khoảng cách vẫn còn ngăn cách chúng ta với các ngài, và chúng ta cần sự cầu bầu của các ngài cho chúng ta.

Đường như cụm từ “Infra Actionem, Trong Lễ Quy, Cùng hiệp thông” qui chiếu trong lịch sử đến một công thức tùy biến được đưa vào bản văn cố định trong các dịp lễ đặc biệt. Các từ này có nghĩa rằng lời nguyện đi theo phải được đưa vào trong “Trong Lễ Quy, Cùng hiệp thông”. Vì vậy, chắc chắn là lời nguyện “Communicantes, Hiệp thông cùng” không phải là một phần cố định của Lễ Quy Rôma, nhưng được chèn vào trong các dịp lễ đặc biệt. Dần dần nó đã trở thành một phần cố định thường xuyên của Kinh nguyện Thánh Thể với một số công thức tùy biến vào các dịp lễ đặc biệt.

Các tiêu đề này được tìm thấy trong *Sách Bí tích Gelasio* (Liber Sacramentorum Engolismensis), một bản văn phụng vụ Rôma, được viết trong thế kỷ thứ VI hoặc thứ VII, từ đó nó du nhập dần dần vào Sách Lễ Rôma.

Các thủ bản Gelasian cũng giúp chúng ta hiểu được ý nghĩa của cụm từ ngữ mơ hồ “Infra Actionem, Trong Lễ Quy, Cùng hiệp thông”. Nó thường thay thế cho cuộc đối thoại ban đầu của Kinh tiền tụng như là “Incipit canon actionis” (“ở đây bắt đầu lễ quy của hành động”). Điều này có nghĩa rằng văn bản mở đầu Kinh Nguyện Thánh Thể được chỉ định là lễ quy (tiêu chuẩn hoặc khung cố định) của hoạt động thiêng liêng tiếp theo. Hoạt động thiêng liêng này bao trùm tất cả các khía cạnh của Kinh nguyện Thánh Thể.

Dần dà từ ngữ Lễ quy này đã được đồng hóa với Kinh Nguyện Thánh Thể Rôma (tức Kinh Nguyện Thánh Thể I).

Trong các văn bản Gelasian, tiêu đề “ Infra Actionem, Cùng hiệp thông” thường đứng trước các công thức “Communicantes, Hiệp thông cùng” được chen vào trong năm phụng vụ. Nó dường như xuất hiện trước lời nguyện đa dạng “Hanc Igitur, Vì vậy”, lời cầu nguyện bắt đầu bằng các chữ “Vì vậy, lạy Chúa, xin vui lòng chấp nhận lễ vật của chúng con là tôi tớ Chúa, và của toàn thể gia đình Chúa...(Hanc igitur oblationem servitutis nostrae, sed et cunctae familiae tuae, quaesumus, Domine, ut placatus accipias)”

Nhưng không rõ là từ khi nào tiêu đề “ Infra Actionem, Cùng hiệp thông” đứng một mình, trước lời nguyện “Communicantes, Hiệp thông cùng”, được đọc mỗi ngày trong Thánh Lễ nghi thức Rôma trong hơn một ngàn năm qua.

Sách Lễ Rôma hiện nay có các lời nguyện đặc biệt “Communicantes, Hiệp thông cùng” trong tuần bát nhật của Lễ Giáng Sinh và Lễ Phục Sinh, Thứ Năm Tuần Thánh, Lễ Hiện Linh, Lễ Thăng Thiên và Lễ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống.

Lời nguyện “Hanc Igitur, Vì vậy” cũng có các công thức khác nhau cho Thứ Năm Tuần Thánh, lễ vọng Phục Sinh, và tuần bát nhật Phục Sinh. Sách nghi lễ cho bí tích và á bí tích cũng cung cấp các lời nguyện chen đặc biệt vào thời điểm này cho nghi thức Rửa tội, nghi thức Thêm Sức, Rước lễ Vỡ Lòng, Truyền chức Thánh, Hôn Phối, An táng, Khấn trọn trong Dòng tu,... (Zenit.org 25-6-2013)

30. Khi nào kinh Vinh Danh được bỏ hoặc hát?

Hỏi 1: *Khi một lễ Truyền chức linh mục diễn ra vào một ngày không phải là một lễ trọng hoặc lễ kính, kinh Vinh Danh (Gloria) được hát không? Nghi thức lễ Truyền chức chỉ nói rằng sau cuộc rước, “phụng vụ lời Chúa diễn ra đúng theo chữ đỏ” (6). Theo đó, sẽ không hát kinh Vinh Danh, nếu Thánh Lễ diễn ra vào một ngày lễ nhớ. Tuy nhiên, trong tất cả các lễ Truyền chức mà tôi đã tham dự, kinh Vinh Danh luôn được hát, như thể liệu người ta*

có làm theo đúng chữ đồ hay không. Xin cha làm sáng tỏ điều này.
- H. H., Berkeley, California, Mỹ.

Hỏi 2: *Trong thánh lễ Chúa Nhật có nghi thức rửa tội, ngoài việc bỏ qua nghi thức chào cộng đoàn và nghi thức sám hối, liệu kinh Vinh Danh có bị bỏ qua luôn không?* – A. C, Townsville, Australia.

Đáp: Vì cả hai câu hỏi có liên quan với nhau, tôi sẽ giải quyết chung với nhau.

Số 53 của “Qui chế tổng quát sách lễ Rôma” nói:

“Kinh Vinh Danh là một thánh thi rất cổ kính, mà Hội Thánh, được đoàn tụ trong Chúa Thánh Thần, dùng để tôn vinh Chúa Cha và cầu khẩn Chiên Con. Không được thay đổi bản văn của kinh này bằng một bản văn khác. Vị tư tế hay, tùy nghi, một ca viên hay ca đoàn xướng lên, rồi mọi người cùng hát chung, hay luân phiên giữa giáo dân và ca đoàn, hay chỉ ca đoàn. Nếu không hát thì phải đọc, hoặc mọi người đọc chung, hoặc chia hai bè đối đáp.

“Kinh này được hát hay đọc trong các Chúa Nhật ngoài Mùa Vọng và Mùa Chay, trong các lễ trọng và lễ kính, và trong các dịp lễ khá long trọng” (bản dịch Việt ngữ của linh mục Phanxicô Xavier Nguyễn Chí Cần, giáo phận Nha Trang)

Như vậy, bởi vì lễ Truyền chức là chắc chắn “một dịp lễ khá long trọng”, Kinh Vinh Danh có thể được hát hoặc đọc cho mọi dịp truyền chức, mà trong đó Thánh lễ Truyền chức được cử hành.

Một lễ nhớ buộc không cản trở việc cử hành Thánh lễ Truyền chức, do đó Kinh Vinh Danh có thể được hát. Điều này là đúng cả khi vì một lý do chính đáng, vị Giám mục quyết định cử hành lễ kính vị thánh của ngày ấy hơn là thánh lễ Truyền chức. Các ngày, mà Kinh Vinh Danh không được hát hay đọc trong lễ Truyền chức, chẳng hạn các Chúa Nhật Mùa Vọng và Mùa Chay, và ngày 2-11, thường không được chọn cho việc cử hành lễ Truyền chức.

Về phép Rửa tội, khi nghi thức Rửa tội được cử hành trong Thánh lễ, nghi thức chào cộng đoàn và nghi thức sám hối được bỏ qua, bởi vì nghi thức đón nhận đấng trẻ đã diễn ra ở đầu buổi cử hành rồi. Chữ đồ cũng nói rằng kinh Tin Kính được bỏ qua, bởi vì

“sự tuyên xưng đức tin của toàn thể cộng đoàn trước khi rửa tội đã thay thế cho kinh Tin Kính rồi”.

Do nghi thức Rửa tội không nhắc gì đến kinh Vinh Danh, người ta giả định rằng nó không bị ảnh hưởng bởi việc cử hành bí tích, và do đó tuân theo các luật thông thường về việc hát kinh Vinh Danh hay không.

Tương tự như vậy, việc chữ đồ của các nghi thức bí tích khác, chẳng hạn nghi thức Truyền chức, đề cập đến việc hát kinh Vinh Danh được tiên liệu, thì việc này cũng gợi ý rằng nghi thức Rửa tội không phải là một ngoại lệ cho luật chung ấy. (Zenit.org 2-7-2013)

31. Phụng Vụ Lời Chúa cho thiếu nhi được thực hiện ra sao?

***Hỏi:** Với phiên bản thứ ba của Sách Lễ Rôma, liệu có còn tiếp tục một “chức năng” của Phụng Vụ Lời Chúa cho thiếu nhi không? Liệu có các chữ đồ chính xác cho việc thực hiện trong Thánh Lễ Chúa Nhật dành cho thiếu nhi không? Nếu có, ai là người chủ sự? Liệu một linh mục hay thầy phó tế cần đọc bài Tin Mừng và giảng lễ không? Hoặc liệu đây là một cơ hội cho thiếu nhi được dùng bút chì và hình ảnh câu chuyện Kinh Thánh để tô màu trong 15 phút hoặc lâu hơn không? - R. V., Glendale Heights, Illinois, Mỹ.*

Đáp: Phiên bản mới của Sách Lễ Rôma không xóa bỏ bất kỳ Chỉ thị đặc biệt nào đã được ban hành trong thời gian trước đó. Do đó các qui định ban hành trong Chỉ thị về Thánh Lễ thiếu nhi vẫn còn hiệu lực.

Liên quan đến Phụng Vụ Lời Chúa cho thiếu nhi trong khuôn khổ một giáo xứ, các qui định của Chỉ thị năm 1973 vẫn còn hiệu lực. Xin đọc:

“16. Ở nhiều nơi, Thánh Lễ giáo xứ được cử hành, đặc biệt là vào ngày Chúa Nhật và ngày lễ, và rất nhiều thiếu nhi tham dự

thánh lễ chung với người lớn. Trong những dịp như vậy, chứng tá của các tín hữu trưởng thành có thể có một ảnh hưởng lớn trên các thiếu nhi. Ngược lại, người lớn có thể hưởng lợi ích thiêng liêng từ cảm nghiệm phần của thiếu nhi đóng góp trong cộng đồng Kitô hữu. Tinh thần Kitô giáo của gia đình được củng cố nhiều khi thiếu nhi tham gia vào các thánh lễ này, cùng với cha mẹ và các thành viên khác trong gia đình

“17. Tuy nhiên, trong Thánh Lễ của loại hình này, điều cần thiết là có sự quan tâm lớn để cho thiếu nhi hiện diện không cảm thấy bị bỏ rơi, vì các em không có khả năng tham gia hoặc hiểu những gì đang diễn ra và những gì được công bố trong thánh lễ. Một vài điều nên thực hiện để quan tâm sự hiện diện của họ: ví dụ, bằng cách nói trực tiếp với họ trong lời giới thiệu (như khi bắt đầu và kết thúc Thánh Lễ) và tại một số điểm trong bài giảng.

“Hơn nữa, đôi khi nếu nơi chốn và bản chất của cộng đồng cho phép, thật là thích hợp để cử hành phụng vụ Lời Chúa, trong đó có bài giảng, cho thiếu nhi trong một phòng riêng biệt, nhưng không quá xa. Sau đó, trước khi bắt đầu phụng vụ Thánh Thể, các em được hướng dẫn trở về lại nơi mà người lớn trong khi đó đã cử hành phụng vụ Lời Chúa riêng cho họ”.

Khi một phụng vụ Lời Chúa được cử hành riêng biệt như thế, bài giảng nên luôn được thực hiện bởi một linh mục khác hoặc thầy phó tế khác. Tuy nhiên, số 24 của Chỉ thị cho phép một số trường hợp ngoại lệ cho quy tắc chung này: “[...] Với sự đồng ý của cha xứ hoặc cha quản đốc nhà thờ, một người lớn có thể nói chuyện với thiếu nhi sau bài Tin Mừng, đặc biệt là nếu linh mục cảm thấy khó khăn trong sự thích nghi với tâm lý của thiếu nhi [...]”.

Liên quan đến nội dung của phụng vụ Lời Chúa, Chỉ thị giải thích:

“41. Vì các bài đọc lấy từ Kinh Thánh 'tạo nên phần chính yếu của phụng vụ Lời Chúa', ngay cả trong Thánh Lễ cử hành cho thiếu nhi, phần bài đọc Kinh Thánh không bao giờ được bỏ qua.

“42. Về số lượng các bài đọc vào ngày Chúa Nhật và ngày lễ, mọi người cần tuân theo các sắc lệnh của Hội đồng Giám mục. Nếu

ba hoặc thậm chí hai bài đọc được qui định cho ngày Chúa Nhật hoặc các ngày trong tuần có thể được thiếu nhi hiểu một cách khó khăn, thì được phép đọc hai hoặc một bài, nhưng bài Tin Mừng không bao giờ được phép bỏ qua.

“43. Nếu tất cả các bài đọc được chỉ định là dường như không phù hợp với khả năng hiểu của thiếu nhi, thì được phép chọn các bài đọc hoặc một bài đọc, hoặc từ Sách Bài Đọc của Sách Lễ Rôma, hoặc trực tiếp từ Kinh Thánh, nhưng cần chú ý đến tính cách của mùa phụng vụ. Hơn nữa, chúng tôi đề nghị rằng Hội đồng Giám mục địa phương nên soạn sách bài đọc cho Thánh lễ thiếu nhi.

“Do khả năng hạn chế của thiếu nhi, nếu cần thiết bỏ qua câu này hoặc câu khác trong bài đọc Kinh Thánh, nên thực hiện một cách thận trọng để làm sao cho “ý nghĩa của bản văn hoặc ý hướng bản văn, cũng như văn phong của Kinh Thánh không bị bóp méo”.

“44. Trong sự lựa chọn các bài đọc, tiêu chuẩn phải theo là nhắm đến chất lượng hơn là số lượng của các bài đọc Kinh Thánh. Do đó, một bài đọc ngắn không phải là luôn phù hợp cho thiếu nhi hơn một bài đọc dài. Tất cả đều phụ thuộc vào lợi ích thiêng liêng mà bài đọc có thể mang lại cho thiếu nhi.

“45. Trong bản văn Kinh Thánh, “Thiên Chúa đang nói với người dân của Ngài... và Chúa Kitô đang hiện diện với các tín hữu qua lời của Ngài”. Do đó, cần tránh các quảng diễn Kinh Thánh. Mặt khác, chúng tôi khuyến khích việc sử dụng các bản dịch Kinh Thánh đã có sẵn cho việc dạy giáo lý thiếu nhi, và đã được chấp nhận bởi giáo quyền địa phương.

“46. Các câu Thánh Vịnh, được chọn cẩn thận phù hợp với sự hiểu biết của thiếu nhi, hoặc bài hát theo hình thức hát thánh vịnh hoặc Alleluia với một câu đơn giản, nên được hát giữa các bài đọc. Các em nên luôn có phần trong việc hát này, nhưng đôi khi một sự thinh lặng suy niệm có thể thay thế cho việc ca hát.

“Nếu chỉ đọc một bài đọc, có thể hát sau bài giảng.

“47. Tất cả các yếu tố, nhằm giúp giải thích các bài đọc, cần được xem xét kỹ để cho thiếu nhi có thể biến các bài đọc Kinh

Thánh thành của riêng mình, và có thể đi đến chỗ yêu thích ngày càng nhiều hơn giá trị của Lời Chúa.

“Trong số các yếu tố ấy, có lời dẫn giới thiệu đi trước các bài đọc, và chính sự giải thích bối cảnh hoặc sự giới thiệu văn bản, sẽ giúp thiếu nhi lắng nghe tốt hơn và có hiệu quả hơn. Việc giải nghĩa và giải thích các bài đọc từ Thánh Kinh trong Thánh Lễ kính một vị thánh trong ngày, nên bao gồm tóm tắt hạnh của vị thánh ấy, không chỉ trong bài giảng, mà còn trước các bài đọc trong hình thức giới thiệu.

“Khi bản văn của các bài đọc là thích hợp cho điều trên, thật là ích lợi để cho thiếu nhi đọc bản văn với việc phân vai giữa các em với nhau, giống như bài đọc cuộc Thương Khó của Chúa trong Tuần Thánh vậy.

“48. Bài giảng giải thích Lời Chúa cần được làm nổi bật hơn trong các Thánh Lễ có thiếu nhi. Đôi khi bài giảng dành cho thiếu nhi nên trở thành một cuộc đối thoại với các em, trừ khi tốt nhất các em cần im lặng lắng nghe.

“49. Nếu việc tuyên xưng đức tin diễn ra vào cuối phụng vụ Lời Chúa, Kinh Tin Kính nên được sử dụng với thiếu nhi, đặc biệt bởi vì nó là một phần của sự giáo dục giáo lý cho các em”.

Trong các số khác, tài liệu này đưa ra các khuyến cáo thiết thực khác, chẳng hạn như “Có thể là rất hữu ích khi đưa ra vài công tác cho thiếu nhi. Chẳng hạn, bảo các em mang hoa tới nhà thờ, hoặc phụ trách hát bài này hay bài nọ trong Thánh lễ (số 18)”.

Tương tự như vậy, trong tình hình mà thiếu nhi không được tách riêng ra khỏi người lớn: “Nếu số lượng thiếu nhi là đông, thì đôi khi nên soạn kế hoạch Thánh Lễ để cho nó thích hợp hơn nữa với nhu cầu của thiếu nhi. Trong trường hợp này, bài giảng được trực tiếp nói với thiếu nhi, nhưng trong một cách mà người lớn cũng có thể hưởng lợi từ bài giảng ấy (số 19)”. (Zenit.org 23-7-2013)

32. Linh mục không đồng tế có thể đọc bài Tin Mừng không?

Hỏi: Tôi biết rằng một linh mục đồng tế có thể đọc bài Tin Mừng trong Thánh Lễ khi vắng mặt một phó tế. Trong trường hợp này, ngài không xin phép lành của vị chủ tế trước khi đọc bài Tin Mừng, trừ phi chủ tế là một Giám mục. Tôi muốn hỏi cha: Liệu một linh mục có thể đọc bài Tin Mừng trong Thánh Lễ nếu ngài giảng lễ, mà không đồng tế trong Thánh Lễ ấy không? Tôi hỏi như thế, vì có một thói quen trong các giáo xứ thuộc giáo phận mà tôi sinh sống, là một linh mục giảng trong mọi Thánh Lễ của một ngày Chúa Nhật được qui định, kể cả các Thánh lễ mà ngài không là chủ tế hoặc không đồng tế. Liệu một linh mục không đồng tế được phép đọc bài Tin Mừng và giảng lễ không, và liệu ngài có xin phép lành của vị chủ tế trước khi đọc bài Tin Mừng không? - K. D., Toronto, Canada.

Đáp: Có rất ít qui định giải quyết câu hỏi chính xác này. Chúng ta có thể thu thập một số chỉ dẫn thích hợp từ Quy chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma (GIRM). Trước tiên, liên quan đến người đọc bài Tin Mừng:

“59. Theo truyền thống, việc đọc các bài đọc không phải là nhiệm vụ của vị chủ toạ, mà là của người giúp. Đọc viên đọc các bài đọc. Thầy phó tế, hay nếu không có phó tế, thì một linh mục khác đọc Tin Mừng. Nhưng nếu không có thầy phó tế hay linh mục khác, thì linh mục chủ toạ đọc Tin Mừng. Còn nếu không có đọc viên xứng đáng nào, thì linh mục chủ toạ đọc các bài đọc.

Sau mỗi bài, người đọc xưng câu tung hô, và giáo dân tập hợp đáp lại để tôn vinh Lời Chúa được tiếp nhận bằng đức tin và lòng tri ân” (bản dịch Việt ngữ của linh mục Phanxicô Xavier Nguyễn Chí Cần, GP Nha Trang).

Lẽ tất nhiên, điều này đề cập đến truyền thống Latinh. Trong một số Giáo Hội Đông Phương, việc đọc bài Tin Mừng là thực sự dành cho vị chủ tế, như là người đại diện tiếng nói của Chúa Kitô.

Đối với bài giảng, Quy chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma (GIRM) số 66 nói:

“Người diễn giảng thông thường là chính vị chủ tế hay một trong các vị đồng tế được vị chủ tế nhờ, hay đôi khi, tùy nghi, là phó tế, nhưng không bao giờ là giáo dân. Trong những trường hợp đặc biệt và có lý do chính đáng, một Giám Mục hay một linh mục hiện diện trong buổi cử hành mà không đồng tế có thể đảm trách việc giảng”. (Bản dịch, như trên)

Số 59 không nói rằng “một linh mục khác” đọc bài Tin Mừng cũng là linh mục đồng tế, nhưng thường người ta nghĩ là như vậy. Việc đọc bài Tin Mừng là một sứ vụ trong buổi cử hành, và thật là hợp lý khi người thực hiện sứ vụ này phải là một thành viên không thể thiếu của cộng đoàn, tham gia vào toàn bộ buổi lễ, và rước lễ như sự hoàn thành của việc tham gia đầy đủ của mình.

Một linh mục, phải diễn giảng trong nhiều Thánh Lễ, ví dụ nhân dịp mời gọi việc truyền giáo, thường không thể cử hành hoặc đồng tế trong tất cả các Thánh lễ ấy. Ngài cũng không thể tham gia đầy đủ trong mỗi Thánh lễ, như một thành viên của cộng đoàn, bởi vì qui định không rước lễ quá hai lần mỗi ngày cũng áp dụng cho một linh mục không đồng tế.

Vì lý do này, để tôn trọng sự toàn vẹn của việc tham dự phụng vụ, tôi có ý kiến rằng linh mục giảng lễ này không nên đọc bài Tin Mừng.

Tương tự như vậy, khi “trong những trường hợp đặc biệt và có lý do chính đáng”, một thừa tác viên không là chủ tế sẽ giảng trong mọi Thánh Lễ, ngài cũng không hiện diện cách trọn vẹn trong mỗi Thánh lễ. Do đó, ngài không phải là thành viên đầy đủ của cộng đoàn, và không nên đọc bài Tin Mừng.

Trong các trường hợp trên đây, vị giảng lễ nên đi đến giảng đài sau khi bài Tin Mừng được công bố xong. Ngài mang áo trắng dài (alba) và dây các phép (stola), hoặc mang áo các phép (surplis) bên ngoài áo Dòng và dây các phép.

Vấn đề “thói quen”, như độc giả nêu lên, cần được xem xét lại. Chắc chắn là được phép giảng như thế trong một số dịp đặc

biệt, nhưng việc giảng trên cơ sở thường xuyên như vậy là không phù hợp với tinh thần của phụng vụ. (Zenit.org 30-7-2013)

33. Người đi lễ trễ có được rước lễ không?

Hỏi: Thời điểm nào trong Thánh lễ được xem là quá trễ, để một người vào nhà thờ lúc ấy không được rước lễ nữa? Những ngày qua, tôi thấy nhiều người vào nhà thờ ngay lúc cha cho giáo hữu Rước lễ, và họ lên Rước lễ luôn. Như vậy là đúng không? - E. M., Port Harcourt, Nigeria

Hỏi: Cha xứ của con đã qui định rằng ai tới nhà thờ sau bài Tin Mừng, thì không được phép Rước lễ trong Thánh lễ ấy. Theo cha xứ, lý do là rằng Chúa Giêsu là “Ngôi Lời đã trở nên người phàm”. Vì vậy, chúng ta phải nhận biết Chúa Giêsu trong Lời trước khi chúng ta nhận ra Chúa trong Hiệp Lễ. Một linh mục khác, là giáo sư phụng vụ, lại có ý kiến khác. Ngài nói rằng các người đến trễ trong Thánh Lễ với một lý do chính đáng (ví dụ, một ách tắc giao thông, chăm sóc con ốm, ...) sẽ không bị khước từ Rước Lễ. Xin cha giúp làm sáng tỏ vấn đề này. - B. E., Kuala Lumpur, Malaysia

Đáp: Giống như hầu hết các linh mục, tôi miễn cưỡng để đưa ra một câu trả lời thẳng cho các câu hỏi như thế, bởi vì, trong một cách nào đó, chúng là hoàn cảnh khó xử.

Đúng là trước Công Đồng chung Vatican II, một số sách giáo khoa thần học luân lý đưa ra thời điểm trước phần dâng lễ vật làm ranh giới, trong việc quyết định liệu một người chu toàn luật buộc về tham dự thánh lễ Chúa Nhật hay không. Nhưng sau cuộc cải tổ phụng vụ, với sự nhấn mạnh vào sự thống nhất chung của Thánh lễ, các nhà thần học hiện đại né tránh sự chính xác như thế.

Thánh Lễ bắt đầu với việc rước vào nhà thờ và kết thúc sau phần giải tán sau cùng, và chúng ta tham dự thánh lễ từ đầu tới cuối. Mỗi phần của Thánh Lễ liên quan và bổ sung cho các phần khác trong một hành động duy nhất của sự thờ phượng, mặc dù

một số phần, chẳng hạn như việc truyền phép, là cốt yếu, trong khi các phần khác là đơn thuần quan trọng.

Nói rằng có một thời điểm cụ thể, để trước đó hoặc sau đó chúng ta là hoặc “ở ngoài Thánh lễ” hoặc “an toàn trong Thánh lễ”, có thể là đưa ra một sứ điệp sai lầm và gợi ý rằng, về lâu dài, một số phần của Thánh Lễ là thực sự không quan trọng. Nó cũng có thể cung cấp cho một số giáo hữu ít nhiệt thành một thước đo cho việc đến tham dự Thánh lễ một cách chậm trễ.

Rất có thể rằng một số tín hữu có thể bắt đầu nhìn thấy việc đọc bài Tin Mừng là thời điểm ranh giới, nên cảm thấy thoải mái khi vào nhà thờ cho kịp bài đọc 2, và như thế bảo đảm rằng Thánh Lễ là “hợp lệ”.

Mặc dù tôi không muốn gây nguy hiểm bằng cách nói ra một thời điểm ranh giới chính xác, chắc chắn một người nào đến sau khi Truyền phép là đã không tham dự Thánh lễ ấy, cho nên không rước lễ, và nếu đó là một ngày Chúa Nhật, thì phải tham dự một Thánh lễ khác.

Đến đúng giờ không chỉ là một vấn đề về bổn phận, mà còn là tình yêu và sự tôn trọng đối với Chúa chúng ta, Đáng qui tụ chúng ta để chia sẻ hồng ân của Ngài, và Đáng có ơn ban đề thông chuyển cho chúng ta trong mỗi phần Thánh lễ.

Đó cũng là một dấu hiệu tôn trọng đối với cộng đoàn, mà cùng với họ chúng ta thờ phượng và họ trân trọng sự có mặt của chúng ta, và sự đóng góp của lời nguyện của chúng ta trong mỗi thời khắc. Phụng vụ là cốt yếu sự thờ tự của nhiệm thể Chúa Kitô, là Giáo Hội. Mỗi cộng đoàn được mời gọi đại diện và biểu lộ toàn nhiệm thể, nhưng điều này khó có thể xảy ra nếu cộng đoàn chỉ tạo số lượng nhỏ tản mác sau khi Thánh lễ bắt đầu.

Do đó các người đến trễ lễ phải thành thật tự hỏi, tại sao? Nếu họ đến trễ vì một số lý do chính đáng hoặc sự kiện bất khả kháng, chẳng hạn như ách tắc giao thông do một tai nạn, họ đã hành động theo lương tâm tốt và không có nghĩa vụ phải tham dự một Thánh lễ khác sau đó (mặc dù họ nên tham dự Thánh lễ khác, do họ đã đến quá trễ, nếu có thể được).

Tương tự như vậy đối với nhiều người lớn tuổi, thậm chí việc đi được đến nhà thờ là một cuộc phiêu lưu, và người ta không được làm nặng gánh lương tâm của họ bằng cách tính phút tính giây.

Nếu người nào đến trễ do sơ suất đáng khiển trách, và đặc biệt là nếu họ làm như vậy thường xuyên, họ cần phải nghiêm túc suy nghĩ về thái độ của họ, sửa đổi cách sống của họ, và nếu cần thiết nên đến với Bí Tích Hòa Giải.

Tùy vào cách họ đến trễ như thế nào, họ cần tôn trọng ngày của Chúa bằng cách tham dự một Thánh lễ khác, hoặc, nếu không thể được, ít nhất họ ở lại trong nhà thờ sau Thánh Lễ, và dành một ít thời gian để cầu nguyện và suy niệm về các bài đọc của ngày hôm đó.

Đúng là người ta có thể rước lễ ngoài Thánh Lễ, vì vậy Thánh Lễ không phải là một điều kiện tiên quyết cho việc Rước Lễ. Tuy nhiên, điều này sẽ không biện minh cho việc đến đúng giờ để rước lễ trong Thánh lễ ngày thường, vì tất cả các nghi thức cho việc Rước Lễ ngoài Thánh Lễ bao gồm phần Phụng Vụ Lời Chúa, và người ta phải tham dự toàn bộ nghi thức này. (Zenit.org 6-5-2011)

34. Khi một linh mục có tội trọng, ngài cử hành Thánh lễ được không?

Hỏi: *Cha có thể trả lời cho con các câu hỏi tế nhị này không? Khi một linh mục phạm tội trọng, và được biết đến công khai là có tội trọng (say rượu thường xuyên; giao du với phụ nữ,...) và Giám mục cho phép linh mục ấy cử hành Thánh lễ cách công khai, có điều khoản Giáo luật nào nói về việc này không? Hoặc, nếu một linh mục đã làm cho một phụ nữ có thai, sau đó khuyến khích cô ấy đi phá thai (điều có thực ở đất nước chúng tôi), liệu có sự trừng phạt nào đối với linh mục ấy, thay vì cứ để cho linh mục ấy cử hành Thánh lễ cách công khai? - K. G., Sudan*

Đáp: Đây quả thật là các câu hỏi tế nhị và người ta cũng thật buồn để trả lời chúng. Tôi không phải là chuyên viên giáo luật, và

do đó không thể trả lời về các sự phức tạp của qui trình giáo luật. Tuy nhiên, tôi có thể cung cấp một số gợi ý liên quan đến các bí tích.

Một linh mục phạm tội trọng, giống như bất kỳ tín hữu nào, phải tìm kiếm sự hòa giải bí tích càng sớm càng tốt. Trong khi đó, linh mục này nên tránh càng xa càng tốt việc cử hành các bí tích.

Qua chữ “càng xa càng tốt”, tôi muốn nói rằng nếu linh mục không thể đi xưng tội trước khi chăm lo các nhu cầu của tín hữu, thì ngài cần ăn năn tội cách trọn và cử hành bí tích. Hành vi ăn năn tội này bao hàm cả ý định đi xưng tội càng sớm càng tốt, và quyết tâm không phạm tội nữa. Lễ tất nhiên nguyên tắc luân lý này được áp dụng cho sự sa ngã tạm thời (và thường là bí mật).

Điều 916 của Bộ Giáo Luật nói: “Ai ý thức mình phạm tội nặng và chưa xưng tội trước, thì không được làm lễ và không được rước lễ, trừ khi có lý do quan trọng và không có dịp tiện đi xưng tội. Trong trường hợp này, họ phải tâm niệm về bốn phận thống hối trọn vẹn, bao gồm lòng dốc quyết đi xưng tội sớm nhất nào có thể (xem thêm Điều 1335)”. (Bản dịch Việt ngữ của các Linh Mục Nguyễn Văn Phương, Phan Tấn Thành, Vũ Văn Thiện, Mai Đức Vinh).

Lưu ý rằng điều luật trên đòi hỏi “một lý do quan trọng” để tạm dừng ngoại lệ này.

Một lý do quan trọng như vậy là dựa trên nguyên tắc lợi ích của các linh hồn. Nếu một linh mục phải cử hành Thánh Lễ, hoặc có người xin xưng tội, xin Bí tích Xức dầu Bệnh Nhân, hoặc bất kỳ bí tích khác từ linh mục này, vốn phải được thực hiện trước khi linh mục đi xưng tội, thì ngài có thể, và thường phải, cử hành bí tích.

Một lý do quan trọng thứ hai bắt nguồn từ nguy cơ của sự ô nhục bằng cách công khai tiết lộ tình trạng của linh hồn một người. Điều này có thể xảy ra trong trường hợp của một linh mục trong hoàn cảnh bị cô lập, khi không có ai khác để cử hành thánh lễ. Ngài không cần làm điều gì khiến cho mọi người nghi ngờ ngài đang thiếu tình trạng ân sủng.

Trường hợp, được độc giả của chúng tôi đề cập đến, bao hàm một tình hình nghiêm trọng hơn, trong đó linh mục đang công khai sống trong một tình trạng vô luân khách quan, với các dấu hiệu không rõ ràng của sự sẵn sàng thay đổi. Mặc dù chỉ có Chúa mới biết tâm hồn người ta, một tội lỗi công khai đòi hỏi một hình thức xa rời công khai khỏi đời sống tội lỗi. Các bí tích được cử hành bởi một linh mục không ăn năn là hành vi phạm thánh nghiêm trọng. Chúng có thể là thành sự, nhưng là bất hợp pháp.

Một linh mục xúi một phụ nữ phá thai là tự động bị vạ tuyệt thông, là “bất hợp luật” và bị ngăn trở không được hành sử chức thánh của mình (Các Điều 1398, 1041,4, 1043). Linh mục này không thể cử hành các bí tích và không lãnh bí tích xá giải, cho đến khi vạ tuyệt thông được chính thức dỡ bỏ. Nếu ngài tiếp tục hành sử chức thánh của mình, không những việc cử hành của ngài là phạm thánh, mà Bí Tích Hòa Giải và Bí tích Hôn phối do ngài cử hành cũng là vô hiệu (xem Điều 1331 § 2.1).

Nếu tình trạng vạ tuyệt thông của ngài đã được nhiều người biết cách công khai, thì tín hữu không nên tham dự bất kỳ việc cử hành nào của ngài, hoặc không xin lợi ích thiêng liêng từ ngài, ngoại trừ trong trường hợp nguy tử. Ngay cả khi ngài là linh mục duy nhất hiện diện trong khu vực, các tín hữu không nên tham dự thánh lễ Chúa Nhật và thánh lễ ngày thường do ngài cử hành.

Trong các tình huống như vậy, một Giám mục không thể “cho phép” một linh mục tiếp tục như bình thường. Giám mục có một trách nhiệm nặng nề đối với việc đảm bảo sự thánh thiện của các bí tích. Một Giám mục không thể trao một sự cho phép tích cực cho một hành động phạm thánh, mà không có Ngài, nó trở thành tội phạm thánh. Nếu Ngài quay mặt làm ngơ, Ngài sẽ phải chịu trách nhiệm về mặt đạo đức do sơ suất đáng khiển trách, và sẽ phải trả lời một số câu hỏi nghiêm trọng trong ngày Phán xét.

Đồng thời, các tín hữu không nên cho rằng vị Giám mục biết hết mọi chuyện đang xảy ra. Nếu họ có bằng chứng chắc chắn, chứ không chỉ là tin đồn, về hành vi vô luân công khai của một linh mục, họ cần trình bày cho Giám mục biết. Nếu bằng chứng là vững

chắc, vị Giám mục phải tuân theo các thủ tục Giáo luật đã qui định, trước tiên là không cho linh mục ấy hành sử chức thánh, và sau đó quyết định bước tiếp theo cho linh mục ấy. Nếu Giám mục từ chối hành động, các tín hữu nên trình bày vấn đề cho Sứ thần Tòa thánh hoặc trực tiếp cho Tòa Thánh.

Trong trường hợp thứ nhất, miễn là không có sự lạm dụng trẻ vị thành niên liên quan, Giám mục nên xem xét liệu còn có bất kỳ hy vọng nào cho sự hoán cải thật sự của linh mục ấy, vốn sẽ cho phép linh mục ấy bắt đầu lại trong một tình hình khác, ở nơi mà sự yếu đuối của ngài chưa được biết tới. Tôi biết có nhiều sự hoán cải như thế, chẳng hạn như một vụ hoán cải, mà trong đó Thiên Chúa đã sử dụng một chứng bệnh nặng để đem một cha xứ tội lỗi ăn năn hối cải, và khôi phục lại ý nghĩa của sứ vụ và đời sống của mình. Ngày nay, nhiều năm sau đó, linh mục này được xem là một thừa tác viên gương mẫu của Tin Mừng.

Nếu sự thay đổi dường như là không thể được, hoặc nếu ngài lạm dụng trẻ vị thành niên, ngài cần phải bị loại bỏ khỏi sứ vụ. Nếu ngài có con cái, trách nhiệm làm bố của ngài phải là ưu tiên hơn là sống trong chức linh mục.

Trong trường hợp của linh mục bị vạ tuyệt thông tự động bằng cách xúi phá thai, sự trầm trọng của tội này phải loại trừ ngài khỏi sự hành sử chức thánh của ngài. Người ta hy vọng rằng ngài sẽ ăn năn và được dỡ bỏ vạ tuyệt thông, nhưng ngài không thể còn hoạt động như vị đại diện của Chúa Kitô. Việc loại ngài khỏi sứ vụ là một hình phạt xứng đáng và tương đối nhỏ, vì ngài đã là công cụ trong việc giết người vô tội.

Các tình huống buồn và đau lòng như vậy có thể thúc đẩy chúng ta cầu nguyện cho sự thánh thiện của các linh mục và đền bù cho tội lỗi của các vị nữa. (Zenit.org 3-8-2011)

35. Bài Giảng nên kéo dài bao nhiêu phút?

Hỏi: Trong nhiều dịp, tôi đã tham dự Thánh lễ Chúa Nhật tại một giáo xứ ở Mỹ, bên ngoài giáo phận của tôi. Ở mỗi thánh lễ

này, linh mục giảng quá ngắn, chỉ khoảng một phút mà thôi. Trong thực tế, các thông báo của giáo xứ còn dài hơn bài giảng nữa. Thưa cha, liệu có luật nào qui định rằng bài giảng lễ Chúa Nhật phải lâu khoảng bao nhiêu phút không? - M.E., Rochester, New York, Mỹ

Đáp: Tôi cảm nghiệm một sự vui thích hiếm hoi, khi một giáo dân than phiền về bài giảng là quá ngắn. Đó là một dấu hiệu của sự đói khát thật sự cho một việc giải thích đáng kể lời Chúa.

Thật không may, có rất ít điều liên quan đến các qui định chính thức về độ dài của bài giảng. Đây là sự không thể tránh khỏi, một phần bởi vì các mong đợi thay đổi từ nền văn hóa này đến nền văn hóa khác, và thậm chí từ môi trường xã hội này đến môi trường xã hội khác. Có một số nền văn hóa mong muốn các bài giảng dài trong Thánh Lễ, và có người trong nền văn hóa khác sốt ruột lo lắng khi bài giảng dài quá 6 phút.

Số 24 của tài liệu “Giới thiệu tổng quát Sách Bài Đọc” (của Thánh bộ Phụng tự và kỷ luật Bí tích, ngày 21-1-1981) nói như sau về bài giảng:

“Theo suốt năm phụng vụ, bài giảng đặt ra các mẫu nhiệm đức tin và các tiêu chuẩn của đời sống Kitô hữu trên nền tảng cơ sở sách thánh. Khởi đầu với Hiến Chế về Phụng vụ của Công đồng chung Vatican II, bài giảng như một phần của phụng vụ lời Chúa đã được khuyến khích thực hiện, với nhiều lần Tòa Thánh nhắc nhở cách mạnh mẽ, và trong một số trường hợp bài giảng là bắt buộc. Như một quy luật, bài giảng được thực hiện bởi vị chủ tọa buổi lễ. Mục đích của bài giảng trong Thánh Lễ là rằng lời nói của Thiên Chúa và phụng vụ của bí tích Thánh Thể có thể cùng nhau trở thành “một rao truyền các kỳ công của Chúa trong lịch sử cứu độ, mẫu nhiệm Chúa Kitô”. Thông qua các bài đọc và bài giảng, mẫu nhiệm vượt qua của Chúa Kitô được công bố; thông qua hy tế Thánh Lễ, mẫu nhiệm trở nên hiện thực. Hơn nữa, chính Chúa Kitô cũng luôn luôn hiện diện và hoạt động trong việc rao giảng của Giáo Hội của Ngài.

Cho dù bài giảng giải thích lời Kinh Thánh của Chúa được công bố trong các bài đọc hoặc bản văn khác của phụng vụ, nó phải luôn luôn dẫn đưa cộng đồng tín hữu cử hành bí tích Thánh Thể hết lòng hết sức, “để họ có thể giữ vững trong cuộc sống của họ những gì họ đã nắm bắt nhờ đức tin của họ”. Từ lời giải thích sống động này, lời Chúa được công bố trong các bài đọc và việc Giáo Hội cử hành phụng vụ ngày thánh sẽ có tác động lớn hơn. Nhưng điều này đòi hỏi rằng bài giảng là thực sự hoa trái của việc suy niệm, được chuẩn bị kỹ càng, không quá dài hay quá ngắn, và phù hợp với tất cả các người hiện diện, kể cả trẻ em và người ít học”.

Tông huấn *Verbum Domini* của Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI có một đoạn văn đẹp về tầm quan trọng của bài giảng:

“59. Mỗi người “đều có bổn phận và nhiệm vụ liên quan tới Lời Thiên Chúa: các tín hữu phải lắng nghe và suy niệm Lời; còn chỉ những ai đã nhận được nhiệm vụ Giáo huấn do bí tích Truyền chức thánh hoặc những ai đã được giao phó cho thi hành thừa tác vụ này”, tức là các Giám mục, các linh mục và các phó tế, thì mới trình bày Lời Chúa. Từ đó, ta hiểu được vì sao Thượng Hội Đồng rất chú ý tới bài giảng lễ. Trong Tông huấn hậu Thượng Hội Đồng Giám Mục *Sacramentum caritatis*, tôi đã nhấn mạnh rằng “liên hệ đến tầm quan trọng của Lời Thiên Chúa, cần phải cải thiện phẩm chất của bài giảng. Bài giảng lễ ‘là một phần của hành động phụng vụ’; bài giảng lễ có chức năng giúp hiểu biết Lời Thiên Chúa rộng rãi hơn và hữu hiệu hơn trong đời sống các tín hữu”. Quả thế, bài giảng lễ là một việc hiện tại hóa sứ điệp Kinh Thánh, sao cho các tín hữu được đưa đến chỗ khám phá ra sự hiện diện và tính hiệu năng của Lời Thiên Chúa trong cuộc sống hằng ngày của họ. Bài giảng phải giúp hiểu Mầu nhiệm đang được cử hành, mời người ta dấn thân cho sứ mạng, khi chuẩn bị cho cộng đoàn tuyên xưng đức tin, cầu nguyện phổ quát và cử hành phụng vụ Thánh Thể. Vì thế, do thừa tác vụ chuyên biệt, những ai được đề cử lo việc giảng dạy, phải rất quan tâm đến bổn phận này. Phải tránh những bài giảng mơ hồ và trừu tượng, che giấu mất tính đơn giản của Lời Thiên Chúa, cũng như phải tránh những kiểu nói lan man lạc đề vô bổ rất

có thể lôi kéo chú ý đến người giảng hơn là chú ý đến trọng tâm của sứ điệp Tin Mừng. Các tín hữu phải thấy rõ ràng rằng điều mà vị giảng thuyết đang bận tâm, đó là cho thấy Chúa Kitô, trung tâm của mọi bài giảng. Vì thế, các vị giảng thuyết cần phải quen biết và tiếp xúc chuyên cần với bản văn thánh; họ phải chuẩn bị bài giảng bằng suy niệm và cầu nguyện, để có thể giảng với xác tín và say mê. Thượng Hội Đồng Giám Mục đã khuyến khích lưu ý đến các câu hỏi sau đây: “Các bài đọc được công bố muốn nói gì? Các bài đọc ấy nói gì riêng với tôi? Tôi phải nói gì với cộng đoàn, trong khi quan tâm tới hoàn cảnh cụ thể của họ?”. Vị giảng thuyết “phải là người đầu tiên được thúc bách bởi Lời Thiên Chúa mà ngài loan báo”, bởi vì như thánh Âutinh đã nói: “Người giảng dạy Lời Thiên Chúa ở bên ngoài mà không nghe Lời ấy ở bên trong thì không thể mang lại hoa trái”. Cần đặc biệt chăm sóc bài giảng Chúa Nhật và các lễ trọng; nhưng trong các lễ cum populo trong tuần, nếu có thể, xin cũng đừng bỏ cung cấp những suy tư vắn tắt hợp thời giúp các tín hữu đón nhận và làm sinh hoa kết quả Lời họ vừa lắng nghe”. (Bản dịch Việt ngữ của Ủy Ban Kinh Thánh trực thuộc Hội Đồng Giám Mục Việt Nam)

Nêu đây là một thách thức mà Giáo Hội đặt ra cho các linh mục và phó tế về việc giảng lễ của họ, thì hầu như việc này không thể hoàn tất trong một bài giảng ngắn chỉ dài một phút.

Giáo Hội khuyến làm bài giảng ngắn, trước hết bởi vì bài giảng cần có tỉ lệ cân đối với toàn bộ buổi lễ. Người ta bớt đi cảm giác khi nghe bài giảng tới 20 phút hoặc lâu hơn nữa, rồi sau đó vội vàng qua phần Kinh Nguyện Thánh Thể.

Do Giáo Hội quan tâm đến các yếu tố văn hóa nữa, nên gần như không thể đưa ra qui định chặt chẽ về thời gian bài giảng. Người ta có thể nói rằng vào ngày Chúa Nhật, một bài giảng nên tối thiểu là sáu phút, nhưng tối đa thì thật khó xác định. Tôi tin rằng tiêu chuẩn về tỉ lệ với phần còn lại của buổi lễ là một hướng dẫn tốt, cùng với sự mong đợi của các tín hữu trong bối cảnh tình hình mục vụ cụ thể. (Zenit.org 20-8-2013)

36. Các công thức tung hô sau Truyền Phép được sử dụng như thế nào?

Hỏi: *Tôi phụ trách thánh nhạc tại giáo xứ của tôi. Tôi thấy không có thông tin hướng dẫn, để tôi có sự lựa chọn thích hợp cho ba câu tung hô A, B, C của phần “Đây là mầu nhiệm đức tin” trong Thánh Lễ. Thưa cha, liệu có chỉ thị nào cho việc yêu cầu sử dụng thích hợp một trong ba câu tung hô ấy cho mùa thường niên, các mùa và lễ trọng không? - R. H., Stockholm, New Jersey, Mỹ*

Đáp: Về vấn đề này, dường như không có bất kỳ ưu tiên đặc biệt nào trong bất cứ tài liệu nào của Giáo Hội. Qui chế Tổng quát Sách Lễ Rôma, số 151, chỉ nói: “Sau khi truyền phép, vị tư tế nói: “Đây là mầu nhiệm đức tin”, giáo dân tung hô theo một trong các công thức có sẵn” (Bản dịch Việt ngữ của linh mục P. X. Nguyễn Chí Cần, GP Nha Trang).

Điều này về cơ bản để lại mọi tùy chọn cho vị chủ tế và các cộng sự viên của ngài.

Đúng là ở Ý và hầu hết các nước nói tiếng Tây Ban Nha, lời tung hô đầu tiên (A) đã trở thành sự chọn lựa mặc định cho mọi mục đích thực tế. Điều này có lẽ là do nó là văn bản đơn giản nhất để học, từ cả quan điểm văn học lẫn quan điểm âm nhạc. Không phải là ngạc nhiên khi các lời tung hô khác nhau không có ưu tiên, theo mùa hoặc theo lý do khác, vì cả ba lời tung hô đều thể hiện một ý tưởng rất giống nhau.

Một cách nào đó tất cả các lời tung hô đề cập đến việc cử hành mầu nhiệm vượt qua như một tổng thể. Đây là mầu nhiệm của Chúa Kitô, Đấng đã chết và sống lại, là một mầu nhiệm chỉ có thể được cảm nhận trong bối cảnh của đức tin, và làm cho mầu nhiệm này hiện diện và hiệu quả, thông qua việc Giáo Hội cử hành hy tế Thánh Thể, vốn được chính Chúa Kitô thiết lập nên.

Mầu nhiệm biến thể bánh và rượu trở nên Mình và Máu Chúa Kitô được bao hàm trong cả ba lời tung hô, vì sự biến thể này làm nền móng cho việc tưởng nhớ các mầu nhiệm khác. Tuy nhiên, chỉ

có lời tung hô thứ hai (B) thực sự nhắc đến bánh và rượu. Một sự nhắc đến việc Chúa quang lâm cũng được đưa vào như là thời điểm tột đỉnh của lịch sử cứu độ.

Lời tung hô đầu tiên (A), “Lạy Chúa, chúng con loan truyền Chúa chịu chết, và tuyên xưng Chúa sống lại, cho tới khi Chúa đến”, phát sinh từ 1 Cr 11, 26. Nó đã được tìm thấy trong dạng thức này trong một số nghi lễ phụng vụ Đông phương cổ, chẳng hạn như nghi lễ thánh Giacôbê.

Lời tung hô thứ hai (B), “Lạy Chúa, mỗi lần ăn bánh và uống chén này, chúng con loan truyền Chúa chịu chết, cho tới khi Chúa đến”, cũng phát sinh từ 1 Cr 11, 26, nhưng bao gồm một sự nhắc đến bánh và rượu.

Lời tung hô thứ ba (C), “Lạy Chúa Cứu Thế, Chúa đã dùng thánh giá và sự phục sinh của Chúa để giải thoát chúng con, xin cứu độ chúng con” (cả ba là theo bản dịch Việt ngữ của Ủy Ban Phụng Tự trực thuộc Hội Đồng Giám Mục Việt Nam), là một lời soạn thảo mới, và dựa vào văn bản của Kh 5, 9 và 1 Pr 1, 18.

Một số tác giả đã phàn nàn rằng các bản văn này phản bội lại truyền thống phụng vụ cổ, vốn luôn luôn và chỉ thưa với Chúa Cha trong Kinh nguyện Thánh Thể.

Trả lời cho lời phàn nàn này, người ta cần nhận xét trước tiên rằng các lời tung hô, nói một cách chặt chẽ, không phải là một phần của Kinh Nguyện Thánh Thể. Thật vậy, nếu một linh mục cử hành thánh lễ một mình hoặc đồng tế với các linh mục hiện diện mà không có giáo dân, thì cả lời “Đây là Mầu nhiệm đức tin” và lời tung hô đều không được đọc.

Thứ đến, việc chuyển thưa từ Chúa Cha qua Chúa Con là tương đối phổ biến trong kinh nguyện và thánh thi, vốn phù hợp với toàn cộng đoàn phụng vụ, chẳng hạn “Xin Chúa thương xót chúng con” (Kyrie-Christe eleison), Kinh Vinh Danh (Gloria), và “Lạy Chúa, con chẳng đáng Chúa ngự vào nhà con”. Bên ngoài thánh lễ, thánh thi “Lạy Thiên Chúa” (Te Deum) cũng có một đoạn như vậy.

Về việc sử dụng các lời tung hô sau Truyền Phép, tôi có thể nói rằng vị linh mục, cùng với người phụ trách thánh nhạc, có thể chọn lời tung hô nào xét là phù hợp hơn cho lễ cử hành, do các sắc thái thần học đặc biệt được ghi nhận như trên đây.

Do đó như một gợi ý, mặc dù không phải là ưu tiên chính thức, tôi sẽ nói rằng lời tung hô thứ hai (B) xem ra là phù hợp nhất cho các thánh lễ nhấn mạnh đến phép Thánh Thể, chẳng hạn lễ Minh Máu Thánh Chúa (Corpus Christi). Lời tung hô thứ nhất (A) hoặc lời tung hô thứ hai (B), vốn nhắc đến việc Chúa quang lâm, dường như là tốt nhất cho một lễ trọng như lễ Thăng Thiên. Lời tung hô thứ ba (C), với sự hấp dẫn của nó đối với sự cứu độ, có thể là hiệu quả hơn cho các Thánh Lễ nhấn mạnh chủ đề sám hối đền tội. (Zenit.org 27-8-2013)

37. Bồng lễ và nghĩa vụ cử hành thánh lễ liên quan với nhau ra sao?

Hỏi: *Liệu một linh mục đã được truyền chức chỉ có bốn phận và trách nhiệm cử hành Thánh lễ vào ngày Chúa Nhật và các lễ buộc thôi sao? Còn về các ngày trong tuần khi ngài có ý lễ từ các tín hữu – liệu ngài có bốn phận hay chỉ là tùy ý (Điều 904)? Liệu ngài phải cử hành Thánh lễ hàng ngày, để giúp Giám mục của ngài chu toàn các ý lễ, mà Giám mục đã xin và nhận được từ các quốc gia khác không? Trong giáo phận của tôi, chúng tôi làm việc trong các nhà thờ truyền giáo, nơi mà chúng tôi có ý chỉ cho hai hay ba Thánh Lễ mỗi tháng. Còn các ngày khác, chúng tôi chỉ cho ý lễ của Giám mục, mà Ngài đã nhận được tiền giúp đỡ cho giáo phận của ngài. Trong bối cảnh này, tôi đưa ra câu hỏi như trên, xin cha trả lời giúp. - P. D., bang Orissa, Ấn Độ.*

Đáp: Có hai câu hỏi riêng biệt liên quan ở đây. Một câu liên quan đến nghĩa vụ của một linh mục phải cử hành Thánh Lễ, và một câu liên quan đến các quy tắc cho việc phân phối bồng lễ.

Mặc dù nhiều người Công Giáo không biết điều này, nói một cách chặt chẽ, là một linh mục không có nghĩa vụ phải cử hành Thánh Lễ gì cả. Liên quan đến Thánh Lễ, linh mục có nghĩa vụ giống như mọi người Công Giáo khác là tham dự Thánh Lễ vào ngày Chúa Nhật và các ngày lễ buộc.

Thực tế này không làm cho việc cử hành Thánh Lễ chỉ là một vấn đề đơn thuần tùy chọn hoặc chọn lựa cá nhân của linh mục. Điều 904 của giáo luật, được đọc giả nhắc tới, thực sự khuyên nhủ các linh mục cử hành Thánh lễ hàng ngày. Xin mời đọc:

“Điều 904: Các tư tế nên luôn tâm niệm rằng công việc cứu chuộc hằng được tiếp tục thi hành trong mẫu nhiệm Hy Lễ Thánh Thể; do đó, họ nên siêng năng dâng lễ. Hơn nữa, rất đáng mong ước các tư tế dâng lễ mỗi ngày, cả khi giáo dân không thể hiện diện, bởi lễ Thánh Lễ là tác động của Đức Kitô và của Giáo Hội; chính khi cử hành Thánh Lễ mà các tư tế chu toàn nhiệm vụ chính yếu của mình” (Bản dịch Việt ngữ của các Linh Mục Nguyễn Văn Phương, Phan Tấn Thành, Vũ Văn Thiện, Mai Đức Vinh).

Do đó, Giáo Hội rất ủng hộ các linh mục cử hành Thánh lễ hàng ngày, bởi vì Thánh Lễ là đặc ân lớn nhất và điều cao cả nhất mà linh mục có thể làm. Ngay cả khi không có ai khác hiện diện và không có ý lễ cụ thể, Thánh Lễ là nhằm tôn thờ Thiên Chúa, cầu bầu cho người sống và kẻ chết, gia tăng sự thánh thiện của Giáo Hội, và là nguồn chủ yếu của sự phát triển đường thiêng liêng của linh mục.

Một số linh mục có một nghĩa vụ chắc chắn để cử hành Thánh lễ do chức vụ của các vị là cha quản xứ. Một số vị cũng có một nghĩa vụ phải cử hành hay đã cử hành Thánh Lễ hàng ngày, theo ý của các linh hồn được ủy thác cho các vị chăm sóc. Thêm một lần nữa, nghĩa vụ này xuất phát không từ chính chức linh mục, nhưng từ chức vụ mà các vị đã được bổ nhiệm, và nghĩa vụ, mà các vị phải chu toàn một cách tự do, khi chấp nhận chức vụ này.

Câu hỏi về tiền bông lễ có phần phức tạp hơn. Việc này bị chi phối bởi các điều 945-958 của Bộ Giáo luật.

“Điều 945 § 1. Theo tập tục đã được Giáo Hội công nhận, một tư tế cử hành hay đồng tế Thánh Lễ được phép nhận bổng lễ để áp dụng theo một ý chỉ rõ rệt.

§ 2. Hết sức khuyến nhủ các linh mục hãy dâng lễ theo ý chỉ của các tín hữu, nhất là những người nghèo, cả khi không có bổng lễ.

“Điều 946: Khi dâng bổng lễ để Thánh Lễ được áp dụng theo ý chỉ của mình, các tín hữu đóng góp vào thiện ích của Giáo Hội; bằng việc dâng cúng ấy, họ góp phần nâng đỡ các thừa tác viên và các hoạt động của Giáo Hội.

“Điều 947: Trong vấn đề bổng lễ, phải xa tránh hoàn toàn mọi hình thức buôn bán hay thương mại” (Bản dịch, như trên).

Để “xa tránh hoàn toàn mọi hình thức buôn bán hay thương mại”, có các quy tắc chi phối các khía cạnh, chẳng hạn nghĩa vụ cử hành Thánh lễ, ngay cả khi bổng lễ bị mất và giới hạn số ý lễ mỗi ngày.

Liên quan đến cách thức xử lý, khi nhiều ý lễ hơn, vốn có thể được cử hành trong một năm, được tiếp nhận được trong một giáo xứ hay một đền thánh, các luật sau đây phải được tuân giữ:

“Điều 954: Nếu tại những nhà thờ hay nhà nguyện người ta xin cử hành lễ quá số có thể cử hành ở đó, thì có thể cử hành ở nơi khác, trừ khi những người xin lễ minh thị bày tỏ ý định ngược lại.

“Điều 955 § 1. Ai muốn chuyển ý lễ cho những người khác, thì phải chuyển sớm ngân nào có thể cho các tư tế muốn lãnh nhận, miễn là biết chắc họ hoàn toàn đáng tín nhiệm. Lại phải chuyển y nguyên bổng lễ đã nhận, trừ khi biết chắc rằng số tiền trội hơn giá bổng lễ trong giáo phận là do thiện cảm cá nhân. Người chuyển ý lễ còn phải mang nghĩa vụ lo dâng lễ cho đến khi nào chắc chắn có người nhận nghĩa vụ dâng lễ và bổng lễ...

“Điều 957: Bốn phận và quyền lợi trông nom cho mọi ý lễ được chu toàn đối với các nhà thờ của giáo sĩ triều thì thuộc về thẩm quyền của Bản Quyền sở tại; còn đối với nhà thờ của dòng tu hay tu đoàn tông đồ thì thuộc các Bề Trên của họ” (Bản dịch, như trên).

Trong trường hợp được nêu ra bởi độc giả ở Ấn Độ, dường như số ý lễ dư ở một quốc gia khác được chuyển giao cho các giáo phận, để được cử hành trong một giáo phận truyền giáo.

Đây là một thực tế khá phổ biến, và các vị chuyển các ý lễ quá số nhằm giúp đỡ các nỗ lực truyền giáo của Giáo Hội. Các vị nhận thức rằng sự khác biệt trong tỷ giá hối đoái làm cho bổng lễ tương đối nhỏ ở các nước châu Âu và Mỹ lại là tương đối lớn trong các nước khác.

Theo Điều 945 § 1, bổng lễ gắn liền với ý lễ hàng ngày của một linh mục là dành cho việc sử dụng cá nhân của linh mục giáo phận. Ở một số nơi, mọi bổng lễ được tiếp nhận bởi giáo phận, giáo xứ hay cộng đoàn tu sĩ, thay cho tiền lương hoặc tiền thù lao tương đương hoặc cao hơn so với toàn bộ các bổng lễ. Các nhà giáo luật có thẩm quyền xem việc này như một thực tế hợp pháp, với điều kiện nó là tự nguyện.

Trong hầu hết các quốc gia phương Tây, bổng lễ được qui định là không bao giờ cao hơn một phần nhỏ của tiền nuôi sống một linh mục.

Tuy nhiên, trong trường hợp ở Ấn Độ, ngay cả một bổng lễ 10 USD (tiền một bổng lễ trong nhiều giáo phận Mỹ) có thể cao hơn nhiều so với thu nhập quân bình ở khu vực nghèo và tạo ra ấn tượng sai. Tương tự như vậy, các vị chuyển ý lễ thường có ý định để giúp đỡ công việc truyền giáo nói chung, chứ không là khoản thu nhập cá nhân của linh mục.

Trong bối cảnh này, có lẽ là hợp pháp khi Giám mục giữ lại cho các dự án giáo phận một phần của bổng lễ nhận được từ các nước khác, đặc biệt là nếu ngài đã tích cực tìm kiếm hình thức giúp đỡ ấy. Tuy nhiên, theo Điều 945 § 1, thật là thích hợp nếu ngài chuyển giao cho linh mục ít là số tiền tương đương với bổng lễ địa phương qui định, trừ phi, như đã nói ở trên, có một sự tùy chọn tự nguyện đã được thiết lập.

Cũng là điều khả thi khi Giám mục chuyển giao toàn bộ bổng lễ cho giáo xứ, và qui định linh mục được giữ lại bao nhiêu phần

trăm để chi tiêu cá nhân, và số tiền còn lại được dùng cho các dự án của giáo xứ.

Lẽ tất nhiên, đây chỉ là sự xem xét kỹ thuật. Trong thực tế, người ta phải công nhận rằng hầu hết các linh mục làm việc trong giáo phận truyền giáo ít quan tâm đến tiện nghi cá nhân cho mình, nhưng rất chú ý đến lợi ích thiêng liêng và lợi ích nhân bản cho đoàn chiên của mình.

Cuối cùng, về phần thứ nhất của câu hỏi: Một linh mục không buộc phải cử hành Thánh Lễ, chỉ để thực hiện các ý lễ do Giám mục yêu cầu. Tuy nhiên, nếu linh mục xin ý lễ, ngài có bổn phận về công bằng để cử hành Thánh Lễ cho ý lễ ấy.

Khi làm như vậy, không chỉ ngài tôn vinh Thiên Chúa bằng cách cử hành Thánh Lễ, nhưng còn giúp nỗ lực truyền giáo của toàn giáo phận, để giáo phận phát triển hơn. (Zenit.org 3-9-2013)

38. Đưa vật nuôi vào Nhà Thờ được không?

Hỏi: *Xin cha cho con biết vài điều sáng tỏ về việc liệu đưa chó vào nhà thờ khi đi tham dự thánh lễ được không? – T. K., bang Maharashtra, Ấn Độ*

Đáp: Tôi đã tìm tài liệu bằng nhiều ngôn ngữ nhưng không thấy các qui định của Giáo Hội về việc đưa vật nuôi vào nhà thờ, như bạn nói.

Ngay cả pháp luật dân sự cũng rất khác nhau về việc này. Chẳng hạn một luật ở Ý cho phép con chó có dây xích được vào ở hầu hết các nơi công cộng, trừ nơi chế biến thực phẩm. Tuy nhiên, chó dẫn đường hoặc chó phục vụ cho người mù được phép vào các nơi chế biến thực phẩm nữa. Ở các nước khác, việc vật nuôi được vào nơi công cộng là nhiều hay ít bị hạn chế, hoặc quyết định là tùy vào chủ sở hữu các nơi ấy.

Văn hóa địa phương và các thái độ đối với động vật cũng là một yếu tố quan trọng. Một số xã hội có một thái độ rất tích cực đối với sự hiện diện của vật nuôi, trong khi các xã hội khác ít hoan

ngheh điều này. Dường như không có bất kỳ tiêu chuẩn phổ quát nào có thể được thiết lập.

Điều này cũng là đúng, nhiều hơn hoặc ít hơn, cho các nhà thờ. Từ những gì tôi đã có thể thu thập từ nhiều nguồn khác nhau, dường như trong hầu hết các trường hợp, quyết định cuối cùng là tùy ở linh mục, và ngài sẽ quyết định theo các nguyên tắc chung và tình hình địa phương.

Tuy nhiên, trong hầu hết các trường hợp, câu trả lời của các linh mục là không khuyến khích các tín hữu mang vật nuôi của họ đến nhà thờ, ngoại trừ trường hợp của vật nuôi phục vụ.

Thật vậy, cảm tính này được chia sẻ bởi đa số các tín hữu. Hầu hết mọi người xem là không thích hợp khi đem vật nuôi vào nhà thờ, và sẽ không thoải mái trong một tình hình có đông người khác có mặt.

Trong số các lý do cho sự miễn cưỡng đưa vật nuôi vào nhà thờ, có:

- Hầu hết các tín hữu đến nhà thờ để thờ phượng Thiên Chúa với sự tập trung tâm trí đầy đủ của mình. Nếu họ muốn được giải trí, họ nên đến một buổi hòa nhạc hoặc đi xem kịch. Nếu họ thích có sự có mặt của vật nuôi, họ nên đi đến công viên. Tương tự như vậy, họ có thể để vật nuôi của họ ở nhà một mình trong rất nhiều dịp khác, chẳng hạn khi họ đi làm, đi xem hát, hoặc tham dự một sự kiện xã hội chính thức. Do đó, một lý do khác nữa để không đem vật nuôi đến nhà thờ, vì đó là nơi mà vật nuôi có thể là nguồn chia trí cho mình và cho người khác.

- Các vật nuôi không hưởng lợi gì từ buổi lễ, và thực sự môi trường khép kín có thể là một nguồn căng thẳng cho chính các vật nuôi.

Lẽ tất nhiên, trường hợp ngoại lệ là nghi thức chúc phúc hàng năm cho các vật nuôi, vốn được thực hiện vào ngày lễ của một số vị thánh, chẳng hạn lễ Thánh Phanxicô Átxidi.

Nhưng vào dịp này, toàn bộ buổi lễ hoặc nghi thức chúc phúc thường được cử hành bên ngoài nhà thờ, chứ không bên trong nhà thờ.

- Ngay cả các vật nuôi được huấn luyện tốt nhất và sạch sẽ nhất vẫn có thể gây ra phản ứng dị ứng, hoặc chứng sợ hãi cho một số người trẻ và người cao tuổi. Hầu hết các Kitô hữu muốn mình không là tác nhân, cho dù là không cố ý, của các sự khó khăn như thế cho các người đồng đạo của mình.

Trên đây là một số lý do tại sao cả linh mục và các tín hữu thường không ủng hộ việc đưa chó và các vật nuôi khác vào nhà thờ. Có thể có một số trường hợp ngoại lệ, và ít hay nhiều khoan dung ở một số nơi, nhưng tôi tin rằng đây là quan điểm chung.

Thực tế này không có nghĩa rằng Giáo Hội có một cái nhìn tiêu cực về các động vật, và không đánh giá cao chúng như là một phần của việc Chúa tạo thành. Bởi vì Sách Giáo Lý Giáo Hội Công Giáo nói rõ:

“2415 (226, 358 378 373) Điều răn thứ bảy dạy phải tôn trọng sự toàn vẹn của vạn vật. Thiên Chúa đã ban thú vật, thực vật và những vật vô tri, nhằm phục vụ lợi ích chung của nhân loại trong quá khứ, hiện nay và tương lai (x. St 1,28-31). Khi sử dụng các nguồn tài nguyên khoáng chất, thực vật và động vật trong vũ trụ, con người phải tôn trọng các đòi hỏi của luân lý: Đấng Sáng Tạo đã ban cho con người quyền bá chủ trên các vật vô tri và những sinh vật khác, nhưng không phải quyền tuyệt đối, vì phải để ý đến ảnh hưởng trên đời sống của tha nhân, kể cả những thế hệ tương lai; quyền này đòi chúng ta phải trân trọng sự toàn vẹn của vạn vật (x. CA 37 -38)

“2416 (344) Thú vật là những thụ tạo của Thiên Chúa và được Người ân cần chăm sóc (Mt 6,2). Chúng hiện hữu để ca tụng và tôn vinh Người (x. Đn 3, 57 -58). Do đó, con người phải biết thương chúng. Các thánh như Phan-xi-cô Át-xi-di hoặc Phi-1ip-phê Nê-ri đều đối xử dịu hiền với thú vật.

“2417 (2234) Thiên Chúa đã dựng nên con người giống hình ảnh Người và trao phó quyền quản lý các thú vật (x. St 2,19-20; 9,1-4). Do đó con người được phép ăn thịt thú vật và lấy da làm y phục, có thể thuần hóa chúng để trợ lực con người trong lao động và giải trí. Những thí nghiệm y học và khoa học trên thú vật có thể

chấp nhận được về phương diện luân lý, miễn là ở trong những giới hạn hợp lý và góp phần vào việc chữa bệnh hoặc cứu lấy mạng sống con người.

“2418 (2446) Hành hạ hay giết hại thú vật cách vô ích là điều trái với phẩm giá con người. Cũng thế, chi phí những số tiền quá đáng cho thú vật, lẽ ra phải ưu tiên làm giảm bớt sự khốn cùng của con người, thì cũng là một việc bất xứng. Người ta có thể thương thú vật, nhưng không được dành cho chúng tình yêu, chỉ xứng với con người” (Bản dịch Việt ngữ của Ban Giáo Lý Tổng giáo phận Sài Gòn).

Như vậy, việc không đưa các vật nuôi vào nhà thờ chỉ có nghĩa rằng, khung cảnh của việc thờ phượng không phải là nơi thông thường hoặc nơi thích hợp, cho việc tỏ lòng tôn trọng và yêu thương đối với vật nuôi. (Zenit.org 10-9-2013)

39. Hát Sursum Corda (Hãy nâng tâm hồn lên) như thế nào?

Hỏi: Tôi nhận thấy rằng kể từ khi Đức Thánh Cha Phanxicô được bầu chọn, câu “Sursum corda “ (Hãy nâng tâm hồn lên) không còn được hát nữa, trong khi lời tung hô “Mysterium fidei” (Đây là mầu nhiệm đức tin) và vinh tụng ca kết thúc vẫn còn được hát. Nhưng tôi không chỉ nhìn thấy điều này ở các thánh lễ do Đức Thánh Cha chủ tế, mà còn thấy như thế trong Thánh Lễ truyền hình từ Vương Cung Thánh Đường của Đền thờ Quốc gia Đức Mẹ Vô Nhiễm tại Washington, D.C. Tôi nghĩ rằng, ở đâu đó trong việc tôi đã được huấn luyện âm nhạc phụng vụ, tôi được biết rằng hoặc chúng được hát tất cả, hoặc không hề được hát tất cả. Thưa cha, điều này là đúng không? - A. R. , San Antonio, Texas, Mỹ.

Đáp: Không có quy tắc nói rằng hoặc hát tất cả các câu ấy, hoặc không hát gì hết, mà chỉ đọc.

Trong thực tế, nếu có một luật như thế, thì nó được tôn vinh nhiều trong sự vi phạm hơn là trong sự thực hành. Hầu hết các linh

mục sẽ vui mừng xướng câu “Đây là mầu nhiệm đức tin”, và nhiều người sẽ hát bài vinh tụng ca kết thúc. Tuy nhiên, số lượng linh mục giảm khi nói đến việc hát câu “Hãy nâng tâm hồn lên”, vì nó bao hàm một cách tự nhiên một nỗ lực để hát toàn bộ kinh tiền tụng, và có ít linh mục cảm nhận sự thách đố này.

Từ những gì chúng tôi đã đề cập, chúng ta cũng có thể thấy một sự khác biệt nhỏ trong bối cảnh của ba khoảng khắc. Lời mở đầu và kinh tiền tụng là luôn luôn được công bố cách độc quyền bởi linh mục chủ tế, và điều này đòi hỏi tối thiểu một khả năng âm nhạc nào đó.

Chỉ một mình chủ tế xướng câu “Đây là mầu nhiệm đức tin”, nhưng câu đáp của cộng đoàn có thể được hát cho dù chủ tế không thể hát được câu mở đầu. Trong trường hợp này, người chơi đàn có thể giúp bắt giai điệu.

Việc hát kinh vinh tụng ca kết thúc cũng là dành cho linh mục chủ tế, nhưng trong thánh lễ đồng tế, một linh mục khá âm nhạc bắt cung các lời đầu và sau đó các linh mục khác hát phần còn lại. Nếu hoàn toàn cần thiết, người chơi đàn có thể giúp bắt cung điệu, nhưng không nên đệm theo tiếng hát, vì nó vẫn còn là một phần của Kinh Nguyện Thánh Thể. Người chơi đàn có thể đệm cho lời tụng hô Amen của cộng đoàn.

Đối với Đức Thánh Cha Phanxicô, rõ ràng là từ lần ban phép lành đầu tiên, Ngài đã không hát. Cho dù điều này là do Ngài chỉ có một lá phổi hoặc một số lý do khác, nó là ngoài vấn đề. Các sự việc là rằng Ngài không hát, và điều này không có ảnh hưởng gì đến hiệu năng của sứ vụ giáo hoàng của Ngài.

Cuối cùng, cùng với bài trả lời này, tôi kỷ niệm 10 năm phụ trách mục giải đáp phụng vụ. Khi tôi tình nguyện tham gia mục trả lời này vào năm 2003, tôi nghĩ mình sẽ ít thỏa mãn các độc giả với hơn nửa triệu chữ viết. Nhưng công việc đã và đang là một kinh nghiệm tuyệt vời, và với sự giúp đỡ của Thiên Chúa, tôi hy vọng đã là một công cụ tốt cho tất cả những người đã gửi câu hỏi cho tôi từ khắp mọi nơi trên thế giới. Trách nhiệm gia tăng của tôi, với tư cách là khoa trưởng khoa thần học, làm cho công việc có khó khăn

hơn đôi chút trong năm nay, và tôi muốn đích thân cảm ơn các biên tập viên đã cho phép tôi đôi khi trả lời vào tận giờ phút cuối qui định. Tôi hy vọng sẽ tiếp tục trả lời các câu hỏi trong bao lâu mà độc giả của trang Zenit còn gửi đến. (Zenit.org 24-9-2013)

40. Khi bỏ hương vào bình hương, linh mục ngồi hay đứng?

Hỏi: *Liệu có thể chấp nhận cho linh mục vẫn còn ngồi, khi ngài bỏ hương vào bình hương, trong khi cộng đoàn hát Alleluia không? Mới đây, một chuyên viên phụng vụ thuộc Tổng Giáo Phận Cape Coast đã lên án sự thực hành này như là một “sự lạm dụng phụng vụ”, và như là một nỗ lực nhằm đồng hóa phẩm giá của linh mục với phẩm giá của Giám mục. - V. P., Cape Coast, Ghana.*

Đáp: Mặc dù tôi rất ngần ngại sử dụng từ ngữ “lạm dụng phụng vụ” cho sự thực hành này, tôi tin rằng chuyên viên phụng vụ ấy là đúng về cơ bản, trong việc giải thích luật phụng vụ. Thay vì gọi đó là một sự lạm dụng, tôi sẽ xếp loại nó như là một lỗi lầm có thể hiểu được. Chúng ta hãy xét các luật liên quan đến sự thực hành này.

Trong Quy Chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma, chúng ta đọc:

“131. Tiếp đến mọi người đứng dậy và hát A-lê-lu-ia, hoặc bài ca nào khác, tùy mùa phụng vụ đòi hỏi (x. các số 62-64).

“132. Trong khi hát A-lê-lu-ia, hoặc bài ca nào khác, vị tư tế bỏ hương, ban phép lành, nếu có xông hương. Rồi vị tư tế chấp tay, cúi mình sâu trước bàn thờ, đọc thầm: “Munda cor meum, Lạy Thiên Chúa toàn năng, xin thanh tẩy tâm hồn” (Bản dịch Việt ngữ của Linh mục Phanxicô Xavier Nguyễn Chí Cần, giáo phận Nha Trang).

Trong phần tiếp theo, khi nói về Thánh lễ đồng tế, Quy chế viết:

“212. Trong phần phụng vụ Lời Chúa, các vị đồng tế ở tại chỗ, ngồi và đứng như vị chủ tế. Khi lời Alleluia được bắt đầu hát, mọi người đứng dậy, ngoại trừ một Giám mục, ngài bỏ hương vào

bình hương mà không đọc lời nào, và ngài ban phép lành cho thầy phó tế hoặc, nếu không có phó tế, ban phép lành cho một linh mục, để vị này công bố bài Tin Mừng. Tuy nhiên, trong một thánh lễ đồng tế mà chủ tế là một linh mục, một vị đồng tế, khi không có phó tế, sẽ công bố bài Tin Mừng, và vị này không xin và cũng không nhận phép lành từ linh mục chủ tế” (Bản dịch, như trên).

Theo quan điểm của tôi, chìa khóa để giải thích văn bản này nằm ở chỗ thiếu luật trừ được nói đến sau các chữ “mọi người đứng dậy” trong số 131.

Nếu nhà soạn luật có ý định nói là linh mục vẫn ngồi, thì điều này nhất thiết được nói, như đã được nói cho Giám mục trong Thánh lễ đồng tế. Nói cách khác, văn bản nên ghi: “Mọi người đứng dậy, ngoại trừ linh mục chủ tế, ngài bỏ hương vào bình hương”.

Tương tự như vậy, không có sự phân biệt được thực hiện trong Quy chế ở số 175 khi đề cập đến các hành vi của thầy phó tế.

Do đó, giải thích của tôi về văn bản là rằng linh mục chủ tế cần đứng dậy, khi cộng đoàn hát Alleluia, ngài bỏ hương vào bình hương, và cũng ban phép lành cho thầy phó tế từ một vị thế đứng. Cách giải thích này cũng đã được chủ trương bởi một số vị Chủ tịch nghi Tòa thánh trước đây.

Sau khi đã nói như thế, tôi nhìn nhận rằng không phải tất cả các chuyên viên phụng vụ đồng ý với lập trường này. Một số người lập luận rằng bởi vì sách Nghi Thức Giám Mục không có sự phân biệt như vậy, và cuốn sách này được thiết kế như một cẩm nang cho các cuộc lễ có linh mục, ở những nơi mà Sách Lễ là không rõ ràng, do đó các linh mục cần làm theo các chỉ dẫn được đưa ra trong sách Nghi thức ấy.

Tôi có thể nói rằng một suy luận như thế có thể là đúng, trước khi Sách Lễ Rôma được xuất bản lần thứ ba. Đó là lý do tại sao tôi đã nói ở trên rằng việc linh mục chủ tế vẫn ngồi là một sai lầm có thể hiểu được.

Tuy nhiên, kể từ khi Sách lễ là tài liệu mới hơn, và nó có sự khác biệt rõ ràng giữa linh mục và Giám mục, tôi nghĩ rằng Sách lễ

đã làm sáng tỏ một điểm tranh cãi, và do đó cần được tuân theo trong các chỉ dẫn. (Zenit.org 1-10-2013)

41. Tại sao gọi là Thánh Pius thay vì Thánh Pio?

Hỏi: Với ý tưởng nào mà ấn bản mới của Sách Lễ Rôma gọi Thánh Pio thành Pietrelcina là “Pius” thay vì “Pio”? Đúng là khi tên thánh Theresa Bông Hoa Nhỏ được khôi phục là Thérèse, chúng ta đang đi theo hướng ngược lại trong trường hợp Thánh Pio. - N. W., Costa Mesa, California, Mỹ.

Đáp: Trong khi không biết được lý do của nhóm phiên dịch, tôi có thể giả thiết nhiều lý do tốt cho sự chọn lựa này.

Đúng là Thánh Pio được biết đến nhiều theo hình thức tên gọi trong tiếng Ý của Ngài, ngay cả bên ngoài nước Ý. Tuy nhiên, trong tiếng Ý, tên này là hình thức đã được sử dụng bởi 12 Giáo hoàng, trong đó một số vị cũng là thánh nhân trong lịch phổ quát của Giáo Hội. Vì vậy, tại Ý, các thánh Pius I, V, X và Đức Chân Phước Pius IX được gọi là Pio I, V, X và IX.

Đức Francis Forgione lấy tên thánh đời tu là Tu sĩ Pius vào tháng 1-1903. Có lẽ Ngài làm thế là để tôn vinh một trong các thánh Giáo Hoàng mang tên ấy, hoặc Đức Thánh Cha mang tên Pius trước đó, là Đức Thánh Cha Pius IX. Đức Thánh Cha Pius X tương lai được bầu chọn vào ngày 4-8 cùng năm ấy.

Vì việc chọn tên Pius có liên quan cách cố ý đến tên của Giáo hoàng, thật là phù hợp để duy trì sự liên kết này bằng cách duy trì cùng dạng thức tên trong sách lễ.

Mặc dù tên này là phổ biến với một số Giáo hoàng, và người ta sự mến mộ nhiều với “Thánh Padre Pio”, nhưng thật ra tên này chưa bao giờ được phổ biến rộng rãi. Trong thống kê chưa chính xác, có vẻ như tên Pius, có nghĩa là “đạo đức” hoặc “sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ tôn giáo”, chưa bao giờ được xếp hạng trong số 1.000 tên phổ biến nhất trong thế giới nói tiếng Anh. Thậm chí ở

Ý, chỉ có khoảng 17.600 người đàn ông mang tên Pio (chưa tới 0,03 % dân số cả nước), xếp hạng thứ 366 về mức phổ biến.

Thật ra, các người mang tên thánh Pius mừng lễ bổn mạng của họ vào ngày 11-7, ngày lễ Thánh Giáo Hoàng Pius I, một vị tử vì đạo trong thế kỷ thứ hai.

Trong khi đó, Thérèse là tên riêng của Thánh Thérèse Hải Đồng Giêsu. Đây thật là một hình thức tiếng Pháp đơn thuần của tên Teresa trong tiếng Tây Ban Nha, nhưng Bông Hoa Nhỏ được biết đến như là Thérèse, từ khi cuốn “Truyện một tâm hồn” của Ngài được xuất bản.

Tương tự như vậy, trong khi Pio là một danh từ mới trong tiếng Anh, Thérèse tồn tại như một tên gọi khác có thể chấp nhận được, thay cho tên Teresa và Theresa. Việc sử dụng tên Thérèse đạt đỉnh điểm vào thập niên 1950, mặc dù không bao giờ có hơn 232 trẻ trong một triệu trẻ sơ sinh mang tên này, trong khi khoảng 6.500 trẻ trong một triệu trẻ sơ sinh mang tên Teresa và Theresa, trong cùng thời kỳ.

Vì vậy, do thiếu thông tin quyết định cho sự ngược lại, tôi tin rằng các lý do này giải thích các sự lựa chọn khác nhau đối hai cái tên trên đây. (Zenit.org 8-10-2013)

42. Linh mục được phép ban phép lành Tòa Thánh cho người nguy tử không?

Hỏi: *Người ta luôn nói rằng một linh mục có thể ban phép lành Tòa thánh nhân danh Đức Giáo Hoàng cho một người sắp chết, như thế là ban ơn toàn xá. Điều này có đúng không, thưa cha? - T. T. , Galway, Ireland.*

Đáp: Đúng vậy, ông ạ. Điều này được giải thích trong Sách nghi thức chăm sóc mục vụ cho bệnh nhân, và trong Cẩm nang Ân Xá. Trước hết, chúng ta hãy nói một lời về chính các ân xá.

Theo Giáo Lý Hội thánh Công Giáo, số 1471: “Giáo lý về ân xá và việc áp dụng các ân xá trong Hội Thánh liên hệ mật thiết với các hiệu quả của bí tích Giao Hòa

“Ân xá là tha những hình phạt tạm do tội gây nên, dù tội đã được tha. Muốn hưởng nhờ ân xá, người Kitô hữu phải hội đủ điều kiện và thi hành những điều Hội Thánh qui định. Với tư cách là trung gian phân phát ơn cứu chuộc, Hội Thánh dùng quyền để ban phát và áp dụng kho tàng công phúc của Đức Kitô và các thánh”.

“Tùy việc tha vạ một phần hay toàn bộ hình phạt tạm, mà chúng ta gọi là tiểu xá hay đại xá (ĐTC Phaolô VI, Tông hiến “Giáo lý về lòng khoan dung”, 1-3). Mọi tín hữu đều có thể hưởng ân xá, hoặc nhường cho người qua đời” (bản dịch Việt ngữ của Ban giáo lý Tổng giáo phận Sài Gòn).

Sách nghi thức chăm sóc mục vụ cho bệnh nhân, trong các số 195 và 201, cho biết nghi thức đối với người gần chết.

Số 201 nói về Cửa ăn đàng ngoài Thánh Lễ, vốn là trường hợp bình thường cho việc ban phép lành Tòa thánh. Chữ đồ nói:

“Khi kết thúc bí tích giải tội hoặc nghi thức sám hối, vị linh mục có thể ban phép lành Tòa Thánh cho người nguy tử, bằng cách sử dụng một trong các công thức như sau:

“Qua các mâu nhiệm thánh thiện của sự cứu độ chúng ta, xin Thiên Chúa toàn năng tha cho con mọi hình phạt ở đời này cũng như đời sau. Xin Chúa mở ra cho con cánh cửa thiên đường, và đón nhận con vào niềm vui vĩnh cửu”

Hoặc công thức sau:

“Qua thẩm quyền mà Tòa Thánh đã ban cho cha, cha ban cho con sự tha thứ và sự khoan hồng mọi tội lỗi của con. Nhân danh Cha, và Con + và Thánh Thần. Amen”.

Nếu không có linh mục ở đó để ban phép lành Tòa Thánh, Cẩm nang Ân Xá, số 28, cung cấp một cách thức khác.

Xin mời đọc:

“Các linh mục, khi cử hành các bí tích cho các Kitô hữu đang nguy tử, không nên quên ban cho họ phép lành Tòa Thánh, với ân xá kèm theo. Nhưng nếu không có một linh mục ở đó, Mẹ Giáo

Hội yêu thương ban cho những người hấp hối được chuẩn bị đúng đắn một ơn toàn xá, vốn được ban in articulo mortis (trong giờ lâm tử), miễn là họ thường xuyên cầu nguyện một cách nào đó trong đời sống của họ. Cần sử dụng một tượng chịu nạn hoặc cây thánh giá khi nhận ơn toàn xá này.

“Trong tình hình như vậy, ba điều kiện thông thường để hưởng ơn toàn xá được thay thế bằng điều kiện “miễn là họ thường xuyên cầu nguyện một cách nào đó trong đời sống của họ”.

“Các tín hữu Kitô giáo có thể hưởng ơn toàn xá được đề cập ở đây khi lâm tử (in articulo mortis), ngay cả khi họ đã hưởng một ơn toàn xá khác cùng ngày hôm đó”.

Số 28 trên đây được lấy từ Tông hiến “Giáo lý về lòng khoan dung” (*Indulgentiarum Doctrina*), qui định 18, do Đức Giáo Hoàng Phaolô VI ban hành ngày 1-1-1967.

Không giống như bí tích xức dầu bệnh nhân, phép lành Tòa Thành vào lúc hấp hối, cùng với ơn toàn xá kèm theo, chỉ được ban một lần trong thời bị một căn bệnh. Nên một người phục hồi từ căn bệnh ấy có thể hưởng phép lành Tòa Thánh lần nữa khi hấp hối.

Các phép lành Tòa Thánh và ân xá được ban lần đầu tiên cho các người tham gia Thập tự chinh, hoặc khách hành hương bị chết trong khi đi hành hương để hưởng ơn toàn xá Năm Thánh. Đức Giáo Hoàng Clement IV (1265-1268) và Gregory XI (1370-1378) mở rộng phép lành này cho các nạn nhân của nạn dịch hạch. Việc ban phép lành Tòa thánh trở nên thường xuyên hơn, nhưng vẫn còn hạn chế về thời gian hoặc dành cho các Giám mục, do đó tương đối ít người được hưởng đặc ân này. Do đó, Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XIV (1740-1758) ban hành tông hiến “*Pia Mater*” năm 1747, trong đó Ngài ban năng quyền này cho tất cả các Giám mục, cùng với khả năng tái ủy quyền cho các linh mục. (Zenit.org 15-10-2013)

43. Còn nghi thức làm phép muối nữa không?

Hỏi: Ấn bản thứ ba của Sách Lễ Rôma dường như không có

nghi thức làm phép muối. Liệu điều gì đó sẽ được đưa vào khi Sách Các Phép và Nghi thức được duyệt lại chẳng? Cũng thế, liệu có thích hợp để làm phép muối trước khi bỏ muối vào nước mới làm phép không? - J. B., Neillsville, Wisconsin, Mỹ

Đáp: Trên thực tế, ấn bản thứ ba này vẫn giữ lại khả năng bỏ muối vào nước thánh. Nó được tìm thấy ở cuối Sách lễ như là phụ lục thứ hai. Tuy nhiên, việc thêm muối là không bắt buộc, và tùy theo phong tục địa phương quyết định.

Nghi thức nói:

“3. Nơi nào tập tục của người dân gợi ý bỏ muối vào nước làm phép, linh mục có thể làm phép muối, bằng cách đọc:

“Lạy Thiên Chúa toàn năng, chúng con khấn khoản nài xin Chúa đoái thương lấy lòng nhân lành ban phúc + lành cho muối này, vì Chúa đã dùng ngôn sứ Ê-li-sa mà truyền dạy bỏ muối vào nước, để nước trở nên phong phú. Lạy Chúa, chúng con nài xin Chúa cho nước này đã được pha muối rảy tới đâu, thì đẩy lui mọi cuộc tấn công của quân thù, và được Thánh Thần Chúa luôn luôn hiện diện gìn giữ chúng con. Chúng con nguyện xin, nhờ Đức Kitô, Chúa chúng con. A-men.

“Kế đó, linh mục đổ muối vào trong nước, mà không nói thêm gì.

“4. Sau đó, dùng cây rảy nước thánh, linh mục rảy nước thánh cho mình và các thừa tác viên, hàng giáo sĩ và tín hữu, linh mục đi khắp nhà thờ, nếu thích hợp.

“Trong khi đó, tín hữu hát một bài phù hợp”

Việc nhắc đến ngôn sứ Ê-li-sa (Elisha) là do ngôn sứ này chữa nước độc với muối trong 2 Vua 2, 19-21.

Việc sử dụng muối làm phép và nước thánh là đặc biệt với truyền thống Latinh. Lúc đầu, muối làm phép được ném bởi những người chuẩn bị cho lễ rửa tội, như Thánh Áutinh và một số vị khác làm chứng. Ý nghĩa có lẽ là liên quan đến ý nghĩa ẩn dụ của muối như một biểu tượng của sự khôn ngoan của Thiên Chúa, đối với các người làm thành “muối trần gian”. Nó cũng được sử dụng trong nghi thức rửa tội.

Một trong các bản văn đầu tiên đề cập đến việc sử dụng nước thánh hay nước làm phép được tìm thấy trong một lá thư viết năm 538 bởi Đức Giáo Hoàng Vigilius, gửi cho Procuo của Braga ở Bồ Đào Nha. Bởi vì văn mạch của lá thư này nhắc đến một tập tục đã có, người ta có thể phỏng đoán rằng nước thánh lần đầu tiên được sử dụng tại Roma khoảng một thế kỷ trước đó. Có bằng chứng là các tín hữu đã đưa nước thánh về nhà họ, và chứa trong chậu nước thánh từ năm 590, mặc dù việc thực hành rảy nước thánh trên cộng đoàn trong Thánh lễ chỉ bắt đầu từ thế kỷ IX, và sự hiện diện của giềng rửa tội trong nhà thờ chỉ bắt đầu từ thế kỷ XI.

Việc trộn muối vào nước thánh có lẽ liên quan đến một tập tục đã phổ biến rộng rãi ở Roma ngoại giáo; vì muối được nhận định là có hiệu quả trong việc xua trừ ma quỷ. Việc này được thực hành một cách đơn giản trong tập tục Kitô giáo, sau khi sự sử dụng muối của dân ngoại đã giảm thiểu đến mức không còn có bất kỳ mối nguy hiểm nào của chủ nghĩa hỗn tạp tôn giáo.

Vì vậy, mặc dù hành động của ngôn sứ Ê-li-sa được nhắc đến trong lời nguyện làm phép muối, ít có khả năng rằng câu chuyện của ngôn sứ có ảnh hưởng trực tiếp trong việc hình thành tập tục.

Các lời nguyện đầu tiên của việc làm phép muối và nước xuất hiện ở Pháp thời triều đại Merovee vào khoảng giữa năm 600 và 751. Hầu hết các lời nguyện hiện này đã được sáng tác vào đầu thế kỷ IX.

Như đã nói ở trên, mặc dù nguồn gốc của các chậu cố định nước thánh không liên quan về mặt lịch sử đến các giềng rửa tội trong nhà thờ, sự thực hành phụng vụ và lòng đạo đức riêng tư đã thiết lập một mối quan hệ trong nhiều thế kỷ.

Do đó, việc sử dụng nước thánh là một sự nhắc nhở phép rửa tội, đức tin vào Thiên Chúa Ba Ngôi, và sự cứu chuộc qua thập giá. Khi nước được làm phép và rảy trên tín hữu vào thánh lễ Chúa Nhật, nó nhắc nhở chúng ta rằng mỗi ngày Chúa Nhật là một lễ Phục Sinh nhỏ, và bí tích rửa tội được đổi mới trong một cách biểu tượng.

Cuối cùng, hình thức ngoại thường của nghi thức làm phép muối và nước có thể được sử dụng, nhưng không phải trong một cách rằng hai hình thức của Nghi thức Rôma được nối kết lại trong một lễ cử hành duy nhất. Thực ra cũng không cần thiết, bởi vì nghi thức vẫn còn tìm thấy trong Sách lễ thông thường. (Zenit.org 22-10-2013)

44. Dùng cái gì để rảy Nước thánh?

Hỏi: *Tôi tự hỏi là dụng cụ nào được dùng để làm phép và rảy nước thánh. Tôi đã thấy người ta sử dụng nhánh lá làm cây rảy nước thánh. Liệu có hướng dẫn chính thức nào về việc này không? Tôi đã đọc trong Quy chế Tổng quát Sách Lễ Rôma nhưng không thấy nói gì. - J. H. , Coventry, Anh*

Đáp: Hình như không có qui định chính xác về việc chế tạo và sử dụng cây rảy nước thánh.

Đức Ông (nay là Giám mục) Peter Elliott, trong sách nghi thức của mình, đã đưa ra lời khuyên tốt sau đây, nhưng không cung cấp qui chiếu chính thức nào:

“Cây rảy nước thánh có hình dáng một bàn chải hoặc một quả cầu tròn đục rỗng, có thể chứa trong đó một miếng bọt biển. Nhưng cây rảy nước thánh có kích thước bỏ túi, vốn được sử dụng một cách thuận tiện trong các tình huống mục vụ, xem ra là không thích hợp cho các buổi lễ trong nhà thờ”.

Một số sách hướng dẫn cũ, dành cho hình thức ngoại thường, cũng nói rằng ngoài nhánh lá hoặc quả cầu tròn đục rỗng, “một nhánh lá hương thảo (hyssop) hoặc nhánh cây nhỏ khác cũng có thể được sử dụng”.

Các nguồn trích dẫn khác hạn chế sự chọn lựa cuối này, cho các cuộc lễ quan trọng, chẳng hạn việc cung hiến một nhà thờ mới hoặc làm phép nghĩa trang. Việc sử dụng trên đã được đặc biệt nói đến trong các nghi thức cung hiến, nhưng không nhất thiết phải hạn chế việc sử dụng nó trong các dịp khác.

Hình thức lâu đời nhất của việc rảy Nước thánh là rõ ràng sử dụng nhánh lá hương thảo hoặc nhánh cây nhỏ khác - một sự sử dụng như thế cũng được tìm thấy trong Kinh Thánh.

Hình dạng bàn chải, nay ít được sử dụng, thường được dùng trong thời Trung Cổ, và được chứng minh bằng nhiều nguồn khác nhau, chẳng hạn trên một bức phù điêu thuộc thế kỷ XII trong nhà thờ chính tòa Modena ở Ý. Hình thức hiện đại với quả cầu tròn đục rỗng xuất hiện sớm nhất là từ thế kỷ XV.

Các Đức Giáo Hoàng gần đây đều sử dụng cả nhánh lá và quả cầu tròn đục rỗng trong việc rảy Nước thánh. (Zenit.org 29-10-2013)

45. Tiếp nhận Bánh và Rượu ở vị trí nào?

Hỏi: *Đâu là vị trí thích hợp nhất cho việc tiếp nhận bánh và rượu của đoàn rước dâng lễ vật: trước bàn thờ, bờ ngăn cung thánh, hoặc một vị trí khác? - A. F., Novara, Ý*

Đáp: Việc rước dâng lễ vật được mô tả trong nhiều tài liệu. Sách Lễ Nghi Giám Mục mô tả nghi thức trong số 145:

“Xong lời cầu chung, Giám Mục ngồi, đội mũ mitra. [...]. Các Phó tế và các tá viên đem khăn thánh, khăn lau chén, chén thánh và Sách lễ đặt trên bàn thờ.

«Rồi mang của lễ lên. Tín hữu nên biểu thị sự tham gia của mình, bằng cách mang bánh và rượu để cử hành Thánh Thể, thậm chí cả những tặng phẩm khác có thể giúp ích cho yêu cầu của Giáo Hội và cho người nghèo. Của lễ các tín hữu mang, thì các Phó tế hoặc Giám Mục nhận ở chỗ nào thuận tiện. Bánh và rượu thì Phó tế mang lên bàn thờ ; còn các tặng phẩm khác thì đặt ở nơi xứng hợp đã dọn sẵn» (Bản dịch Việt ngữ của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam).

Qui chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma (GIRM) nói :

“139. Sau lời nguyện cho mọi người, mọi người ngồi và bắt đầu hát ca tiến lễ (x. số 74), nếu có rước lễ phẩm. Thầy giúp lễ hay

một thừa tác viên giáo dân khác đem khăn thánh, khăn lau chén, chén thánh và Sách Lễ đặt trên bàn thờ.

“140. Nên để cho các tín hữu biểu lộ sự tham dự bằng việc dâng bánh và rượu dùng vào việc tế lễ, hoặc những phẩm vật dùng để đáp ứng các nhu cầu của thánh đường và cứu trợ người nghèo. Vị tư tế, với sự trợ giúp của thầy giúp lễ hay một thừa tác viên khác, nhận lãnh các phẩm vật giáo dân dâng tiến. Bánh và rượu dùng trong Thánh Lễ, thì đem đặt trên bàn thờ, những phẩm vật khác thì đem để vào nơi thích hợp (x. số 73)” (Bản dịch Việt ngữ của Linh mục Phanxicô Xavier Nguyễn Chí Cần, giáo phận Nha Trang).

Tuy nhiên, nếu có một phó tế, thầy thực hiện các nhiệm vụ nêu tại số 139. Do đó, “thầy phó tế cùng với thầy giúp lễ đi dọn bàn thờ, nhưng chính thầy phải sửa soạn các bình thánh” (xem GIRM, số 178 và 190, bản dịch như trên). Thầy cũng giúp linh mục tiếp nhận lễ vật do giáo dân dâng tiến.

Năm 2004, Thánh Bộ Phụng Tự và Kỷ luật Bí Tích xuất bản huấn thị “*Redemptionis Sacramentum*” (Bí Tích Cứ Độ). Tài liệu này cung cấp chỉ dẫn chính xác về việc dâng lễ vật:

“70. Những lễ vật mà các tín hữu có thói quen dâng kính trong Thánh Lễ để cho Phụng Vụ thánh Thể, không nhất thiết chỉ là bánh và rượu, dùng để cử hành Thánh Thể, mà chúng cũng có thể là những tặng vật khác, được các tín hữu mang đến, nghĩa là tiền bạc hay của cải khác dùng để thi hành bác ái đối với người nghèo. Tuy nhiên, những lễ vật cụ thể phải luôn diễn tả được rõ ràng quà tặng thật sự mà Chúa trông chờ nơi chúng ta : đó là một tâm hồn thống hối ăn năn và lòng mến Chúa yêu người, làm cho ta xứng hợp với hy lễ của Đức Kitô, Đấng đã nộp chính mình vì chúng ta. Quả nhiên, chính trong Phép Thánh Thể mà mầu nhiệm đức ái này được sáng ngời ở điểm cao nhất, mầu nhiệm đức ái mà Đức Giêsu Kitô đã bày tỏ trong Bữa Tiệc Ly, bằng việc rửa chân cho các môn đệ của Người. Tuy nhiên, để bảo vệ phẩm giá của Phụng Vụ thánh, các lễ vật cụ thể phải được dâng tiến một cách xứng hợp. Cho nên tiền bạc, cũng như những tặng vật khác dành

cho người nghèo, phải được đặt để vào một nơi thích hợp, ngoài bàn tiệc Thánh Thể. Để riêng tiền bạc và, nếu có, một phần nhỏ những tặng vật khác tượng trưng cho số lớn hơn, nên dâng những tặng vật này ngoài cử hành Thánh Lễ” (Bản dịch Việt ngữ của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam).

Sau Hội nghị năm 2005 của Thượng Hội Đồng Giám mục về Bí tích Thánh Thể, Đức Thánh Cha Biển Đức XVI tiếp tục phản ánh điều này trong Tông Huấn “*Sacramentum Caritatis*” (Bí tích Tình yêu):

“47. Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng cũng đã đề nghị chú ý đến việc dâng lễ vật. Đây không đơn giản nói đến một “phần chuyển tiếp” giữa phụng vụ Lời Chúa và Thánh Thể.

Hơn nữa, làm như thế là làm yếu đi ý nghĩa của một nghi lễ duy nhất được tạo nên bởi hai phần có liên quan. Cử chỉ khiêm tốn và đơn giản này thật sự rất có ý nghĩa : trong bánh và rượu chúng ta dâng lên bàn thờ mọi tạo vật đều được Đức Kitô, Đấng Cứu Độ, đón nhận để được biến đổi và dâng lên Thiên Chúa Cha. Trong cách nhìn này chúng ta cũng đưa lên bàn thờ tất cả những đau khổ và khốn cùng của thế giới, trong niềm xác tín rằng tất cả đều đáng quý trọng trước mặt Thiên Chúa. Để được sống đúng ý nghĩa của cử chỉ này không cần nhấn mạnh thêm bằng những hình thức rườm rà không thích hợp. Cử chỉ này làm cho chúng ta nhận ra Thiên Chúa mời gọi con người tham dự vào việc hoàn thành công trình của Ngài, và khi làm việc này, lao công của con người có được một ý nghĩa tràn đầy, bởi vì qua cử hành Thánh Thể, lao công của con người được kết hợp với hiến tế cứu độ của Đức Kitô” (Bản dịch Việt ngữ của Ủy ban Giáo lý Đức tin trực thuộc Hội Đồng Giám Mục Việt Nam).

Mặc dầu có sự phong phú về tài liệu như thế, không tài liệu nào cung cấp bất cứ chỉ dẫn chính xác về vị trí tiếp nhận lễ vật. Hầu hết chỉ nói là “một nơi thích hợp”.

Việc thiếu qui định chính xác này có lẽ là sự lựa chọn tốt nhất, vì người ta gần như không thể tiên liệu việc tổ chức sắp xếp của mỗi giáo xứ và mọi giáo xứ.

Một nơi thích hợp có nghĩa là một nơi mà các lễ vật có thể được trao cho linh mục, được chuyển qua phó tế hay thừa tác viên khác, và đem về bàn thờ trong một cách thức đơn giản và không gây trở ngại cho mọi người liên quan. Do đó, nơi thích hợp được xác định bởi cảm thức chung phụng vụ, có tính đến các yếu tố như số lượng các bậc cấp trong cung thánh, không gian đủ cho các thừa tác viên, và đường đi dẫn đến bàn thờ.

Trong hầu hết các trường hợp, điều này có nghĩa rằng linh mục và các thừa tác viên, sau khi bàn thờ đã được chuẩn bị, đi đến phía giữa của cung thánh và tiếp nhận lễ vật ở bậc cấp đầu tiên. Điều này có lợi thế: các tín hữu mang lễ vật không lo lắng về các trở ngại, chẳng hạn bậc cấp khó đi, và nó cho phép các thành viên của các cộng đoàn phụng vụ thuộc đủ lứa tuổi và tình trạng sức khỏe khác nhau, kể cả người sử dụng xe lăn, có thể tham gia vào việc dâng lễ vật.

Trong các trường hợp khác, cần phải thích ứng với điều kiện sức khỏe của linh mục, đặc biệt nếu ngài là cao niên hoặc có khó khăn về di chuyển.

Khi một Giám mục cử hành thánh lễ, hoặc trong thánh lễ trọng, các lễ vật có thể được đem tới vị chủ tế đang ngồi; ngài tiếp nhận và chuyển cho các phó tế hoặc thừa tác viên khác.

Nếu thực hiện việc này, điều khôn ngoan là nên chọn một cách cẩn thận các người dâng lễ vật, và nên tập nghi thức trước.

Và trong mọi trường hợp, tốt hơn là chính linh mục không tự mình cầm lễ vật nào tới bàn thờ. (Zenit.org 19-11-2013)

46. Trong Thánh Lễ đại triều của Giám Mục, tại sao nhà tạm lại để trống?

Hỏi: Tôi đã đến tham dự lễ Thêm sức ở một giáo xứ. Việc đầu tiên mà tôi chú ý là đền nhà tạm không được thắp sáng, và nhà tạm được để trống. Sau thánh lễ ấy, tôi hỏi vị linh mục tại sao lại như vậy, và cha trả lời rằng vị Giám Mục, do Ngài có sự viên mãn của chức linh mục, nên mỗi khi Ngài cử hành phụng vụ, chẳng hạn

ban phép Thêm sức, cần rõ ràng là sự viên mãn của bí tích là ở trong Ngài. Tôi chưa bao giờ gặp thấy tập tục này trước đó. Tôi xin hỏi cha là tập tục ấy phổ biến như thế nào?. - E. R.

Đáp: Đây là một quy luật phức tạp mà ngay cả nhiều vị Giám Mục cũng không biết. Nó được quy định trong Sách Nghi Thức Giám Mục dành cho các nhà thờ chính tòa và trong một số trường hợp khác.

Sách Nghi Thức Giám Mục nói:

“49. NHÀ TẠM, theo truyền thống ngàn đời vẫn giữ tại các nhà thờ Chính tòa, thì khuyến đặt ở cung nguyện tách với lòng giữa nhà thờ.

Nhưng nếu trong trường hợp đặc biệt, nhà tạm đã đặt trên bàn thờ nơi Giám Mục sắp cử hành phụng vụ, thì phải đưa Minh Thánh đến nơi xứng đáng khác” (Bản dịch Việt ngữ của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam).

Qui định này không phải là mới. Cẩm nang nghi thức cho hình thức ngoại thường của các tác giả A. Fortescue, JB O'Connell và A. Reid cho biết, khi nói về Thánh lễ đại triều với Ngai tòa Giám mục: “Nếu Minh Thánh được cất giữ trên bàn thờ cao của nhà thờ, Minh Thánh cần được đưa đến một cung nguyện hoặc bàn thờ cạnh nếu có thể được, trước khi Giám Mục cử hành Thánh lễ”.

Một số chuyên viên phụng vụ gần đây nói rằng quy định này không nhất thiết áp dụng cho nhà tạm trong khu vực cung thánh, nhưng nằm xa bàn thờ.

Tiếp sau việc công bố Sách Nghi Thức Giám Mục, Qui chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma (GIRM), số 274, đã bổ sung nhiều chi tiết đối với trường hợp có một nhà tạm trong khu vực cung thánh:

“Nếu nhà tạm có Thánh Thể được đặt trong cung thánh, thì vị tư tế, phó tế và các người giúp khác phải bái gối, khi đi đến bàn thờ hoặc khi rời bàn thờ, nhưng không bái gối trong lúc cử hành Thánh Lễ. Ngoài ra, mọi người bái gối khi đi ngang trước Thánh Thể, trừ phi khi đi kiệu” (Bản dịch Việt ngữ của Linh mục Phanxicô Xavier Nguyễn Chí Cần, giáo phận Nha Trang)

Tuy không nhắc đến các Giám Mục, rất có thể rằng quy định trên liên quan đến sự bãi gồi cũng sẽ được áp dụng cho các Ngài trong trường hợp cụ thể này.

Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng các mô tả của nghi thức trong thánh lễ đại triều của Giám Mục thường suy đoán sự hiện diện của một cung nguyện Thánh Thể, chứ không phải nhà tạm trong khu cung thánh.

Vì vậy, khi mô tả đoàn kiệu vào Thánh Lễ của vị Giám Mục, số 128 của Sách Nghi thức nói: “Đoàn kiệu có đi qua cung nguyện để Minh Thánh, cũng không dừng lại và cũng không bãi gồi” (Bản dịch Việt ngữ của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam).

Vì vậy, trong khi dường như không có một quy luật tuyệt đối, đã có một truyền thống vốn cho phép cất Minh Thánh khỏi khu vực cung thánh, khi một lễ đại triều được cử hành bởi một Giám Mục, đặc biệt là Đấng Bản quyền địa phương.

Lý do thần học đáng sau tập tục này là người ta nhấn mạnh vai trò của Giám Mục như là vị thượng tế của đoàn chiên của mình. Huân thị “*Redemptionis Sacramentum*” (Bí Tích Cứu Độ) nói:

“19. Giám Mục giáo phận là người phân phát chính yếu các Mầu Nhiệm của Thiên Chúa trong Giáo Hội địa phương được ủy thác cho ngài, là người tổ chức, chủ xướng và gìn giữ cả đời sống phụng vụ. Quả thực, “Giám Mục, được nhận đầy đủ bí tích Truyền Chức thánh, lãnh trách nhiệm phân phát ân sủng của chức tư tế tối cao”, đặc biệt là trong Phép Thánh Thể mà chính ngài dâng hoặc đảm bảo cho việc hiến dâng, và từ đó liên tục phát sinh cho Giáo Hội sức sống và tăng trưởng”.

“20. Giáo Hội được biểu lộ nhất là mỗi khi Thánh Lễ được cử hành trọng thể, chủ yếu là tại nhà thờ chánh toà, “cùng với toàn thể dân thánh Thiên Chúa tham dự trọn vẹn và linh động, [...] trong cùng một kinh nguyện, trước cùng một bàn thờ dưới sự chủ tọa của Giám Mục”, có linh mục đoàn, các phó tế và những thừa tác viên khác bao quanh. Hơn nữa, “mọi việc cử hành hợp pháp Phép Thánh Thể đều do Giám Mục điều khiển, vì ngài là người lãnh nhận nhiệm vụ dâng lên Tôn Nhan uy nghi Chúa phụng tự

Kitô giáo và có phận sự điều hành việc phụng tự đó theo đúng huấn giới của Chúa và lề luật của Giáo Hội. Ngài dùng phán quyết riêng để đem lại cho những lề luật đó những quy định mới phù hợp với giáo phận mình” (Bản dịch Việt ngữ của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam).

Như thế, việc để trống nhà tạm nhân mạnh vai trò Giám Mục giáo phận như là “người phân phát chính yếu các Mầu Nhiệm của Thiên Chúa trong Giáo Hội địa phương” và như là một người điều khiển “mọi việc cử hành hợp pháp Phép Thánh Thể”. Ngoài ra, đó là một dấu hiệu cho thấy rằng Chúa Kitô ban phép Thánh Thể qua thừa tác vụ Giám Mục, như là sự viên mãn của chức linh mục, và để phản ánh bản chất của Giáo Hội như là sự hiệp thông bí tích.

Đối với Giám Mục, dấu hiệu này là một lời nhắc nhở khiêm nhường về trách nhiệm cao cả của Ngài trong việc “dâng lên Tôn Nhan uy nghi Chúa phụng tự Kitô giáo”. Như thế, không thể giải thích rằng đó là một cách đề cao Giám Mục đối với mầu nhiệm Chúa Kitô trong Bí tích Thánh Thể.

Các qui định không nói một cách đặc biệt rằng luật thường không áp dụng khi một Giám Mục, khác với Tổng Giám Mục hoặc Đấng Bản Quyền địa phương, cử hành Thánh lễ. Tuy nhiên, trường hợp trên có thể được suy ra bởi thực tế rằng các quy định về việc cất giữ Mình Thánh ở nơi khác gần như luôn luôn được tìm thấy trong bối cảnh của Thánh lễ Chặng Viếng (*Stational Mass*, Thánh lễ của Giám mục trong nhà thờ chính tòa hay trong các cuộc viếng thăm chính thức giáo xứ) của vị Giám Mục địa phương. (Zenit.org 26-11-2013)

47. Lễ Các Đẳng thuộc bậc lễ nào?

Hỏi: *Lễ Cầu Cho Các Tín Hữu Đã Qua Đời (Lễ Các Đẳng) diễn ra ngày 2-11 hàng năm, được xếp vào danh sách các bậc lễ. Nhưng tôi thấy hình như là bất thường, vì tôi thấy lễ này không được xếp vào bậc lễ, như lễ trọng, lễ kính, lễ nhớ... Vậy, thưa cha,*

trường hợp này là trường hợp riêng hay sao? Nếu như vậy, nó xuất hiện như là trường hợp độc nhất trong lịch phụng vụ rồi. - A. L., Campbell, California, Mỹ.

Đáp: Mặc dù lễ Các Đấng của năm nay đã qua, nhưng nó đáng cho chúng ta nhớ lại bậc lễ của nó.

Đúng là lễ Các Đấng có một bậc riêng. Lễ này không phải là lễ trọng, bởi vì nó cầu cho các tín hữu đã qua đời, chứ không mừng kính họ. Lễ này có ưu tiên phụng vụ hơn lễ Chúa Nhật. Nó giống với lễ Chúa Nhật, chỉ khác một điều là khi lễ được cử hành vào Chúa Nhật, Kinh Vinh Danh và Kinh Tin Kính không được đọc hoặc không được hát.

Lễ Cầu Cho Các Tín Hữu Đã Qua Đời có ba bài đọc, ngay cả khi nó rơi vào một ngày thường trong tuần. Một số Sách bài đọc cung cấp một loạt bài đọc, và cho biết thêm rằng các bài đọc của hai Thánh Lễ khác, mà một linh mục có thể cử hành trong ngày 2-11, được lấy từ Sách lễ an táng. Một số Sách bài đọc khác, chẳng hạn sách tại Ý, đưa ra ba nhóm sách bài đọc, và mỗi nhóm có ba bài.

Không giống như bậc lễ trọng, ưu tiên của Lễ Các Đấng hơn lễ Chúa Nhật không mở rộng đến ưu tiên cho Phụng Vụ Các Giờ Kinh. Phụng Vụ Các Giờ Kinh là Phụng vụ của Chúa Nhật hiện tại, mặc dù nó có thể được thay thế bằng Phụng vụ Cầu Hồn trong buổi đọc kinh chung.

Một lần nữa, không giống như lễ trọng rơi vào ngày Chúa Nhật, khi Lễ Các Đấng rơi vào ngày Chúa Nhật, không có lễ Vọng cho Lễ này vào chiều thứ bảy, vì Lễ Các Thánh được cử hành trong suốt cả ngày thứ bảy ấy.

Ở các quốc gia mà Lễ Các Thánh không phải là một ngày lễ buộc, ai dự Lễ Các Thánh chiều thứ Bảy là chu toàn luật dự lễ ngày Chúa Nhật rồi.

Về mặt lịch sử, một ngày dành riêng để cầu cho các tín hữu qua đời đã diễn ra ở nhiều nơi và nhiều ngày trong năm. Các tu viện Biển Đức dâng lễ cầu cho các đan sĩ qua đời vào tuần lễ sau Lễ Hiện Xuống, và có bằng chứng rõ ràng cho tập tục này ở Tây

Ban Nha trong thế kỷ VII, gần Lễ Hiện Xuống. Dường như tập tục dâng lễ cho người đã qua đời có liên quan đến một số lễ trọng như Lễ Hiện Xuống, Lễ Hiện Linh hoặc một vị thánh khá nổi tiếng trong Giáo Hội. Ví dụ, thánh Eigil (qua đời năm 822), Viện phụ ở Fulda, qui định lễ Các Đấng vào ngày 17-12, ngày ly trần của thánh Sturmius, vị sáng lập tu viện.

Ở Đức, lễ Các Đấng được ghi nhận là thiết lập vào ngày 1-10, khoảng năm 980. Dường như giáo phận đầu tiên tổ chức Lễ Các Đấng là giáo phận Liège trước năm 1008. Lễ này được cử hành lần đầu ở giáo phận Milan giữa năm 1120 và năm 1125, và tổ chức vào ngày 16-10, ngày sau ngày lễ Cung Hiến Nhà thờ lớn. Cần nhắc lại rằng ngày này được duy trì cho đến thời Thánh Carôlô Borromeo (qua đời năm 1584), khi thánh nhân qui định lễ Các Đấng vào ngày 2-11.

Tuy nhiên, người có ảnh hưởng nhất trong việc thiết lập và lan rộng ngày lễ này là Thánh Odo ở Cluny (qua đời năm 1048), người chọn tập tục này cho Dòng tu có rất nhiều tu viện. Ngài ấn định ngày 2-11, để cho nó liên quan đến Lễ Các Thánh được mừng ngày hôm trước.

Từ đó, Lễ lan rộng đến tất cả các tu viện Biển Đức khác, và việc này giúp mở rộng lễ Các Đấng cho toàn thể Giáo Hội.

Từ những gì chúng tôi đã nói về sự kết hợp của lễ Các Đấng với các lễ lớn, rõ ràng là có rất ít nền tảng cho giả thuyết rằng lễ Các Đấng được thiết lập bởi Giáo Hội như một đối trọng, hoặc như một nỗ lực thánh hóa một lễ hội Celtic ngoại giáo nhằm tôn vinh người chết. Lễ hội ngoại giáo này có lẽ đã được tổ chức vào đầu tháng 11, và đã bằng cách nào đó tồn tại vào thời Trung Cổ, nhưng không có bằng chứng bằng văn bản của sự tồn tại của lễ hội này trong thời gian đó. (Zenit.org 3-12-2013)

48. Về màu của áo choàng, khăn vai, và qui định về ban phép lành

Hỏi 1: *Liệu được phép sử dụng áo choàng tím và khăn vai tím khi châu Thánh Thể trong mùa Vọng và Mùa Chay không, hay là luôn luôn phải dùng áo choàng trắng và khăn vai trắng?*

Hỏi 2: *Có đúng là linh mục hay Giám mục không ban phép lành trong sự hiện diện của Mình Thánh Chúa trưng trên bàn thờ (trừ khi với hào quang) chăng? Chẳng hạn, nếu đọc Phụng vụ các Giờ Kinh vào lúc ấy, theo sự hiểu biết của tôi, thì nên kết thúc giờ Kinh với câu “Xin Thiên Chúa ban phúc lành cho tất cả chúng ta, xin Người che chở chúng ta khỏi sự dữ và dẫn đưa tới cuộc sống muôn đời. Amen”, thay vì “Xin Thiên Chúa toàn năng, là + Cha + và Con + và Thánh Thần, ban phép lành cho anh chị em”. – P. S., Montreal, Canada.*

Đáp: Về câu hỏi thứ nhất, cần hiểu một sự phân biệt. Khăn vai, được dùng để nâng hào quang khi châu Thánh Thể, hoặc mang hộp đựng Mình Thánh hay bình thánh, là luôn màu trắng trong tất cả các mùa của năm phụng vụ. Chỉ có một ngoại lệ là trong khi cử hành cuộc Thương Khó của Chúa vào ngày Thứ Sáu Tuần Thánh, phụng vụ cho phép sử dụng khăn vai màu đỏ, khi mang Mình Thánh cho việc rước lễ từ nhà nguyện lưu giữ về bàn thờ.

Còn về áo choàng, qui định là khá khác nhau. Áo choàng trắng thường được sử dụng cho việc châu Thánh Thể. Tuy nhiên, nếu một buổi cử hành long trọng Phụng Vụ các Giờ Kinh ngay trước khi châu Thánh thể, thì vị chủ sự có thể mặc áo choàng màu trắng, hoặc màu khác hợp với màu phụng vụ của ngày hoặc mùa (đỏ, tím, hồng hoặc xanh lá cây).

Trong các trường hợp này, đôi khi cần thiết thay đổi hướng chỗ ngồi bình thường của các thừa tác viên, để các vị chủ sự buổi phụng vụ hướng nhìn về Thánh Thể được trưng ra trên bàn thờ.

Việc này cần phải làm, cho dù như thế thì các thừa tác viên không hướng mặt về phía cộng đoàn.

Đối với câu hỏi thứ hai, đúng là không có việc vị chủ sự ban phép lành trong sự hiện diện của Thánh Thể được trưng ra trên bàn thờ. Bản đọc này của chúng tôi đã diễn tả thủ tục đúng cho việc kết thúc giờ kinh Sách hoặc giờ kinh Chiều trong thời gian châu Thánh Thể.

Tuy nhiên có một ngoại lệ nhỏ cho qui định này. Chữ đỏ hiện nay về châu Thánh Thể nói rằng vị chủ sự “làm phép hương mà không nói câu gì” (*Sách Nghi Thức Giám Mục*, số 1109). Đây rõ ràng là một điều mới và trường hợp duy nhất của bất kỳ việc làm phép nào trong sự hiện diện của Thánh Thể được trưng trên bàn thờ.

Lý do có thể cho sự thay đổi này là để đơn giản hóa và thống nhất nghi thức bỏ hương vào bình hương, khi loại bỏ sự khác biệt trong nhiều tình huống nghi thức, chẳng hạn khi hương dùng trong Thánh Lễ hoặc trong một buổi long trọng Các Giờ Kinh Phụng Vụ.

Tuy nhiên, trong các năm gần đây, một vài chuyên viên phụng vụ đã đề nghị rằng việc không làm phép như trước đây trong thời gian châu Thánh Thể cần được tái lập. (Zenit.org 10-12-2013)

49. Việc rời nhà thờ ngay sau Rước lễ là sai như thế nào?

Hỏi: *Thật không may, một số giáo dân có thói quen xấu là rời nhà thờ ra về ngay sau khi Rước lễ. Tôi ước tính khoảng 30%, tương đương khoảng 225 người, ra về sớm. Nhà thờ của chúng tôi có sức chứa 750 người, vì vậy sự vắng 30% số người dự lễ là rất dễ nhận biết. Xin cha cho một lập luận thần học về lý do tại sao việc rời nhà thờ như thế không phải là hành vi thích hợp. - D. S., Port Charlotte, bang Florida, Mỹ.*

Đáp: Đây là một vấn đề “muôn thuở”, nhưng người ta phải giải quyết nó bằng sự kiên nhẫn, bằng cách hãy lên tiếng “lúc thuận

tiện cũng như lúc không thuận tiện” (opportune et inopportune, 2 Tm 4, 2) như Thánh Phaolô nói, cho đến khi kết quả tốt đạt được.

Câu hỏi này làm tôi nhớ đến câu chuyện của một linh mục thánh thiện. Linh mục này có cùng vấn đề như thế với một trong các giáo dân mộ đạo của mình. Họ tham dự thánh lễ hàng ngày nhưng lại rời nhà thờ ra về ngay lập tức sau khi rước lễ. Cha đã giải quyết vấn đề bằng cách bảo hai chú giúp lễ cầm đèn nến sáng đi hai bên ông ấy, khi ông ấy đi ra khỏi nhà thờ và cùng đi với ông cho đến khi ông lên xe ra về.

Sau ba ngày sự việc cứ diễn ra như thế, người giáo dân lịch lãm ấy cảm thấy bối rối và lấy làm lạ, nên xin cha xứ giải thích sự việc. Cha trả lời rằng bởi vì Chúa Kitô vẫn còn hiện diện trong ông khi ông rời khỏi nhà thờ, nên sự hiện diện của ông cần được tôn vinh bằng đèn nến thấp sáng. Không cần phải nói thêm gì nữa, kể từ đó người ấy không bao giờ ra về sớm nữa.

Giai thoại này có thể được sử dụng như là một điểm khởi đầu cho vị linh mục, để giải thích với giáo dân về tầm quan trọng của việc tạ ơn vì hồng ân của Thánh Lễ, của việc được Lời Chúa dưỡng nuôi, của việc tham dự vào hy tế độc nhất của Chúa Kitô, và của việc Rước lễ.

Điều này cũng đòi hỏi phải một khoảng thời gian thực sự thảnh lạng sau bài thánh ca hiệp lễ, và linh mục, phó tế và các thừa tác viên khác cần làm gương cho giáo dân, bằng cách ngồi thảnh lạng chiêm niệm trong 2-3 phút.

Vào lúc này, linh mục có thể giúp giáo dân bằng suy niệm một lời kinh tạ ơn ngắn gọn. Điều này đặc biệt là có hiệu quả trong các Thánh lễ dành cho thiếu nhi, vì trong khi lời kinh được hướng tới cách rõ ràng cho trẻ em, nó cũng có ích cho người lớn nữa. Một điểm khác cần được nhấn mạnh là tầm quan trọng của việc tham dự trọn Thánh Lễ.

Có nhiều hình ảnh tạo hình để minh họa cho điều này, nhưng đa số có thể hiểu một việc đơn giản là nếu ông chủ của họ, hoặc thị trưởng địa phương chẳng hạn, triệu tập họ đến dự một cuộc họp, họ sẽ không dám ra về, trước khi người chủ ấy chính thức kết thúc

buổi họp. Thậm chí điều này còn là đúng hơn khi người cha người mẹ, anh chị em ruột hoặc người bạn thân mời chúng ta dành thì giờ ở bên họ.

Nếu chúng ta ứng xử như vậy trước các người khác và các mối quan hệ, thì điều này cần phải đúng hơn nhiều khi người chủ của chúng ta là Chúa Cha tạo dựng nên ta, Chúa Con chết và phục sinh vì chúng ta, và Chúa Thánh Thần ban sự sống cho chúng ta.

Chúng ta hãy bỏ phép lịch sự qua một bên, và trở về với sự tạ ơn. Thánh Lễ là một cái mà chúng ta cùng cử hành với nhau với tư cách là Giáo Hội, và với tư cách là một cộng đoàn thờ phượng được hiệp nhất với Chúa Kitô qua vị linh mục. Do đó, thánh lễ không chỉ là một cái mà chúng ta cử hành với tư cách cá nhân Kitô hữu.

Trong cùng một cách thức như vậy, việc tạ ơn của chúng ta cho Thánh Lễ không thể được giản lược vào lĩnh vực cá nhân, nhưng phải được thực hiện với tư cách Giáo Hội. Việc tạ ơn tập thể này được làm qua vị linh mục trong lời nguyện kết lễ, mà tất cả đồng thanh thưa “Amen”.

Cuối cùng, Thánh Lễ được kết hiệp mật thiết với đời sống và sứ mạng của Kitô hữu. Nghi thức kết lễ (phép lành và lời chúc đi bình an) sai chúng ta ra về để thông chuyển cho anh chị em mình những gì chúng ta đã nhận được. Do đó, nếu chúng ta rời nhà thờ ngay sau khi Rước Lễ, thì chúng ta mất đi thành phần quan trọng của đời sống thiêng liêng của chúng ta.

Về một quan điểm vật chất, người ta cũng có thể thấy liệu có động lực hữu hình nào làm cho người ta rời nhà thờ sớm chăng. Sợ bị kẹt xe ở bãi xe chăng? Giờ hai thánh lễ quá gần nhau chăng? Nếu thực sự có sự bất tiện liên quan như thế, thì một mình thần học là không hiệu quả trong việc thay đổi thói quen của người ta, cho đến khi các bất tiện ấy được giải quyết trước đã. (Zenit.org 21-7-2008)

50. Có thể đưa tên thánh Giuse vào các Kinh nguyện ngoài bốn Kinh nguyện Thánh Thể chính không?

Hỏi: *Bây giờ tên Thánh Giuse đã được thêm vào trong các kinh nguyện Thánh Thể II, III và IV (trong Kinh nguyện I thì đã có sẵn rồi). Liệu có đúng chăng khi tên thánh Giuse cũng có thể được đưa vào các kinh nguyện Thánh Thể khác trong Sách lễ, chẳng hạn trong Kinh Tạ Ơn Hòa Giải và Kinh nguyện trong Thánh Lễ Cho Các Nhu Cầu Khác Nhau? Tôi đã hỏi một số linh mục, và chúng tôi không đồng ý với nhau về điểm này. Xin cha giúp làm sáng tỏ. - R. H., Mararba, Nigeria.*

Đáp: Thật là thích hợp trong Mùa Giáng sinh để có thể nhắc lại Sắc Lệnh số 215/11/L, ban hành ngày 1-5-2013 bởi Thánh Bộ Phụng Tự và Kỷ Luật Bí Tích, về việc đọc tên Thánh Giuse trong các Kinh nguyện Thánh Thể.

Sắc lệnh nêu ra một lý do cho sự thay đổi này là do vai trò đặc biệt của Thánh Giuse trong lịch sử cứu độ và trong mối quan hệ với Giáo Hội. Xin mời đọc:

“Được đặt đứng đầu Gia đình của Chúa, thánh Giuse thành Nazareth đã quảng đại thực hiện sứ mạng được lãnh nhận từ ân sủng trong nhiệm vụ cứu độ khi thay thế cha của Chúa Giêsu. Khi hoàn toàn gắn bó với màu nhiệm cứu độ của nhân loại, vốn đang ở bước khởi đầu của nó, ngài đã trở nên gương mẫu của sự khiêm nhường quảng đại mà đức tin Kitô giáo ca ngợi ở mức cao cả nhất, và chứng nhân của những nhân đức thông thường, nhân bản và đơn sơ, vốn cần thiết để con người trở nên những môn đệ đức hạnh và đích thực của Chúa Kitô. Chính khi vận dụng chính những nhân đức này mà người công chính này, – người đã yêu thương săn sóc Mẹ Thiên Chúa và đã vui tươi tận tâm hiến dâng cho việc giáo dục Chúa Giêsu Kitô –, đã trở nên người gìn giữ những kho tàng quý giá nhất của Thiên Chúa Cha, và người nâng đỡ Thân Thể màu nhiệm, tức là Giáo Hội.

“Trong Giáo Hội Công Giáo, một cách liên tục, các tín hữu đã luôn biểu lộ một sự sùng kính lớn lao đối với thánh Giuse, kính nhớ cách trọng thể và liên li vị Hôn Phu rất trong sạch của Mẹ Thiên Chúa và là Quan Thầy trên trời của toàn thể Giáo Hội.... “ (Bản dịch Việt ngữ của Tý Linh trên xuanbichvietnam.net)

Đây là lý do đã tác động Đức Thánh Cha Gioan XXIII đưa thêm tên của thánh Giuse vào Lễ Quy Rôma, và trong thực tế đó là sự thay đổi đầu tiên trong Lễ Quy Rôma trong hơn 1.000 năm. Đức Thánh Cha Biển Đức XVI đã cho phép đưa tên thánh Giuse vào ba Kinh nguyện Thánh Thể chính khác trong các trường hợp đặc biệt, và bây giờ Đức Thánh Cha Phanxicô đã chính thức thông qua việc đọc tên thánh Giuse một cách trường kỳ trong cả ba Kinh nguyện Thánh Thể II, III, và IV.

Điều này làm cho bạn đọc của chúng tôi nêu ra vấn đề liên quan đến các Kinh nguyện Thánh Thể khác nữa.

Trước hết, chúng ta phải thấy rằng nhan đề và nội dung của Sắc lệnh là rất chính xác: “Về việc đưa tên Thánh Giuse vào các Kinh nguyện Thánh Thể II, III và IV”.

Thứ đến, Sắc lệnh khẳng định rằng “việc cứu xét chín muồi” đã được thực hiện cho “tất cả các vấn đề” trước khi đến một quyết định. Do đó, sắc lệnh chỉ đề cập từ Kinh nguyện Thánh Thể I đến Kinh nguyện Thánh Thể IV mà thôi.

Như vậy, nếu Sắc lệnh không nhắc gì đến Kinh Tạ Ôn Hòa Giải và Kinh nguyện trong Thánh Lễ Cho Các Nhu Cầu Khác Nhau, thì nhất thiết phải hiểu là Sắc lệnh không mở rộng cho các Kinh nguyện này. Chúng ta khó có thể cho rằng vấn đề này không được nêu ra khi soạn thảo Sắc lệnh, do đó đây là một sự lựa chọn tự do.

Tôi không nắm được các lý do tại sao Thánh Bộ Phụng Tự và Kỷ Luật Bí Tích không chú ý đến các Kinh nguyện Thánh Thể khác. Có thể đó không là vì lý do phong cách, bởi vì các bản văn của các Kinh nguyện này sẽ không loại trừ việc đưa tên Thánh Giuse trong cùng cách thức, như các Kinh nguyện Thánh Thể chính.

Tôi có thể đoán - nhưng chắc chỉ là một sự đoán mà thôi - rằng Thánh Bộ không muốn bao gồm các Kinh nguyện Thánh Thể khác, để không tạo ra ý tưởng rằng các Kinh tiên hiền (anaphora) cũng là cùng cấp độ, và cùng hưởng vị thế bình đẳng với bốn Kinh nguyện Thánh Thể chính.

Việc sử dụng Kinh Tạ Ôn Hòa Giải và Kinh nguyện trong Thánh Lễ Cho Các Nhu Cầu Khác Nhau được giới hạn cho các tình hình cụ thể và công thức Thánh Lễ. Việc kể tên chúng cùng với các kinh nguyện khác, trong cùng một Sắc lệnh chung, có thể làm cho một số linh mục tin rằng chúng được sử dụng một cách không phân biệt đối xử cho tất cả các dịp.

Vì vậy, trong thời điểm này, ít nhất là tên Thánh Giuse không được đưa vào các Kinh nguyện ấy.

Tuy nhiên, vì dường như không có bất kỳ lý do thần học hay phong cách đặc biệt nào để loại trừ tên Thánh Giuse ra khỏi các kinh nguyện ấy, rất có thể cuối cùng thì Thánh Bộ Phụng Tự sẽ cho phép đưa tên thánh Giuse vào, bằng một tài liệu ít quan trọng hơn một Sắc lệnh tổng quát, hoặc đơn giản là một sắc lệnh riêng nhằm nhắc lại việc sử dụng hạn chế các Kinh nguyện.

Nhân đây, người dịch xin nhắc lại: ngày 9-10-2013, Hội Đồng Giám Mục Việt Nam ra Thông cáo về việc đọc tên Thánh Giuse trong các Kinh nguyện Thánh Thể:

“Trong Kinh nguyện Thánh Thể I, phải đọc như sau: “trước hết Đức Trinh Nữ Maria vinh hiển trọn đời đồng trinh, Mẹ của Đức Giêsu Kitô, là Thiên Chúa và là Chúa chúng con, sau là thánh Giuse, bạn trăm năm Đức Trinh nữ...” (in primis gloriosae semper Virginis Mariae, Genetricis Dei et Domini nostri Iesu Christi: sed et beati Ioseph, eiusdem Virginis Sponsi); trong Kinh Nguyên Thánh Thể II: “Cùng với Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, thánh Giuse, Bạn trăm năm Đức Trinh Nữ, các thánh Tông đồ...” (ut cum beata Dei Genetrice Virgine Maria, beato Ioseph, eius Sponso, beatis Apóstolis); trong Kinh Nguyên Thánh Thể III: “nhất là với Đức Trinh Nữ Maria rất thánh, Mẹ Thiên Chúa, thánh Giuse, Bạn trăm năm Đức Trinh Nữ, các thánh Tông đồ...” (cum

beatíssima Vírgine, Dei Genetríce, María, cum beáto Ioseph, eius Sponso, cum beátis Apóstolis); trong Kinh Nguyên Thánh thể IV: “cùng với Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, thánh Giuse, Bạn trăm năm Đức Trinh Nữ, các thánh Tông đồ...” (cum beáta Vírgine, Dei Genetríce, María, cum beáto Ioseph, eius Sponso, cum Apóstolis) (bản dịch Việt ngữ của Ủy ban Phụng tự thuộc Hội Đồng Giám mục Việt Nam). (Zenit.org 31-12-2013)

51. Lá thư mục vụ nào được đọc thay cho bài giảng lễ?

Hỏi: *Thưa cha, cha có thể nêu ra các văn kiện nào liên quan đến việc một giáo dân đọc thư của Giám mục hoặc của Hội đồng Giám mục trong nhà thờ không? Có một thói quen là người ta đọc các thư như thế thay cho bài giảng lễ. Một thừa tác viên chức thánh làm việc này ư? Có lý do thần học nào không? Nếu một giáo dân có thể đọc thư thánh Phaolô gửi từ Tarsus trong nhà thờ, tại sao người ấy (nam hay nữ) không thể đọc một thư của Hồng Y Christoph Tổng giáo phận Vienna chẳng hạn trong nhà thờ? - H. S., Krakow, Ba Lan.*

Đáp: Bạn thân mến, có rất ít điều trong các qui định liên quan đến nơi chốn và thời gian thích hợp cho việc đọc các lá thư mục vụ. Do đó, chúng tôi nói nhiều trong lĩnh vực ý kiến mà thôi.

Một lá thư mục vụ được định nghĩa là “một lá thư ngõ của một Giám mục gửi cho hàng giáo sĩ hay giáo dân, hoặc gửi cho cả hai, trong giáo phận của ngài, lá thư chứa hoặc là lời khuyên chung, chỉ dẫn hoặc lời an ủi, hoặc các hướng dẫn cho việc hành xử trong các hoàn cảnh cụ thể. Trong Giáo Hội Công Giáo, các lá thư như vậy cũng được gửi đều đặn vào các mùa phụng vụ đặc biệt, đặc biệt là vào đầu mùa chay”.

Tôi không nghĩ rằng việc đọc một lá thư mục vụ là hoàn toàn bị loại trừ khỏi thời gian dành cho bài giảng lễ, miễn là nó đáp ứng mục tiêu thích hợp của thời điểm này, như được ghi trong huấn thị “*Redemptionis Sacramentum*”:

“[64.] Bài giảng, được ban bố trong cử hành Thánh Lễ và là thành phần của chính phụng vụ, “thường do chính linh mục chủ tế hay một linh mục đồng tế mà ngài nhờ đảm trách, hay đôi khi, nếu là hợp thời, cũng do một phó tế, nhưng không bao giờ do một giáo dân. Trong những trường hợp đặc biệt và có lý do chính đáng, bài giảng cũng có thể do một Giám mục hay một linh mục tham dự cử hành, dù các ngài không thể đồng tế”.

“[67.] Đặc biệt, phải quan tâm theo dõi bài giảng được hoàn toàn tập trung vào mầu nhiệm cứu độ, bằng cách trình bày, suốt năm phụng vụ, từ các bài đọc kinh thánh và những bản văn phụng vụ, các mầu nhiệm đức tin và các quy tắc của đời sống Kitô-hữu, và bằng cách chú giải các bản văn của phần Chung hay phần Riêng của Thánh Lễ, hay nữa của nghi lễ khác của Giáo Hội. Tất nhiên là tất cả những giải thích Thánh Kinh phải hướng về Đức Kitô như là cột trụ tuyệt đỉnh của kế hoạch cứu độ; tuy nhiên, việc đó phải được thực hiện cũng có quan tâm đến bối cảnh đặc thù của việc cử hành phụng vụ. Người giảng phải chăm lo chiếu rọi ánh sáng Đức Kitô vào các sự kiện của đời sống, mà không phải vì thế tước đi ý nghĩa chân chính và đích thật của lời Thiên Chúa, ví dụ, bằng cách chỉ dựa vào các nhận xét chính trị hay những luận chứng ngoại đạo, hay bằng cách dựa theo các quan niệm vay mượn của những phong trào tôn-giáo-giả phổ biến trong thời đại của chúng ta” (Bản dịch Việt ngữ của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam).

Nhiều Giám mục viết lá thư mục vụ trong năm phụng vụ, để cổ vũ các tín hữu thấm nhuần một mùa như Mùa Chay hay mùa Giáng sinh, với lòng nhiệt thành đặc biệt, hoặc mời họ thực hành một nhân đức Kitô giáo cụ thể nào đó. Các lá thư này thường được thiết kế rõ ràng để đọc thay cho bài giảng, và thường gọi lên ý các bài đọc của ngày ấy.

Trong các trường hợp này, thật là bình thường và tự nhiên khi chính chủ tế đọc lá thư ấy. Cha xứ cũng có thể đọc nó ở tất cả các Thánh Lễ trong ngày, để nhấn mạnh sự hiệp thông với Giám mục.

Nhưng sẽ là không thích hợp, khi một người không có chức thánh đọc một lá thư như thế vào thời điểm ấy. Đó là bởi vì lá thư này là bài giảng, do mọi hiệu quả thực hành của nó.

Nếu một linh mục phải đọc một bài giảng do người khác soạn sẵn, mặc dù cố gắng hết sức để làm cho nó thành của riêng mình, nó vẫn là bài giảng. Trong một cách tương tự, lá thư của Giám mục là một bài giảng, và nó còn quan trọng hơn so với trường hợp trước, vì nó là một sứ điệp của vị mục tử giáo phận, và Ngài có quyền và nghĩa vụ rao giảng và dạy bảo đàn chiên của mình.

Còn các lá thư mục vụ khác nói về các tình hình chính trị và xã hội hiện nay, hoặc kêu gọi đóng góp tiền bạc, thì tốt nhất chúng được đọc sau Lời nguyện Hiệp lễ và trước Phép lành cuối lễ. Theo Quy Chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma, số 166, đây là thời điểm thích hợp để loan báo các điều cần cho giáo dân.

Tuy nhiên, nếu một Giám mục xét một tình hình xã hội hoặc mục vụ là nghiêm trọng đáng lưu ý, ngài có thể ra lệnh đọc lá thư ấy trong giờ giảng lễ.

Nếu lá thư được đọc vào cuối Thánh Lễ, một giáo dân có phẩm cách có thể đọc sứ điệp của Giám mục, mặc dầu nếu cha xứ đọc thì tốt hơn.

Các lá thư được chuẩn bị để đọc trong Thánh Lễ thường là ngắn gọn và đi vào vấn đề.

Các lá thư mục vụ, mà trong đó các Giám mục mong muốn trình bày chi tiết về một chủ đề, thì đôi khi nên được tóm tắt trong Thánh Lễ, và sau lễ nó sẽ được phân phát đầy đủ cho giáo dân, bằng cách sử dụng các phương tiện truyền thông thích hợp. (Zenit.org 7-1-2014)

52. Được dùng chuông mõ Phật giáo trong phụng vụ không?

Hỏi: *Tại giáo xứ của chúng tôi trong mùa Chay, người ta đánh chuông mõ Phật Giáo ở đầu Thánh lễ thay cho bài ca nhập*

lễ. Theo một nguồn phổ biến là Wikipedia, chuông mõ Phật giáo được “sử dụng như là một sự hỗ trợ cho chiêm niệm, đưa vào sự xuất thần và cầu nguyện”. Trên mạng Internet, nhiều trang web khẳng định rằng chuông mõ Phật giáo cung cấp “năng lượng tích cực” và “liệu pháp mang lại lợi ích”, vì “tiếng rung đặc biệt của chuông này... chạm vào các cơ quan năng lượng của chúng ta” (Sound Bliss). Tôi biết rằng các nhạc cụ phải đến từ nơi nào đó, nhưng nền tảng của âm thanh chuông mõ Phật giáo làm như thể nó giới thiệu một linh đạo khác với đạo Công Giáo. Vì vậy, tôi xin hỏi ý cha: liệu có thích hợp để dùng một chuông mõ Phật giáo hoặc nhạc cụ tương tự trong một Thánh Lễ Công Giáo không? – A. C., Texas, Mỹ.

Đáp: Chuông mõ Phật giáo, về mặt kỹ thuật, là một loại chuông, một dụng cụ đúc bằng đồng dùng dùi gỗ đánh khẽ vào miệng chuông để phát ra âm thanh. Nó được sử dụng nhiều trong truyền thống Phật giáo.

Về tính hợp pháp của nó trong phụng vụ Kitô giáo, trước tiên chúng ta phải nhớ rằng việc đưa các nhạc cụ mới vào phụng vụ là không dành cho ý thích của các nhạc công, hoặc thậm chí cha sở địa phương. Thẩm quyền chính thức về việc cho phép sử dụng nhạc cụ mới chính là Hội đồng Giám mục. Số 393 của Qui chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma [GIRM] nói rõ:

“Phải chú ý đến vai trò cao cả của hát ca trong cử hành, như là thành phần cần thiết hay trọn vẹn của phụng vụ. Các Hội Đồng Giám Mục có quyền phê chuẩn những giai điệu thích hợp, nhất là cho các bản văn phần Thường Lễ, cho các lời đáp và tung hô của giáo dân, và cho các nghi thức đặc biệt xảy ra trong năm phụng vụ.

Các Hội Đồng Giám Mục cũng xét xem nên chấp nhận hình thức âm nhạc, giai điệu, nhạc cụ nào trong việc thờ phượng thánh, vì chúng thích hợp hay có thể thích hợp với việc sử dụng thánh” (bản dịch Việt ngữ của Linh mục Phanxicô Xavier Nguyễn Chí Cần, giáo phận Nha Trang)

Trong trường hợp của nước Mỹ, Hội đồng Giám mục nước này, trong khi tự hào là nơi sử dụng đại phong cầm, đã cho phép

đưa một số nhạc cụ khác vào phụng vụ. Vì vậy, trong tài liệu “*Sing to the Lord*” (Hãy hát mừng Chúa), các Giám mục khẳng định:

“89. Tuy nhiên, từ thời Hòm Giáo Ước được rước đi trong tiếng chũm chọe, đàn hạc, đàn lia, và kèn, dân Thiên Chúa trong nhiều thời kỳ khác nhau đã sử dụng một loạt các nhạc cụ để hát lên chúc tụng Thiên Chúa. Mỗi nhạc cụ, phát sinh từ nền văn hóa và các truyền thống khác nhau của một dân tộc đặc biệt, đã hòa giọng vào một loạt các hình thức và phong cách khác nhau, mà qua đó tín hữu của Chúa Kitô hòa giọng của mình vào ca khúc hoàn hảo của lời ngợi khen chúc tụng của Người trên Thánh giá.

“90. Nhiều nhạc cụ khác cũng làm phong phú cho cuộc cử hành Phụng Vụ, chẳng hạn các đàn gió, đàn dây và nhạc cụ gõ theo cách sử dụng lâu đời của địa phương, miễn là chúng thực sự thích hợp, hoặc có thể thích hợp với việc sử dụng thánh”. Có lẽ, do sự phong phú lớn của các truyền thống đạo và văn hóa Công Giáo hiện nay tại Mỹ, các Giám mục đã quyết định không lập ra một danh sách các nhạc cụ được chấp thuận dùng trong phụng vụ”.

Tuy nhiên, tiêu chuẩn “cách sử dụng lâu đời của địa phương” không cung cấp một chuẩn mực tốt cho việc đánh giá sự chấp thuận sử dụng một nhạc cụ. Dựa trên nguyên tắc này, người ta khuyên nên tham khảo ý kiến của Văn phòng phụng vụ hữu quan, trước khi đưa vào sử dụng một nhạc cụ mới, như trường hợp chuông mõ Phật giáo này.

Nguyên tắc thứ hai - đó là các nhạc cụ “thích hợp, hoặc có thể thích hợp với việc sử dụng thánh” - cũng mời gọi sự thận trọng và khôn ngoan trước khi hành động. Một lần nữa, cha xứ cần phải tham khảo ý kiến của giáo quyền hữu quan, về sự thích hợp hoặc sự thích đáng của việc này, trước khi đưa vào sử dụng một nhạc cụ mới.

Trong khi nhạc cụ có thể tự chúng là trung tính, ý nghĩa xã hội và tôn giáo của chúng cung cấp cho các Giám mục các yếu tố để đánh giá tính thích hợp để sử dụng chúng trong phụng vụ.

Ví dụ, một nhạc cụ được xác định cách mạnh mẽ là gắn với âm nhạc thể tục hay tình huống đời thường, chẳng hạn khiêu vũ hay nhà hát, sẽ có thể bị loại trừ, nếu việc sử dụng nó trong phụng vụ đã gợi lên một cách tự phát các sự nổi kết tinh thần kém thánh thiêng trong cộng đoàn.

Các nhạc cụ liên quan đến các tôn giáo ngoài Kitô giáo cần được đánh giá cẩn thận, để tránh bất kỳ nguy cơ giải thích việc sử dụng chúng, trong ý nghĩa của thuyết tương đối tôn giáo hay chủ nghĩa chiết trung tôn giáo.

Ví dụ, trong trường hợp của chuông mõ Phật giáo, trong bối cảnh ban đầu của nó, âm nhạc này có một chức năng tôn giáo chính xác, vốn có thể được đánh giá là xa lạ với bản chất của việc cầu nguyện Kitô giáo.

Tôi không có đủ kiến thức để tự mình khẳng định rằng đây là trường hợp ấy. Nhưng quan điểm của tôi là rằng các vấn đề này cần được nghiên cứu cẩn thận, trước khi đưa ra quyết định.

Tài liệu các Giám mục Mỹ cũng đưa ra một số lời khuyên về việc sử dụng nhạc cụ cách thích hợp:

“91. Mặc dù các nhạc cụ được sử dụng trong việc thờ phượng Kitô giáo để chủ yếu dẫn dắt và nâng đỡ việc hát của cộng đồng, ca đoàn, người hát Thánh vịnh, người lĩnh xướng, chúng có thể hòa tấu khi thích hợp. Âm nhạc nhạc cụ này có thể giúp cộng đoàn chuẩn bị việc thờ phượng trong hình thức của khúc dạo đầu. Nó có thể hòa giọng vào tâm tình của tâm hồn con người qua các bài hát trong Phụng vụ, và sau Phụng vụ. Các nhạc công cần phải nhớ rằng Phụng vụ mời gọi vài khoảnh khắc có ý nghĩa cho sự suy tư thỉnh lặng. Nhưng sự thỉnh lặng này không cần phải luôn luôn được giữ đầy đủ.

“92. Các nhạc công được khuyến khích chơi các bản nhạc trong kho tàng thánh nhạc của các nhạc sĩ của nhiều thời đại khác nhau và các nền văn hóa khác nhau. Ngoài ra, các người này được khuyến khích nâng cao tài năng và sự tập luyện của mình...”

Một lần nữa, việc sử dụng một chuông mõ Phật giáo sẽ không có khả năng được coi là một phần của “kho tàng thánh nhạc”, để được sử dụng trong việc thờ phượng Kitô giáo.

Cuối cùng, độc giả của chúng tôi cho biết rằng chuông mõ Phật giáo này được dùng trong Mùa Chay - chính xác là mùa mà nhạc cụ được chơi mà không có tiếng hát đi kèm là bị loại trừ cách rõ ràng. Như số 313 của Qui chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma [GIRM] nói rõ: “Trong Mùa Chay, tiếng phong cầm và các nhạc cụ khác chỉ để giúp hát mà thôi, trừ Chúa Nhật Laetare (IV Mùa Chay), lễ trọng và lễ kính” (bản dịch Việt ngữ, như trên). (Zenit.org 14-1-2014)

53. Giáo dân được phép giảng trong buổi cử hành phụng vụ Lời Chúa ngoài thánh lễ không?

Hỏi : *Trong nghi thức của buổi Phụng Vụ Lời Chúa ngoài thánh lễ (văng mặt linh mục hay phó tế), liệu một thừa tác viên giáo dân, nghĩa là một thầy đọc sách hoặc thầy giúp lễ được thiết định, có được phép giảng một bài ngắn để giải thích các bài đọc trong nghi thức này không? - S. F., Ý.*

Đáp: Giáo dân có thể giảng trong một số trường hợp. Huân thị “*Redemptionis Sacramentum*” của Thánh Bộ Phụng Tự và Kỷ Luật Bí Tích năm 2004, trong số 161, nói:

“Như đã nói, với bản chất và vì tính quan trọng của nó, bài giảng được dành cho linh mục hoặc phó tế trong Thánh Lễ. Về những gì liên quan đến các hình thức giảng thuyết khác, nếu trong những hoàn cảnh đặc biệt thật sự cần thiết hay vì sự hữu ích đòi hỏi trong những trường hợp đặc biệt, giáo dân có thể được chấp nhận giảng trong nhà thờ hay trong nhà nguyện, ngoài Thánh Lễ, theo các quy tắc của giáo luật. Việc này có thể được chỉ trong những trường hợp cần thiết bổ khuyết các thừa tác viên có chức thánh quá ít trong một vài nơi; do đó, một trường hợp như thế, hoàn toàn ngoại lệ, không được phép trở nên một tục lệ thông thường, và cũng không được xem nó như là một sự thăng tiến chính thức của

hàng giáo dân. Và lại, mọi người đều phải nhớ rằng quyền ban phép chỉ thuộc thẩm quyền của các Đấng Bản Quyền sở tại mà thôi, và luôn luôn là *ad actum*, chứ không thuộc quyền ai khác, kể cả các linh mục hay phó tế” (Bản dịch Việt ngữ của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam).

Một số chuyên viên giáo luật cho rằng huấn thị “*Redemptionis Sacramentum*”, cùng với huấn thị “*Ecclesiae de Mystério*” năm 1997 liên quan đến sự cộng tác của giáo dân với thừa tác vụ linh mục, là chặt chẽ hơn về việc giáo dân giảng thuyết so với Bộ Giáo Luật.

Điều này dường như thực sự là cố ý. Chắc chắn các tài liệu liên quan này đã được chấp thuận cách hợp lệ bởi Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II, vì chính Ngài cũng đã ban hành Bộ Giáo luật.

Việc cấm giáo dân giảng thuyết là thậm chí còn nghiêm ngặt hơn, và Tòa Thánh còn đi xa hơn khi nói rằng Giám mục giáo phận không có thẩm quyền cho phép một giáo dân giảng thuyết.

Lý do tại sao Giám mục không thể cho phép giáo dân giảng thuyết đã được viện dẫn trong tài liệu năm 1997 nói trên: “Đây không chỉ là một qui định kỷ luật, nhưng là điều chạm đến các chức năng kết nối chặt chẽ với nhau của việc giảng dạy và thánh hóa” (Điều 3, số 1).

Về trường hợp cụ thể được trình bày bởi bạn đọc của chúng tôi trên đây, phiên bản tiếng Ý của Nghị thức cho Rước lễ ngoài Thánh Lễ nói trong chữ đỏ về việc giảng thuyết như sau:

“31. Nếu thuận tiện, linh mục hay phó tế có thể giải thích ngắn gọn về bài đọc vừa đọc xong”. Bởi vì có các công thức riêng biệt cho một thừa tác viên có chức thánh và một thừa tác viên ngoại thường cho Rước lễ trong các phần khác, nên khá rõ ràng rằng nghị thức không cho phép một giáo dân giảng thuyết.

Phiên bản tiếng Anh của nghị thức này không tiên liệu việc giảng thuyết. Chữ đỏ nói: “Có thể có một hoặc nhiều bài đọc, sau bài đầu tiên có hát Thánh vịnh hoặc bài thánh ca và một khoảnh khắc cầu nguyện thỉnh lặng. Việc cử hành phụng vụ Lời Chúa kết thúc với các lời nguyện tín hữu”.

Ngoài ra, nghi thức Ý được thiết kế cho các trường hợp đặc biệt cho các ngày trong tuần lễ, ví dụ, dành cho các bệnh viện, hoặc nhà ở cho người cao tuổi. Nghi thức không được thiết kế cho một buổi cử hành Phụng vụ Lời Chúa và cho Rước lễ ngoài thánh lễ trong ngày Chúa Nhật; việc này đòi hỏi một nghi thức đặc biệt, vốn vẫn còn khá hiếm ở nước Ý.

Tuy nhiên, bởi vì nghi thức này là cần thiết trong một số quốc gia, nên trong năm 1988 Tòa Thánh đã ban hành một số hướng dẫn tổng quát cho việc cử hành Phụng vụ ngày Chủ nhật, khi vắng linh mục, và việc này có thể được điều chỉnh bởi Hội đồng Giám mục quốc gia. Về bài giảng, tài liệu này nói:

“43. Để các người tham dự có thể ghi nhớ Lời Chúa, cần có lời giải thích các bài đọc hoặc một khoảng thời gian tĩnh lặng để suy niệm về những gì đã được nghe. Bởi vì chỉ có linh mục hoặc phó tế mới giảng thuyết được, nên điều ước muốn là rằng linh mục cần soạn bài giảng và trao cho người chủ tọa cộng đoàn đọc bài giảng ấy. Nhưng trong vấn đề này, cần tuân theo các quyết định của Hội đồng Giám mục”.

Một số ít giáo phận ở Ý đã cho phép các cách khác nhau để cử hành phụng vụ lời Chúa ngày Chúa Nhật. Có giáo phận chỉ cho phép phó tế vĩnh viễn chủ trì buổi Phụng vụ, trong khi một số giáo phận khác đã cho phép giáo dân hướng dẫn buổi phụng vụ dưới sự chỉ đạo của một linh mục. Trong trường hợp này, ưu tiên là sử dụng bài suy niệm hoặc bài giảng do cha xứ soạn thảo, và bài này được đọc sau các bài đọc. Trong một số trường hợp, nhóm có thể tự mình soạn một bài để giải thích các bài đọc trong ngày.

Các hướng dẫn tương tự đã được ban hành ở các nước khác. Một hướng dẫn tiêu biểu của một giáo phận Mỹ nói về việc giảng thuyết như sau:

“Các lãnh đạo giáo dân phải được đào tạo trước, để được cho phép giảng tại một buổi phụng vụ Chúa Nhật khi vắng linh mục. Họ cũng phải được Đức Giám Mục chuẩn thuận.

Các Phó tế có thể giảng, miễn là họ có năng quyền để làm như vậy. Cha xứ hoặc cha phó có thể cung cấp bài giảng cho người

lãnh đạo giáo dân đọc, hoặc nếu Giám mục đã cho phép lãnh đạo giáo dân giảng, người này có thể tự soạn bài giảng theo cách riêng của mình”.

Còn các giáo phận khác chỉ dự trù một khoảng thời gian tĩnh lặng để suy niệm, nếu một lãnh đạo giáo dân hướng dẫn một buổi phụng vụ kiểu này.

Vì vậy, để trả lời cho độc giả của chúng tôi, một giáo dân có thẩm quyền có thể giảng trong một buổi cử hành Phụng Vụ Lời Chúa, hoặc trong các trường hợp khác, nếu được Giám mục giáo phận cho phép cách hợp lệ. Việc này cũng có thể được thực hiện trong một buổi cử hành phụng vụ Chúa Nhật, khi vắng linh mục, mặc dù ưu tiên là rằng lãnh đạo giáo dân đọc một bài giảng do linh mục soạn sẵn. (Zenit.org 21-1-2014)

54. Cộng đoàn quỳ gối đến hết Vinh tụng ca (doxology) không?

Hỏi: Tôi lấy làm lạ là tại sao ở Mỹ, quỳ gối là trong Thánh lễ cộng đoàn quỳ gối cho đến sau tiếng Amen của Kinh nguyện Thánh Thể, trong khi ở các nước khác, quỳ gối là phải đứng. Ở một số địa điểm, giáo dân còn đưa hai tay lên, như trong Cựu Ước, trong khi vinh tụng Thiên Chúa bằng lời thưa Amen. Lời thưa Amen này được kèm theo một cử chỉ của việc nâng cao Mình Máu thánh, vốn hàm ý một cử động của toàn thể cộng đoàn hướng về Thiên Chúa. Theo tôi, tư thế quỳ vào lúc này dường như mâu thuẫn với ý nghĩa ban đầu của lời thưa quan trọng Amen. Điều quan trọng không phải là chính quỳ gối, nhưng là ý nghĩa của cử chỉ phụng vụ trong toàn bộ bối cảnh của thánh lễ. Thưa cha, Cha nghĩ sao về việc này? – J. D., Poteet, Texas, Mỹ.

Đáp: Phiên bản tiếng Mỹ của Qui chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma (GIRM) cho biết trong số 43: “Trong các giáo phận của Mỹ, giáo dân quỳ từ sau khi hát hoặc đọc Thánh Thánh Thánh (Sanctus) cho đến hết lời thưa Amen của Kinh nguyện Thánh Thể [...]”.

Trong bản gốc Latinh và các ngôn ngữ khác, qui chế nói rằng tín hữu quỳ gối trong khi Truyền phép, từ Kinh khẩn cầu Thánh Linh (epiclesis) đến “Đây là mầu nhiệm Đức tin, *Mysterium fidei*”. Tuy nhiên, qui chế nói thêm: “Ở đâu giáo dân có thói quen quỳ suốt sau câu tụng hô Thánh Thánh Thánh cho đến hết Kinh nguyện Thánh Thể, thì đó là điều đáng khen nên duy trì” (bản dịch Việt ngữ của linh mục Phanxicô Xavier Nguyễn Chí Cần, giáo phận Nha Trang).

Do đó, hai sự tùy chọn này là một vấn đề của truyền thống và tập tục địa phương. Tòa Thánh đã phê chuẩn sự thích ứng của qui chế chung do Hội đồng Giám Mục Mỹ đề nghị, bởi vì nó đã là một thực hành tốt tại Mỹ từ lâu rồi.

Mặc dù bạn đọc trên đây của chúng tôi có một ghi nhận thú vị liên quan đến cử chỉ nâng cao Mình Máu Thánh Chúa, tôi tin rằng việc yêu cầu mọi người đứng lên trước khi dứt lời Amen sẽ thực sự làm gián đoạn dòng chảy tự nhiên của Kinh nguyện Thánh Thể. Trong khi các cử chỉ là quan trọng, sự tham gia chủ yếu của tín hữu tại thời điểm này là liên kết trong lời thưa Amen quan trọng, vốn kết thúc Kinh nguyện Thánh thể. Với lời thưa Amen này, mọi người một cách nào đó làm cho các lời kinh và lời cầu được công bố bởi linh mục trở nên chính lời của mình, và qua linh mục, họ kết hiệp với hy lễ đòi đòi của Chúa Kitô. Vì lý do này, linh mục và phó tế nâng cao Đĩa thánh và Chén thánh cho đến khi lời thưa Amen được hoàn tất trọn vẹn. Việc này được Qui chế Tổng Quát Sách lễ Rôma (GIRM), số 180 nói: “Đến vinh tụng ca kết thúc kinh Tạ Ơn, thầy phó tế đứng cạnh vị tư tế, nâng Chén thánh lên, đang khi vị tư tế nâng đĩa có Mình Thánh, cho đến khi giáo dân đã tụng hô: “Amen” (bản dịch Việt ngữ, như trên).

Liên quan đến điều này, có một câu trả lời chính thức trong năm 2009 cho một sự nghi ngờ được đăng trong tờ *Notitiae*, cơ quan thông tin của Thánh bộ Phụng Tự và Kỷ luật Bí Tích. Người ta hỏi rằng liệu có là hợp lệ khi trong thánh lễ đồng tế, các linh mục nâng cao nhiều chén thánh lúc đọc hay hát Vinh tụng ca không.

Thánh Bộ của Tòa Thánh đã trả lời là không, và đặc biệt bài xích việc làm này. Thánh Bộ nhấn mạnh rằng chỉ có một Đấng thánh và một Chén thánh được nâng cao tại thời điểm ấy.

Thánh Bộ giải thích rằng không cần hơn một cử chỉ để cho tín hữu nhìn thấy Mình Thánh và Chén Thánh, cho bằng cần diễn tả một cách nghi thức các lời kinh mà linh mục đã đọc trong Vinh tụng ca cuối cùng. (Zenit.org 18-5-2010)

55. Vị trí nào dành cho Giám mục khi ngài không đồng tế trong Thánh Lễ?

Hỏi: *Thưa cha, liệu một Giám mục giáo phận có ngồi ở ngay tòa của ngài không, khi ngài tham dự một thánh lễ mà ngài không đồng tế? Ngài mang lễ phục nào trong trường hợp này? - W. B., Musoma, Tanzania.*

Đáp: Câu hỏi này đã được dự kiến trong nhiều tài liệu, nhất là trong sách Lễ Nghi Giám Mục (CB).

Có nhiều trường hợp Giám mục giáo phận có thể tham dự thánh lễ mà không đồng tế. Ví dụ, nếu một Giám mục tham dự một Thánh Lễ mừng Ngân khánh hoặc Kim khánh của một linh mục, hay lễ an táng của cha hay mẹ của một linh mục, ngài thường không đồng tế bởi vì khi ngài đồng tế thì ngài có nghĩa vụ chủ sự Thánh lễ.

Câu hỏi này được đặt ra cách đây vài năm cho Thánh Bộ Phụng Tự, và được trả lời trong tờ báo chính thức của Thánh Bộ là tờ *Notitiae* (số 46 [2009] trang 170). Xin mời đọc:

“Liệu một Giám mục được phép đồng tế trong Thánh lễ mừng Ngân khánh hoặc Kim khánh của một linh mục, nhưng ngài chỉ đứng chung với các linh mục, và dành vị thế chủ tế Thánh lễ cho vị linh mục mừng lễ đặc biệt của mình không?”. Trả lời: Không.

“Qui chế phụng vụ về việc này, vốn mang theo với nó một nguyên tắc thần học bắt nguồn từ sự khôn ngoan của các Giáo Phụ, khẳng

định cách minh nhiên rằng Giám mục phải chủ sự trong buổi lễ, cho dù Giám mục cử hành Thánh lễ hay không.

“Sách Lễ Nghi Giám Mục trong số 18 nói: “Trong mỗi cộng đồng của bàn thờ tụ tập chung quanh vị Giám mục, như là thừa tác viên thánh, biểu tượng của đức ái và sự hiệp nhất này của Nhiệm Thể, mà nếu không có Nhiệm thể thì không thể có sự cứu rỗi, được tỏ hiện rõ ràng. Do đó, điều thích hợp nhất là khi Giám mục có mặt tại một buổi cử hành phụng vụ đặc biệt, nơi có các tín hữu quy tụ, thì ngài với tư cách là người mang sự viên mãn của Bí tích Truyền chức thánh, sẽ chủ sự tại buổi lễ. Điều này là không nhằm tăng thêm sự long trọng bề ngoài của nghi lễ, nhưng để diễn tả màu nhiệm Giáo Hội trong một ánh sáng sống động hơn. Cũng là phù hợp khi Giám Mục cùng liên kết với các linh mục trong buổi lễ. Tuy nhiên, nếu Giám mục là chủ sự mà không cử hành Thánh Thể, ngài vẫn phụ trách phần phụng vụ Lời Chúa và kết thúc Thánh lễ với phần ban phép lành và nghi thức giải tán”.

“Tuy nhiên, ‘vì một lý do chính đáng, Giám mục có thể có mặt trong Thánh lễ nhưng ngài không cử hành Thánh lễ, thì tốt hơn ngài cần chủ sự buổi lễ, trừ phi một Giám mục khác cử hành Thánh lễ ấy, bằng việc ít nhất ngài cử hành phần phụng vụ lời Chúa và ban phép lành cuối lễ. Điều này là đặc biệt cần thiết trong các Thánh lễ, mà trong đó vài nghi thức bí tích hoặc nghi thức truyền phép hoặc việc ban phép lành sẽ diễn ra’ (số 175). Trong trường hợp này, Đức Giám Mục tham dự thánh lễ ‘với áo khoác ngắn (mozzetta) và áo ren ngắn (rochet), không đứng và ngồi ở ngai tòa, nhưng ở một nơi phù hợp hơn được chuẩn bị sẵn cho ngài’ (số 186)”.

Tôi phải nói rằng phần thứ hai của câu trả lời này, hợp nhất các số 175 và 186 của Sách Lễ Nghi Giám Mục, là hơi khó hiểu, và ít nhất là khi đề cập đến lễ phục của Giám mục, phần thứ hai này dường như cung cấp thông tin không chính xác.

Sách Lễ Nghi Giám Mục phân biệt hai trường hợp khác nhau. Trường hợp thứ nhất là khi vị Giám mục chủ sự phần Phụng Vụ Lời Chúa và ban phép lành cuối lễ, nhưng không đồng tế. Lễ

phục thích hợp cho trường hợp này được mô tả trong số 176 của Sách Lễ Nghi Giám Mục. Đó là áo chùng trắng (alba), thánh giá ngực, dây các phép và áo choàng không tay (cope) cùng màu với màu sắc của phụng vụ ngày lễ ấy, mũ mitra và gậy mục tử. Sách Lễ Nghi Giám Mục, trong các số 177-185, mô tả các hành động lễ nghi được thực hiện trong trường hợp này. Và trong trường hợp này, Giám mục ngồi ở ngai tòa của ngài (Sách Lễ Nghi Giám Mục, 178).

Trường hợp thứ hai, trong đó Giám mục hiện diện nhưng không làm chủ sự, được mô tả trong Sách Lễ Nghi Giám Mục số 186. Trong trường hợp này, Giám mục mặc lễ phục được gọi là lễ phục kinh sĩ.

Lễ phục này gồm có áo dòng (cassock) màu tím, cùng với áo khoác ngắn, mũ sọ cùng màu. Áo khoác ngắn là áo dài cho đến khuỷu tay và cài nút ở phía trước.

Mũ cạnh vương (biretta) là cái mũ cứng hình vuông, không có vành với ba hoặc bốn sọc nhô trên bề mặt và đội lên trên mũ sọ, hiện không còn là bắt buộc và ít được sử dụng.

Áo ren ngắn được mặc dưới áo khoác ngắn và bên ngoài áo dòng. Nó là áo vải len trắng, trông giống như áo các phép (surplice), ngoại trừ nó có tay áo khít nhỏ hơn so với các tay áo các phép.

Bên ngoài áo khoác ngắn, Giám mục mang một thánh giá ngực, vốn thường được treo trên một sợi dây vàng và màu xanh lá cây, mặc dù một số Giám mục sử dụng sợi dây bạc hoặc mạ vàng cho tất cả các trường hợp.

Trong trường hợp này Giám mục không ngồi tại ngai tòa, nhưng tại một nơi thích hợp khác trong cung thánh.

Trong một số trường hợp, có thể có một sự kết hợp của cả hai kiểu lễ y phục, ví dụ, nếu Giám mục mặc lễ phục kinh sĩ, nhưng thực hiện phần cuối tại một lễ an táng. Trong trường hợp này, sau phần hiệp lễ, ngài cởi áo khoác ngắn và mặc áo choàng không tay, dây các phép và đội mũ mitra để hướng dẫn việc cầu nguyện. (Zenit.org 28-1-2014)

56. Có buột tráng chén với nước và rượu không?

Hỏi: Tôi thấy hầu như các linh mục, sau phần cho Rước lễ, đều tráng chén bằng nước mà thôi. Nhưng Qui chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma [GIRM] cũng nói rằng việc tráng chén có thể sử dụng cả rượu và nước. Thưa cha, tại sao một phương pháp lại áp đảo hầu như hoàn toàn phương pháp kia? Nếu có người muốn sử dụng cả nước và rượu, thì cách thức làm ra sao? - J. F., Adelaide, Australia.

Đáp: Qui chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma [GIRM] nói như sau trong số 279:

“Các chén thánh được vị tư tế, phó tế hay thầy có chức giúp lễ tráng lau sau rước lễ hoặc sau Thánh Lễ, nên làm việc này tại bàn phụ. Tráng chén bằng nước hoặc bằng nước và rượu, và người tráng uống hết. đĩa thánh được chùi bằng khăn lau.

Phải liệu sao Máu Thánh còn lại sau khi cho rước được uống hết tại bàn thờ” (bản dịch Việt ngữ của linh mục Phanxicô Xavier Nguyễn Chí Cần, giáo phận Nha Trang).

Việc tráng chén này dựa vào việc tráng chén của hình thức ngoại thường, mà trong đó việc tráng chén bằng nước và rượu là một qui định.

Chữ đồ trong Sách lễ với hình thức ngoại thường qui định tiến trình như sau:

“Sau khi cho Rước lễ, linh mục cất mọi Bánh thánh còn lại vào Nhà Tạm, sau đó ngài cầm chén thánh và người giúp lễ rót rượu vào chén thánh. Linh mục uống rượu và đọc thầm:

“Lạy Chúa, (Quod ore sumpsimus, Dómine, pura mente capiamus), những gì chúng con đã rước trong miệng chúng con, xin cho chúng con rước với tâm hồn thanh sạch; và xin cho của lễ đời tạm này trở nên cho chúng con phương thuốc đời đời.

“Rượu và nước được đổ trên các ngón tay của linh mục vào chén thánh. Trong khi ngài làm khô các ngón tay, ngài đọc thầm:

“Lạy Chúa (Corpus tuum, Domine, quod sumpsisti, et Sanguis, quem potavi), xin cho Mình Chúa mà con đã ăn và Máu Chúa mà

con đã uống, đến tới các bộ phận sâu thẳm nhất của con, và làm cho không còn vết tội ở lại trong con, là người đã được nuôi dưỡng với Bí tích tính tuyền và thánh thiện này. Chúa hằng sống và hiển trị muôn đời. Amen”

“Linh mục uống rượu và nước, lau chén thánh và lấy khăn đặt lại”.

Phần cổ xưa nhất của nghi lễ này là phần đầu tiên, sự làm sạch miệng (“ablutio oris”), trong đó linh mục uống một chút rượu để bảo đảm rằng không còn chút Mình Thánh Máu Thánh nào trong miệng nữa. Trong một số nghi thức phụng vụ Đông phương, chủ tế cũng có thể dùng một chút bánh thánh. Có bằng chứng của sự thực hành này từ ít là thế kỷ thứ tư. Ở một số nơi, cũng có tập tục là các tín hữu cũng uống chút rượu hay nước sau khi Rước lễ. Lý do cho việc này là vì Giáo Hội vẫn còn sử dụng bánh có men cho Thánh lễ, nên khi rước lễ, người ta phải nhai. Có bằng chứng cho thấy rằng dấu vết của tập tục này còn tồn tại ở nhiều vùng của châu Âu cho đến đầu thế kỷ 20.

Lúc đầu, sự thanh tẩy các ngón tay và tráng chén được thực hiện sau thánh lễ, nhưng không có luật hoặc quy định đặc biệt về việc này. Các quy tắc đầu tiên xuất hiện vào khoảng thế kỷ thứ chín, và ban đầu chỉ dùng nước mà thôi. Chúng tôi tìm thấy tài liệu đầu tiên của việc dùng rượu trong truyền thống đan tu của thế kỷ 11. Trong một số trường hợp, việc này được phát triển thành một nghi lễ chi tiết, trong đó chén thánh được tráng ba lần.

Lúc đầu, bàn tay hoặc ít nhất là các ngón tay được rửa sạch trong một cái chậu gần bàn thờ. Bằng chứng sớm nhất của việc rửa các ngón tay trên chén thánh là từ một nguồn tài liệu dòng Đa Minh năm 1256. Nguồn tài liệu này nói rằng, do thiếu một cái chậu phù hợp, thì tốt hơn nên rửa các ngón tay bằng nước trên chén thánh, và sau đó uống nước này cùng với rượu, mà trước đó đã được sử dụng để làm sạch các ngón tay. Tài liệu này cũng là một trong các tài liệu đầu tiên nhắc đến việc sử dụng một miếng vải lau, mà sau này trở thành khăn lau chén thánh.

Các tập tục này dần dần lan rộng nhưng không trở nên phổ quát, cho đến khi được đưa vào luật bởi Sách lễ Rôma của thánh Giáo hoàng Piô V vào năm 1570.

Còn hiện nay thì sao? Làm thế nào một linh mục tráng chén bằng rượu và nước trong hình thức thánh lễ bình thường?

Tôi đề nghị rằng việc tráng chén nên được thực hiện theo cách thức đơn giản nhất. Khi tráng chén, nên rót rượu và nước vào chén thánh rồi uống hết. Tỷ lệ của rượu và của nước là tùy vào linh mục. Vì mục đích thực tiễn, một sự pha trộn khá loãng là được ưa thích hơn, trước tiên nhằm tránh làm dơ khăn lau chén thánh.

Việc chỉ sử dụng nước để tráng chén thánh đã chiếm ưu thế, do sự thực hành sau các cải cách phụng vụ. Sự xuất hiện việc đồng tế thánh lễ và việc cho Rước lễ khá thường xuyên dưới hai hình đòi hỏi có nhiều hơn một chén thánh được tráng. Ngoài ra cũng có nhiều bình thánh hơn, trong đó một số cần phải được tráng bằng nước. Tất cả điều này làm cho việc sử dụng cả rượu và nước để tráng chén là ít thực tế hơn, và vì vậy không đáng ngạc nhiên khi sự lựa chọn hợp pháp của việc sử dụng cả rượu và nước để tráng chén đã bị gác qua một bên. (Zenit.org 4-2-2014)

57. Linh mục nói lời thô tục trong bài giảng được không?

Hỏi: Tôi mới tham dự một Thánh Lễ. Trong bài giảng (vốn tập trung vào đức tin của chúng ta là người Công Giáo), vị linh mục sử dụng tiếng thô tục không chỉ một lần (“... Đồ chết tiệt!”, trích dẫn từ Flannery O'Connor) nhưng hai lần (lần này là một lời có tính riêng tư hơn: “Chúng ta là đồ ngốc khôn kiếp!”). Tôi phải nói rằng, điều này làm cho tôi rất khó chịu cho suốt buổi lễ, và tôi vẫn còn thấy bức bối vào cuối ngày trong giờ kinh tối. Tôi cố gắng hết sức để không nói lời thô tục – việc kiềm chế này đang trở thành ngày càng khó hơn trong xã hội chúng ta đang sống. Thưa cha, có trường hợp nào mà lời thô tục là được chấp nhận không? - D. B., Pittsburgh, Pennsylvania, Mỹ.

Đáp: Bạn ạ, ở đây chúng ta đứng trong lĩnh vực ý kiến cá nhân hơn là bất kỳ quy tắc chặt chẽ nào.

Trước hết, thật là cần thiết để nhìn nhận rằng khái niệm thô tục, ít nhất liên quan đến một số từ ngữ, phụ thuộc vào thói quen của địa phương. Một số từ ngữ bị xem là thô tục trong một bối cảnh này, nhưng lại có thể được dùng một cách đơn giản trong một bối cảnh khác.

Do đó, một linh mục nên chú ý tới sự nhạy cảm của địa phương, và tránh sử dụng ngôn từ, ngay cả trong các trích dẫn, vốn có thể gây khó chịu nhiều cho một số người nghe. Đồng thời, nếu một linh mục từ nơi khác đến sử dụng một từ ngữ, vốn làm cho người nghe nhúu mày hoặc há hốc mồm, thì ngài cần được thông cảm vì không biết một số điều tinh tế trong ngôn ngữ địa phương.

Điều này là cần hơn nữa khi người ta đi từ nước này đến nước khác, hoặc thậm chí thay đổi ngôn ngữ nói khác. Đã hơn một lần tôi có kinh nghiệm khi các giáo sĩ từ nơi khác đến đã vô tình làm cho thánh giả phải cười khúc khích, khi ngài dùng từ ngữ hai nghĩa, vốn trong khi đó là hoàn toàn ngây thơ trong ngôn ngữ bản xứ của ngài.

Tuy nhiên, đây là một vấn đề khác cho vị giảng thuyết khi có ý nói lời thô tục trong bài giảng. Đây là điều mà tôi tin rằng là cần phải tránh hết sức. Mặc dù tôi không nghĩ rằng vấn đề này là rất phổ biến, mà thực sự có thể là hoàn toàn ngược lại, tôi sẽ cố gắng nêu ra vài lý do có liên quan.

Trước tiên, trong hành động hy tế, vị linh mục đại diện cho Chúa Kitô trong bài giảng của mình, nên ngài cần tránh các từ ngữ xem ra là không xứng đáng với Chúa. Đúng là Chúa chúng ta đôi khi thốt ra vài lời đầy màu sắc và mạnh mẽ, để lay động sự tự mãn của các kẻ phản đối sứ điệp của Chúa. Nhưng chúng ta không tìm thấy trong đó bất cứ lời nào thô lỗ hay không xứng hợp.

Thứ đến, mục đích của bài giảng là truyền thông sứ điệp của Chúa Kitô cho các tín hữu. Do đó, linh mục cần phải cố gắng tạo ra sự truyền thông tốt nhất, và tránh bất cứ lời nào có thể gây ra sự

cản trở cho việc các tín hữu chấp nhận và thâm thấu sứ điệp ấy vào đời sống của họ.

Cuối cùng, cộng đồng giáo xứ gồm các tín hữu đủ lứa tuổi, và linh mục phải là một gương mẫu cho họ. Thật là quá đáng tiếc, nếu các bậc cha mẹ không cho con cái xem phim ảnh mà không có họ hướng dẫn, trong khi họ lại nghe các lời thô tục trong bài giảng lễ.

Trong Tông huấn “*Evangelii Gaudium*” của mình, Đức Thánh Cha Phanxicô không giải quyết chủ đề đặc biệt này. Tuy nhiên, tôi tin rằng các nguyên tắc, mà Ngài nêu ra về bài giảng, cho thấy rằng tông huấn là một sứ điệp tích cực, và rằng nó sẽ loại trừ bất kỳ sự sử dụng cố ý nào về những gì có thể làm cho một số tín hữu xa lánh bài giảng thiêng liêng.

Chẳng hạn, Ngài nói :

“135. Bây giờ chúng ta nhìn vào việc giảng trong phụng vụ mà các mục tử cần phải xem xét nghiêm túc. Tôi sẽ bàn một cách đặc biệt, và thậm chí hơi tỉ mỉ, về bài giảng và sự chuẩn bị bài giảng, vì có quá nhiều mối quan tâm đã được bày tỏ về tác vụ quan trọng này và chúng ta không thể làm ngơ. Bài giảng là viên đá thử để đánh giá sự gần gũi và khả năng truyền thông của người mục tử với dân chúng. Chúng ta biết các tín hữu rất coi trọng bài giảng, và cả các tín hữu lẫn các thừa tác viên có chức thánh đều khổ sở vì các bài giảng: giáo dân vì phải nghe các bài giảng, còn các giáo sĩ vì phải giảng bài! Đây là trường hợp đáng buồn. Bài giảng thực ra có thể là một trải nghiệm sâu đậm và vui sướng về Thần Khí, một cuộc gặp gỡ đầy an ủi với lời Thiên Chúa, một nguồn mạch canh tân và tăng trưởng thường xuyên”.

“137 [...] Bài giảng có tầm quan trọng đặc biệt vì bối cảnh Thánh Thể của nó: nó vượt quá mọi hình thức huấn giáo vì là thời điểm tột đỉnh trong cuộc đối thoại giữa Thiên Chúa với dân Người, và dẫn tới việc hiệp thông bí tích. Bài giảng một lần nữa tiếp nối cuộc đối thoại mà Chúa đã thiết lập với dân Người. Người giảng thuyết phải biết lòng cộng đoàn của mình, để biết chỗ nào ước muốn của nó về Thiên Chúa đang sống động và cháy bỏng, cũng

như chỗ nào mà cuộc đối thoại ấy trước kia rất thân thương nay đã bị thui chột và cằn cỗi”.

“139. Chúng ta đã nói rằng, nhờ Chúa Thánh Thần liên tục hoạt động trong tâm hồn, dân Chúa không ngừng tự phúc âm hoá chính mình. Nguyên tắc này có hệ lụy gì đối với các giảng viên? Nó nhắc nhở chúng ta rằng Hội Thánh là một người mẹ, và Hội Thánh giảng giống như cách một người mẹ nói chuyện với con, bà biết con tin rằng mẹ dạy gì cũng là vì lợi ích của nó, vì con cái biết rằng chúng được yêu. Hơn nữa, một người mẹ tốt có thể nhận ra mọi sự mà Thiên Chúa đang làm nơi con của bà, nên bà lắng nghe các mối quan tâm của chúng và học hỏi từ chúng. Tình yêu thương ngự trị trong gia đình hướng dẫn mẹ và con trong câu chuyện; khi trò chuyện, mẹ và con cùng dạy và học, trải nghiệm sự sửa sai và tăng trưởng trong cách đánh giá điều gì là tốt. Một điều tương tự cũng xảy ra trong bài giảng. Cùng một Thần Khí gợi hứng cho các sách Tin Mừng và hành động trong Hội Thánh cũng chính là Thần Khí soi sáng cho giảng viên để nghe đức tin của dân Chúa và tìm cách thích hợp để giảng vào mỗi Thánh Lễ. Bài giảng Kitô giáo vì thế tìm được nơi con tim của dân chúng và nền văn hoá của họ một nguồn nước sự sống, giúp giảng viên biết phải nói gì và nói thế nào. Như tất cả chúng ta đều thích được người khác nói với mình bằng tiếng mẹ đẻ của mình, thì cũng vậy, trong đức tin, chúng ta thích được người khác nói với mình bằng “văn hoá mẹ” của chúng ta”, bằng tiếng bản xứ của chúng ta (xem 2 Mcb 7, 21. 27), và quả tim chúng ta sẵn sàng nghe hơn. Ngôn ngữ này là một thứ âm nhạc kêu gọi sự khích lệ, sức mạnh và niềm phấn khởi”.

“140. Khung cảnh này, vừa từ mẫu vừa Hội thánh, trong đó diễn ra cuộc đối thoại giữa Chúa và dân của Người, phải được khuyến khích bởi sự gần gũi của giảng viên, sự ấm áp của âm giọng, sự đơn sơ không phô trương trong cách nói, và sự vui vẻ trong các điệu bộ của giảng viên. Cho dù bài giảng đôi khi có thể có phần tẻ nhạt, nhưng nếu có tinh thần từ mẫu và hội thánh, nó sẽ luôn luôn hiệu quả, giống như những lời khuyên bảo nhằm chán của một người mẹ, khi đến lúc, cũng sinh hoa kết quả trong lòng

các con của bà” (Bản dịch Việt ngữ của Ủy Ban Loan Báo Tin Mừng thuộc Hội Đồng Giám Mục Việt Nam).

Sau đó, Ngài đưa ra một số lời khuyên thiết thực để giúp các linh mục chuẩn bị bài giảng, trong đó có việc cần dành một lượng thời gian dài cho việc học hỏi, cầu nguyện, suy tư và óc sáng tạo mục vụ (số 145), và kính trọng sự thật bằng cách cố gắng hiểu đúng ý nghĩa sứ điệp trọng tâm của một bản văn (số 146-148).

Cuối cùng Ngài nhắc nhở các linh mục rằng “người giảng thuyết cũng cần để tai nghe dân và tìm xem các tín hữu cần nghe những gì. Người giảng thuyết phải nhìn xem thế giới, nhưng cũng phải nhìn xem người dân” (số 154) (Bản dịch, như trên).

Nếu linh mục chúng ta suy nghĩ nhiều về tông huấn của Đức Thánh Cha, chắc chắn chúng ta sẽ nâng cao chất lượng bài giảng của mình, và tỏa lan niềm vui của Tin Mừng cho các tín hữu. (Zenit.org 18-2-2014)

58. Tại sao thấp bảy ngọn nến trong lễ đại triều Giám mục?

Hỏi: *Thưa cha, liệu có mối liên hệ nào giữa bảy ngọn nến được sử dụng trong thánh lễ đại triều Giám mục và chân đèn bảy ngọn (menorah) của Đền Thờ Giêrusalem không? - C. S., Roma, Ý.*

Đáp: Bạn ạ, không có mối liên hệ trực tiếp nào và có lẽ cũng không có mối liên hệ gián tiếp nào.

Một số tập tục của người Do Thái đã trực tiếp đi vào phụng vụ Công Giáo ngay từ đầu - ví dụ, các chữ Amen, Alleluia và các cấu trúc cơ bản của một số lời nguyện chúc lành và của các Kinh nguyện Thánh Thể.

Nhiều tập tục khác đã gián tiếp đi vào sau đó, lấy cảm hứng từ Kinh Thánh mà chúng ta có chung với Do Thái giáo. Ví dụ, trong thời Trung cổ, các lời cầu nguyện được sáng tác cho nghi thức truyền chức đã nhắc tới chiếc áo thánh thiêng của A-ha-ron (Aaron) và các thầy cả thượng phẩm khác. Sau một vài thế hệ, các lời cầu nguyện này tạo cảm hứng cho việc ra đời của một số nghi

lễ, mà trong đó tân chức được mặc áo lễ theo nghi thức trong lễ truyền chức. Có nhiều ví dụ tương tự của các ảnh hưởng gián tiếp ấy.

Về vấn đề chúng ta đang nói, các chứng từ sớm nhất của việc bảy người giúp lễ cầm nến sáng đã có trong phụng vụ Tòa thánh thế kỷ thứ VII. Các ngọn nến này sau đó được đặt trên mặt đất ở phía trước bàn thờ, chứ không đặt trên bàn thờ.

Việc các người giúp lễ cầm đuốc sáng có lẽ bắt nguồn từ phong tục của người Rôma khi đi hộ tống một số quan chức cao cấp của triều đình với đuốc sáng, trong khi một người khác cùng đi với quan này và mang theo một bản sao trang trí thật đẹp của bộ luật.

Tuy nhiên, số lượng người cầm đuốc là không xác định. Vì vậy, ngay cả khi tập tục phái sinh từ tục lệ của người Rôma, sự lựa chọn bảy người cầm đuốc là dường như không bình thường. Một số tác giả nói rằng con số này có thể được lấy cảm hứng từ bảy ngọn đèn trong Sách Khải Huyền, chương 1. Tuy nhiên sự gán ghép này chỉ là một giả thuyết, với ít bằng chứng ủng hộ nó.

Bảy ngọn đèn khai huyền có thể một cách nào đó là liên quan đến chân đèn bảy ngọn, nhưng điều này không có ảnh hưởng đến việc đưa ý này vào phụng vụ.

Tập tục được mô tả trong tài liệu của thế kỷ thứ VII đã không được sử dụng đều đặn ở Rôma, mặc dù nó được duy trì trong một số tu viện. Vào khoảng nửa đầu của thế kỷ XI, các ngọn nến xuất hiện trên bàn thờ. Tuy nhiên, tập tục và số lượng ngọn nến là không phổ quát.

Mãi cho đến cuối thế kỷ XIII, tập tục sử dụng bảy ngọn nến trên bàn thờ trong thánh lễ đại triều Giám mục được phục hồi cho phụng vụ Rôma. Nó đã được thiết định vững chắc trong một sách Nghi lễ, được viết bởi Đức Hồng Y Giacomo Stefaneschi (1270-1343), khi ngài viết: “Khi Đức Giáo Hoàng cử hành lễ đại triều, bảy ngọn nến phải được đặt trên bàn thờ”. Tập tục này vẫn tiếp tục ngày nay. Đối với hình thức ngoại thường, các chỉ dẫn của sách Nghi Thức Giám Mục về thánh lễ đại triều

Giám mục nói là đặt bảy đèn trụ (candelabras) trên bàn thờ. Thánh giá được đặt phía trước của cây nến cao nằm ở trung tâm.

Tập tục cho hình thức thông thường là ít chính xác hơn. Điều này là bởi vì người ta được phép đặt nến gần bàn thờ, chứ không chỉ trên bàn thờ. Các số 125 và 128 của Nghi Thức Giám Mục tiên liệu khả năng có từ hai đến bảy người giúp lễ cầm ngọn nến sáng tham gia đoàn rước vào thánh lễ. Các ngọn nến sau đó có thể được đặt gần hoặc trên bàn thờ.

Mặc dù sách phụng vụ không quy định rõ ràng, và phù hợp với tập tục thánh lễ Giáo hoàng, người ta có thể đặt bảy ngọn nến trên hoặc gần bàn thờ, trước khi Thánh Lễ bắt đầu. Về việc rước trước thánh lễ, hai người cầm nến sáng đi hai bên người cầm thánh giá, và đi sau đó có thể là sáu người cầm đuốc sáng.

Trong trường hợp này, các ngọn nến được sử dụng trong đám rước được đặt kín đáo sang một bên, khi cuộc rước kết thúc. Hai ngọn nến được sử dụng trong lúc công bố Tin Mừng và vào cuối Thánh Lễ. Sáu người cầm sáu ngọn đuốc đi theo người cầm bình hương ra trước bàn thờ trong phần Kinh Nguyện Thánh Thể. (Zenit.org 25-2-2014)

59. Làm nghi thức xúc tro sớm được không?

Hỏi: *Thưa cha, vì lý do mục vụ thực tế, có thể làm phép tro và xúc tro, chẳng hạn trong một nhà hưu dưỡng, nhà nuôi người cao tuổi hoặc nhà dưỡng lão, trước thứ Tư Lễ Tro (vào ngày thứ Hai hoặc thứ Ba Béo trước đó) được không? - R. P., Toronto, Canada*

Đáp: Bởi vì gợi ý này, do các mục đích thực tế, nói trước sự khởi đầu của Mùa Chay, tôi không nghĩ rằng giải pháp này là có thể được.

Như Thông tư “Paschales Solemnitatis” năm 1988 của Thánh Bộ Phụng tự và Kỷ luật bí tích về việc chuẩn bị và cử hành Đại lễ Phục Sinh viết:

“21. Vào Thứ Tư trước Chúa Nhật I Mùa Chay, tín hữu được xúc tro để bước vào thời kỳ qui định cho việc thanh luyện tâm hồn. Dấu hiệu sám hối này là một truyền thống Kinh Thánh, và được duy trì trong số các tập tục của Giáo Hội cho đến ngày nay. Dấu hiệu này biểu tỏ con người là tội nhân, tìm cách để biểu lộ cảm thức tội lỗi của mình trước mặt Thiên Chúa bằng một dấu chỉ khả giác nhằm diễn tả thái độ hoán cải nội tâm, với niềm xác tín rằng Thiên Chúa sẽ đoái thương. Dấu hiệu này cũng ghi dấu sự khởi đầu hành trình hoán cải. Hành trình này được tiến triển nhờ vào các cử hành của bí tích Hoà Giải trong những ngày trước Lễ Phục Sinh” (Bản dịch Việt ngữ của Hội đồng Giám mục Việt Nam).

Phụng vụ đôi khi cho phép thay đổi các ngày truyền thống khi chúng không ảnh hưởng đến lịch phụng vụ chung. Ví dụ, Giám mục có thể cử hành lễ làm Phép Dầu ngày thứ Năm Tuần Thánh vào ngày sớm hơn, nhưng tốt hơn là vẫn trong Tuần Thánh, để tạo thuận lợi cho sự tham gia của càng nhiều linh mục giáo phận càng tốt. Việc này là khá phổ biến trong các giáo phận rộng lớn, nơi mà việc di chuyển đến nhà thờ chính tòa có thể mất nhiều giờ.

Hơn nữa, giải pháp được đề xuất là không cần thiết để giải quyết các khó khăn mục vụ như vậy, bởi vì phụng vụ đã đưa ra một sự chọn lựa thay thế thỏa đáng. Sách Các Phép có một nghi thức làm phép tro và xúc tro bên ngoài Thánh Lễ.

Các số 1059-1062 của Sách các Phép chỉ dẫn như sau:

“1059. Mùa Chay bắt đầu với tập tục xưa là xúc dầu cho các tín hữu như một dấu hiệu sám hối công khai và cộng đồng. Việc làm phép tro và xúc tro ngày thứ Tư lễ Tro thường được cử hành trong thánh lễ. Tuy nhiên, khi hoàn cảnh đòi hỏi, việc làm phép tro và xúc tro có thể diễn ra ngoài Thánh Lễ, trong một buổi cử hành phụng vụ Lời Chúa.

“1060. Qui định này cũng có thể được sử dụng, khi xúc tro cho các bệnh nhân. Tùy theo trường hợp, nghi thức có thể được thừa tác viên thực hiện vắng gọn. Tuy nhiên, ít nhất có một bài đọc Kinh Thánh Thánh trong nghi thức.

“1061. Nếu tro đã làm phép được đưa đến để xúc lên đầu người bệnh, thì không làm phép tro nữa, nhưng việc xúc tro diễn ra ngay sau bài giảng. Bài giảng nên kết luận bằng cách mời gọi người bệnh chuẩn bị tâm hồn để được xúc tro.

“1062. Nghi thức này có thể được cử hành bởi một linh mục hay phó tế, và có thể có thêm thừa tác viên giúp xúc tro cho tín hữu. Tuy nhiên, việc làm phép tro chỉ dành cho một linh mục hay phó tế”.

Do đó, có nhiều sự chọn lựa để đáp ứng nhu cầu thiêng liêng của các tín hữu trong các nhà dưỡng lão và các tình huống tương tự :

- Một linh mục hay phó tế có thể đến thăm địa điểm trong ngày, để làm phép và xúc tro cho tín hữu. Nếu cần thiết, nghi thức có thể được vắn gọn.

- Linh mục hay phó tế mang tro đã làm phép đến địa điểm và thực hiện việc xúc tro cho tín hữu.

- Một thừa tác viên giáo dân đã được chỉ định mang tro đã làm phép đến địa điểm, và thực hiện nghi thức xúc tro theo phiên bản dành riêng. Các phiên bản này đã được dự kiến trong Sách Các Phép.

Do đó, để kết luận, thông thường không được phép làm phép tro và xúc tro cho tín hữu vào ngày thứ Hai hoặc thứ Ba Béo trước thứ Tư Lễ Tro, và một nghi thức làm trước như thế là không cần thiết về mặt mục vụ. (Zenit.org 4-3-2014)

60. Đọc “anh em” hay “chị em” trong Kinh Cáo Mình được không?

***Hỏi 1:** Trong Thánh lễ, khi Kinh Cáo Mình (Confiteor) được đọc, tôi nhận thấy là trong các nhà huấn luyện hoặc cộng đoàn tu sĩ, nếu cộng đoàn chỉ toàn là người nam, họ đọc: “Tôi thú nhận...và cùng anh em”; và nếu cộng đoàn chỉ toàn là người nữ,*

họ đọc: “Tôi thú nhận...và cùng chị em”. Thừa cha, cách đọc như thế là đúng không? - T. P. Shillong, Ấn Độ.

Hỏi 2: *Trong Thánh lễ, sau Kinh Cáo Mỉnh, tôi nhận thấy, khi đọc “Xin Thiên Chúa toàn năng thương xót, tha tội, và dẫn đưa chúng ta đến sự sống muôn đời”, linh mục giơ tay ra như là ban phép lành hoặc xá giải. Thừa cha, linh mục làm như thế có thích hợp không? - A.P., Margate, Florida, Mỹ.*

Đáp: Câu hỏi đầu tiên liên quan đến đặc thù của tiếng Anh. Trong nhiều ngôn ngữ, hình thức giống đực thường có chức năng đôi và có thể chỉ cho các người nam hoặc một nhóm người có nam lẫn nữ. Vì vậy, chẳng hạn trong tiếng Latinh, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Ý, chỉ cần dùng từ tương đương với “anh em” là chỉ cho cả cộng đoàn có nam lẫn nữ.

Trong tiếng Anh, “brethren, anh em” có thể phục vụ mục đích này, và trong thực tế có thể được sử dụng trong nghi thức sám hối. Tuy nhiên, có lẽ vì lý do văn phong, nó không được đưa vào như một phần của kinh “Cáo Mỉnh”. Vì vậy, trong bản dịch tiếng Anh, chúng ta nói “brothers and sisters, anh chị em”.

Một thích ứng ngữ cảnh được dự kiến trong các chữ đỏ, khi Thánh Lễ được cử hành chỉ với một người giúp lễ. Trong trường hợp này, linh mục và người giúp lễ nói “to you my brother, và cùng anh” ở số ít. Vì vậy, tôi nghĩ rằng về mặt lý thuyết một cộng đồng nam tu sĩ có thể sử dụng “cùng anh em”, khi không có phụ nữ nào có mặt ở đó.

Một vấn đề khác là liệu về mặt mục vụ, có nên đề cho các cách diễn tả phụng vụ trở thành tập quán luôn chẳng. Nếu không, trong một số dịp, có người nam hoặc người nữ bên ngoài cộng đoàn hiện diện trong thánh lễ nữa, thì sự thay đổi có thể dễ dàng dẫn đến sự nhầm lẫn.

Trường hợp là khác hẳn, cho một cộng đồng nữ, vì trong Thánh Lễ ít nhất có một người anh em luôn luôn có mặt, đó là vị linh mục cử hành thánh lễ. Do đó, công thức tiêu chuẩn cần được sử dụng. Như một quy định chung, linh mục không thay đổi giới

tính cho các lời chào phụng vụ, nếu ngài cử hành thánh lễ cho cộng đoàn nữ.

Liên quan đến câu hỏi thứ hai, Qui chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma, số 51, nhắc nhở chúng ta: “Tiếp theo, vị tư tế mời mọi người sám hối. Sau một chút thỉnh lặng, tất cả cộng đoàn đọc công thức thú tội chung, và vị tư tế đọc lời xá giải để kết thúc. Lời xá giải này không có hiệu quả của bí tích thống hối...” (bản dịch Việt ngữ của linh mục Phanxicô Xavier Nguyễn Chí Cần, giáo phận Nha Trang).

Không cử chỉ nào được quy định trong các chữ đỏ, cho nên nó được coi như là linh mục sẽ vẫn chấp hai tay. Bất kỳ cử chỉ nào, có thể ngụ ý rằng đó là lời xá giải có hiệu quả của bí tích thống hối, thì cần phải tránh, nhằm không tạo sự nhầm lẫn cho các tín hữu. (Zenit.org 10-1-2012)

61. Lời nguyện tín hữu có là bắt buộc trong Thánh lễ ngày thường hoặc Thánh lễ an táng không? Được phép chúc bình an trước phần dâng lễ vật không?

Hỏi: *Thưa cha, được phép bỏ qua Lời nguyện tín hữu trong Thánh Lễ ngày thường hoặc Thánh lễ an táng không? Được phép chúc bình an trước phần dâng lễ vật không? - J. R., San Antonio, Texas, Mỹ.*

Đáp: Về việc tái lập Lời nguyện tín hữu vào phụng vụ, trong năm 1963 Công Đồng chung Vatican II tuyên bố như sau trong Hiến chế về Phụng vụ thánh Sacrosanctum Concilium, số 53:

“Phải tái lập “Lời nguyện chung” hay “Lời nguyện tín hữu”, sau bài đọc Tin Mừng và bài giảng, nhất là vào các Chúa Nhật và lễ buộc, để giáo dân cùng hợp chung lời cầu nguyện cho Hội Thánh, cho các nhà cầm quyền, cho những ai đang gặp khó khăn trước những nhu cầu cần thiết, cho tất cả mọi người, và cho phần rỗi của toàn thể giới” (Bản dịch Việt ngữ của Hội Đồng Giám mục Việt Nam).

Hai năm sau, vào năm 1965, Tòa Thánh đã được hỏi: “Liệu trong các Thánh lễ có giáo dân tham dự, Lời nguyện tín hữu có là bắt buộc trong các ngày thường không?”

Câu trả lời trong phong cách điển hình văn tắt của Tòa Thánh là: “Không buộc đọc Lời nguyện tín hữu vào các ngày thường”. Sau đó, Tòa thánh xác nhận và đưa câu trả lời này vào các tài liệu khác, với sự qui chiếu đặc biệt tới Hiến chế Sacrosanctum Consilium.

Vì vậy, mặc dầu Lời nguyện tín hữu có thể được sử dụng cách hữu ích trong các ngày thường, nó chỉ là buộc trong Thánh lễ Chúa Nhật và các ngày lễ buộc mà thôi.

Tuy nhiên, đáng chú ý là các tài liệu gần đây nhất không có sự phân biệt rõ giữa các ngày lễ trọng và ngày thường, nhưng chỉ mô tả cấu trúc Lời nguyện tín hữu. Điều này cho phép sử dụng Lời nguyện trong mọi dịp thích hợp, mà không đưa ra việc buộc.

Do đó, Qui chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma (GIRM) nói:

“69. Trong lời nguyện cho mọi người, cũng gọi là lời nguyện tín hữu, chính dân Chúa, sau khi tiếp nhận trong đức tin, đáp lại Lời Chúa và thực thi chức tư tế do phép rửa của mình mà cầu cho hết mọi người. Lời nguyện này thường nên thực hiện trong các Thánh Lễ có giáo dân tham dự, để họ cầu cho Hội Thánh, cho các nhà cầm quyền, cho những người đang gặp đủ thứ khó khăn, cho hết mọi người và cho toàn thể giới được ơn cứu độ.

“70. Thứ tự những ý nguyện thường là:

- a. Cho các nhu cầu của Hội Thánh;
- b. Cho các người trong chính quyền và cho toàn thể giới được an bình;
- c. Cho các người đang gặp bất cứ khó khăn nào;
- d. Cho cộng đoàn địa phương.

Nhưng trong một buổi lễ cử hành đặc biệt nào đó, như là Thêm Sức, Hôn Phối, An Táng, thì thứ tự ý nguyện có thể dành ưu tiên cho trường hợp đặc biệt đó.

“71. Chính vị chủ tế điều khiển việc cầu nguyện từ ghế. Ngài văn tắt mời tín hữu cầu nguyện và đọc lời nguyện để kết thúc. Các

ý nguyện nêu ra cần phải chừng mực, được soạn thảo với sự tự do khôn ngoan và ngắn gọn, diễn tả lời nguyện của toàn thể cộng đoàn.

Thầy phó tế, hoặc một ca viên, hay độc viên hay một giáo dân khác xướng các ý nguyện từ giảng đài hay một nơi nào khác xứng hợp.

Còn toàn thể cộng đoàn đứng biểu lộ lời nguyện của mình, hoặc bằng những lời kêu cầu chung sau mỗi ý nguyện được xướng lên, hoặc bằng cách cầu nguyện trong thinh lặng” (bản dịch Việt ngữ của linh mục Phanxicô Xavier Nguyễn Chí Cẩn, giáo phận Nha Trang).

Về Thánh Lễ cầu cho người qua đời, Qui chế Tổng quát Sách Lễ Rôma nói:

“385. Trong việc sắp xếp và chọn lựa các phần của Thánh Lễ cầu cho người quá cố, nhất là lễ an táng, là những phần có thể thay đổi (ví dụ: các lời nguyện, bài đọc, lời nguyện tín hữu), phải có trước mắt các lý do mục vụ liên quan đến người chết, gia đình và những người hiện diện” (bản dịch, như trên).

Điều này có nghĩa rằng, trong khi Lời nguyện tín hữu có thể được bỏ qua cách hợp lệ trong thánh lễ an táng, điều quan trọng là quan tâm đầy đủ đến các nhu cầu mục vụ của tang quyến, trước khi quyết định làm như vậy.

Liên quan đến câu hỏi thứ hai, Huấn thị *Redemptionis Sacramentum*, số 71, nói:

“71. Phải duy trì thông lệ của Nghi Lễ Rôma là chúc bình an trước khi Rước Lễ một chút, như được dự liệu trong Nghi thức Thánh Lễ. Quả nhiên, theo truyền thống của Nghi Lễ Rôma, thông lệ này không bao hàm ý nghĩa hoà giải, cũng không có ý nghĩa xoá tội, nhưng đúng hơn nó có mục đích biểu lộ sự bình an, sự hiệp thông và lòng bác ái, trước khi lãnh nhận Thánh Thể. Trái lại, hành động sám hối ở đầu Thánh Lễ, nhất là khi nó được thực hiện theo công thức thứ nhất, có đặc tính diễn tả sự hoà giải này giữa các anh em” (Bản dịch Việt ngữ của Hội Đồng Giám mục Việt Nam).

Ngay cả sau tài liệu này, và đặc biệt là trong Thượng Hội Đồng Giám mục về phép Thánh Thể năm 2005, khả năng dời thời điểm chúc bình an đã được tranh luận sôi nổi. Cuối cùng, các Giám mục chỉ đơn giản đề nghị nghiên cứu thêm nữa.

Từ những gì tôi đã có thể thu thập được, một nghiên cứu chuyên sâu đã được thực hiện, nhưng với các kết quả chưa thuyết phục. Nói chung, các chuyên gia phụng vụ phản đối việc thay đổi thời điểm chúc bình an, và các Giám mục trên thế giới chia rẽ nhau về việc này. Cho đến nay, chưa có quyết định chính thức nào được đưa ra.

Khó khăn chủ yếu liên quan đến sự thay đổi đề xuất này, ít nhất là như tôi hiểu, đã được nhấn mạnh trong Huấn thị *Redemptionis Sacramentum*. Việc thay đổi chúc bình an vào phần dâng lễ vật sẽ đòi hỏi một sự thay đổi về ý nghĩa của chính nghi thức, không còn đúng như ý nghĩa chúc bình an đến với chúng ta từ Chúa Kitô trên bàn thờ, hướng đến ý nghĩa của hòa giải hoặc tha tội.

Tuy nhiên, nếu điều này được thực hiện, ý nghĩa nào sẽ có khi làm một cử chỉ hòa giải ở phần đầu của Thánh Lễ? Liệu chúng ta không hòa giải với anh chị em của mình, để tham dự vào bàn tiệc Lời Chúa cũng như bàn tiệc Thánh Thể sao?

Đúng là một số phụng vụ Đông phương không có nghi thức chúc bình an trong phần dâng lễ vật. Nhưng trong các nghi lễ này, bánh và rượu đã được chuẩn bị một trọng thể trước Thánh lễ, để cho ý nghĩa của việc chúc bình an của Chúa Kitô là tương tự như trong nghi thức Rôma.

Nghi thức Ambrosian đáng kính, được sử dụng trong Tổng Giáo Phận Milan (Ý), cũng có chúc bình an ở phần dâng lễ vật, nhưng đây là một sự mới lạ tương đối ngay cả đối với nghi thức này.

Một số nhóm Công Giáo cũng đã được Toà Thánh cho phép có sự thay đổi thời điểm chúc bình an, trong bối cảnh của một cuộc hành trình tâm linh đặc biệt, vốn không nhất thiết phải áp dụng cho tất cả mọi người.

Vì vậy, trong kết luận, ngoại trừ trong các trường hợp được Tòa Thánh ban phép chuẩn đặc biệt, không được phép thay đổi thời điểm của việc chúc bình an.

Luôn được phép bỏ qua việc chúc bình an, vì nó là một nghi thức tùy chọn, chứ không là một nghi thức bắt buộc. (Zenit.org 11-3-2014)

62. Ai tham dự lễ Chúa Nhật ở nhà thờ Chính thống giáo, có chu toàn luật buộc dự lễ không?

Hỏi: Điều 1248 của Bộ Giáo luật Công Giáo nói rằng ai tham dự Thánh Lễ, cử hành theo lễ nghi Công Giáo, thì người ấy đã chu toàn việc buộc dự lễ. Trên cơ sở đó, thưa cha, liệu việc tham dự một cử hành phụng vụ Thánh của Chính thống giáo có chu toàn luật dự lễ Chúa Nhật không? Kim chỉ nam về Đại kết năm 1970-1971 của Tòa Thánh cho phép việc này một cách đặc biệt, nhưng không có lời nhắc nhở này hay thể khác về việc ấy trong Kim chỉ nam hiện tại (năm 1993). - C. Y., Butler, Pennsylvania, Mỹ.

Đáp: Sau đây là toàn văn của điều 1248:

“Điều 1248: § 1. Ai tham dự Thánh Lễ, cử hành theo lễ nghi Công Giáo bất cứ ở đâu, hoặc vào chính ngày lễ hay vào chiều ngày trước lễ, thì người ấy đã chu toàn việc buộc dự lễ.

§ 2. Nếu không có tác viên thánh hay vì lý do quan trọng khác khiến cho việc tham dự Thánh Lễ không thể thực hiện được, thì phải hết sức khuyến khích giáo dân tham dự phụng vụ Lời Chúa, nếu được cử hành trong nhà thờ xứ hay tại một nơi thánh khác theo như chỉ thị của Giám Mục giáo phận; hoặc dành một thời giờ phải chăng để cầu nguyện, cách riêng tư hay với gia đình, hoặc nếu thuận tiện, với cả liên gia” (Bản dịch Việt ngữ của các Linh Mục Nguyễn Văn Phương, Phan Tấn Thành, Vũ Văn Thiện, Mai Đức Vinh).

Bởi vì điều 1248 của Bộ Giáo luật hiện nay nói rõ ràng rằng luật dự lễ phải được chu toàn theo lễ nghi Công Giáo, và không nêu ra ngoại lệ nào, một số chuyên viên giáo luật khẳng định rằng

điều luật này thực sự xóa bỏ đặc quyền được cấp trong Kim chỉ nam về Đại kết năm 1970, vốn cho phép sự ngoại trừ như trên đây.

Do đó, việc không nhắc đến đặc quyền này, trong “Kim chỉ nam của sự áp dụng các nguyên tắc và qui định về Đại kết” (năm 1993), có thể được giải thích hoặc như là một bãi bỏ dứt khoát đặc quyền, hoặc chỉ đơn giản như là sự công nhận tình trạng vụ việc sau khi Bộ Giáo luật được ban hành.

Bộ Giáo luật của các Giáo Hội Đông Phương có một trình bày tương tự, mặc dù được tổ chức theo một cách khác, để thích ứng với tình hình cụ thể của các Giáo Hội Đông Phương. Do đó, Điều 881.1 viết:

“Các tín hữu Kitô giáo bị ràng buộc bởi nghĩa vụ tham dự các lễ Chúa Nhật và lễ trọng trong Phụng vụ Thánh, hoặc theo các qui định của Giáo Hội 'sui iuris' (tự trị) của họ, trong việc cử hành nghi ca Thiên Chúa”.

Cần lưu ý rằng ở đây không đề cập đến việc tham dự “theo lễ nghi Công Giáo bất cứ ở đâu”. Lý do ở đây có lẽ là các Giáo Hội này bị ràng buộc rất chặt chẽ vào sự tham gia trong truyền thống phụng vụ riêng của họ.

Tuy nhiên, Điều 883.1 không xem xét khả năng của những người đang ở xa nhà họ. Xin mời đọc:

“Về các lễ trọng và ngày sám hối, các tín hữu Kitô giáo đang ở bên ngoài biên giới lãnh thổ của Giáo Hội 'sui iuris' (tự trị) riêng của họ, có thể tuân theo các đầy đủ các qui định hiện hành của nơi mà họ đang cư trú”.

Trong thực tế, điều này có nghĩa như sau:

Một người Công Giáo nghi lễ Latinh có thể chu toàn luật buộc dự lễ, bằng cách tham dự bất kỳ Thánh Lễ Công Giáo nào từ chiều tối thứ Bảy đến trọn ngày Chúa Nhật.

Nhiều chuyên viên giáo luật, chứ không tất cả chuyên viên giáo luật, nói rằng chiều tối thứ Bảy có nghĩa là sau 16 giờ chiều thứ Bảy; một số chuyên viên giáo luật lại nói là sau 12 giờ trưa thứ Bảy. Trong một số giáo phận, Đức Giám Mục đã xác định giờ này

bằng sắc lệnh, và đây là một sự thực thi hợp pháp quyền bính của ngài trong một khu vực, vốn chưa được xác định bởi Tòa Thánh.

Người Công Giáo Latinh chu toàn luật buộc dự lễ Chúa Nhật, ngay cả khi phụng vụ được cử hành không phải là của Chúa Nhật tương ứng, thí dụ, nếu người ấy tham dự một lễ cưới, thánh lễ an táng, hoặc thậm chí một Thánh Lễ tối thứ Bảy trong một cộng đoàn tu sĩ, mà theo thói quen là Thánh Lễ ngày thường vào buổi tối.

Người đó cũng có thể tham dự bất kỳ cử hành Phụng vụ Thánh nào của các Giáo Hội Công Giáo Đông phương, với nỗ lực tôn trọng các truyền thống của mỗi gia đình phụng vụ, liên quan đến các điều như tư thế đứng ngồi, ăn chay và rước lễ.

Người Công Giáo Đông phương, trên lãnh thổ của Giáo Hội mình, nên luôn tham dự nghi lễ riêng của mình là tốt nhất. Bên ngoài lãnh thổ này, người ấy phải cố gắng hết sức để có thể tham dự nghi lễ riêng của Giáo Hội mình. Nếu không, người ấy có thể tham dự bất cứ thánh lễ Công Giáo nào khác.

Ở các nơi mà nhiều quyền tài phán Công Giáo chồng chéo lên nhau, chẳng hạn tại một số khu vực của Ấn Độ và Trung Đông, người Công Giáo thỉnh thoảng tham dự thánh lễ của các nghi lễ khác nhau, như một dấu hiệu của sự hòa hợp và chung đức tin.

Có một hoặc hai gia đình phụng vụ, cổ xưa nhưng nhỏ bé, mà ở đó có một nhánh Công Giáo và một nhánh Chính thống giáo. Ở các nơi bên ngoài quê hương truyền thống, nhưng ở đó có một số lượng đủ các tín hữu, và thiếu hụt trầm trọng các linh mục, Giáo Hội Công Giáo đã đồng ý chia sẻ các linh mục với Chính thống giáo, để đảm bảo việc cử hành liên tục của truyền thống phụng vụ này. Trong trường hợp như thế, cả người Công Giáo và tín hữu Chính thống làm việc thờ phượng chung với nhau.

Nếu không, một người Công Giáo không chu toàn luật buộc dự lễ Chúa Nhật khi tham dự một thánh lễ Chính thống.

Khi một người Công Giáo ở trong một tình huống mà không có Thánh Lễ Công Giáo, luật buộc dự lễ bị ngưng lại, bởi vì không ai bị buộc thực hiện điều bất khả thi. Như chúng ta đã thấy trong Điều 1248.2, Giáo Hội hết sức khuyến khích tín hữu thực hiện một

số hình thức chọn lựa khác của việc thánh hóa ngày lễ, chẳng hạn, tham dự phụng vụ Lời Chúa.

Tuy nhiên, đây là một đề nghị, chứ không phải là một việc buộc.

Khi một người Công Giáo thấy mình ở trong một tình huống mà không có Thánh Lễ Công Giáo, nhưng có một cử hành phụng vụ Chính thống, thì người ấy có thể tham dự việc cử hành này, như là một phương cách chọn lựa để thánh hóa ngày lễ, mặc dù không chu toàn luật buộc dự lễ Chúa Nhật.

Nếu giáo luật của Giáo Hội Chính Thống cho phép, người Công Giáo cũng có thể rước lễ nữa (Điều 844.2 Bộ Giáo luật Latinh; Bộ Giáo luật Đông phương, điều 671.2).

Khi ấy, một người Công Giáo nên luôn luôn hỏi trước là liệu việc rước lễ là được chăng.

Nếu không thể hỏi, do rào cản ngôn ngữ, thì tốt hơn là nên tránh rước lễ, thay vì có nguy cơ làm trái với truyền thống thiêng liêng của các Kitô hữu anh em. (Zenit.org 18-3-2014)

63. Khi Giáo phận trống tòa, ai cử hành Lễ Dầu?

Hỏi: Tháng 12 qua, Đức Thánh Cha Phanxicô đã chấp nhận đơn từ chức của Đức Tổng Giám mục chúng con. Kể đó, Tổng Giám mục này được bổ nhiệm làm Giám quản Giáo phận cho đến khi Giám mục mới được bổ nhiệm. Từ khi giáo phận trống tòa “Sede vacante”, các linh mục trong giáo phận không còn đọc tên vị Giám mục trong Kinh Nguyện Thánh Thể nữa. Thưa cha, câu hỏi của con là: Trong thời gian giáo phận trống tòa, liệu Giám mục nghỉ hưu có thể cử hành Lễ Dầu với các linh mục trong giáo phận không - với sự hiểu rằng Lễ Dầu là biểu tượng của sự hiệp nhất giữa Đức Giám mục và các linh mục giáo phận của ngài? - B. E., Malaysia.

Đáp: Nếu tôi hiểu thật đúng tình hình do độc giả này nêu ra, việc từ chức của Giám mục đã được chấp nhận bởi Đức Thánh Cha, và sau đó ngài được Đức Thánh Cha bổ nhiệm làm Giám

quản Giáo phận. Trong trường hợp này, nói cho đúng, vị Giám mục là Giám quản Giáo phận, cho đến khi người kế nhiệm ngài được bổ nhiệm.

Trong trường hợp này, vị Giám mục vẫn giữ mọi quyền hạn thích hợp dành cho vị Giám mục giáo phận. Vị Giám quản Tông tòa, dù ngài tòa bị trống hay không, vẫn được đọc tên trong Kinh Nguyên Thánh Thể, và ngài cũng chủ tế Lễ Dầu.

Phương thức vị Giám quản Tông tòa tạm thời được sử dụng khá thường xuyên hiện nay, mặc dù không được đề cập trong Bộ Giáo Luật hiện hành. Ngài thường là một Giám mục được đặt cử cai quản một Giáo phận trong một thời gian nhất định. Ngoài trường hợp của Giám mục nghỉ hưu, khi một Giám mục được chuyển qua Giáo phận khác, đôi khi ngài còn được bổ nhiệm làm Giám Quản Tông Tòa của giáo phận cũ của ngài. Sự bổ nhiệm này đôi khi kéo dài cho đến khi ngài nhậm chức ở giáo phận mới, mặc dầu đôi lúc cho đến khi một vị kế nhiệm được chỉ định, do đó trong một thời gian nhất định, ngài cai quản cả hai giáo phận.

Trong một số trường hợp, Đức Thánh Cha sẽ bổ nhiệm một Giám mục của một giáo phận lân cận làm Giám quản Tông tòa giáo phận, để giáo phận ấy được cai quản bởi một vị có mọi năng quyền Giám mục. Việc này thường được thực hiện khi đang có các khó khăn đặc biệt.

Nếu Đức Thánh Cha không đưa ra sự dự liệu nào nữa, thì thời gian trống tòa giáo phận bắt đầu ngay sau khi sự từ chức hoặc chuyển chuyển của Giám mục được loan báo.

Phù hợp với Bộ Giáo luật, một vị Giám quản Giáo phận được bầu chọn bởi Hội đồng tư vấn của giáo phận, để quản trị thời kỳ trống tòa cho đến khi vị Giám mục mới được bổ nhiệm và nắm quyền hành. Vị Giám quản giáo phận thường là một linh mục, nhưng cũng có thể là một Giám mục phụ tá, người không phải là một ứng viên cho việc kế nhiệm giáo phận.

Vị linh mục Giám quản này không được đọc tên trong Kinh Nguyên Thánh Thể. Nếu ngài là Giám mục phụ tá, ngài có thể được đọc tên y như cách thức đọc trước thời kỳ trống tòa.

Vị Giám quản giáo phận có hầu hết các quyền hạn của Giám mục, với một số hạn chế. Ngài không thể thay đổi việc xếp đặt nhân sự, mà vị nguyên Giám mục đã bổ nhiệm bằng văn bản, và không có quyền đưa ra các sự đổi mới quan trọng. Ngài cũng không thể làm những gì, vốn đòi hỏi sự tấn phong Giám mục.

Nếu vị Giám quản giáo phận là một Giám mục phụ tá, ngài sẽ cử hành Lễ Dầu. Nếu ngài là một linh mục, thì hoặc ngài mời một Giám mục cử hành Lễ Dầu và làm phép dầu; hoặc ngài có thể chọn không có Lễ Dầu năm ấy, và xin Giáo phận lân cận cung cấp dầu đã làm phép cho giáo phận mình.

Thí dụ, trong một giáo phận Ireland, không có Lễ Dầu trong thời trống tòa từ năm 2009 đến năm 2013. Trong năm 2013, Đức Sứ thần Tòa Thánh chủ trì Lễ Dầu, trong đó các loại dầu được sử dụng trong việc tấn phong Giám mục mới cũng được làm phép hợp lệ.

Cả hai giải pháp đều là có thể được. Quả là đúng rằng sự hiệp nhất của linh mục đoàn chung quanh Đức Giám mục được đặc biệt nhấn mạnh trong Lễ Dầu. Nhưng Lễ Dầu cũng giúp cho một mục đích thực tế, vốn vẫn tồn tại, ngay cả khi giáo phận trống tòa. (Zenit.org 1-4-2014)

64. Nghi thức thống hối trong lễ Phục Sinh được thực hiện ra sao?

Hỏi: Trong thư luân lưu “*Paschalis Solemnitatis*”, về sự chuẩn bị và cử hành lễ Phục Sinh, hướng dẫn mục vụ sau đây được đưa ra cho nghi thức thống hối trong lễ Phục Sinh (số 97): “*Thật là thích hợp khi nghi thức thống hối ngày này mang hình thức của việc rảy nước thánh đã được làm phép trong lễ Vọng Phục Sinh, trong đó điệp ca 'Vidi aquam' (Tôi đã thấy nước) hoặc một bài hát khác có tính cách thánh tẩy được hát lên*”. Vì nước làm phép trong lễ Vọng không cần phải được làm phép lại, điều này có nghĩa là vào ngày lễ Phục sinh, cả lời mời gọi của linh mục và việc làm phép nước bị bỏ qua, khi thực hiện nghi thức rảy nước thánh, và vì

vậy cộng đoàn bắt đầu hát ngay điệp ca “Tôi đã thấy nước”, hoặc một bài hát khác ngay sau khi làm dấu thánh giá và lời chào của linh mục; thưa cha, như thế là đúng không? - S. V. R., Breda, Hà Lan.

Đáp: Việc làm phép nước được bỏ qua trong ngày lễ Phục sinh, cũng như được bỏ qua khi làm phép Rửa tội, trong suốt 50 ngày của Lễ Phục Sinh, mà trong đó nước làm phép trong lễ Vọng Phục sinh được sử dụng.

Cần lưu ý rằng trong khi hướng dẫn trên là chính xác, khi nói đến việc rảy nước thánh cho tín hữu với nước đã làm phép trước và điệp ca được hát, cả hướng dẫn này và Sách Lễ không nói gì về nghi thức chính xác cần được thực hiện cho việc rảy nước thánh vào lễ Chúa Nhật Phục sinh.

Đầu thánh lễ, việc bắt đầu ngay rảy nước thánh và hát điệp ca có thể là vô nghĩa đối với các tín hữu. Vì vậy, tôi nghĩ rằng linh mục nên giải thích ý nghĩa của nghi thức, để cho các tín hữu hiểu sự liên kết của việc rảy nước thánh và nghi thức thống hối.

Mặc dù nó không phải là quy định, tôi tin rằng linh mục có thể sử dụng công thức quen thuộc của việc giới thiệu nghi thức thống hối, trước khi bắt đầu rảy nước thánh.

Sách Lễ cũng cung cấp một sự chọn lựa thay thế cho thủ tục này trong Chúa Nhật Phục Sinh. Nghi thức thống hối quen thuộc được sử dụng, nhưng việc nhắc lại lời hứa rửa tội được thực hiện sau bài giảng, theo nghi thức được đề nghị cho lễ Vọng Phục Sinh, và không đọc kinh Tin Kính. Trong trường hợp này, việc rảy nước thánh được làm phép trong lễ Vọng, và hát điệp ca được thực hiện như là kết luận cho việc nhắc lại lời hứa rửa tội.

Trong lễ Chúa Nhật Phục Sinh, sự chọn lựa thứ hai này có lẽ được ưa thích hơn so với việc rảy bước thánh trong nghi thức thống hối, vì chỉ vào ngày Chúa Nhật Phục sinh khả năng này là dễ thực thi.

Tuy nhiên, trong các Chúa Nhật khác của mùa Phục sinh, nghi thức làm phép nước và rảy nước thánh trên các tín hữu là được khuyến khích hơn.

Trong trường hợp này, sự thực hành là khác với việc rửa tội mùa Phục Sinh, vì nước chưa được làm phép. Phần Phụ lục của Sách Lễ cung cấp một lời nguyện làm phép nước và các điệp ca riêng cho mùa này dành cho các Chúa Nhật mùa Phục Sinh. Lời nguyện làm phép nước là như sau:

“Lạy Thiên Chúa toàn năng hằng hữu, chúng con là dân Chúa, đang họp nhau cầu nguyện, để tưởng nhớ công ơn Chúa đã sáng tạo chúng con cách lạ lùng, và cứu chuộc còn lạ lùng hơn nữa. Xin Chúa thương nhận lời chúng con và thánh hoá + nước này do chính Chúa đã dựng nên, để làm cho ruộng đất phì nhiêu màu mỡ, cho thân xác con người được sạch sẽ và thoải mái. Và trải qua lịch sử cứu chuộc, nước thiên nhiên đã trở nên khí cụ của tình thương hải hà: Quả vậy, Chúa dùng nước Biển Đỏ cứu dân riêng khỏi vòng nô lệ, và làm vọt lên giữa sa mạc khô cằn một nguồn nước cho dân giải khát. Các tiên tri cũng dùng hình ảnh mạch nước tuôn trào để tiên báo Chúa sẽ lập giao ước mới với loài người chúng con. Và sau hết, khi Đức Kitô chịu phép rửa tại sông Giođan, Chúa đã thánh hoá nước trong lành, để thanh tẩy con người tội lỗi chúng con, và cho chúng con được tái sinh nên con người mới. Vậy giờ đây, khi chúng con rảy nước thánh trên mình, để nhớ lại Bí Tích Thánh Tẩy chúng con đã lãnh nhận, xin Chúa cho tất cả chúng con được chia sẻ niềm vui với anh chị em chịu phép Thánh Tẩy trong mùa Vượt Qua này. Chúng con cầu xin, nhờ Đức Kitô, Chúa chúng con. CD: Amen” (Bản dịch Việt ngữ của Ủy ban Phụng tự thuộc Hội Đồng Giám Mục Việt Nam).

Lời nguyện tuyệt đẹp này xuất hiện như một mẫu thức tương đối mới, mặc dầu nó được cảm hứng từ các mẫu thức cổ trong các thủ bản thuộc thế kỷ VI và VII.

Năm điệp ca Phục Sinh được trích từ Kinh Thánh. Điệp ca đầu tiên “Tôi đã thấy nước, Vidi aquam” được lấy cảm hứng từ Ed 47, 1 - 2, 9 . “Tôi đã thấy nước từ bên phải đền thờ chảy ra, Alleluia! Và nước ấy chảy đến những ai thì tất cả đều được cứu rỗi và reo lên Alleluia! Alleluia!”

Sau khi hoàn tất việc rảy nước thánh trên các tín hữu, linh mục trở về ngai và đọc lời sau đây để kết thúc nghi thức thống hối: “Xin Thiên Chúa toàn năng thương xót, tha tội chúng ta, và nhờ việc cử hành Hy tế tạ ơn này, xin làm cho chúng ta xứng đáng chia sẻ vào bàn tiệc Nước Trời. CD: Amen”. (Zenit.org 8-4-2014)

65. Tại sao trong lời nguyện, đôi khi “Thánh” (Sanctus) lại gọi là “Chân Phước” (Beatus)?

Hỏi: Tôi đã nhận thấy rằng trong hầu như các lời nguyện của lễ chung các thánh, từ ngữ “Chân phước” được sử dụng thay cho từ ngữ “Thánh”. Điều này làm cho tôi hơi bối rối. Thưa cha, liệu có là thích hợp để thay thế chữ “Thánh” bằng chữ “Chân phước” khi cử hành lễ một vị thánh không có phần lễ riêng không? - L. P., Tampa, Florida, Mỹ.

Đáp: Tôi tin rằng các người dịch thuật đã đi theo ở đây một bản dịch sát chữ của văn bản tiếng Latinh, vốn cũng phân biệt “Chân phước” và “Thánh”.

Sự phân biệt giữa một “Chân phước, Á thánh” và một “Thánh” là rất quan trọng trong quá trình phong thánh, và mỗi tình trạng có hệ quả phụng vụ chính xác, bởi vì việc tôn kính phụng vụ đối với một “Chân phước” là rất hạn chế. Tuy nhiên, trong bối cảnh của Sách lễ, các từ ngữ này thường được sử dụng như là đồng nghĩa cho các vị đã đạt đến vinh quang thiên đàng.

Trong khi sự phân biệt giữa “Chân phước” và “Thánh” có thể chưa được cao nhất trong tâm trí của các người dịch, người ta tưởng tượng rằng, một mối quan tâm cho việc làm cho các Lễ chung phù hợp với việc mừng lễ Chân phước và Thánh đóng một vai trò nào đó trong việc chọn lựa từ ngữ.

Chẳng hạn việc các người dịch đã thực hiện một sự lựa chọn khách quan có thể được nhìn thấy trong phần lễ chung của các Tiến Sĩ Giáo Hội. Bởi vì việc phong thánh là thiết yếu cho việc tôn làm Tiến sĩ Giáo Hội, do đó không thể có sự ngờ vực rằng có “Chân

phước” trong trường hợp này. Lời nguyện nhập lễ của lễ chung này là:

“Lạy Thiên Chúa toàn năng hằng hữu, Chúa đã ban cho Giáo Hội thánh (beatum) (Giám mục) Tiên sĩ T., xin Chúa ban ơn “ (bản dịch Việt ngữ của Ủy ban Phụng tự thuộc Hội Đồng Giám mục Việt nam).

Đôi khi cả hai từ ngữ được sử dụng trong cùng một lời nguyện. Thí dụ, trong phần lễ chung của một thánh, chúng ta có lời nguyện nhập lễ như sau:

“Lạy Chúa, để dọn đường cứu độ cho phận yếu hèn của chúng con, Chúa đã ban cho chúng con gương lành và sự trợ giúp của các thánh (Sanctis tuis), xin Chúa thương cho chúng con đang kính nhớ ngày sinh nhật trên trời của thánh (beati) T., biết noi gương người mà tiến đến cùng Chúa. Chúng con cầu xin nhờ Đức Giêsu Kitô Con Chúa, ...” (bản dịch, như trên).

Xem xét các thí dụ trên và nhiều thí dụ khác nữa, chúng tôi phải kết luận rằng việc dùng từ ngữ “Chân phước” là cố ý. Có thể là các người dịch cố ý dùng các chữ đồng nghĩa để phù hợp cho mọi trường hợp. Điều này có thể tạo ra sự nhầm lẫn nhỏ lúc này lúc khác, nhưng cũng là dịp tốt để đưa ra lời giải thích các từ ngữ. Cũng cần nhớ rằng đó là văn bản đã được phê duyệt, và do đó sẽ không là chính xác để thay thế từ ngữ “Chân Phước” bằng từ ngữ “Thánh” trong khi đọc lời nguyện.

Tuy nhiên, đáng chú ý là trong phần riêng lịch các thánh, Sách lễ còn có sự tùy chọn khác. Thí dụ, ngày 21-4 chúng ta cử hành lễ thánh An-xen-mô, nếu không trùng vào Tuần Bát Nhật Phục sinh.

Lời nguyện nhập lễ của thánh lễ này là như sau: “Lạy Chúa, Chúa đã ban cho thánh (beato) giám mục An-xen-mô được ơn tìm hiểu và giảng dạy lẽ khôn ngoan siêu việt của Chúa” (bản dịch, như trên). Tuy nhiên, trong văn bản Latinh, chúng ta đọc: “Deus, qui Beato Anselmo episcopo”.

Điều này thực chất là đúng cho mọi vị thánh trong lịch phổ quát. Chữ “Chân phước” (Blessed, Beatus) luôn được dịch là

thánh. Chắc chắn rằng tất cả các vị có tên trong lịch phổ quát là Thánh, và từ ngữ “Chân phước” là không phổ biến trong bản tiếng Anh. Vì lý do này, sự lựa chọn tuân theo một luận lý nào đó.

Một sử dụng gần đây của từ ngữ “Chân Phước” là việc đưa cụm từ “Thánh (Beato) Giuse, bạn trăm năm Đức Trinh Nữ” vào các Kinh nguyện Thánh Thể II - IV. Trong trường hợp này, bản dịch được cung cấp bởi chính Tòa Thánh. Sự lựa chọn từ ngữ Chân phước Giuse thay vì từ ngữ Thánh Giuse trong tiếng Anh chắc chắn là phù hợp với sự lựa chọn trước đó, để nhắc đến các tông đồ là “Chân phước” trong Kinh nguyện Thánh Thể. Cùng một từ ngữ này đã được dịch là “Saint Joseph, Thánh Giuse” trong các bản dịch chính thức bằng tiếng Tây Ban Nha, Pháp, Ý, Bồ Đào Nha và Ba Lan. Tiếng Đức, cũng như tiếng Anh, sử dụng cùng một từ ngữ (seligen) cho Đức Maria và Thánh Giuse.

Cũng hoàn toàn có thể rằng, bất chấp các suy đoán của tôi, sự khác biệt là không quá hai đoạn được thực hiện bởi các người dịch khác nhau, và bạn đọc trên đây của chúng tôi là người đầu tiên nhận thấy sự khác biệt trong sự lựa chọn từ ngữ như vậy. (Zenit.org 15-4-2014)

66. Làm gì khi Bánh thánh rơi xuống nền nhà?

Hỏi: *Thưa cha, đâu là thủ tục đúng khi một Bánh thánh rơi xuống nền nhà, trong khi linh mục cho rước lễ? Chúng tôi đã được bảo là cứ để Bánh thánh nằm trên nền nhà cho đến khi việc rước lễ kết thúc, sau đó linh mục lấy Bánh thánh lên và đặt Bánh thánh trong một bát nước để cho Bánh thánh tan ra, sau đó đổ tất cả vào một thiết bị trong nhà thờ hoặc giếng thánh trong phòng thánh. Liệu Bánh thánh tan ra có còn là Mình Thánh Chúa Kitô nữa không? Đây có phải là một hướng dẫn mới cần được tuân giữ không? - M. B., Upper Sackville, Nova Scotia, Canada.*

Đáp: Vấn đề này được giải quyết trong Quy Chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma, số 280 :

“Nếu Bánh thánh hay phần Bánh thánh bị rơi vãi, phải kính cẩn nhặt lấy, nếu có chút Máu Thánh rớt xuống chỗ nào, thì phải rửa nơi đó bằng nước, và sau đó đổ nước ấy vào giếng thánh đặt trong phòng thánh” (Bản dịch Việt ngữ của Linh mục Phanxicô Xavier Nguyễn Chí Cần, giáo phận Nha Trang).

Không có gì nói về việc cứ để Bánh thánh trên nền nhà, và trong thực tế Bánh thánh được nhặt lên ngay, và cả hai điều này đều là do sự tôn trọng đối với Chúa, và vì sợ rằng Bánh thánh có thể bị giẫm đạp bởi các người rước lễ không thận trọng.

Cũng không có điều gì nói về việc cho Bánh thánh tan ra. Tôi có thể nói rằng, nếu Bánh thánh vẫn còn sạch sẽ, thì thừa tác viên hoặc người rước lễ cần rước trực tiếp vào miệng mình Bánh thánh này ngay.

Tiến trình cho Bánh thánh tan ra trong nước có thể được sử dụng trong các điều kiện đặc biệt, nếu một Bánh thánh đã bị bẩn trầm trọng. Sau khi Bánh thánh tan ra trong nước, nước này có thể được đổ trực tiếp xuống đất hoặc vào giếng thánh (sacrarium) trong phòng thánh - giếng thánh này trút nước trực tiếp xuống đất, chứ không vào ống cống vệ sinh.

Nước này không được đổ vào bồn xả thông thường.

Liên quan đến sự hiện diện của Chúa Kitô với, hầu hết các nhà thần học cho rằng, mặc dù Bánh thánh xem vẫn còn nguyên vẹn trong nhiều ngày, sự hiện diện thực sự của Chúa sẽ chấm dứt ngay sau khi Bánh thánh được ngâm hoàn toàn trong nước, vì từ lúc ấy hình dạng của Bánh thánh không còn là hình dạng của bánh thật sự nữa.

Tuy nhiên cần phải chờ cho Bánh thánh tan hết đã, để tôn trọng bánh đã có sự hiện diện của Chúa Kitô, và để tránh bất cứ nguy hiểm nào hoặc hình dáng của Bánh thánh bị vứt bỏ hoặc bị làm ô uế. (Zenit.org 24-5-2005)

67. Người đi lễ trễ sau bài Tin Mừng có được rước lễ không?

Hỏi: *Thưa cha, cha xứ của con đã ra quy định rằng bất cứ ai đi lễ trễ sau bài Tin Mừng thì không được rước lễ. Theo ngài, lý do là Chúa Giêsu là “Ngôi Lời đã làm người”; vì vậy chúng ta phải nhận ra Chúa Giêsu trong Lời Chúa trước khi nhận ra Chúa trong khi Rước Lễ. Tuy nhiên, một linh mục, là giáo sư phụng vụ, có ý kiến khác. Ngài nói rằng các người đến trễ trong Thánh Lễ với một lý do chính đáng (ví dụ, vì kẹt giao thông, chăm sóc con cái bị bệnh, vv...) sẽ không bị khước từ Rước lễ. Xin cha vui lòng làm sáng tỏ hơn về vấn đề này. - B. E., Kuala Lumpur, Malaysia.*

Đáp: Trước đây, chúng tôi đã trả lời câu hỏi về việc đi lễ trễ trong mục Giải đáp này vào các ngày 4 và 18-11-2003.

Lúc ấy cũng như bây giờ, tôi đồng ý với linh mục thứ hai: một người đến trễ lễ mà không do lỗi của họ thì không nên bị từ chối Rước lễ.

Tôi cũng cho là thiếu khôn ngoan khi đưa ra một qui định rào cản; tôi tiếp tục nhấn mạnh rằng các tín hữu cần tham dự trọn cả thánh lễ.

Có thể rằng một số tín hữu cho rằng bài Tin Mừng là thời điểm cuối, nên cảm thấy thoải mái khi có thói quen đến nhà thờ cho kịp bài đọc thứ hai, và như thế bảo đảm rằng Thánh Lễ ấy là “hợp lệ”.

Đúng là Thánh Lễ là một tổng thể, và chúng ta phải nhận ra Chúa Giêsu trong Lời Chúa trước khi nhận ra Chúa trong Bí Tích Thánh Thể. Nhưng điều này bao gồm toàn bộ phần Phụng Vụ Lời Chúa, chứ không chỉ Tin Mừng mà thôi.

Trong khi có một luận lý nhất định trong việc lựa chọn bài Tin Mừng như một thời điểm như vậy, các lý do đưa ra không có căn cứ đầy đủ từ quan điểm thần học, giáo luật và luân lý, để hỗ trợ một cản trở cho việc Rước lễ.

Cha xứ có bốn phận hướng dẫn và hiểu được lương tâm của các tín hữu được trao phó cho cha. Trong khi tôi không đồng ý với

đề xuất của ngài rằng bài Tin Mừng là một điểm phân giới để cho phép tín hữu Rước lễ, ít nhất tôi nhìn nhận rằng ngài đã cố gắng hết sức để thực thi nghĩa vụ thánh thiêng của mình.

Vì vậy, trách nhiệm về quyết định có nên Rước lễ hay không, trong trường hợp đặc biệt của người đến trễ, là trước tiên thuộc về cá nhân tín hữu ấy, hơn là thuộc về cha xứ, vì ngài không thể chú ý tới từng người đến trễ được.

Do đó, thật là đương nhiên cho các người đến muộn xem xét lương tâm của mình, cũng như lý do đằng sau việc đi lễ trễ của mình. Nếu lý do là bỏ bê hay lười biếng, thì tốt hơn họ nên tham dự một Thánh lễ đầy đủ khác nếu có thể được. Ngay cả các người đến trễ mà không do lỗi của họ, họ nên tham dự một Thánh lễ đầy đủ khác, mặc dù họ ít bị ràng buộc để làm như vậy trong lương tâm.

Đồng thời, có một số yếu tố khách quan cần được xem xét bên cạnh lý do đến trễ. Người nào đến sau khi đã hết phần Truyền phép, thì chắc chắn không tham dự Thánh lễ, bất chấp lý do nào cho sự chậm trễ của họ. Một người như vậy không nên rước lễ, và nếu ngày ấy là một ngày Chúa Nhật, người ấy có nghĩa vụ tham dự một Thánh Lễ khác.

Quả là đúng rằng người ta có thể Rước lễ ngoài Thánh Lễ, vì Thánh Lễ không phải là một điều kiện tiên quyết cần thiết cho việc Rước Lễ. Tuy nhiên, điều này sẽ không biện minh cho việc chỉ đến đúng giờ Rước lễ trong thánh lễ ngày thường. Và trong nghi thức Rước lễ ngoài Thánh lễ, người ta phải tham dự toàn bộ các phần trong nghi thức này, trong đó có phần Phụng Vụ Lời Chúa nữa. (Zenit.org 23-10-2007)

68. Câu kết “nhờ Đức Kitô Chúa chúng con” của lời nguyện có ý nghĩa gì?

Hỏi: Thưa cha, con có một câu hỏi về lời nguyện đầu lễ và lời nguyện sau Hiệp lễ, cả trong bản gốc Latinh và bản dịch tiếng Anh mới của Sách lễ. Trước khi có bản dịch mới, lời nguyện đầu lễ

thường kết thúc bằng các lời như “Chúng con cầu xin nhờ Đức Giêsu Kitô, Con Chúa và là Chúa chúng con. Người hằng sống và hiển trị cùng Chúa, hiệp nhất với Chúa Thánh Thần đến muôn thuở muôn đời”. Tương tự như vậy, lời nguyện sau Hiệp lễ thường kết thúc bằng “Chúng con cầu xin nhờ Đức Kitô Chúa chúng con, We ask this through Christ our Lord”, hay đại khái là vậy. Việc nhấn mạnh là dựa vào sự việc rằng lời cầu nguyện của chúng ta được dâng lên nhờ Chúa Giêsu Kitô. Tuy nhiên, trong bản dịch mới, phù hợp với bản gốc Latinh, lời nguyện đầu lễ bỏ các chữ “Chúng con cầu xin, We ask this” và thay vào đó chỉ đơn giản nói: “nhờ Đức Giêsu Kitô Chúa chúng con..., Through our Lord Jesus Christ”. Và tương tự như vậy, lời nguyện sau Hiệp lễ chỉ đơn giản kết thúc với các lời “nhờ Đức Kitô Chúa chúng con”, hoặc một cụm từ tương tự. Câu cuối cùng của các lời nguyện này có thể có ý nghĩa tương tự như trong trường hợp của bản dịch trước đây, cụ thể là chúng ta dâng lên lời nguyện nhờ Đức Kitô, Chúa chúng ta. Nhưng nó cũng có thể có nghĩa là chúng ta đang xin Thiên Chúa ban cho chúng ta các ơn nhờ Đức Kitô, Chúa chúng ta. Ví dụ, trong Lễ Chúa Giêsu chịu Phép Rửa, lời nguyện đầu lễ là “Lạy Thiên Chúa toàn năng hằng hữu, khi Đức Kitô chịu phép rửa tại sông Gio-đăng và Thánh Thần ngự xuống trên Người, Chúa đã long trọng tuyên bố Người là Con chí ái. Xin cho chúng con là đoàn nghĩa tử được tái sinh bởi nước và Thánh Thần, hằng bền vững thi hành ý Chúa. Nhờ Đức Giêsu Kitô Con Chúa, ...” (Bản dịch Việt ngữ của Ủy ban Phụng tự thuộc Hội đồng Giám Mục Việt Nam). Sự nhấn mạnh có thể là dựa vào sự việc rằng lời cầu nguyện của chúng ta được dâng lên nhờ Chúa Giêsu Kitô. Nhưng sự nhấn mạnh cũng có thể dựa vào sự việc rằng chúng ta, nhờ Đức Giêsu Kitô, đang xin Chúa Cha ban cho chúng ta ơn hằng bền vững thi hành ý Chúa. Đây là ý nghĩa chính của câu một hay câu hai của các lời giải thích trên đây, nghĩa là lời nguyện được dâng lên nhờ Chúa Giêsu, hoặc ơn được Thiên Chúa ban nhờ Chúa Giêsu ? Hoặc là có sự nhấn mạnh tương đương trong cả hai ý nghĩa? Con nhận xét rằng khả năng của sự mơ hồ này là một trong các lý do tại sao, trong cú pháp

tiếng Anh, chúng ta thường không có một câu giới từ đứng một mình như là một câu riêng. - E. H., Falls Church, Virginia, Mỹ.

Đáp: Ngoài việc chỉ là đơn giản trung thành với bản gốc Latinh, dường như các người dịch quyết định sử dụng cụm từ ít rõ ràng, một cách chính xác bởi vì câu “Nhờ Đức Kitô” tùy thuộc vào nhiều sắc thái của ý nghĩa đích thực.

Thật vậy, bản dịch tiếng Anh trước đó “Chúng con cầu xin, We ask this” dường như hạn chế ý nghĩa của lời nguyện, trong khi “sự mơ hồ”, hay đúng hơn là nhiều ý nghĩa, của câu “nhờ Đức Kitô Chúa chúng con, Through our Lord Jesus Christ” là phong phú hơn về thần học.

Một số các sắc thái của ý nghĩa đã được nhìn thấy trong Tân Ước như sau.

Ví dụ, Thư gửi tín hữu Êphêxô (Ep) nói: “Trong mọi hoàn cảnh và mọi sự, hãy nhân danh Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, mà cảm tạ Thiên Chúa là Cha (5, 20). Hoặc “Anh em có làm gì, nói gì, thì hãy làm hãy nói nhân danh Chúa Giêsu và nhờ Người mà cảm tạ Thiên Chúa Cha” (Cl 3, 17).

Câu “Nhờ Đức Giêsu Kitô” đôi khi được đưa vào lời nguyện thực tế, chẳng hạn trong phần mở đầu và kết thúc của Thư gửi tín hữu Rôma (Rm): “Trước hết, nhờ Đức Giêsu Kitô, tôi tạ ơn Thiên Chúa của tôi về tất cả anh em” (1, 8) và “Chỉ mình Thiên Chúa là Đáng khôn ngoan thượng trí. Kính dâng Người mọi vinh quang đến muôn thuở muôn đời, nhờ Đức Giêsu Kitô. Amen” (16, 27).

2 Cr 1, 20 cũng khá rõ ràng: “Quả thật, mọi lời hứa của Thiên Chúa đều là “có” nơi Người. Vì thế, cũng nhờ Người mà chúng ta hô lên”Amen” để tôn vinh Thiên Chúa”

Theo học giả phụng vụ nổi tiếng J. A. Jungmann, sự giải thích cho đoạn văn trên của thánh Phaolô là rằng “Các tín hữu trong sự thờ phượng công khai, qua tiếng thưa Amen của họ, tuyên bố là đồng ý với lời nguyện được dâng lên nhờ Chúa Kitô, bởi vì chính Ngài được Thiên Chúa ban cho chúng ta như là Đấng Cứu Độ và Đấng Trung Gian”.

Do đó, cụm từ “nhờ Đức Kitô Chúa chúng con” không chỉ tuyên bố sự đồng thuận với nội dung của lời nguyện, nhưng cũng công nhận vai trò của Chúa Kitô như Đấng trung gian giữa Thiên Chúa và con người, và thực sự Ngài là “Đấng trung gian duy nhất” (xem 1 Tm 2, 5).

Các Kitô hữu thời ban sơ đã nhận thức được khả năng trung gian của lời cầu nguyện, nhưng vai trò này thường được gán cho một thiên thần, và thiên thần này chuyển thông, có thể nói như vậy, lời cầu nguyện từ tâm hồn của con người lên cho Chúa.

Tuy nhiên, bởi vì các Kitô hữu cũng cầu nguyện với chính Chúa Kitô, ít nhất là trong riêng tư, nên không chắc rằng họ đang nghĩ đến sự trung gian theo nghĩa của sự chuyển tiếp lời cầu nguyện.

Thay vì là “một Đấng trung gian”, họ xem Ngài là Đấng Trung gian theo một cách mới. Trong một ý nghĩa, Ngài là Đấng Trung gian, vì Ngài đã giành sự cứu rỗi cho chúng ta qua các sự kiện của mầu nhiệm vượt qua của Ngài.

Trong ý nghĩa khác, vai trò trung gian của Chúa Kitô là không giới hạn vào các sự kiện lịch sử của sự cứu rỗi chúng ta, nhưng vẫn tiếp tục bởi vì Ngài sống mãi mãi với Thiên Chúa, như là đầu của Giáo Hội, Nhiệm thể của Ngài. Ngài là Đấng Bảo Trợ của chúng ta trước mặt Chúa Cha (xem 1 Ga 2, 1; Rm 8, 34). Ngài cũng là vị Thượng Tế của chúng ta, như được nhấn mạnh trong toàn Thư gửi tín hữu Hipri (Hr).

Vì vậy, đối với những người trong chúng ta được kết hợp với Ngài trong Giáo Hội của Ngài, Chúa Kitô hoạt động như một trung gian của lời cầu nguyện của chúng ta, vì Ngài hỗ trợ lời cầu nguyện của chúng ta, và ban cho nó thêm sức mạnh và hiệu quả, vốn có thể là không có nếu nó không được thông chuyển qua Ngài.

Jungmann đã nói: “Lời cầu nguyện của cá nhân nào thuộc về Chúa Kitô, thuộc về Giáo Hội của Ngài, sẽ có sự cộng hưởng đầy đủ trước mặt Chúa. Linh hồn Chúa Giêsu rung động với các lời cầu nguyện của Giáo Hội của Ngài, nghĩa là, Ngài nhận thức được lời nguyện của chính Ngài và đồng tình với các lời nguyện của tín

hữu, miễn là lời nguyện tốt lành. [...] Tương tự như vậy, các lời cầu nguyện của Giáo Hội để chúc tụng Thiên Chúa có ý nghĩa và giá trị, chỉ bởi vì Chúa Kitô là vị Thượng Tế đứng đầu và tham gia vào lời nguyện”.

Một học giả phụng vụ nổi tiếng khác, Odo Casel, bổ sung khái niệm Jungmann, mà ông xem là quá nhiều từ một góc độ hoàn toàn đạo đức. Ông nói thêm rằng câu “nhờ Đức Kitô Chúa chúng con” cũng nên được hiểu một cách vật lý: “Thiên Chúa làm Người là cốt yếu Đấng Trung gian của tất cả lời cầu nguyện, vốn diễn ra trong Chúa Kitô và trong Chúa Thánh Thần, Ngài luôn luôn hành động như là Đầu của Nhiệm Thể”.

Do đó, có nhiều sắc thái của ý nghĩa được gói gọn trong câu “nhờ Đức Kitô Chúa chúng con”, và tất cả đều có mặt mỗi khi các linh mục đọc lời nguyện, và các tín hữu hoàn thành nó với lời thưa đồng thuận Amen của họ. (Zenit.org 13-5-2014)

69. Lễ phục nào cho linh mục không đồng tế?

Hỏi: Tôi đang thắc mắc về lễ phục thích hợp cho một linh mục tham dự Thánh Lễ, nhưng không đồng tế. Tôi được biết rằng một linh mục phải mang dây các phép (stole, stola) để rước lễ. Tuy nhiên, tôi chưa bao giờ thấy điều này được viết trong các hướng dẫn phụng vụ, và vì vậy tôi không thể làm sáng tỏ các vấn đề liên quan, chẳng hạn việc linh mục phải mang áo Dòng và áo các phép (choir dress, surplice) không. Liệu có đủ chẳng khi nào ngài choàng dây các phép bên ngoài áo Dòng? Liệu dây các phép chỉ được mang cho việc rước lễ, hoặc cho bất kỳ phần nào khác của Thánh Lễ? Trong một vấn đề liên quan, lễ phục nào cho một phó tế tham dự Thánh Lễ, nhưng không phụ giúp chính thức Thánh lễ? Tôi thường xuyên gặp phải vấn đề này ở Mỹ, nơi hiện nay có nhiều phó tế vĩnh viễn trong các giáo xứ. Liệu họ phải mang dây các phép để Rước Lễ không? Ngoài ra, lễ phục nào là thích hợp cho các linh mục không đồng tế nhưng cho giáo dân rước lễ, và lễ phục

nào là thích hợp cho các phó tế không phụ giúp Thánh lễ nhưng cho giáo dân rước lễ? - B. H., Latrobe, bang Pennsylvania, Mỹ.

Đáp: Có một số quy chế tổng quát về các điểm bạn hỏi. Tuy nhiên, việc áp dụng chúng còn tùy thuộc vào tình hình cụ thể của từng cuộc cử hành.

Do đó, liên quan đến lễ phục, Quy chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma nói:

“114. [...] Các linh mục hiện diện trong cử hành Thánh Thể, nếu không vì lý do chính đáng mà vắng mặt, nên thi hành phận vụ theo chức thánh mình, và do đó mặc phẩm phục mà tham dự vào đồng tế. Nếu không, họ mặc áo các phép bên ngoài áo Dòng” (Bản dịch Việt ngữ của Linh mục Phanxicô Xavier Nguyễn Chí Cần, Giáo phận Nha Trang).

Liên quan đến vị trí của linh mục và phó tế, Quy chế cho biết thêm:

“310. [...] Cũng đặt ghế trong cung thánh cho các vị đồng tế và các linh mục hiện diện trong buổi cử hành mà không đồng tế, các vị này phải mặc áo các phép” (Bản dịch như trên).

Theo số 283, các linh mục không thể cử hành hay đồng tế Thánh Lễ cũng được rước lễ dưới hai hình.

Do đó, từ các quy chế cơ bản trên, chúng tôi có thể nói như sau:

Các linh mục nên đồng tế, nếu các vị tham dự thánh lễ.

Nếu các vị không thể đồng tế vì một lý do chính đáng (chẳng hạn, sẽ có công tác mục vụ khác, không hiểu ngôn ngữ địa phương của Thánh lễ sắp cử hành,...), thì các vị nên mang áo các phép.

Áo các phép thích hợp tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của giáo sĩ. Nếu ngài có phẩm chức của Giáo Hội, chẳng hạn như Kinh sĩ hay Đức Ông, áo các phép của ngài tuân theo một số quy tắc qui định cho phẩm chức của ngài. Nếu ngài là một tu sĩ, áo các phép tùy thuộc vào qui định riêng của Dòng. Nếu ngài không có phẩm chức, hoặc lễ phục thích hợp không có sẵn, ngài mang áo Dòng và áo các phép như là một sự thay thế.

Một áo trắng dài (alba), có hoặc không có dây các phép, sẽ thường không được xem là áo các phép trong bối cảnh này, và có thể dễ dàng gây nhầm lẫn với các vị đồng tế.

Các linh mục không đồng tế cần mặc áo các phép và đứng trong cung thánh. Lễ tất nhiên điều này tùy thuộc vào khả năng làm như vậy. Nếu cung thánh là quá nhỏ, nên dành vài băng ghế dài cho họ. Giải pháp này cũng có thể được chọn, nếu một số linh mục tham dự Thánh lễ mặc y phục giáo sĩ đơn giản.

Đối với việc sử dụng dây các phép để rước lễ: Không có quy tắc nào bắt buộc điều này, và cũng không có luật nào cấm việc này cả.

Ở nhiều nơi, có tập tục là sử dụng dây các phép, đặc biệt là vào Thứ Sáu Tuần Thánh, khi không có Thánh Lễ nào được cử hành, và tất cả linh mục rước lễ từ các Bánh thánh được truyền phép trong Thánh Lễ Tiệc Ly của Chúa vào ngày Thứ Năm Tuần Thánh.

Điều trên có thể là một tập tục phụng vụ được qui định trong một số Dòng và Tu hội, cũng như trong một số giáo phận hoặc giáo miền. Là một tập tục hợp lệ, vốn không chống lại luật nào, điều ấy có thể được tiếp tục áp dụng một cách hợp pháp.

Không có quy định cụ thể cho các phó tế không phụ giúp Thánh lễ, và không có qui định nào về lễ phục cho phó tế khi họ rước lễ. Do đó, cần nghĩ rằng phó tế rước lễ theo cách thức thông thường như giáo dân.

Tuy nhiên, có một số buổi cử hành đặc biệt, khi hoặc chữ đỏ hoặc tập tục địa phương mời gọi tất cả các phó tế có mặt tham dự lễ cử hành trong áo trắng dài và dây các phép. Trong các dịp như vậy, phó tế có thể rước lễ dưới hai hình riêng, hoặc đến bàn thờ sau các vị đồng tế và rước lễ từ vị đồng tế cuối cùng.

Phó tế luôn luôn rước lễ từ một thừa tác viên khác, và không bao giờ tự mình rước lễ theo cách thức của vị đồng tế. Việc phó tế rước Máu thánh còn sót lại trong chén thánh sau lúc rước lễ là một trường hợp khác biệt, vì thầy đã rước lễ rồi.

Cuối cùng, khi các linh mục không đồng tể hay phó tể không phụ giúp Thánh lễ, nhưng giúp cho giáo dân rước lễ, các vị có thể mặc hoặc áo trắng dài và dây các phép, hoặc áo Dòng, áo các phép và dây các phép. (Zenit.org 20-5-2014)

70. Tại sao có phiên bản ngắn và phiên bản dài cho một số bài Tin Mừng Chúa Nhật?

***Hỏi:** Thưa cha, tại sao Giáo Hội có một phiên bản ngắn và một phiên bản dài cho một số bài Tin Mừng Chúa Nhật? Hình như không có lý do cho việc này, bởi vì yếu tố thời gian hầu như không là vấn đề ở đây. Hình như đúng hơn có một động cơ chính trị nào đó: ví dụ, trong Tin Mừng Chúa Nhật 2-2-2014 (Lc 2, 22-32), phần về nữ ngôn sứ Anna có lẽ được cắt bỏ nhằm tránh xúc phạm Israel chẳng? Rồi trong Tin Mừng Chúa Nhật 16-2-2014 (Mt 5, 17-37), các câu nói về việc giữ ít nhất các điều răn, việc gọi anh em là “ngốc, khùng” (nghĩa bóng), việc móc mắt ra nếu mắt nên dịp tội, và việc nêu ra sự ly dị đều được chọn bỏ - có lẽ không phải để gia tăng tội lỗi; gợi ý bạo lực; tránh các câu hỏi lộn xộn về ly dị sao? Thưa cha, xin cha vui lòng giải thích, vì sự cắt bỏ tùy chọn này của bài Tin Mừng có thể gây khó chịu cho nhiều người. - S. F., Perrysburg, bang Ohio, Mỹ.*

Đáp: Tôi nghĩ rằng chúng ta có thể loại trừ các động cơ được cho là sửa bản văn vì lý do chính trị, và phải xem là đúng những gì đã được viết bởi các vị soạn thảo tài liệu “Giới thiệu tổng quát Sách Bài Đọc Thánh Lễ” (GILFM, của Thánh bộ Phụng tự và kỷ luật Bí tích, ngày 21-1-1981)

Về độ dài của các bài đọc, các vị soạn thảo tài liệu trên giải thích lý lẽ của họ như sau:

“75. Cần đi theo con đường trung dung, liên quan đến độ dài bài đọc. Có sự phân biệt rõ ràng giữa các trình thuật, vốn đòi hỏi việc đọc một đoạn tương đối dài nhưng thường thu hút sự chú ý của các tín hữu, và các bài văn, vốn thường là không dài do tính sâu sắc của giáo lý trong đó.

Trong trường hợp của một số bài văn khá dài, phiên bản dài và phiên bản ngắn được cung cấp cho phù hợp với các tình hình khác nhau. Việc biên tập các phiên bản ngắn đã được thực hiện một cách thận trọng.

“3) Các bài văn khó

“76. Trong các bài đọc Chúa Nhật và lễ trọng, các bài văn nào trình bày các khó khăn thật sự thường được tránh sử dụng vì lý do mục vụ. Các khó khăn ấy có thể là khách quan, trong đó chính bài văn đưa ra các vấn đề văn chương sâu sắc, phê bình hoặc có tính chất chú giải; hoặc các khó khăn có thể, ít là ở mức độ nào đó, nằm trong khả năng của tín hữu để hiểu bài văn. Nhưng không thể có sự biện minh để che giấu không cho tín hữu biết sự phong phú thiêng liêng của một số bài văn, trên cơ sở của sự khó khăn, nếu vấn đề phát sinh từ sự bất cập của việc giáo dục đạo đức mà các tín hữu phải có, hoặc từ sự bất cập của sự rèn luyện Kinh Thánh mà mỗi mục tử các linh hồn cần phải có. Một bài đọc khó thường được làm sáng tỏ bởi sự tương quan của nó với bài đọc khác trong cùng một Thánh lễ.

“4) Việc bỏ một số câu

“77. Việc bỏ một số câu trong các bài đọc lấy từ Kinh Thánh đôi lúc là truyền thống của nhiều phụng vụ, kể cả phụng vụ Rôma. Phải thừa nhận rằng việc bỏ một số câu như thế có thể không được thực hiện cách nhẹ nhàng, vì sợ làm sai lệch ý nghĩa của bản văn hoặc ý định và phong cách của Kinh Thánh. Tuy nhiên, trên nền tảng mục vụ, người ta đã quyết định tiếp tục tập tục truyền thống trong Thứ tự các bài đọc hiện nay, nhưng đồng thời đảm bảo rằng ý nghĩa chính yếu của bản văn vẫn là nguyên vẹn. Một lý do cho quyết định là rằng một số bản văn là quá dài. Cũng là cần thiết để bỏ hoàn toàn một số bài đọc có giá trị thiêng liêng cao cho các tín hữu, bởi vì các bài đọc ấy có vài câu, vốn ít hữu ích về mục vụ hoặc có liên quan đến các vấn đề khó thực sự.

“3. Nguyên tắc cần theo trong việc sử dụng thứ tự các bài đọc

“a) SỰ TỰ DO LỰA CHỌN MỘT SỐ BÀI ĐỌC

“2) Phiên bản dài và phiên bản ngắn của bài văn

“80. Một tiêu chuẩn mục vụ cũng phải hướng dẫn sự lựa chọn giữa phiên bản dài và phiên bản ngắn của bài văn. Việc xem xét chính yếu phải là năng lực của tín hữu để nghe cách hữu ích phiên bản dài hay phiên bản ngắn của bài văn; hoặc để lắng nghe trọn cả bài văn dài, vốn sẽ được giải thích qua bài giảng.

“3) Khi hai bài văn được cung cấp

“81. Khi một sự lựa chọn được cho phép giữa các bài văn tùy chọn, dù các bài này là qui định hay tùy chọn, việc xem xét đầu tiên phải là lợi ích tốt nhất cho các người tham dự. Nó có thể là một vấn đề của việc sử dụng bài văn dễ, hoặc một bài văn phù hợp hơn cho cộng đoàn, hoặc, như lợi ích mục vụ có thể đề nghị, đọc lại hay thay thế một bài văn, vốn xét là thích hợp riêng cho một buổi cử hành, hay là tùy chọn cho buổi cử hành khác.

“Vấn đề có thể phát sinh, khi người ta sợ rằng một số bài văn sẽ tạo ra khó khăn cho một cộng đoàn đặc biệt, hoặc khi cùng một bài văn ấy sẽ được lặp lại trong một vài ngày tới, chẳng hạn vào ngày Chúa Nhật và vào một ngày trong tuần sau đó”.

Vì vậy, tôi tin rằng động cơ là rõ ràng, và liên quan trước tiên đến một vấn đề là duy trì một độ dài tương tự từ một Chúa Nhật này đến một Chúa Nhật khác, và giúp duy trì sự chú ý của các tín hữu. Sự khôn ngoan của các sự lựa chọn cụ thể có thể được thảo luận và thậm chí phải cải cách, nhưng mục tiêu tổng thể của các bài đọc cung cấp giáo lý vững chắc.

Tôi nghĩ rằng chúng ta có thể bỏ qua việc xem xét sửa chữa bản văn vì lý do chính trị. Các bài của Sách bài đọc hiện nay đã được ấn định vào cuối thập niên 1960, và do đó không thể được giải thích dưới ánh sáng của các vấn đề nổi lên ở các thời kỳ sau đó. Như tài liệu “Giới thiệu tổng quát Sách Bài Đọc Thánh Lễ” nhìn nhận, một số bài văn có vấn đề đã được gác qua một bên, nhưng là do sự khó khăn giải thích trong văn mạch bài giảng, chứ không vì để tránh sự xúc phạm.

Nếu đây là trường hợp như thế, thì nhiều bản văn khác sẽ phải được cắt bỏ ra khỏi Sách bài đọc, vào các ngày không có sự lựa chọn giữa phiên bản ngắn hay phiên bản dài của bài đọc.

Tương tự như vậy, ngay cả khi có phiên bản ngắn nữa, qui định chung của việc in sách là phải luôn in cả hai phiên bản. Do đó, không linh mục nào bị giới hạn phải dùng phiên bản ngắn, và có thể giảng dựa vào phiên bản dài, nếu ngài chọn đọc phiên bản ngắn. (Zenit.org 27-5-2014)

71. Có đúng là phó tế phải quỳ lúc truyền phép?

Hỏi: *Thưa cha, trong thánh lễ, có thích đáng như thế nào cho một phó tế (một phó tế vĩnh viễn hoặc một phó tế chuyển tiếp) quỳ xuống trước bàn thờ lúc truyền phép, như các tín hữu trong cộng đoàn quỳ? - C. B., Nouan-le-Fuzelier, Pháp.*

Đáp: Giáo Hội gán một mức độ quan trọng nhất định đối với vấn đề tư thế trong phụng vụ. Quy chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma (GIRM) nói trong số 42:

“Cử chỉ và điệu bộ thân thể của vị tư tế, phó tế, các thừa tác viên, cũng như của giáo dân nhằm làm cho toàn bộ cuộc cử hành toát ra vẻ đẹp, sự thanh cao và đơn sơ, làm cho ý nghĩa thật sự và đầy đủ của các phần khác nhau được nhận thức và làm cho sự tham dự của mọi người được khuyến khích. Do đó, phải chú ý đến những gì được qui định bởi luật phụng vụ và thực hành truyền thống của Nghi Lễ Rôma, và những gì mang lại lợi ích thiêng liêng chung cho Dân Chúa hơn là ý thích riêng hay tùy tiện” (Bản dịch Việt ngữ của linh mục Phanxicô Xavier Nguyễn Chí Cần, giáo phận Nha Trang).

Các quy chế riêng về thầy phó tế có thể được tìm thấy trong phần có tiêu đề “Thánh Lễ có thầy phó tế “ trong các số GIRM 171-186.

Tư thế của thầy phó tế trong phần Kinh Nguyện Thánh Thể được quy định như sau:

“179. Trong phần kinh Tạ Ơn, thầy Phó tế đứng gần vị tư tế, phía sau một chút, để khi cần, giúp ngài mở chén, mở sách.

Từ lúc đọc kinh khấn xin Chúa Thánh Thần cho đến khi nâng chén thánh, thường thì thầy phó tế quỳ. Nếu có nhiều phó tế, một thầy sẽ bỏ hương và xông hương lúc nâng bánh thánh và chén thánh sau truyền phép.

“180. Đến vịnh tụng ca kết thúc kinh Tạ Ơn, thầy phó tế đứng cạnh vị tư tế, nâng chén thánh lên, đang khi vị tư tế nâng đĩa có Mình Thánh, cho đến khi giáo dân đã tung hô: “A-men” (Bản dịch, như trên).

Như vậy, thầy phó tế phải quỳ xuống khi linh mục truyền phép.

Tại thời điểm này, chỉ có linh mục hay các linh mục dâng hy lễ vẫn đứng. Điểm này được đề nghị, mặc dù không phải một cách rõ ràng, bởi GIRM, số 93:

“Là người trong Hội Thánh có quyền thánh chức để dâng hy lễ nhân danh Đức Kitô, bởi đó có quyền chủ tọa cộng đoàn được quy tụ, linh mục điều khiển kinh nguyện, công bố Tin Mừng cứu độ, liên kết giáo dân với ngài để dâng hy lễ lên Chúa Cha nhờ Chúa Kitô và trong Chúa Thánh Thần, trao cho anh em mình bánh hằng sống và cùng hiệp lễ với họ. Vậy khi cử hành Thánh Lễ, ngài phải phục vụ Thiên Chúa và giáo dân cách trang nghiêm và khiêm tốn; trong cách cử hành và đọc Lời Chúa, ngài còn phải cho giáo dân cảm thấy sự hiện diện sống động của Đức Kitô” (Bản dịch, như trên).

Trong thực tế, quy định của việc quỳ khi linh mục truyền phép cũng áp dụng cho một giám mục hay các linh mục khác, khi các vị tham dự thánh lễ nhưng không đồng tế.

Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là thầy phó tế luôn chọn tư thế của các tín hữu. Ví dụ, ở một số quốc gia, việc thực hành quỳ là khác nhau, như đã đề cập trong GIRM, số 43:

“Tuy nhiên, Hội Đồng Giám Mục được quyền thích nghi các cử chỉ và điệu bộ ghi trong phần Thường Lễ của Sách Lễ Rôma, sao cho phù hợp với cách cảm nghĩ của mỗi dân tộc. Nhưng cũng phải liệu sao cho phù hợp với ý nghĩa và tính chất của từng phần Thánh Lễ. Ở đâu giáo dân có thói quen quỳ suốt sau câu tung hô

Thánh Thánh Thánh cho đến hết Kinh Nguyên Thánh Thễ, và quỳ trước phần Rước lễ khi linh mục đọc *Ecce Agnus Dei*, thì đó là điều đáng khen nên duy trì” (Bản dịch, như trên).

Trong các trường hợp này, thầy phó tế giúp lễ không làm theo tư thế của các tín hữu, và chỉ quỳ trong thời gian được đề cập trong GIRM, số 179. Bởi vì nếu thầy làm như vậy, thầy sẽ không thể thực hiện một số công việc riêng của phó tế, chẳng hạn như giúp linh mục mở trang sách, và sẵn sàng cầm chén thánh vào thời điểm của Vinh tụng ca.

Cuối cùng, nếu cần thiết để lấy cát tắm đầy chén thánh, thầy phó tế làm như vậy ngay trước khi truyền phép, rồi quỳ xuống. (Zenit.org 3-6-2014)

72. Linh mục cần biết tiếng Latinh ở mức độ nào để cử hành Thánh lễ Latinh?

Hỏi: *Một số linh mục, đã chọn cử hành thánh lễ bằng tiếng Latinh trong giáo xứ mình, đã hiện diện tại một khóa học ở giáo hạt. Câu hỏi được đặt ra là: Sau một khóa học để chuẩn bị sử dụng tiếng Latinh, cần bao lâu để hiểu được những gì mình đang cầu nguyện? Câu trả lời là: không cần thiết hiểu những gì mình đọc, nhưng cần phát âm cho chính xác. Thưa cha, liệu một Thánh Lễ có là hợp lệ không, nếu vị cử hành không hiểu những gì mình đọc? - W. O., Worcester, Massachusetts, Mỹ.*

Đáp: Có lẽ có nhiều cấp độ cho câu hỏi này: vấn đề về sự hiểu biết một bản văn để chu toàn một hành vi thật sự của việc thờ phượng, và vấn đề về yêu cầu tối thiểu của sự hợp lệ.

Trong khi chủ đề này đã không được xử lý sâu rộng trong các tài liệu huấn quyền, có hai tài liệu có thể giúp chúng tôi xây dựng một câu trả lời.

Tài liệu thứ nhất, trích từ huấn thị “*Redemptionis Sacramentum*”, nói đến hình thức thông thường của thánh lễ và sự

đồng tế quốc tế. Tuy nhiên, nó cung cấp một nguyên tắc tổng quát liên quan đến sự hiểu biết một ngôn ngữ:

“113. Khi Thánh Lễ được nhiều linh mục đồng tế, Kinh Nguyện Thánh Thể phải được đọc trong ngôn ngữ mà tất cả các linh mục và dân chúng hiện diện trong buổi cử hành đều biết. Có thể xảy ra trường hợp, trong số các linh mục hiện diện, có vị không biết ngôn ngữ được dùng khi cử hành và không thể đọc các phần Kinh Nguyện Thánh Thể, dành riêng cho mình. Trong trường hợp này, các ngài không đồng tế, nhưng tốt hơn các ngài chỉ tham dự cử hành và mặc áo dành vào cung thánh, theo quy định” (Bản dịch Việt Ngữ của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam)

Tài liệu thứ hai là từ một huấn thị của Ủy ban Ecclesia Dei, vốn giám sát hình thức ngoại thường và triển khai một số qui định trong tông thư “*Summorum Pontificum*” của Đức Giáo Hoàng Biển Đức XVI. Về các yêu cầu cho linh mục, tài liệu nói:

“20 Liên quan đến vấn đề các yêu cầu cần thiết cho một linh mục đủ khả năng (*idoneus*) để cử hành thánh lễ trong hình thức ngoại thường (*forma extraordinaria*), có qui định như sau:

“a. Bất cứ linh mục Công Giáo nào không bị cản trở bởi Giáo Luật là được xem “đủ khả năng” (*idoneus*) cho việc cử hành Thánh Lễ trong hình thức ngoại thường (*forma extraordinaria*).

“b. Về việc sử dụng tiếng Latinh, một kiến thức cơ bản là cần thiết, để cho phép linh mục phát âm các từ ngữ một cách chính xác và hiểu ý nghĩa của chúng.

“c. Về kiến thức thực hiện nghi lễ, được cho là có đủ khả năng các linh mục nào tự trình diện mình thể để cử hành thánh lễ trong hình thức ngoại thường (*forma extraordinaria*), và đã từng cử hành trước đó”.

Từ hai văn bản này, chúng ta có thể thấy rằng khả năng được cho là cần thiết chính là linh mục đọc được các từ ngữ và hiểu ý nghĩa của bản văn.

Điều này có nghĩa rằng linh mục có một sự hiểu biết tổng quát về những gì ngài đọc, nhưng không cần sự hiểu biết chuyên sâu về mọi sắc thái của ngữ pháp.

Đối với hình thức thông thường, một vị đồng tế cần ít nhất phát âm chính xác các phần mà mọi vị đọc. Ngay cả khi ngài chỉ hiểu viết chút ít ngôn ngữ của lễ cử hành, ngài đã hiểu các bản văn tương tự trong tiếng mẹ đẻ của mình, và thường có thể đổi theo. Như chỉ thị nói, nếu ngài thiếu kiến thức tối thiểu này, ngài không nên đồng tế.

Bởi vì không có đồng tế trong hình thức ngoại thường, trình độ hiểu biết tiếng Latin là phải cao hơn. Ví dụ, một linh mục sẽ có thể nắm bắt ý nghĩa chung của các kinh nguyện, bài đọc và kinh tiền tụng. Ngài cũng sẽ có thể sử dụng hình thức ngữ pháp chính xác cho các yếu tố biến đổi, chẳng hạn danh tánh của giáo hoàng, giám mục và các vị thánh trong ngày.

Nếu ngài có đủ kiến thức để phát âm một cách chính xác, nhưng ít tự tin hơn đối với các yếu tố khác, thì ngài vẫn cử hành thánh lễ, bằng cách chuẩn bị trước với sự trợ giúp của một bản dịch tốt. Nếu không, tốt hơn ngài nên đợi cho đến khi ngài có một mức độ tối thiểu về tiếng Latinh.

Vì vậy, chúng tôi có thể nói rằng trong ánh sáng của các tài liệu trên đây, nhưng cũng xét đến các cuộc thảo luận vấn đề giữa các nhà thần học, chúng tôi có thể nói rằng yêu cầu tối thiểu cho một Thánh Lễ hợp lệ là sự phát âm chính xác của các lời truyền phép, cùng với một sự hiểu biết chung về ý nghĩa của chúng. Người ta giả thiết rằng sự hiểu biết đúng đắn này đã có nơi mỗi linh mục.

Ngay cả ở đây, cách phát âm chính xác là không tuyệt đối, miễn là các sai lỗi hoặc sự thiếu sự rõ ràng trong cách đọc chữ không tạo ra một ý nghĩa mới. Ví dụ, một linh mục đã có một trở ngại phát âm do bệnh tật, vẫn có thể cử hành thánh lễ hợp lệ nếu ngài biết những gì ngài đang cố gắng đọc, nhưng ngài không thể phát âm rõ nó thôi. Trong các năm cuối đời, việc phát âm Đức Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II thường khó hiểu đối với đa số, nhưng không ai nghi ngờ tính hợp lệ của thánh lễ Ngài cử hành.

Ngoài yêu cầu tối thiểu cho sự hợp lệ, phẩm giá và chất lượng của việc cử hành như là một hành vi thờ phượng đòi hỏi một

sự hiểu biết đầy đủ về ngôn ngữ của lễ cử hành. Từ quan điểm bên ngoài và mục vụ, linh mục cần đủ khả năng để công bố bản văn, không chỉ phát âm một cách chính xác, nhưng có thể nhấn mạnh và dừng chút xíu ở nơi cần nhấn mạnh và cần dừng, nhằm truyền đạt ý nghĩa của bản văn như một kinh nguyện.

Việc công bố và hiểu biết đúng đắn như thế cũng giúp linh mục và tín hữu đưa lời cầu nguyện đi vào tâm hồn mình, và cho phép nó thâm nhập và biến đổi cuộc đời của họ. (Zenit.org 10-6-2014)

73. Tượng Chịu nạn được đặt trên bàn thờ không?

Hỏi: *Thưa cha, Qui chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma (GIRM) nhắc bốn lần một tượng Chịu nạn (tượng Thánh giá, crucifix) đặt trên bàn thờ Hy tế. Liệu giờ đây tượng Chịu nạn được dự kiến đặt trên bất cứ bàn thờ nào chăng? Xin hỏi thêm: tại Mỹ, liệu các linh mục cử hành thánh lễ được phép sử dụng các bài đọc từ cuốn Revised Standard Version, phiên bản Công Giáo, thay cho cuốn New American Bible lectionary, mà nhiều người cho là một bản dịch ít văn học không? - J. M., Kansas City, Missouri, Mỹ.*

Đáp: Tôi cho rằng độc giả của chúng tôi nhắc đến bốn số sau đây của Qui chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma (GIRM):

“117. Phải có ít là một khăn trải màu trắng trên bàn thờ. Trong mọi cử hành, trên bàn thờ hoặc gần bàn thờ, phải đặt hai, hoặc bốn, hoặc sáu chân nến, có nến thấp; nếu Giám Mục giáo phận cử hành Thánh Lễ, thì đặt bảy chân nến. Đàng khác, trên bàn thờ hay gần bàn thờ phải đặt thánh giá có hình Chúa chịu nạn. Có thể mang theo chân nến và thánh giá có hình Chúa chịu nạn khi rước chủ tế vào hành lễ. Trên bàn thờ, có thể đặt sẵn một sách Tin Mừng khác với sách Bài Đọc, trừ khi sách Tin Mừng này được mang theo khi rước chủ tế vào hành lễ.

“122. Khi tới bàn thờ, vị tư tế và các thừa tác viên cúi mình sâu.

Nếu có mang thánh giá có hình Chúa chịu nạn trong khi đi rước, thì đặt thánh giá gần bàn thờ để thành thánh giá bàn thờ. Chỉ để một thánh giá thôi, nên nếu có rồi thì đem thánh giá đi rước cất đi. Đèn thì đặt trên bàn thờ hay bên cạnh; sách Tin Mừng, thì đặt trên bàn thờ.

“188. Khi tiến ra bàn thờ, thầy giúp lễ có thể mang thánh giá đi giữa hai người giúp cầm nến cháy. Khi tới bàn thờ, thầy đặt thánh giá gần bàn thờ, để thành thánh giá bàn thờ, nếu không thì đem cất vào nơi xứng đáng. Rồi thầy về chỗ của mình trong cung thánh.

“350. Trên hết, phải lưu tâm đến những gì có liên quan trực tiếp đến bàn thờ và cử hành Thánh Lễ, như thánh giá bàn thờ và thánh giá cầm khi rước kiệu” (bản dịch Việt ngữ của Linh mục Phanxicô Xavier Nguyễn Chí Cần, giáo phận Nha Trang).

Cần lưu ý rằng các số trên đây không thực sự sử dụng thuật ngữ “tượng Chịu nạn”, mặc dù điều này là rõ ràng trong các số 117 và 122.

Tài liệu này cũng cho phép tượng Chịu nạn được đặt trên bàn thờ hoặc gần bàn thờ. Không có yêu cầu nào nói rằng nó được đặt trực tiếp trên chính bàn thờ.

Điều này cũng được hiểu như thế trong tài liệu “Built of Living Stones” của Hội đồng Giám mục Mỹ liên quan đến trang trí nhà thờ:

“Tượng Chịu nạn § 91. Thánh giá có hình Chúa Kitô chịu đóng đinh là một lời nhắc nhở của mầu nhiệm vượt qua của Chúa Kitô. Nó lôi kéo chúng ta đi vào mầu nhiệm đau khổ và làm cho niềm tin của chúng tôi nên hữu hình rằng sự đau khổ của chúng ta khi kết hợp với cuộc thương khó và cái chết của Chúa Kitô dẫn chúng ta đến sự cứu chuộc. Nên có một tượng Chịu nạn 'được đặt trên bàn thờ hoặc gần bàn thờ, và ... được toàn cộng đoàn phụng vụ nhìn thấy'. Bởi vì một tượng Chịu nạn được đặt trên bàn thờ và khá lớn, cho toàn cộng đoàn phụng vụ nhìn thấy, cũng có thể gây cản

trở tâm nhìn của các hành động diễn ra trên bàn thờ, các lựa chọn thay thế khác có thể là thích hợp hơn. Tượng Chịu nạn có thể treo phía trên bàn thờ hoặc gắn trên tường cung thánh. Một tượng Chịu nạn dùng trong cuộc rước, có kích thước vừa đủ, được đặt trong một nơi có thể được mọi người nhìn thấy sau cuộc rước, là một tùy chọn tốt. Nếu tượng Chịu nạn dùng trong cuộc rước được sử dụng cho mục đích này, kích thước và trọng lượng của tượng Chịu nạn không nên gây khó khăn cho người mang thánh giá trong cuộc rước. Nếu đã có một tượng Chịu nạn trong cung thánh, tượng Chịu nạn dùng trong cuộc rước được đặt ngoài tầm nhìn của cộng đoàn sau cuộc rước”.

Do đó, có nhiều sự tùy chọn hợp lệ được cung cấp liên quan đến vị trí của tượng Chịu nạn trên bàn thờ, và luật hiện nay không ưu tiên một giải pháp nào hơn một giải pháp khác.

Người ta cũng được biết rằng trước khi trở thành Giáo hoàng, Đức Thánh Cha Biển Đức XVI ủng hộ việc sử dụng một tượng Chịu nạn khá lớn trên bàn thờ, như là một phương tiện để thiết lập điều mà Ngài gọi là một phía Đông phụng vụ, hoặc một phương tiện hướng linh mục và tín hữu về mẫu nhiệm trung tâm của sự cứu chuộc, vốn được hiện diện và biểu tượng bởi tượng Chịu nạn.

Trong triều đại giáo hoàng của Ngài, sự hiện diện của một tượng Chịu nạn lớn trên bàn thờ đã trở thành quen thuộc trong các Thánh lễ giáo hoàng, và cho đến nay đã được tiếp tục bởi Giáo Hoàng Phanxicô.

Bằng cách này, các Giáo hoàng giảng dạy thông qua gương mẫu và tập tục phụng vụ tốt. Tuy nhiên, không có sắc lệnh hoặc văn bản pháp lý nào khác được ban hành để thiết lập một sự thay đổi trong luật lệ. Vì vậy, hiện nay các Qui chế tổng quát của Sách Lễ Rôma (GIRM) vẫn duy trì tính hợp lệ và hiệu lực pháp luật.

Không luật lệ nào có thể là một sự lựa chọn có chủ ý về phía các Giáo hoàng, cũng như không có sự chấm dứt một cuộc tranh luận mở, liên quan đến tập tục tốt nhất trong lĩnh vực này, và dành chỗ cho sự uyển chuyển trong các tình hình mục vụ khác nhau.

Về câu hỏi thứ hai: Các linh mục nên tuân theo các bản văn phụng vụ đã được phê duyệt bởi Hội đồng Giám mục của mỗi quốc gia. Họ không nên sử dụng các bản văn khác đã được phê duyệt bởi Hội đồng Giám mục quốc gia khác. Một ngoại lệ là một Thánh Lễ bằng tiếng Anh ở các nước có ngôn ngữ khác. Trong trường hợp này, bất kỳ bản văn tiếng Anh nào đã được phê duyệt có thể được sử dụng. (Zenit.org 17-6-2014)

74. Nói thêm về tượng Thánh giá bàn thờ

Hỏi: Sau khi chúng tôi trả lời về tượng Thánh giá bàn thờ ngày 17-6, một độc giả người Bỉ hỏi thêm: “Nếu một nhà thờ may mắn sở hữu một chút thánh tích của Thánh Giá Thật, thánh tích này có được phép sử dụng như Thánh giá dùng cho cuộc rước không, và như là thánh giá, nó được đặt trên hay gần bàn thờ trong Thánh Lễ không?”

Đáp: Tôi có thể nói rằng đây không phải là sự thực hành tốt nhất. Các thánh tích của Thánh Giá Thật nhận một mức độ đặc biệt tôn kính, vốn có thể tạo ra sự phức tạp khi sử dụng chúng làm Thánh giá dùng cho cuộc rước và như Thánh giá bàn thờ bình thường.

Thí dụ, người ta có tập tục tôn kính thánh tích của Thánh Giá Thật với việc bái gối. Yêu cầu này sẽ làm phức tạp cho các di chuyển trong Thánh Lễ.

Tuy nhiên, sách Nghi Thức Giám Mục, số 866 và 921, cấm việc đặt các thánh tích trên bàn thờ trong cử hành Thánh Lễ, và không có ngoại lệ nào được nói đến cho thánh tích của Thánh Giá Thật.

Tôi có thể nói rằng tốt hơn nên phân biệt cuộc rước thánh tích Thánh Giá Thật với một đền thờ chứa hòm thánh tích.

Đồng thời, do lịch sử lâu dài về việc tôn kính thánh tích của Thánh Giá Thật, có thể rằng trong một số trường hợp các hòm

thánh tích hình Thánh giá có thể được dùng như là Thánh giá bàn thờ. Việc này thường diễn ra ở nơi mà Thánh giá ở trên một bàn thờ cao.

Một bạn đọc ở Ba Lan hỏi hình Chúa chịu nạn ở thánh giá bàn thờ nhìn về hướng nào.

Như chúng tôi đã viết ngày 16-5-2006, rằng hình Chúa chịu nạn nhìn về bàn thờ:

“[Một độc giả hỏi]: Dựa vào Qui chế Tổng quát Sách Lễ Rôma (GIRM), số 308: “Trên bàn thờ hay gần cạnh, phải có thánh giá có hình Chúa chịu nạn, mà giáo dân tập hợp có thể thấy rõ” (Bản dịch Việt ngữ của linh mục Phanxicô Xavier Nguyễn Chí Cần, giáo phận Nha Trang). Bởi vì sự quan tâm ở đây là làm sao cho “giáo dân tập hợp có thể thấy rõ”, cũng nên rằng một cây Thánh giá trên bàn thờ quay mặt về phía giáo dân.

“Tôi không bị thuyết phục về cách giải thích này. Việc nhắc đến hình Chúa Kitô chịu nạn trong cuốn Qui chế Tổng quát Sách Lễ Rôma mới được đưa vào, nhằm loại bỏ mọi thánh giá trần mà không có hình Chúa chịu nạn. Tôi tin rằng yêu cầu thánh giá được nhìn thấy là trên hết muốn nhắc đến chính thánh giá.

“Các chữ đỏ của sách Nghi Thức Giám Mục, được sử dụng trước các cải cách của Công đồng, đã tiên liệu khả năng của bàn thờ “hướng về giáo dân” (*versus populum*). Cuốn sách này, trong khi qui định rằng thánh giá phải được mọi người nhìn thấy, cũng quy định rằng hình Chúa chịu nạn hướng về phía bàn thờ (*cum imagine sanctissimi Crucifixi versa ad interiorem altaris faciem*).

“Một linh mục khác gợi ý rằng nên tạc thánh giá bàn thờ có hình Chúa chịu nạn ở cả hai mặt.

“Mặc dù dường như không có qui định hiện nay cấm sự thực hành này, nó đã không được cho phép trong thời kỳ ban sơ.

“Một số sách đề nghị sử dụng các hình ảnh khác về phía thánh giá hướng về giáo dân, chẳng hạn biểu tượng một con cá, hoặc hình ảnh khác của Chúa Cứu Thế, thí dụ ảnh Mục Tử Nhân Lành hay Vua các Vua.

“Về khả năng Thánh giá được nhìn thấy rõ, nhiều công nghị địa phương qui định một kích thước tối thiểu là 40 cm (16 inch) cho chiều đứng, và 22 cm (8,8 inch) cho chiều ngang, mặc dù trong thực tế Thánh giá bàn thờ thường lớn hơn.

“Một sắc lệnh của Đức Thánh Cha Biển Đức XIV (1740-1758) cũng qui định rằng một thánh giá khác là không cần thiết, nếu một cây Thánh giá lớn được vẽ hoặc điêu khắc như là một phần của bàn thờ”. (Zenit.org 1-7-2014)

75. Người Hồi giáo chia sẻ quan điểm thay cho bài giảng Thánh lễ được không?

Hỏi: Trong phụng vụ thánh của Chúa Nhật Hiện Xuống vừa qua, thay vì linh mục giảng lễ, hai giáo sĩ của nhà thờ Hồi giáo địa phương được mời đến “tham gia với chúng tôi trong lời cầu nguyện trong ánh sáng của gương Đức Thánh Cha nêu ra”. Giáo sĩ thứ nhất chia sẻ quan điểm của mình về Thiên Chúa, làm thế nào chúng ta tìm kiếm hòa bình và làm thế nào hòa bình chỉ có thể được tìm thấy trong Thiên Chúa. Ông giải thích rằng người Hồi giáo tin cùng một Thiên Chúa như các Kitô hữu, và rằng họ cũng tin “Chúa Giêsu là một ngôn sứ, như đức Mohammed cao cả”. Tiếp đến, giáo sĩ thứ hai đọc một số đoạn trích từ sách Kinh thánh Quran bằng tiếng Anh, và hát các đoạn văn ấy bằng tiếng Ả Rập. Ông cũng đọc một số đoạn nói về Đức Maria nữa. Cuối cuộc “cầu nguyện cho hòa bình,” người phụ nữ giới thiệu hai vị đã giải thích cho cộng đoàn, tôi xin trích dẫn nguyên văn, rằng “giờ đây các anh em Hồi giáo của chúng ta ra về, không tham gia hết phần Phụng Vụ Lời Chúa khi chúng ta chuẩn bị đọc Kinh Tin Kính, vốn cô lập chúng ta với họ thêm nữa”. Thừa cha, tôi không thắc mắc về việc người Hồi giáo được mời và có mặt tại Thánh Lễ của chúng ta như là người quan sát. Tôi chỉ muốn hỏi: liệu có là sự xúc phạm nặng không, khi để họ chia sẻ thay cho bài giảng, họ đọc các đoạn trong Kinh thánh Hồi giáo, và nói nhiều lần rằng họ cũng “tin

rằng Chúa Giêsu là một ngôn sứ vĩ đại”? Cá nhân tôi, tôi cảm thấy mình như là một tù nhân trong chính ngôi nhà của tôi, và cảm thấy xấu hổ vì tôi đã không có sự can đảm của các vị tử đạo tiên khởi để đứng lên và nói: “Chúa Giêsu không chỉ là một ngôn sứ nhưng là Con Thiên Chúa”. Tôi kinh hoàng khi nghe Kinh Tin Kính được nhắc đến trong nhà chúng ta như là một điểm “cô lập” chúng ta. Tôi cảm nhận rằng Kinh Tin Kính không phải là một điểm cô lập, nhưng là chân lý mà chúng ta không cần phải xin lỗi, chỉ vì chúng ta đang có các vị khách thuộc tôn giáo khác hiện diện giữa chúng ta. Tôi đã phản ứng thái quá không, thưa cha? - H. C., Orlando, Florida, Mỹ.

Đáp: Trong khi Đức Thánh Cha của chúng ta đã có nhiều bước tiến lớn, để thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau và chấp nhận nhau giữa các người khác niềm tin tôn giáo, Ngài cũng như các vị tiền nhiệm đã cố gắng hết sức, để tránh bất cứ chủ nghĩa hỗn tạp tôn giáo nào, và tôi chưa hề thấy một sự kiện nào, mà trong đó lời cầu nguyện của người ngoài Kitô giáo được đưa vào trong hành vi phụng vụ của việc thờ phượng Kitô giáo cả, hướng hồ là đưa vào một Thánh Lễ

Vì vậy, trước hết tôi nghĩ rằng việc nại đến mẫu gương của Đức Thánh Cha Phanxicô cho hành động ấy là đơn thuần không đúng.

Thứ đến, tôi không tin rằng các giáo sĩ Hồi giáo tham gia vào sự việc trên, sẽ có lần mời một thừa tác viên Kitô giáo đến chia sẻ trong một buổi cầu nguyện ngày thứ Sáu của họ, rằng Chúa Giêsu là Con Thiên Chúa và là mặc khải dứt khoát của Thiên Chúa cho con người. Khi nói như thế, tôi không chỉ trích các người Hồi giáo thiếu việc có đi có lại, nhưng chỉ đơn giản nói rằng đây là điều thống nhất theo quan điểm Hồi giáo xem, bởi vì việc cho phép Kitô hữu phát biểu như thế sẽ là tương đương với việc phủ nhận nội dung thiết yếu của Hồi giáo.

Tôi tin rằng cũng là thật rõ ràng cho một thừa tác viên Công Giáo là không thể có chỗ cho việc trình bày một tôn giáo ngoài Kitô giáo, trong bối cảnh của một nghi thức phụng vụ Kitô giáo.

Chắc chắn rằng có những lần và địa điểm, mà ở đó việc giải thích một tôn giáo ngoài Kitô giáo có thể được thực hiện với lợi ích chung, nhưng không bao giờ trong một bối cảnh phụng vụ Kitô giáo. Mọi phụng vụ Kitô giáo là một lời tuyên xưng đức tin, và việc trình bày một tôn giáo khác là phủ nhận lý do cho việc có mặt của Kitô hữu tại một hành vi thờ phượng. Trong nghĩa này, chúng ta không chỉ “bị cô lập” khỏi người Hồi giáo bởi Kinh Tin Kinh của mình, mà còn khỏi thời điểm mà chúng ta làm dấu thánh giá và tuyên xưng Thiên Chúa Ba Ngôi ở đầu Thánh Lễ nữa.

Để cho rõ ràng hơn: Mặc dù có thể và cần phải có sự tôn trọng lẫn nhau và hòa bình với nhau, xét theo quan điểm của niềm tin tôn giáo, Hồi giáo và Kitô giáo là các tôn giáo không tương thích với nhau. Tuy nhiên, có một số giá trị được chia sẻ và điểm chung của việc thực hành sống đạo, nhưng cả hai tôn giáo có các nội dung chân lý tuyệt đối riêng, vốn là loại trừ lẫn nhau. Chúng ta có thể đồng ý hay không đồng ý một cách thân thiện, nhưng phải chấp nhận rằng không có nền tảng chung trong vấn đề niềm tin trung tâm của tôn giáo. Chỉ như thế việc đối thoại hiệu quả có thể diễn ra.

Trong nghĩa này, giờ đây chúng ta có thể giải quyết các khẳng định do người Hồi giáo đưa ra trong Thánh Lễ ấy. Cả hai tôn giáo tin rằng chỉ có một Thiên Chúa, và chắc chắn rằng cả hai tôn giáo tôn thờ cùng một Thiên Chúa. Tuy nhiên, từ một quan điểm suy lý hơn, một số học giả cho rằng các khái niệm cơ bản về bản thể và các thuộc tính của Thiên Chúa không phải là luôn luôn tương thích trong cả hai tôn giáo.

Tương tự như vậy, sự khẳng định của người Hồi giáo rằng Chúa Giêsu được xem như là một ngôn sứ vĩ đại như Mohammed là thực tế vô nghĩa cho các Kitô hữu.

Xin dùng một thí dụ khác: Một Kitô hữu có thể nói với người Do Thái giáo rằng Kitô hữu xem I-sa-ia (Isaiah) là một ngôn sứ vĩ đại. Đây là một tuyên bố đúng thật. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa rằng một người Do Thái giáo có thể chấp nhận niềm tin Kitô giáo, mà các văn bản của ngôn sứ I-sa-ia đã báo trước về cuộc

đời và cái chết của Chúa Giêsu. Làm như vậy là chối bỏ đức tin Do Thái giáo.

Đối với Kitô hữu, Đức Kitô là Con Thiên Chúa và là mặc khải dứt khoát của Thiên Chúa cho con người. Một Kitô hữu không thể chấp nhận rằng Mohammed là một ngôn sứ theo nghĩa Kitô giáo, vì tất cả sứ ngôn đã chấm dứt trước khi Chúa Kitô đến, và nhất thiết phải hướng tới Ngài. Kitô giáo cũng không hề xem Kinh Thánh Hồi giáo như là Mặc khải của Thiên Chúa, bởi vì không thể có Mặc khải công khai sau thời các thánh Tông đồ nữa. Khẳng định khác đi có thể là phủ nhận một niềm tin trung tâm của đức tin chúng ta.

Cuối cùng, mặc dù có thể xem là đúng luật, bài giảng không thể được bỏ qua trong lễ trọng. Bài giảng không được thực hiện bởi ai khác ngoài một thừa tác viên có chức thánh và phải phản ánh đức tin.

Về việc này, huấn thị *Redemptionis Sacramentum* nói rõ như sau:

“64. Bài giảng, được ban bố trong cử hành Thánh Lễ và là thành phần của chính phụng vụ, “thường do chính linh mục chủ tế hay một linh mục đồng tế mà ngài nhờ đảm trách, hay đôi khi, nếu là hợp thời, cũng do một phó tế, nhưng không bao giờ do một giáo dân. Trong những trường hợp đặc biệt và có lý do chính đáng, bài giảng cũng có thể do một Giám mục hay một linh mục tham dự cử hành, dù các ngài không thể đồng tế”.

“65. Xin nhắc lại điều 767 §1 của Bộ Giáo luật đã bãi bỏ mọi quy tắc trước đây cho phép các tín hữu không có chức thánh giảng trong cử hành Thánh Thể. Quả nhiên, một việc cho phép như thế phải bị dứt khoát bác bỏ, và không tục lệ nào có thể chứng minh việc cho phép như vậy.

“66. Việc cấm giáo dân giảng trong lúc cử hành Thánh Lễ cũng liên quan đến các chủng sinh, các sinh viên thần học, đến tất cả những ai thi hành chức vụ “phụ tá mục vụ”, và đến bất cứ nhóm, phong trào, cộng đoàn hay hiệp hội giáo dân nào.

“67. Đặc biệt, phải quan tâm theo dõi bài giảng được hoàn toàn tập trung vào mâu nhiệm cứu độ, bằng cách trình bày, suốt năm phụng vụ, từ các bài đọc kinh thánh và những bản văn phụng vụ, các mâu nhiệm đức tin và các quy tắc của đời sống kitô-hữu, và bằng cách chú giải các bản văn của phần Chung hay phần Riêng của Thánh Lễ, hay nữa của nghi lễ khác của Giáo Hội. Tất nhiên là tất cả những giải thích Thánh Kinh phải hướng về Đức Kitô như là cột trụ tuyệt đỉnh của kế hoạch cứu độ ; tuy nhiên, việc đó phải được thực hiện cũng có quan tâm đến bối cảnh đặc thù của việc cử hành phụng vụ. Người giảng phải chăm lo chiếu rọi ánh sáng Đức Kitô vào các sự kiện của đời sống, mà không phải vì thế tước đi ý nghĩa chân chính và đích thật của lời Thiên Chúa, ví dụ, bằng cách chỉ dựa vào các nhận xét chính trị hay những luận chứng ngoại đạo, hay bằng cách dựa theo các quan niệm vay mượn của những phong trào tôn-giáo-giả phổ biến trong thời đại của chúng ta” (Bản dịch Việt Ngữ của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam). (Zenit.org 24-6-2014)

76. Bài giảng có cần được viết sẵn hay không?

Hỏi: Trong nhiều năm trong chủng viện, và bây giờ sắp kết thúc khóa đào tạo chủng sinh và chuẩn bị cho hoạt động tông đồ, con đã nhận thấy rằng một số linh mục, ngay cả các Giám mục, hoặc ở trong các chủng viện hay trong giáo xứ, đã viết bài giảng sẵn vào giấy, và trong Thánh lễ, họ đọc bài giảng viết sẵn. Trái lại, các vị khác không dùng bài giảng viết sẵn, nhưng giảng từ tâm hồn của mình. Con xin hỏi cha: Đây là lập trường chính thức của Giáo Hội về việc giảng lễ? Liệu bài giảng có cần được viết sẵn hay không? Có điều khoản giáo luật nào về việc này không? – A. M., Enugu, Nigeria.

Đáp: Bạn thân mến, có rất ít qui định chính thức về bài giảng. Một điều chắc là Đức Thánh Cha Phanxicô, trong Tông huấn của Ngài “*Evangelii Gaudium*” (Niềm vui của Tin Mừng), đã

bàn rộng rãi chủ đề này, và đã đề cập đến nó thường xuyên, nhất là trong các cuộc gặp gỡ với các giáo sĩ. Một số Giám mục đã nói với tôi rằng Ngài cũng đề cập đến việc giảng lễ trong các cuộc gặp riêng tư, khi các ngài có chuyến thăm chính thức Tòa Thánh “Ad Limina”, cứ năm năm một lần. Như thế, rõ ràng bài giảng là điều gì đó thân thiết với tâm hồn của Đức Thánh Cha.

Trong số các lời khuyên về chuẩn bị bài giảng, Đức Thánh Cha nói như sau trong Tông huấn của Ngài:

“156. Một số người nghĩ mình có thể là người giảng giỏi vì họ biết phải nói cái gì, nhưng họ không chú ý tới việc phải nói thế nào, nghĩa là cụ thể phải cấu tạo một bài giảng như thế nào. Họ phàn nàn khi người ta không nghe hay trân trọng họ, nhưng có lẽ họ không bao giờ chịu khó tìm cách thích hợp để trình bày sứ điệp. Chúng ta nên nhớ rằng “nội dung loan báo Tin Mừng có tầm quan trọng hiển nhiên nhưng không được làm che mờ tầm quan trọng của cách thức và phương tiện loan báo Tin Mừng”. Cũng vậy, quan tâm tới cách chúng ta giảng là một sự quan tâm thiêng liêng sâu xa. Nó bao gồm việc đáp lại tình yêu của Thiên Chúa bằng cách đặt tất cả các năng khiếu và óc sáng tạo của mình vào việc phục vụ sứ mạng Ngài đã trao cho chúng ta; đồng thời, nó chứng tỏ một tình yêu tinh tế và tích cực bằng cách từ chối không công hiến một sản phẩm có chất lượng tồi. Trong Kinh Thánh, chẳng hạn, chúng ta có thể tìm thấy những lời khuyên về cách chuẩn bị một bài giảng thế nào để có thể đến được với dân một cách hiệu quả nhất: “Hãy nói cho gọn, ít lời, nhiều ý” (Hc 32:8).

“157. Chỉ dùng một vài ví dụ, chúng ta hãy nhớ lại một số nguồn trợ giúp thực hành có thể làm bài giảng của chúng ta phong phú và hấp dẫn hơn. Một trong những điều quan trọng nhất là học cách sử dụng hình ảnh khi giảng, cách kêu gọi hình ảnh. Đôi khi các ví dụ được dùng để làm sáng tỏ một điểm nào đó, nhưng các ví dụ này thường chỉ kêu gọi trí khôn; trái lại, các hình ảnh giúp người nghe nhiều hơn trong việc quý chuộng và chấp nhận sứ điệp chúng ta muốn truyền đạt. Một hình ảnh hấp dẫn có thể làm cho người nghe cảm nếm được sứ điệp, đánh thức ước muốn và đánh

động ý chỉ hướng tới Tin Mừng. Một thầy giáo cũ từng nói với tôi, một bài giảng tốt phải có “một ý tưởng, một tình cảm, một hình ảnh”.

158. Đức Phaolô VI nói rằng “các tín hữu... mong đợi nhiều từ bài giảng, và sẽ được rất nhiều lợi ích từ bài giảng, miễn là nó đơn sơ, rõ ràng, trực tiếp và thích hợp”. Đơn sơ là về ngôn ngữ chúng ta sử dụng. Phải là ngôn ngữ người dân có thể hiểu được, bằng không chúng ta như nói vào chỗ không người. Những người giảng thuyết thường sử dụng các từ ngữ họ đã học trong thời kỳ học tập và trong các môi trường chuyên môn không nằm trong ngôn ngữ thông thường của người nghe. Các từ ngữ này thích hợp trong thần học và huấn giáo, nhưng ý nghĩa của nó thì đa số các Kitô hữu không hiểu được. Nguy cơ lớn nhất đối với một người giảng thuyết là họ quá quen với ngôn ngữ riêng của mình khiến họ nghĩ mọi người khác tất nhiên cũng hiểu và sử dụng được nó. Nếu chúng ta muốn thích nghi với ngôn ngữ của dân chúng và đem lời Chúa đến được với họ, chúng ta cần chia sẻ đời sống của họ và có sự quan tâm triu mến đối với họ. Đơn sơ và rõ ràng là hai chuyện khác nhau. Có thể chúng ta dùng ngôn ngữ đơn sơ nhưng cách giảng của chúng ta không rõ. Rốt cuộc là bài giảng khó hiểu vì nó vô tổ chức, thiếu trình tự lôgic hay cố nói đến quá nhiều điều một lúc. Vì vậy chúng ta cần bảo đảm bài giảng của chúng ta có một chủ đề thống nhất, có trật tự rõ ràng và có sự mạch lạc giữa các câu, để dân có thể dễ dàng theo một cách dễ dàng và nắm được triển lý luận của bài giảng.

“159. Tích cực là một đặc trưng nữa của một bài giảng tốt. Bài giảng tốt không quan tâm nhiều tới việc nói ra điều gì không được làm, nhưng gợi ý chúng ta có thể làm gì tốt hơn. Bất luận thể nào, nếu kêu gọi chú ý tới một điều gì tiêu cực, nó cũng phải cố gắng vạch ra một giá trị tích cực và hấp dẫn, nếu không nó sẽ bị mắc kẹt giữa những lời phàn nàn, than vãn, phê bình và trách móc. Giảng tích cực luôn luôn cống hiến hi vọng, vạch ra tương lai, không để chúng ta mắc kẹt trong tiêu cực. Tốt biết bao khi các linh mục, phó tế và giáo dân định kỳ tụ họp lại với nhau để khám phá ra

các nguồn hỗ trợ có thể giúp cho việc giảng thuyết hấp dẫn hơn!” (Bản dịch Việt ngữ của Ủy Ban Loan Báo Tin Mừng thuộc Hội Đồng Giám Mục Việt Nam).

Các lời khuyên thích hợp của Đức Thánh Cha cần được mọi người giảng thuyết thuộc nằm lòng. Tuy nhiên, Ngài không đề cập trực tiếp đến câu hỏi cụ thể của bạn đọc của chúng tôi.

Quan điểm của tôi là bài giảng nên luôn luôn được chuẩn bị tốt, trong đó có cách trình bày bài giảng nữa. Bài giảng luôn luôn phải được rao giảng từ trái tim, nhưng không nhất thiết được rao giảng bởi trái tim và thuộc lòng. Một bài giảng đọc từ giấy cũng có thể là từ trái tim.

Vì vậy, giả sử rằng bài giảng được chuẩn bị tốt, quyết định về việc có nên viết nó đầy đủ, viết vài nét chính, hoặc ghi nhận thuộc lòng trong đầu trước khi giảng, là hoàn toàn phụ thuộc vào khả năng và thiên hướng của người giảng, các nhu cầu của tín hữu, và bối cảnh đặc biệt của lễ cử hành.

Một Giám mục hay linh mục có thể lựa chọn cách viết ra và đọc bài giảng của mình, vì ngài cho rằng độ chính xác của ngôn ngữ là quan trọng trong bối cảnh nhất định, đặc biệt là nếu sau đó bài giảng được in ra.

Một số linh mục và phó tế đọc bài giảng của mình, đơn giản chỉ vì họ có trí nhớ không tốt. Một số người giảng viết ra bài giảng hoặc vài nét chính, và khi giảng là giảng thuộc lòng, nhưng thỉnh thoảng mới nhìn vào bài viết mà thôi. Sự hiện diện đơn thuần của bài giảng giải thoát họ khỏi các lo lắng về thiếu sót hoặc quên điều cần nói mà thôi.

Một số vị khác, chẳng hạn Giám mục Fulton Sheen (người Mỹ) nổi tiếng, thích không sử dụng bài giảng viết sẵn. Tuy nhiên, nên nhớ rằng hình thức này thường đòi hỏi sự chuẩn bị kỹ hơn, để mọi sự tốt đẹp trong khi giảng. Về quan điểm hùng biện, việc này có hiệu quả hơn, tạo dễ dàng cho các yếu tố khác, chẳng hạn sự giao tiếp trực tiếp với thính giả.

Cũng có những người rao giảng từ một bài viết soạn sẵn, và đã chu toàn việc tiếp xúc này, và hình thức ấy không nên được xem

trong bất kỳ cách nào là tốt thứ hai. Các Đức Thánh Cha Biển Đức và Phanxicô, với phong cách khác nhau, cả hai đều chứng tỏ hình thức này có thể là một phương pháp giảng hiệu quả nhất.

Điều thường không có hiệu quả là đọc một bài giảng chỉ đơn giản được tải về từ Internet hoặc một vài nguồn khác. Thậm chí nếu bài giảng này được đọc tốt, nó cũng thiếu chất lượng của một kết quả suy niệm cầu nguyện, sự thâm thấu sứ điệp và xác tín cá nhân trong sự thật của nó – vốn nhất thiết phải đi qua chặng đường này, nếu một bài giảng là một sự thông chuyển thật sự đức tin.

Đức Thánh Cha Phanxicô cũng minh họa điểm này như sau:

“144. Nói từ trái tim có nghĩa là trái tim chúng ta không chỉ phải bùng cháy, mà còn phải được soi sáng bởi sự sung mãn của mặc khải và bởi con đường mà lời Chúa đã đi qua trong trái tim của Hội Thánh và dân tộc trung thành của chúng ta trong suốt lịch sử. Căn tính Kitô hữu của chúng ta, như là vòng tay Cha ôm ấp chúng ta trong bí tích rửa tội, làm cho chúng ta, như những đứa con hoang đàng - và những đứa con cưng của Mẹ Maria - ao ước nhận được một vòng tay khác nữa, vòng tay của Cha nhân từ đang đợi chúng ta trong vinh quang. Giúp dân chúng cảm nhận rằng họ đang sống giữa hai vòng tay này là một nhiệm vụ khó khăn nhưng đẹp đẽ của người rao giảng Tin Mừng” (Bản dịch, như trên). (Zenit.org 1-7-2014)

77. Có được vỗ tay trong bài giảng không?

Hỏi: Các giáo dân trong nhà thờ của chúng tôi thường tự phát trong phản ứng của họ đối với bài giảng thật hay của cha giảng lễ. Đôi khi giáo dân trân trọng vỗ tay sau bài giảng, hoặc là để thông báo là họ đồng ý với linh mục, hoặc để nói lên sự đánh giá cao của họ đối với bài giảng. Tuy nhiên, có lần một tân linh mục đến dâng lễ, và điều này đã xảy ra sau khi cha giảng là rằng cha không hài lòng với việc vỗ tay không thích hợp của họ, và nhắc nhở họ rằng họ đang tham dự một Thánh Lễ, chứ không xem trình

diễn văn nghệ. Từ đó, sự tự phát của giáo dân biến mất; thỉnh thoảng, người ta mới được nghe tiếng vỗ tay, nhưng người ta buồn bã cảm nhận một sự ngập ngừng nào đó. Thưa cha, xin cha soi sáng cho chúng con về sự thích đáng của việc vỗ tay sau bài giảng. D. B., Denver, Colorado, Mỹ.

Đáp: Trước hết, đó là một dấu hiệu rất hy vọng của sự cải thiện tổng thể trong chất lượng của bài giảng, mà các tín hữu xem là đáng vỗ tay.

Sau khi đã nói như thế rồi, tôi nhìn nhận là vị linh mục trẻ đã đúng khi nói rằng, nói chung, tiếng vỗ tay là không được khuyến khích trong Thánh Lễ.

Tuy nhiên, đây không phải là một quy tắc tuyệt đối. Bài giảng của Đức Giáo Hoàng thường kết thúc với tiếng vỗ tay, và thậm chí đôi khi bị gián đoạn bởi tiếng vỗ tay kéo dài và nhiệt liệt nữa. Trong thế giới cổ đại, các bài giảng tuyệt vời, chẳng hạn như bài giảng của thành Aútinh, đã thỉnh thoảng xen kẽ với tiếng vỗ tay đánh giá cao về phía giáo dân.

Cũng có một số nền văn hóa, mà ở đó việc hoan hô hoặc vỗ tay là một dấu hiệu tự phát của sự kính trọng, và thậm chí sự bái phục nữa. Ví dụ, một số dân nước châu Phi vỗ tay trong lúc truyền phép, vì đây là cử chỉ truyền thống của họ, được tuân giữ khi nhà Vua hiện diện, và dường như là tự nhiên khi họ thực hiện việc vỗ tay như thế, để chào mừng sự hiện diện của Vua các Vua trên bàn thờ.

Vì vậy, trong khi tôn trọng các sự khác biệt văn hóa, và không loại trừ đôi khi có một loạt vỗ tay sau một bài giảng gây cảm hứng đặc biệt, tôi sẽ đồng ý rằng việc thực hành này không nên được khuyến khích hoặc thường xuyên diễn ra trong khung cảnh giáo xứ phương Tây.

Trước tiên, truyền thống phụng vụ Rôma thường tiết kiệm và giản đơn trong các sự biểu lộ cảm xúc ra bên ngoài. Điều này cũng đúng trong các nền văn hóa Công Giáo, vốn là cởi mở trong việc biểu lộ lòng đạo đức bình dân, chẳng hạn các cuộc rước kiệu ở

châu Mỹ Latinh, bán đảo Iberia và miền nam Ý, nơi mà tiếng vỗ tay, sự cổ vũ... là các nét diễn tả bình thường.

Sau bài giảng, phụng vụ đề nghị một khoảnh khắc thỉnh lặng để suy ngẫm và thâm thấu sứ điệp bài giảng. Việc vỗ tay dễ dàng phá vỡ sự tập trung, và làm cho người ta khó thu thập các suy nghĩ của mình, và khó làm cho họ tập trung vào các câu hỏi chính yếu để sống Tin Mừng.

Khi tiếng vỗ tay là không phổ biến và cũng không được chờ đợi, vị linh mục có thể chuẩn bị bài giảng với sự tự do lớn hơn, cả về đạo lý mà ngài muốn truyền tải, và cách thức tốt nhất để chuyển đạt cho giáo dân. Nói cách khác, mặc dù ngài luôn luôn cố gắng để chuẩn bị một bài giảng thật hay từ quan điểm hùng biện, việc không phải lo lắng về tiếng vỗ tay làm cho ngài ít chịu sự cám dỗ của phần đầu nhiều hơn nữa, để làm hài lòng giáo dân hơn là để hướng dẫn và khuyến khích họ hướng đến sự thánh thiện.

Việc không chờ đợi tiếng vỗ tay cũng giải phóng cả linh mục và giáo dân khỏi nguy cơ đưa ra sự so sánh tinh tế và không tinh tế giữa các linh mục với nhau. Chẳng hạn, bài giảng cha X là đúng giờ; Cha Y được hoan nghênh nhiệt liệt, trong khi rao giảng Cha Z về luân lý Kitô giáo không được vỗ tay gì cả... Lẽ tất nhiên, tôi hơi phóng đại, nhưng vấn đề là bất kỳ yếu tố nào có thể gây ra bất hòa thì nên tránh.

Phản ứng tốt nhất cho một bài giảng có ý tưởng hay và truyền đạt tốt là một quyết định, để hướng về phía trước và tăng trưởng với tư cách là Kitô hữu. Nếu điều này là thiếu, thì việc vỗ tay sau bài giảng chỉ là vu vơ.

Trong cuốn sách *“The Spirit of the Liturgy”* (Tinh thần của phụng vụ), Hồng Y Joseph Ratzinger, sau là Giáo Hoàng Biển Đức XVI, đã viết: “Bất cứ khi nào tiếng vỗ tay nổ ra trong phụng vụ, do thành quả tốt của con người, đó là một dấu hiệu chắc chắn rằng bản chất của phụng vụ đã hoàn toàn biến mất, và được thay thế bằng một thứ giải trí tôn giáo” (trang 198).

Bối cảnh nhận xét của Giáo Hoàng Biển Đức XVI là có liên quan đến việc vỗ tay, sau cái gọi là bài phụng vũ (múa phụng vụ);

nó không trực tiếp nói đến trường hợp hiện tại của việc chúng ta vỗ tay, như là một dấu hiệu của sự tôn trọng và đồng ý với sứ điệp của bài giảng. Tuy nhiên, nguyên tắc liên quan việc hoan nghênh thành quả thuần túy con người của một trong các diễn viên phụng vụ, có thể là một nguyên tắc theo kinh nghiệm, để quyết định khi nào việc vỗ tay là thích hợp hay không. (Zenit.org 20-1-2009)

78. Rước Lễ Lần Đầu, có cần trọng thể không?

***Hỏi:** Cháu gái của tôi sắp được Rước lễ Lần Đầu, và tôi được biết là cháu sẽ không cần mang áo đầm trắng truyền thống, cũng không Rước lễ chung với các em cũng sẽ Rước lễ Lần Đầu. Cha xứ nói cháu có thể tham dự bất cứ thánh lễ nào, và đi lên rước lễ bình thường. Tôi đã phản đối với cha xứ về việc này, và được cha trả lời ngắn gọn rằng áo đầm trắng là quá đắt tiền đối với một số bà mẹ. Tôi không nhắc ở đây các câu hỏi khác mà tôi đã hỏi cha xứ. Thưa cha, cha xứ có quyền làm như vậy không? – D. S., Woy Woy, Australia.*

Đáp: Có nhiều mức độ phải được giải quyết trong câu hỏi này.

Từ một quan điểm giáo luật, chúng tôi có thể nói rằng, nói đúng ra, cha xứ có quyền không tổ chức một buổi lễ Rước Lễ Lần Đầu đặc biệt. Nếu cha đoán chắc rằng đứa trẻ đã được chuẩn bị tốt đủ, và đã xưng tội lần đầu rồi, thì ngài có quyền cho phép đứa trẻ rước lễ trong bất cứ Thánh lễ nào, mà không cần trang phục đặc biệt hoặc buổi lễ đặc biệt.

Đây là một phần bởi vì, không giống như phép rửa tội hoặc phép thêm sức, việc Rước Lễ Lần Đầu không phải là một bí tích riêng biệt, nhưng là sự tham dự vào Hy lễ thánh, như là đỉnh cao của quá trình khai tâm. Trong hầu hết các Giáo Hội Đông Phương, cả ba bí tích được ban một lần cho trẻ nhỏ.

Sách Lễ không có một nghi thức đặc biệt hoặc Thánh lễ cho các em Rước Lễ Lần Đầu, khác với các Thánh lễ khác. Thực ra do tập tục ở nhiều nơi là cử hành việc Rước Lễ Lần Đầu vào các ngày

Chúa Nhật cuối tháng Tư và tháng Năm, vốn thường trùng với các ngày lễ trọng.

Đồng thời, từ một quan điểm mục vụ, việc thực hành một buổi cử hành đặc biệt cho trẻ em Rước Lễ Lần Đầu được thiết lập trong Giáo Hội Latinh, và đã chứng minh giá trị của nó trong nhiều cách. Trên hết, khi được chuẩn bị tốt, buổi lễ có thể là một kinh nghiệm rất đặc biệt trong đời sống của một đứa trẻ, và có thể nhấn mạnh tầm quan trọng của sự tham gia đầy đủ vào đời sống bí tích của Giáo Hội. Nó cũng có thể là một cơ hội tốt cho sự tái sinh thiêng liêng cho cả gia đình.

Quả là đúng rằng, khách quan mà nói, việc Rước Lễ Lần Đầu trong một thánh lễ bình thường của giáo xứ, thay vì trong một buổi cử hành đặc biệt, cũng cấu thành hành vi chất thể như nhau. Tuy nhiên, xét về chủ quan, nó dường như thiếu vài hình thức bên ngoài để nhấn mạnh tầm quan trọng của nó, ý nghĩa sâu xa của nó sẽ bị mất trên hầu hết các đứa trẻ. Phải thừa nhận rằng, các yếu tố bên ngoài không phải là trung tâm của việc chuẩn bị cho Rước Lễ Lần Đầu, vốn phải là trước tiên tín lý và tinh thần, tất nhiên phải thích ứng với trẻ bảy tuổi. Tuy vậy, chúng ta không nên bỏ qua các phương thức giúp đứa trẻ đem ý nghĩa sâu xa này về nhà.

Vì vậy, trong khi biểu lộ sự kính trọng với linh mục, trong trường hợp này thật là tốt khi báo tin cho Giám mục biết về sự thực hành mục vụ đặc biệt ấy, bởi vì Ngài có thể có một tiêu chuẩn khác vì lợi ích các linh hồn.

Tuy nhiên, linh mục quản xứ đã đưa ra ánh sáng một khó khăn mục vụ thực sự. Trong một số xã hội, các khoảnh khắc thiêng liêng bề ngoài như việc rửa tội và Rước Lễ Lần Đầu đã đôi khi biến thành các sự kiện xã hội, và làm tăng sự thi đua không lành mạnh và thiếu tinh thần Kitô giáo giữa các gia đình đang cạnh tranh cho uy thế và sự phô trương bên ngoài. Thật vậy, đôi khi một số gia đình đã cảm thấy bị áp lực trong chi phí không cần thiết và không đủ sức trong các dịp như vậy.

Một giải pháp cho vấn đề này là rất phổ biến ở Ý và một số nước khác. Giáo xứ hoặc cho thuê hoặc bán cho các bậc cha mẹ một áo trắng tiêu chuẩn dành cho các em chuẩn bị Rước Lễ Lầu Đầu. Áo thường là như nhau cho nam và nữ, mặc dù trong một số trường hợp các em gái mang thêm một dải buộc đầu màu trắng. Giải pháp này xóa bỏ mọi sự phân biệt xã hội và nhấn mạnh đến việc Rước lễ, chứ không đến các yếu tố bề ngoài.

Về dài hạn, khi giải pháp này được áp dụng, các cha mẹ sẽ ưa thích nó, vì nó giải thoát khỏi các chi phí thái quá, và cũng giúp cho phép họ tập trung vào các yếu tố chính yếu.

Đây cũng chỉ là một giải pháp khả dĩ cho một khó khăn, vốn là có thực ở một số nơi. Có thể có các giải pháp khác nữa. Thật là quan trọng để tìm ra các giải pháp khắc phục các khó khăn, trong khi vẫn duy trì và nâng cao các yếu tố chứng tỏ sự hiệu quả mục vụ của chúng.

Tuy nhiên, chúng tôi phải thừa nhận rằng các truyền thống cũ của trang phục màu trắng đặc biệt cho các trẻ em gái cũng có lợi thế của nó, đặc biệt là khi trang phục này được gìn giữ cẩn thận và sử dụng lại trong các gia đình, hoặc được đặc biệt may bởi các thành viên gia đình.

Tôi biết ít nhất một gia đình, mà trong đó vải áo cưới của mẹ sau đó được may thành áo rửa tội và áo Rước Lễ Lầu Đầu cho con cái. Đây là một cách thức tuyệt đẹp để tượng trưng cho hoa trái thiêng liêng đi kèm với hôn nhân của cha mẹ.

Các khó khăn nảy sinh khi các truyền thống như thế bị mất đi, và do đó người ta nhấn mạnh hơn đến các biểu hiện bên ngoài. (Zenit.org 15-7-2014)

79. Ban phép lành qua điện thoại được không?

Hỏi: *Thưa cha, có đúng là trong cách nào đó cầu nguyện cho một người qua điện thoại không? Người ta có thể xin một ân*

linh mục ban phép lành cho mình qua điện thoại không? - O. C., Avezzano, Ý.

Đáp: Về việc cầu nguyện, tôi thấy không có lý do tại sao là không. Nếu chúng ta có thể cầu nguyện cho ai đó từ xa, chẳng hạn như khi chúng ta lần hạt Mân cô để chỉ ý cho một người bạn hoặc người thân cần cầu nguyện, thì việc chúng ta cùng đọc với họ cách nào đó qua điện thoại hoặc các phương tiện truyền thông kỹ thuật, có thể là một phương tiện để tăng cường hiệu lực ấy từ một quan điểm chủ quan.

Trong trường hợp linh mục ban phép lành, chúng ta cần phải phân biệt một số yếu tố. Nếu việc ban phép lành là một lời cầu nguyện, tôi tin rằng một phép lành đơn giản có thể được trực tiếp chuyển qua bằng phương tiện điện tử, nếu ý định của linh mục là để cầu xin phúc lành của Thiên Chúa trên người ấy.

Có một số người không đồng ý với quan điểm này, và tin rằng một việc ban phép lành của loại này được dành riêng cho Đức Thánh Cha. Các tài liệu là rõ ràng về quyền của Giáo Hoàng để ban các phép lành như vậy, nhưng không nói gì về các trường hợp khác.

Khi Đức Thánh Cha ban phép lành "*Urbi et Orbi*", bất cứ ai nhận phép lành này qua việc truyền tải trực tiếp là thực sự được Giáo Hoàng ban phép lành, và cũng hưởng các lợi ích từ đại xá gắn liền với phép lành ấy. Phép lành của Giáo Hoàng nhất thiết gắn liền với ơn đại xá, và chỉ Ngài mới có thể ban mà thôi.

Ơn đại xá này, và cả phép lành nữa, không được nhận lãnh qua việc truyền tải trễ lại. Như 'Sách Enchiridion các Ân Xá' nói: "Ơn đại xá được ban cho tín hữu nào, không hiện diện vì lý do hợp lý khi Giáo Hoàng ban phép lành, nhưng theo dõi một cách đạo đức các nghi thức này qua truyền hình hoặc truyền thanh 'dum peraguntur', nghĩa là 'trực tiếp khi các nghi thức ấy đang được thực hiện'".

Tôi tin rằng nguyên tắc phép lành không được ghi âm cũng sẽ áp dụng cho các giáo sĩ khác, vì họ chỉ có thể ban một phép lành đơn giản qua điện thoại, máy phát thanh hoặc phương tiện khác.

Mặc dù một linh mục có quyền ban phép lành, nhưng việc ban phép lành, ngay cả trong hình thức đơn giản nhất, là một nghi thức của Giáo Hội, và các nghi thức đòi hỏi một hình thức tham gia trực tiếp nào đó.

Một phép lành được ghi âm có thể là một nguồn ân sủng, cũng giống như việc lần chuỗi Mân côi ghi âm có thể tác động chúng ta cầu nguyện. Nhưng nó không phải là một nghi thức của Giáo Hội, và trong trường hợp này, nói cho đúng, nó không đi vào phạm trù của á bí tích.

Cũng vậy, việc ban phép lành như thế không áp dụng cho các phép lành cầu thành, vốn đòi hỏi sự hiện diện thể lý của người hoặc đồ vật được ban phép lành. Các việc ban phép lành ấy chỉ liên quan đến các người làm việc ở trường học, nghề nghiệp tôn giáo... hoặc làm phép các đồ vật như chén thánh hoặc tràng hạt.

Một ngoại lệ này là rằng Đức Thánh Cha, trong một số trường hợp, có thể mở rộng ý định làm phép của mình để làm phép cho các đồ vật đạo đức, như các huy hiệu và tràng hạt qua đài phát thanh, truyền hình và Internet, cho những người theo dõi việc truyền tải trực tiếp.

Điều này không thể được coi đúng cho mọi việc truyền thanh truyền hình thánh lễ Giáo Hoàng (hiện nay thường là phổ biến trong kỷ nguyên Internet), và ý định của Ngài thường cần được nói rõ.

Trong cùng một dòng suy tư này, tôi cũng sẽ nói rằng các phép lành phụ vụ trong Sách các Phép sẽ không nhất thiết là hiệu quả như là phép lành, nếu nghi thức ngụ ý một cách tự nhiên sự hiện diện thể lý của người được chúc lành.

Tuy nhiên, các công thức tương tự có thể được sử dụng như lời cầu nguyện cho các người đang ở xa. (Zenit.org 22-7-2014)

80. Linh mục giải tội qua điện thoại được không?

Hỏi: *Thưa cha, trong một trường hợp khẩn cấp, với một*

người đang ở giữa sự bất tỉnh và hôn mê nhưng trước đó đã có ý xưng tội, liệu linh mục có thể làm phép xá giải qua điện thoại cho người ấy được không? Một linh mục về đến nhà và nhận cú điện thoại, ngài cho biết đã ban phép xá giải cho người ấy ngay lập tức, từ khoảng cách xa 6,5km (4 dặm) - Kosher?

Đáp: Ngày 22-7-2014, tôi đã trả lời về việc linh mục có được ban phép lãnh qua điện thoại không. Nay một độc giả hỏi một câu cũng liên quan đến điện thoại, tôi xin trả lời như sau. Tôi nghĩ rằng chúng ta có hai câu hỏi khác nhau. Một là liệu phép xá giải có thể ban cho một người không thể thực hiện thực biện bí tích hòa giải vì nguy cơ gần chết không. Ở đây câu trả lời là được, mặc dù người ấy cần có nỗ lực để ý thức là linh mục đang ban xá giải cho mình. Nếu có thể, tốt hơn là nên ban bí tích xúc dầu cho người ấy trong trường hợp như thế; vì bí tích xúc dầu thánh cũng có hiệu quả tha thứ tội lỗi, khi bí tích giải tội không thực hiện được.

Câu hỏi thứ hai là tế nhị hơn: liệu có thể ban phép xá giải từ xa hoặc từ điện thoại được chăng? Ở đây quan điểm chung là không thể. Tất cả các bí tích đòi hỏi một hình thức hiện diện vật lý nào đó giữa thừa tác viên và người lãnh bí tích. Ngay cả luật trừ cho hôn nhân được ủy nhiệm cũng vẫn đòi hỏi sự hiện diện cá nhân của người được ủy nhiệm. Tương tự như vậy, một việc xá giải tập thể trong trường hợp khẩn cấp đòi hỏi sự hiện diện thể lý của những người lãnh ơn tha thứ tội lỗi.

Điểm này được chứng thực trong văn kiện “Giáo Hội và mạng Internet” của Hội đồng Tòa thánh về truyền thông xã hội. Xin trích dẫn:

“Thực tại ảo không thể thay thế cho sự Hiện Diện Thật Sự của Đức Kitô trong Thánh Thể, cho thực tại bí tích của các bí tích khác, và cho việc chia sẻ thờ phượng trong một cộng đoàn nhân loại máu thịt. Không có bí tích nào trên Internet cả; và cả những cảm nghiệm tôn giáo, có thể xảy ra ở đó nhờ hồng ân của Thiên Chúa, cũng không đủ để tách biệt khỏi sự giao tiếp trong thế giới thực với những anh chị em cùng đức tin”(số 9, bản dịch Việt ngữ của G. B. Đặng Minh An, Vietcatholic).

Đoạn này chỉ cập nhật các giáo huấn trước đây. Ví dụ, việc ban xá giải qua điện báo đã được công bố là vô hiệu bởi một Ủy ban Tòa Thánh, và điều này được nói lại ngày 1-7-1884 liên quan đến điện thoại. Hầu hết các nhà thần học cho rằng một câu trả lời tiêu cực trong một trường hợp như thế là giáo huấn Công Giáo vững chắc.

Câu trả lời sẽ vẫn không thay đổi, bởi vì câu hỏi liên quan đến một người hôn mê gần chết, mà nơi người ấy ẩn tín bí tích hoặc việc xác định sự thống hối trọn vẹn của hối nhân không tham gia vào.

Câu hỏi về tính vô hiệu xoay quanh bản chất liên vị cốt yếu của các bí tích. Bí tích không phải là nghi thức ma thuật, nhưng là cuộc gặp gỡ với Chúa Kitô, mà trong đó thừa tác viên là công cụ nhân linh của cuộc gặp gỡ liên vị ấy.

Điều này không có nghĩa rằng một người trong trạng thái này bị tước mọi sự hỗ trợ thiêng liêng. Theo Bộ Giáo Luật, điều 960: “Việc thú tội cá nhân và toàn vẹn cùng với việc xá giải cấu tạo nên phương cách duy nhất và thông thường, nhờ đó người tín hữu ý thức mình có tội nặng được hòa giải với Thiên Chúa và Giáo Hội. Chỉ sự bất khả kham về thể lý hay luân lý mới chuẩn khỏi cách thú tội như vậy; trường hợp ấy, người ta có thể lãnh ơn hòa giải bằng những cách khác” (Bản dịch Việt ngữ của các Linh Mục Nguyễn Văn Phương, Phan Tấn Thành, Vũ Văn Thiện, Mai Đức Vinh).

Các phương thức như thế, chẳng hạn là một hành vi thống hối trọn vẹn (xem Điều 916), được thực hiện rõ ràng trước khi rơi vào bất tỉnh, và nhiều phương thức khác, vốn không được nói rõ trong các văn kiện Giáo Hội, nhưng Chúa làm cho chúng đạt tới hối nhân trong lòng thương xót của Ngài.

Trong ánh sáng này, chúng ta có thể nhớ lại thánh Anphong Ligouri, trong cuốn sách của ngài về dọn mình chết lành, thích thú biết bao khi trích dẫn vài câu trong sách Khôn ngoan (3,1-4): “Linh hồn người công chính ở trong tay Thiên Chúa và chẳng cực hình nào động tới được nữa. Bọn ngu si coi họ như đã chết rồi; khi họ ra đi, chúng cho là họ gặp phải điều vô phúc. Lúc họ xa rời chúng ta,

chúng tưởng là họ bị tiêu diệt, nhưng thực ra, họ đang hưởng an bình. Người đời nghĩ rằng họ đã bị trừng phạt, nhưng họ vẫn chứa chan hy vọng được trường sinh bất tử” (bản dịch Việt ngữ của Nhóm CGKPV).

Thánh Anphong nói tiếp: “Linh mục thánh Colombière chủ trương rằng thật là bất khả về luân lý khi một người sống trung thành với Chúa suốt đời lại chết một cái chết dữ. Và trước thánh nhân, thánh Âutinh đã nói: “Ai đã sống lành thì không thể chết dữ. Ai đã chuẩn bị chết thì không sợ chết, dù là đột ngột chẳng nữa” (De Disc. chr., c. 12)”. (Zenit.org 20-8-2014)

81. Câu “Xin Chúa tặng thêm điều chúng con chẳng dám cầu xin” được hiểu thế nào?

Hỏi: Nhiều người chúng con hơi bối rối với bản dịch Sách Lễ Rôma về lời nguyện nhập lễ của Chúa Nhật 27 mùa Thường niên, nhất là về ý nghĩa của câu “Xin Chúa đổ tràn trên chúng con lòng thương xót của Chúa, để tha thứ những gì lương tâm chúng con áy náy lo sợ, và tặng thêm điều chúng con chẳng dám cầu xin”. Thừa cha, ý nghĩa chính xác của “điều chúng con chẳng dám cầu xin” là gì? Người ta tự hỏi liệu đó có phải là một bản dịch chính xác của văn bản Latinh không, và nếu như vậy, câu ấy được hiểu thế nào. Con thấy rằng, lời nguyện nhập lễ này dường như ít liên quan đến các bản dịch “tương đương năng động” của một trong các lời nguyện của Chúa Nhật 27 này, trong bản dịch trước đó. - S. C., Chambersburg, Pennsylvania, Mỹ.

Đáp: Bản dịch đầy đủ của Lời nguyện nhập lễ này là: “Lạy Thiên Chúa toàn năng hằng hữu, lượng từ ái hải hà của Chúa vượt quá công phúc và ước mơ của những kẻ kêu cầu. Xin Chúa đổ tràn trên chúng con lòng thương xót của Chúa, để tha thứ những gì lương tâm chúng con áy náy lo sợ, và tặng thêm điều chúng con chẳng dám cầu xin. Chúng cầu xin nhờ Đức Giêsu Kitô con Chúa là Thiên Chúa và là Chúa chúng con, người hằng sống và hiển trị

cùng Chúa, hiệp nhất với Chúa Thánh Thần đến muôn đời” (Bản dịch Việt ngữ của Ủy ban Phụng tự thuộc Hội Đồng Giám mục Việt Nam).

Lời nguyện này là rất cổ xưa và được tìm thấy ở hầu hết các bản thảo đầu tiên của Lễ Rôma, mặc dù vào các ngày Chúa Nhật và các mùa khác nhau.

Bản gốc Latinh của lời nguyện này là: “*Omnipotens sempiternus Deus qui abundantia pietatis tuae et merita supplicum excedis et vota; effunde super nos misericordiam tuam, ut dimittas quae conscientia metuit, et adicias quod oratio non praesumit...*”.

Mỗi quan tâm của bạn đọc này bắt nguồn từ cách dịch câu “*quod oratio non praesumit*”.

Bởi vì lời nguyện này cũng được Anh giáo sử dụng trong cuốn “Sách Kinh Anh giáo” (the Book of Common Prayer), nó có nhiều bản dịch theo thời gian. Năm 1549, nó được dịch là “xin ban điều chúng con chẳng dám cầu xin”. Năm 1662, bản dịch trở thành “xin ban cho chúng con những điều tốt lành mà chúng con không xứng đáng cầu xin, nhưng nhờ công nghiệp và trung gian của Chúa Giêsu Kitô...” Bản dịch thứ hai này đi hơi xa bản gốc Latinh một chút.

Bản dịch của ‘Ủy ban Quốc tế về bản dịch tiếng Anh trong phụng vụ’ (ICEL) năm 1973 là ít giống với bản gốc Latinh: “Lạy Cha, tình yêu của Cha vượt quá tất cả các hy vọng và mong ước của chúng con. Xin tha thứ mọi thiếu sót của chúng con, xin giữ chúng con trong an bình của Cha, và dẫn chúng con vào con đường cứu độ...”

Vì vậy, bản dịch này chắc chắn không là một bản dịch chính xác, mặc dù người ta có thể lập luận rằng Phiên bản Anh giáo năm 1549 (“chẳng dám cầu xin”) nắm bắt tốt hơn ý nghĩa ban đầu.

Về việc giải thích, chúng tôi phải suy tư rằng lời kinh phụng vụ là một trường cầu nguyện đích thực cho mọi người Công Giáo, nhưng được soạn thảo trong đặc tính súc tích của truyền thống Rôma. Lời nguyện trên chắc chắn là hoa quả của việc suy niệm sâu lắng và kinh nghiệm trong đời sống thiêng liêng, và việc rút ra ý

nghĩa đầy đủ của nó cũng có thể là kết quả của sự suy tư thân tình và kinh nghiệm cá nhân trong cách thức cầu nguyện.

Trước hết, lời nguyện nhắc nhở rằng sự tiến bộ đường thiêng liêng là chủ yếu sáng kiến của Thiên Chúa; sự dồi dào tình thương mến của Chúa “vượt quá các công nghiệp và ước muốn của những người cầu xin Chúa”. Sự siêu vượt của Chúa là chìa khóa giải thích cho hai lời khẩn cầu trên.

“Xin tha thứ những gì lương tâm chúng con áy náy lo sợ”. Tất cả chúng ta có thể có các lĩnh vực mà chúng ta không nhìn vào thật sát sao – đó là các điều về bản thân mà chúng ta thấy khó đối mặt. Tuy nhiên, chúng ta có thể xin Thiên Chúa tha thứ ngay cả các khía cạnh đau đớn của cuộc đời chúng ta, và bởi vì Chúa vượt quá các công nghiệp và ước muốn của chúng ta, Chúa sẽ dìu dắt chúng ta để cuối cùng chúng ta thách thức chúng và thắng vượt chúng.

“Xin tặng thêm điều chúng con chẳng dám cầu xin”. Về mặt thuyết, không có điều gì tốt mà chúng ta không thể cầu xin khi cầu nguyện. Tuy nhiên, đời sống con người không được sống trong lý thuyết.

Thánh Âutinh vật lộn rất nhiều với các dục vọng của ngài, và ngài cầu nguyện để sống khiết tịnh và tiết dục...”nhưng chưa được"! Cuối cùng, ngài qui phục Chúa qua ân sủng Chúa.

Nhiều linh hồn không dám cầu nguyện cho đủ thứ chuyện, chẳng hạn, cho ơn đi theo một ơn gọi, cho ơn từ bỏ một số tật xấu nguy hiểm, cho ơn phục tùng ý Chúa trong mọi sự. Chúng ta không dám cầu xin bởi vì chúng ta lo sợ rằng Chúa có thể thực sự đáp trả lời cầu xin của chúng ta. Một lần nữa, lòng thương xót của Chúa vượt quá các ước muốn và công nghiệp của những ai kêu xin Chúa.

Thật là táo bạo để nghĩ rằng tôi đã nói hết mọi khả năng của lời cầu xin ngắn gọn nhưng tuyệt vời này, vì vậy tôi dành phần cho bạn đọc của chúng tôi khám phá sự phong phú mà phụng vụ đã cung cấp. (Zenit.org 29-7-2014)

82. *Linh mục rước lễ trước hay sau các tín hữu?*

Hỏi: *Thưa cha, giáo xứ con đang dùng một điều gọi là “mô hình phục vụ” trong việc Rước lễ. Đó là linh mục và các thừa tác viên Thánh thể sẽ rước Mình và Máu Thánh Chúa, sau khi giáo dân đã rước lễ xong. Linh mục nói rằng điều này là đúng hơn với cách thức Chúa Kitô cử hành Bữa Tiệc Ly, và đó là việc mà một người chủ nhà lịch sự và hiếu khách sẽ làm, khi mời khách đến nhà mình dùng bữa. Linh mục cũng nói rằng Công đồng Vatican II chỉ “nồng nhiệt và thương yêu” (SC #55) đề nghị sự thực hành về việc các linh mục rước lễ trước; và trong khi huấn thị *Redemptionis Sacramentum* đề cập đến nó như là một sự vi phạm, huấn thị không liệt kê nó là một lạm dụng nghiêm trọng, vốn cần phải được sửa chữa ngay lập tức. Con nghĩ rằng “mô hình phục vụ” này không phải là hoàn hảo, do bản chất hiến tế của Thánh lễ. Liệu việc rước lễ của linh mục là khác trong mục đích và bản chất so với việc rước lễ của giáo dân không? -M. B., Columbia, Maryland, Mỹ.*

Đáp: Trước tiên, hãy để cho tôi nói rằng “mô hình phục vụ” đích thực là rằng các thừa tác viên phục vụ giáo dân, bằng cách cung cấp cho họ phụng vụ của Giáo Hội, như Giáo Hội đã thiết lập. Nói thêm hay nói bớt điều này, và gọi đó là sự phục vụ, thì chỉ là một phát minh rỗng. Tôi chắc chắn rằng một số thừa tác viên có thể là hành động trong đức tin tốt, nhưng đây là một hành động đáng tiếc, và dường như không sản sinh hoa trái tốt.

Bản văn của Hiến chế *Sacrosanctum Concilium* về phụng vụ, số 55, nói: “Rất đáng khuyến khích các tín hữu tham dự Thánh Lễ cách toàn hảo hơn, bằng cách, sau khi linh mục rước lễ, họ cũng lãnh nhận Mình Chúa trong cùng một Hy Lễ đó” (Bản dịch Việt ngữ của Giáo Hoàng Học viện Thánh Piô X Đà Lạt)

Bản văn này không nói thêm gì với lời khuyên giáo dân rước lễ sau linh mục. Đây chỉ đơn giản là một sự việc giả định. Điểm được văn kiện Công đồng nói chỉ đề xuất rằng các tín hữu rước Mình Thánh Chúa được truyền phép trong cùng một thánh lễ, và không chỉ đơn giản rước Mình Thánh được lưu giữ trong nhà tạm.

Việc dùng bản văn này để bênh vực sự lạm dụng nói trên là ít là một lạm dụng nước đôi, và là một nguy hiểm yếu.

Đó là một sự bênh vực kỳ lạ cho một giáo xứ Công Giáo, khi cố ý chấp nhận một thực tế bất hợp pháp, bởi vì nó không được liệt kê như là một lạm dụng nghiêm trọng. Không nên có sự lạm dụng cố ý nào tại bất kỳ giáo xứ Công Giáo nào xứng với danh xưng của mình.

Nếu vấn đề đã không được rõ ràng, Tòa Thánh đã có các bước đi gần đây để làm rõ thêm nữa. Trong một “*Responsa ad Dubia Proposta*” (Trả lời cho một sự hồ nghi) chính thức, Thánh bộ Phụng tự và Kỷ luật Bí tích đã trả lời câu hỏi như sau. Chúng tôi cung cấp ở đây một bản dịch gần đúng với bản gốc Latinh chính thức, được công bố trong *Notitiae* 45 (năm 2009), trang 242-243:

“Liệu có là hợp lệ khi linh mục cử hành Thánh lễ rước lễ, sau lúc toàn thể giáo dân đã rước lễ xong, hoặc khi cho giáo dân rước lễ và rước lễ cùng lúc với họ không?”

“Trả lời: Cả hai đều không hợp lệ”.

Sau câu trả lời chính thức, có một lời giải thích ngắn gọn cho lý do đằng sau nó. Tóm tắt lập luận này là:

Tất cả các nghi thức truyền thống và sẵn có của Giáo Hội tiên liệu rằng Giám mục hoặc linh mục rước lễ trước tiên. Sau khi vị cử hành đã rước lễ, các thừa tác viên khác tùy theo phẩm chức của mình lần lượt rước lễ, và sau đó đến giáo dân.

Linh mục rước lễ trước tiên, không phải vì một phép xã giao của con người, nhưng là do phẩm chức và bản chất của thừa tác vụ của ngài. Ngài hành động nhân danh Chúa Kitô, vì mục đích sự toàn vẹn của bí tích, và vì ngài chủ tọa buổi cử hành với sự tham dự của giáo dân: “Nhu vậy, trong khi liên kết với hành động của Chúa Kitô Linh Mục, hằng ngày các Linh Mục tự hiến toàn thân cho Chúa, và trong khi được Mình Chúa Kitô nuôi dưỡng, tự thâm tâm mình, các ngài tham dự vào tình yêu của Đấng đã tự hiến làm lương thực nuôi các tín hữu” (*Presbyterorum Ordinis*, số 13, Bản dịch Việt ngữ của Giáo Hoàng Học viện Thánh Piô X Đà Lạt).

Cả Sách lễ hiện nay và hình thức ngoại thường đều nói là linh mục rước lễ trước, mặc dầu có vài sự thay đổi trong các công thức và thứ tự của các nghi thức.

Cuối cùng, bản văn nhắc lại qui định chính xác của huấn thị *Redemptionis Sacramentum*, số 97: “Mỗi khi linh mục cử hành Thánh Lễ, ngài phải rước lễ tại bàn thờ, vào lúc do Sách Lễ ấn định. Ngược lại, các vị đồng tế phải rước lễ trước khi đi trao Mình Thánh Chúa. Linh mục chủ tế hay đồng tế không bao giờ đợi dân chúng rước lễ xong để mình mới rước lễ (Bản dịch Việt Ngữ của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam).

Thật khó có bản văn nào là rõ ràng hơn thế nữa. (Zenit.org 3-12-2009)

83. Một linh mục đồng tế có thể chụp ảnh trong Thánh lễ không?

Hỏi: Trong một lễ truyền chức linh mục, tôi thấy một linh mục đồng tế rời khỏi bàn thờ. Ngài cầm lấy máy ảnh và chụp ảnh (không phải một lần, mà là nhiều lần). Có lẽ Giám mục không để ý việc linh mục chụp ảnh, nhưng điều ấy làm cho tôi khó chịu và bối rối. Đây có phải là một vấn đề của luật hoặc quy định phụng vụ không; là sự vi phạm luật chẳng; hay là cái gì khác chẳng? Đối với tôi, việc chụp ảnh như thế là không phải chỗ và không thích hợp. Nhưng nếu cha trả lời là được, thì tôi có thể bỏ qua ngay. - J. P., Illinois, Mỹ.

Đáp: Trong số vài tài liệu đề cập đến chủ đề chụp ảnh trong Thánh lễ, có huấn thị “*Eucharisticum Mysterium*” (Mầu nhiệm Thánh thể) ngày 25-5-1967 do Thánh Bộ Nghi lễ công bố. Số 23 của huấn thị nói ngắn về chủ đề này:

“Hãy hết sức chăm lo để bảo đảm rằng việc cử hành phụng vụ, nhất là Thánh lễ, không bị gây lộn xộn hoặc bị gián đoạn bằng việc chụp ảnh. Trường hợp có một lý do chính đáng để chụp ảnh, thì phải kín đáo hết sức, và phải tuân theo các qui định do Đấng Bản quyền địa phương đặt ra”.

Do việc xây dựng tiêu chuẩn và hướng dẫn chính xác thuộc về Đấng Bản quyền địa phương, nhiều giáo phận đã ban hành các chỉ thị, đặc biệt liên quan đến đám cưới, lễ rửa tội và các dịp tương tự, nơi mà người chụp ảnh và người quay phim có thể dễ dàng thoát khỏi sự kiểm soát.

Không ngạc nhiên, khi không ai đề cập đến việc linh mục đồng tế chụp ảnh, vì lý do đơn giản là chưa ai nghĩ tới khả năng này cả.

Một linh mục đồng tế chụp ảnh là rõ ràng vi phạm qui định về cản trở và làm gián đoạn Thánh lễ, - trong trường hợp này là Thánh lễ mà chính ngài đang cử hành nữa. Sự việc ngài là một linh mục đồng tế không hề cắt đi điều gì khỏi sự việc rằng Thánh lễ đòi hỏi sự chú ý đầy đủ và không phân chia của ngài.

Điều này cũng có thể được nói cho các tình huống khác, mà trong đó linh mục tham gia vào các hoạt động làm cho ngài chia trí trong Thánh lễ. Chẳng hạn đã một lần tôi nhìn thấy một linh mục ca trưởng mang dây các phép để tham dự Kinh nguyện Thánh Thể và cố gắng đồng tế từ bục ca đoàn, đây là việc thực hành rất đáng ngờ về tính hiệu lực.

Đôi khi việc đồng tế quá đông linh mục có hiệu quả bất lợi cho nhiều linh mục chúng ta, dẫn đến một sự quên lãng nào đó rằng chúng ta là ai và chúng ta đang làm gì. Thêm vào đó, máy ảnh kỹ thuật số phổ biến đã làm cho việc chụp nhiều ảnh gần như là một phản ứng phản xạ.

Theo kinh nghiệm, một linh mục đừng làm điều gì khác ngoài những gì ngài phải làm khi một mình cử hành Thánh lễ với cộng đoàn.

Tôi hy vọng là không linh mục nào lấy máy ảnh hoặc điện thoại đi động ra trong Thánh lễ Chúa Nhật của Giáo xứ, và bắt đầu chụp ảnh cả. Nếu điều này là xem ra lố bịch, thì việc chụp ảnh khi đang đồng tế Thánh lễ cũng là không kém lố bịch.

Với sự dễ dàng hiện nay trong việc chuyển gửi ảnh kỹ thuật số, thì cũng dễ dàng chỉ định các người chụp ảnh trong các dịp đặc

biệt, chẳng hạn lễ truyền chức thánh, và làm cho ảnh chụp được tự do chuyển đến những ai cần có chúng. (Zenit.org 15-6-2010)

84. Phải truyền phép cả bánh và rượu cho Thánh lễ

Hỏi: *Nếu trong phần truyền phép, sau khi truyền phép bánh xong, linh mục qua đời hoặc quên truyền phép rượu, liệu chúng con có Thánh lễ hiệu lực hay không? Con biết rằng bánh lễ đã truyền phép là Mình Chúa Kitô. Thừa cha, liệu việc truyền phép rượu tuyệt đối cần thiết cho một Thánh lễ thành sự không? -G. D., Chicago, Mỹ.*

Đáp: Tôi xin trả lời, một phần dựa vào sách giáo khoa thần học luân lý và mục vụ của linh mục Henry Davis, Dòng Tên (SJ), xuất bản năm 1935.

Trung tâm của câu trả lời liên quan đến sự gián đoạn của Thánh lễ là:

“Khi một linh mục buộc phải gián đoạn Thánh lễ do bệnh tật hoặc một lý do nghiêm trọng khác, sau khi ngài đã truyền phép một hay hai hình (bánh và rượu) - và dường như ngài không thể phục hồi sức khỏe trong vòng một giờ - thì buộc Thánh lễ phải được tiếp tục cử hành bởi một linh mục khác.

“Trong trường hợp khẩn cấp nghiêm trọng, ngay cả một linh mục đã bị vạ tuyệt thông, bị huyền chức hoặc vì lý do bất thường khác, có thể hoàn thành Thánh Lễ này.

“Nếu vị linh mục đầu tiên có thể nói năng được, ngài có thể rước lễ từ hai hình đã được truyền phép trong Thánh Lễ

“Nếu không có linh mục nào ngay tại đó, các Mình thánh và chén rượu (dù chưa được truyền phép) nên được đặt trong nhà tạm, cho đến khi một linh mục đến để hoàn tất Thánh Lễ.

“Khoảng thời gian giữa hai lần truyền phép có thể kéo dài bao lâu cũng được, nhưng nên càng sớm càng tốt.

“Nếu rượu chưa truyền phép bị hỏng, hoặc chắc chắn sẽ bị hỏng, trước khi một linh mục đến để truyền phép rượu, thì rượu ấy nên được đổ vào giếng thánh, và được thay thế bằng rượu mới (và thay cả nước nữa), trước khi linh mục đến.

“Chỉ trong các trường hợp rất hiếm và rất khẩn cấp, các hình đã được truyền phép của một Thánh lễ gián đoạn có thể được tiêu thụ ngay. Chẳng hạn nguy cơ gần của sự xúc phạm Mình Máu Thánh, hoặc sự bất khả khách quan để bảo quản an toàn Mình Máu Thánh, như trong điều kiện chiến tranh, hoặc một khí hậu mà rượu vang sẽ chắc chắn bị hỏng, trước khi một linh mục có thể đến để hoàn thành Thánh Lễ.

“Nếu sự gián đoạn xảy ra trước khi truyền phép, mà không có linh mục khác tiếp tục cử hành Thánh lễ, và không có Thánh lễ nào khác vào khoảng thời gian ấy, thì một phó tế, một thầy có chức giúp lễ, hoặc một thừa tác viên ngoại thường có thể lấy Mình Thánh từ nhà tạm, và cho giáo dân rước lễ, trong khi sử dụng Nghi thức Rước lễ ngoài Thánh lễ.

“Nếu sự gián đoạn xảy ra sau khi linh mục đã rước lễ, các thừa tác viên trên đây sẽ cho giáo dân rước lễ trong khi dùng Nghi thức như trên”.

Từ những gì đã được nói ở trên, thật là rõ ràng rằng việc truyền phép rượu là tuyệt đối cần thiết cho một Thánh lễ thành sự. Và việc linh mục rước lễ là cần thiết cho sự đầy đủ của nó, như là một dấu hiệu của hy tế. Quả là đúng rằng Chúa Kitô thực sự hiện diện trong các Bánh Thánh ngay sau lúc truyền phép bánh, nhưng hy tế của Thánh lễ đòi hỏi truyền phép cả hai hình bánh và rượu.

Nếu một linh mục quên truyền phép rượu trong chén thánh, và sau đó ngài cho giáo dân rước lễ với các Bánh thánh này, họ vẫn rước Mình Chúa Kitô, nhưng nói cho chặt chẽ, họ đã không tham dự vào hy tế của Thánh Lễ. Thậm chí việc này cũng không giống như việc rước lễ ngoài Thánh lễ, bởi vì Bánh thánh mà họ rước như thế này là kết quả của một hy tế trọn vẹn.

Nếu điều này xảy ra (linh mục quên truyền phép rượu), thì phó tế, thầy có chức giúp lễ, hoặc bất cứ ai khác cần nói ngay với

linh mục rằng ngài chưa truyền phép rượu. Linh mục sẽ dùng Kinh nguyện Thánh thể, và truyền phép rượu, trước khi tiếp tục phần còn lại của Kinh nguyện Thánh Thể. Tốt hơn, ngài nên đọc lại phần thứ hai của Kinh Nguyện Thánh Thể, vì các lời nguyện chỉ có ý nghĩa trong sự hiện diện của hy tế đầy đủ. Nếu ngài phát hiện trễ hơn, chẳng hạn trước khi rước lễ, ngài chỉ cần đọc lại lời truyền phép.

Nếu xảy ra trường hợp là linh mục được cho biết là ngài quên truyền phép rượu, sau khi Thánh lễ đã hoàn tất, ngài nên hoàn tất cách riêng tư hy lễ, bằng cách rót rượu và nước vào chén thánh, truyền phép rượu và sau đó uống *Máu Thánh (Sanguis)*.

Các nguyên tắc cơ bản này có thể được áp dụng trong tình huống ít xảy ra hơn, đó là khi linh mục trực tiếp truyền phép rượu trước, mà bỏ qua (do quên) truyền phép bánh. Sự thay đổi trong thứ tự truyền phép sẽ không làm mất hiệu lực Thánh Lễ.

Không cần phải nói, các sự lơ đãng như thế hầu như không bao giờ đáng xảy ra, nhưng bản tính con người yếu đuối - và con người linh mục cũng không là ngoại lệ - có nhiều sự bất toàn và hạn chế. Vì thế, các chuyện như trên đã xảy ra rồi. (Zenit.org 22-6-2010)

85. Các tín hữu có buộc làm dấu Thánh giá kép trước bài Tin Mừng không?

Hỏi: *Mới đây tôi đã nghe rằng một số cộng đoàn tu sĩ, chẳng hạn Dòng Cát Minh, không làm dấu Thánh giá kép trên trán, trên miệng và trên ngực khi thưa lời “Lạy Chúa, vinh danh Chúa, Gloria tibi, Domine”, trước khi nghe đọc bài Tin Mừng trong Thánh lễ. Lý do là luật Dòng của họ xuất hiện trước khi người ta đưa việc làm dấu thánh giá vào phụng vụ. Trong luật chữ đỏ hiện nay của Novus Ordo, chỉ có linh mục hay thầy phó tế, bất cứ ai tuyên đọc Tin Mừng, được hướng dẫn làm dấu Thánh giá mà thôi. Quy chế Tổng quát Sách lễ Rôma (GIRM) chỉ nhắc đến việc làm dấu Thánh giá ở ba số: số 134, khi một linh mục cử hành*

Thánh lễ mà không có thầy phó tế, hướng dẫn các tín hữu làm dấu Thánh giá. Số 175, khi một phó tế tuyên đọc Tin Mừng, không hướng dẫn các tín hữu làm dấu Thánh giá. Số 262, khi linh mục cử hành Thánh lễ chỉ có một người giúp, không nhắc đến việc làm dấu Thánh giá. Yếu tố cuối cùng của câu khó này: các từ ngữ mà chúng con được dạy nói kèm theo cử chỉ (ngoài chữ “Gloria tibi, Domine”) là “Xin cho lời Tin Mừng ở trong tâm trí con, trên môi con, và trong trái tim con”. Các chữ ở giữa, “trên môi con”, có vẻ thích hợp về phụng vụ cho thừa tác viên công bố Tin Mừng, nhưng liệu nó có thích hợp về phụng vụ cho cộng đoàn không? Liệu sự qui chiếu không là vào tai của các người nghe Tin Mừng sao? Liệu cử chỉ làm dấu Thánh giá này có là cần thiết cho cộng đoàn không, nếu không, tại sao chúng ta lại làm? - T. D., Madison, bang Wisconsin, Mỹ.

Đáp: Trong khi tôi không thể xác nhận từ sự hiểu biết riêng của mình về sự thực hành của các tu sĩ Cát Minh. Không có gì là bất thường khi các Dòng tu cổ có vài tập tục phụng vụ hợp pháp, vốn là khác với sự thực hành chung.

Như bạn đọc của chúng ta nêu ra, số 134 của Qui chế Tổng quát Sách lễ Rôma nhắc rằng các tín hữu làm dấu Thánh giá cùng với linh mục. Xin trích dẫn:

“134. Tại giảng đài, vị tư tế mở sách và chấp tay đọc: “Chúa ở cùng anh chị em, Dominus vobiscum”, dân chúng đáp: “Và ở cùng Cha, Et cum spiritu tuo”, vị tư tế đọc tiếp: “Tin Mừng Chúa Giêsu Kitô, Lectio sancti Evangelii.”, đưa ngón tay cái làm dấu trên sách và trên mình, nơi trán, miệng và ngực, mọi người khác cũng làm như thế. Dân chúng tung hô nói: “Lạy Chúa, vinh danh Chúa, Gloria tibi, Domine “. Rồi vị tư tế xông hương sách Tin Mừng, nếu có xông hương (x. các số 277-278). Sau đó, vị tư tế công bố bài Tin Mừng, và cuối bài thì tung hô: “Đó là Lời Chúa, Verbum Domini “, dân chúng đáp: “Lạy Chúa Kitô, ngợi khen Chúa, Laus tibi, Christe”. Vị tư tế hôn sách và đọc thầm: “Nhờ những lời Tin Mừng vừa đọc, Per evangelica dicta “ (Bản dịch Việt

ngũ của linh mục Phanxicô Xavier Nguyễn Chí Cần, giáo phận Nha Trang).

Sự chỉ dẫn làm dấu Thánh giá bị bỏ qua, khi nói về thầy phó tế trong số 175, không có nghĩa là dân chúng cũng bỏ qua việc làm dấu Thánh giá. Nó chỉ có nghĩa rằng không cần phải lặp lại một chỉ dẫn vốn đã rõ ràng rồi.

Đối với trường hợp một linh mục cử hành Thánh lễ chỉ có một người giúp, số 262 nói: “Đoạn vị tư tế cúi mình đọc “Lạy Thiên Chúa toàn năng, xin thanh tẩy, Munda cor meum”, rồi đọc bài Tin Mừng. Kết bài ngài nói: “Đó là Lời Chúa, Verbum Domini”, người giúp thưa: “Lạy Chúa Kitô, ngợi khen Chúa, Laus tibi Christe “. Vị tư tế hôn sách và đọc thêm: “Nhờ những lời Tin Mừng, Per evangelica dicta” (bản dịch như trên).

Phải thẳng thắn nói rằng thật là chưa rõ ràng liệu đoạn này ngụ ý rằng linh mục đơn giản đọc Tin mừng theo cách bình thường đã được mô tả hai lần trước đó, hoặc liệu ngài phải bỏ qua việc làm dấu kép trước khi đọc Tin Mừng. Việc giải thích thứ hai chắc là xa lạ, vì các lời chào ít ý nghĩa hơn với người giúp lễ lại được đưa vào. Tương tự như vậy, không có chỉ dẫn về cách thức bắt đầu bài Tin Mừng như thế nào mà không có việc làm dấu Thánh giá kép. Sẽ là ngớ ngẩn khi người đọc sách đọc “Trích sách ngôn sứ X...”, còn linh mục bỏ qua lời dẫn vào Tin Mừng. Do đó, tôi cho rằng linh mục cứ vẫn đọc câu dẫn vào Tin Mừng bình thường, và làm dấu Thánh giá kép.

Thật đáng nêu ra rằng việc số 134 chỉ dẫn cho dân chúng làm dấu Thánh giá kép là một điểm mới của ấn bản thứ ba của Sách lễ Rôma. Nó không được tìm thấy trong số 95 tương ứng của Qui chế Tổng quát Sách lễ Rôma trong thập niên 1970, mà trong đó cử chỉ làm dấu Thánh giá chỉ qui định cho thừa tác viên đọc Tin Mừng mà thôi. Khi nêu ra chỉ dẫn này, Sách Lễ chỉ đơn giản nhìn nhận một tập quán vốn đã trở thành phổ biến nơi các tín hữu trong nhiều thế kỷ.

Nguồn gốc của việc làm dấu Thánh giá trên trán và trên ngực là do người Frank hoặc người Đức, và nó có thể du nhập vào phụng

vụ Rôma trong khoảng giữa các năm 800 và 1000. Việc làm dấu Thánh giá trên môi được đưa vào trễ hơn, nhưng không rõ là khi nào cách này trở thành một sự thực hành tiêu chuẩn.

Người ta có thể bắt đầu bắt chước cử chỉ của linh mục hay thầy phó tế ở một số điểm. Dường như không ai biết là nó diễn ra từ khi nào, nhưng tôi mạo muội đoán rằng chỉ sau khi phụng vụ Rôma được hoàn toàn thống nhất tiếp theo sau Công đồng Trentô. Sự thực hành này có thể được củng cố bởi các giáo lý viên dạy cho thiếu niên các cử chỉ trong Thánh lễ.

Do lịch sử như thế, bất kỳ ý nghĩa thiêng liêng nào gắn liền với các cử chỉ là cũng có nguồn gốc trễ hơn. Điều này không có nghĩa rằng chúng là tưởng tượng hay không có cơ sở trong sự thật, nhưng nó có nghĩa rằng chúng không nhất thiết là các giải thích duy nhất có thể được. Chúng cũng chia sẻ trong ý nghĩa chung của dấu Thánh giá, như là việc tuyên xưng đức tin vào Chúa Ba Ngôi và việc cứu chuộc qua Thánh Giá.

Một ý nghĩa được gợi ý bởi các lời cầu nguyện, mà linh mục đọc trước và sau khi tuyên đọc Tin Mừng. Trước khi đọc Tin Mừng, linh mục cúi mình trước bàn thờ và thầm thì cầu nguyện: “Lạy Thiên Chúa Toàn năng, xin tẩy sạch tâm hồn và miệng lưỡi con, để con có thể công bố Tin mừng của Chúa cho xứng đáng” (bản dịch Việt ngữ của Ủy ban Phụng tự thuộc HĐGMVN). Các ý này cũng có trong việc chúc lành cho thầy phó tế: “Xin Chúa ngự nơi tâm hồn và miệng lưỡi con, để con xứng đáng và đủ tư cách công bố Tin mừng của Chúa, nhân Danh Cha, + và Con, và Thánh Thần” (bản dịch như trên). Sau bài Tin Mừng, linh mục hay thầy phó tế hôn sách Tin Mừng và cầu nguyện: “Nhờ những lời Tin Mừng vừa đọc, xin Chúa xóa tội chúng con” (bản dịch như trên).

Bằng cách này, khi làm dấu Thánh giá kép, các tín hữu xin Thiên Chúa chúc phúc cho tâm trí và trái tim họ, để họ sẽ chấp nhận, ôm trọn sứ điệp Tin mừng vừa được tuyên đọc bởi linh mục hay thầy phó tế, và đến phiên họ, họ sẽ tự công bố sứ điệp qua đôi môi và đời sống của họ.

Dấu Thánh giá cũng là một lời tuyên xưng đức tin rằng lời chúng ta đã tiếp nhận là thật sự lời của Chúa Kitô. Thật vậy, chính Chúa Giêsu nói với chúng ta, và chúng ta muốn rằng ngài chiếm hữu toàn thể con người ta, tư tưởng, lời nói, tình cảm và việc làm chúng ta.

Có thể có các diễn giải khác cho cử chỉ làm dấu Thánh giá này, nhưng như thế là đã đủ để cho thấy rằng ngay cả một cử chỉ đơn giản như việc làm dấu Thánh giá có thể chứa ý nghĩa thiêng liêng sâu sắc hơn. (Zenit.org 26-8-2014)

86. Tại sao có nhiều ấn bản Phụng vụ Giờ Kinh bằng tiếng Anh?

***Hỏi:** Thưa cha, tại sao các ấn bản khác nhau của Phụng vụ Giờ Kinh bằng tiếng Anh có các bản khác nhau cho bài đọc? Cụ thể, bộ Phụng Vụ Giờ Kinh gồm 4 tập có các bài đọc ngắn hơn so với các bài đọc của ấn bản “Christian prayer” chỉ có một tập. Điều này đã gây ra sự bối rối cho các bạn hữu của con, vì không biết phiên bản nào là qui phạm. - C. M., South Bend, bang Indiana, Mỹ.*

Đáp: Đúng là có nhiều lý do.

Trước hết, các quốc gia sử dụng các bản dịch khác nhau cho bản văn của Thân Vụ. Đôi khi, đó là do vấn đề bản quyền, và đôi khi chỉ đơn giản là thích phiên bản này hơn phiên bản khác. Tôi tin rằng đang có các kế hoạch để thực hiện một văn bản chung của Phụng Vụ Giờ Kinh, cũng giống như các người nói tiếng Anh đã thực hiện một Sách lễ chung vậy. Tuy nhiên, việc này đang được tiến hành và cần có thời gian dài để hoàn thành.

Các ngôn ngữ khác được sử dụng bởi nhiều quốc gia cũng có sự khác biệt tương tự, chẳng hạn như giữa Phụng Vụ Giờ Kinh tại Tây Ban Nha và trong hầu hết các quốc gia Nam Mỹ.

Ngay cả trong các quốc gia chỉ có một ngôn ngữ, các khác biệt này vẫn có thể xảy ra, do các thay đổi ở một khu vực phụng vụ

chưa hoàn toàn hội nhập vào các nghi thức khác. Ví dụ, tại Ý, Hội Đồng Giám Mục đã giới thiệu một cuốn Kinh Thánh chính thức mới, và cùng với sách này, có một Sách bài đọc mới cho mọi thánh lễ sử dụng cuốn Kinh Thánh mới này. Tuy nhiên, mặc dù việc sử dụng các phiên bản mới là được phép, đa số các ấn bản in của Thần Vụ tiếp tục sử dụng các phiên bản Thánh Vịnh và Bài đọc đã có trước.

Lý do tại sao cần phải mất nhiều thời gian để thích ứng với Phụng Vụ Giờ Kinh là rất nhiều. Trước hết, sự phức tạp của Thần Vụ có nghĩa rằng một phiên bản mới cần có thời gian. Ngoài ra, bởi vì Phụng Vụ Giờ Kinh thường được cầu nguyện và hát chung, các bài hát trong phiên bản cũ của các Thánh Vịnh cần được điều chỉnh, và người ta cần phải chuẩn bị mới sách cho việc đệm đàn nữa.

Các vấn đề kinh tế cũng cần được chú ý tới. Người ta phải xem xét rằng một phiên bản chính thức mới của Thần Vụ sẽ làm cho phiên bản cũ trở nên lỗi thời, từ ngày bản mới được chính thức sử dụng, và không ấn bản nào của chúng còn được in ấn nữa. Trong khi có thể rằng nhiều linh mục, phó tế và giáo dân có thể tiếp tục sử dụng phiên bản hiện tại để đọc riêng, việc đọc chung sẽ nhất thiết đòi hỏi sự sử dụng phiên bản mới. Như ở các quốc gia khác, nhiều tín hữu của các giáo xứ tại Ý đọc chung một phần của Thần Vụ trước thánh lễ mỗi ngày, và có một loạt các ấn bản rẻ tiền của Thần Vụ, nhằm tạo dễ dàng cho việc đọc chung như thế. Đặc biệt, các tu sĩ của các cộng đoàn tu trì cần có bộ Phụng vụ Giờ Kinh với đầy đủ bốn tập. Một điều cần cho một giáo xứ hoặc cộng đoàn tu trì là mua một số Sách bài đọc mới, và một điều khác nữa là nên mua ngay nhiều bản mới của Thần Vụ.

Mặc dầu có các khó khăn thực tế như vậy, cuối cùng thì Phụng Vụ Giờ Kinh sẽ được điều chỉnh cho các bản văn mới. Hội đồng Giám mục cần hào phóng trong việc cho phép sử dụng các văn bản chính thức, qua việc phân phát miễn phí và sử dụng phương tiện điện tử. Sự hào phóng này có lẽ sẽ giúp cho việc tiêu chuẩn hóa của bất cứ phiên bản chính thức mới nào.

Liên quan đến thế giới nói tiếng Anh, trước tiên chúng tôi có thể nói rằng phiên bản chính thức của Phụng Vụ Giờ Kinh là bộ sách gồm nhiều tập. Một bộ gồm ba tập là phiên bản chính thức được dùng tại Vương Quốc Anh, Ireland, Australia, New Zealand, một số nước khác ở châu Á, Châu Phi và vùng Caribê. Một bộ gồm bốn tập là phiên bản chính thức tại Mỹ và Canada, và có lẽ một số nước khác nữa. Gần đây, một số nước châu Phi đã xuất bản phiên bản riêng của họ về Phụng Vụ Giờ Kinh, mà một số người cho là phiên bản tốt nhất hiện nay.

Bộ một tập của *Christian Prayer* là một phiên bản giản lược của ấn bản Thần Vụ tại Mỹ. Tôi tin rằng hiện nay có hai nhà xuất bản in phiên bản bộ một tập của Thần Vụ trên thị trường. Các ấn bản này là dành cho các cá nhân giáo dân và nhóm ít người muốn đọc một phần Thần Vụ, nhất là Giờ Kinh Sáng và Giờ Kinh Chiều. Một trong các ấn bản này chứa đựng một phiên bản súc tích của Giờ Kinh Sách cho những ai muốn đọc Giờ Kinh Sách này.

Do không có cuốn nào trên đây bên tay tôi, tôi có thể chỉ đoán rằng lý do tại sao một số bài đọc lại có thể dài hơn so với bài đọc trong bộ sách bốn tập, là rằng một bản văn trải ra cho hai ngày trong bản văn chính thức được cô đọng lại thành một bài duy nhất trong bộ sách một tập. Bởi vì các nhà xuất bản muốn dành mẫu Giờ Kinh Sách cho việc đọc riêng tư, họ đã không lo lắng cho sự phù hợp chặt chẽ với phiên bản chính thức. Các ấn bản một tập là rất có giá trị trong việc giúp đưa nhiều hạng người Công Giáo đến với Kinh nguyện chính thức của Giáo Hội, trong một phương cách tiết kiệm kinh tế có thể so sánh được.

Nhiều người đã khám phá các lợi ích tinh thần cá nhân, vốn phải sinh từ kho báu của việc tưới rắc mỗi ngày với các khoảnh khắc cầu nguyện và ngợi khen trong sự kết hiệp với toàn thể Giáo Hội. Bởi vì đây là kinh nguyện chính thức của Giáo Hội, nó cũng là sự thực thi chức linh mục vương đế của các tín hữu, và là sự tham gia tích cực của họ vào phụng vụ của Giáo Hội. (Zenit.org 9-9-2014)

87. Linh mục cử hành lễ an táng cho người Tin lành được không?

Hỏi: *Một linh mục Công Giáo có thể cử hành lễ an táng cho một người Tin Lành tại một nơi như khuôn viên trường đại học được không? Theo Bộ Giáo luật, điều 1183.3, “người đã rửa tội và gia nhập vào một Giáo Hội hay Giáo Đoàn ngoài Công Giáo, được an táng theo nghi lễ Giáo Hội” trong một số điều kiện nhất định. Liệu điều này có hàm ý rằng buổi lễ phải diễn ra trong một nhà thờ Công Giáo không? - F. D., Montreal, Canada.*

Đáp: Điều 1183.3 của Bộ Giáo luật (tương ứng với điều 876.1 của Bộ luật phương Đông và số 120 của Hướng dẫn Đại kết) nói như sau:

“Tùy theo sự phán đoán khôn ngoan, Bản Quyền sở tại có thể cho những người đã rửa tội và gia nhập vào một Giáo Hội hay Giáo Đoàn ngoài Công Giáo, được an táng theo nghi lễ Giáo Hội, trừ khi biết rõ ý muốn ngược lại của họ và miễn là không thể có một thừa tác viên riêng để cử hành” (Bản dịch Việt ngữ của các Linh Mục: Nguyễn Văn Phương, Phan Tấn Thành, Vũ Văn Thiện, Mai Đức Vinh).

Các chuyên viên giáo luật bình luận rằng sự cho phép có thể được ban, ngay cả khi sự hiệu lực của bí tích rửa tội bị nghi ngờ. Thừa tác viên không Công Giáo có thể là không sẵn sàng về mặt thể lý, vì không có vị nào trong khu vực ấy cả. Thừa tác viên này cũng có thể không sẵn sàng về mặt luân lý, chẳng hạn, nếu vị này chỉ là trên danh nghĩa một thành viên của một giáo phái nhưng không thực hành đức tin của mình, trong khi người bà con của ông là một người Công Giáo ngoan đạo.

Tương tự như vậy, việc cho phép có thể được ban, nếu người không Công Giáo đã bày tỏ ước muốn trở lại đạo Công Giáo, ngay cả khi ước muốn này chưa được chính thức hóa bằng việc đăng ký vào một chương trình học trở lại đạo.

Hướng dẫn Đại kết đưa thêm một điều kiện:

“Điều 120. Trong sự phán đoán thận trọng của Đấng Bản Quyền địa phương, các nghi thức an táng của Giáo Hội Công Giáo có thể được ban cho các thành viên của một Giáo Hội không Công Giáo hay Cộng đồng Giáo Hội, trừ khi biết rõ ý muốn ngược lại của họ và không thể có một thừa tác viên riêng để cử hành, và nếu các điều khoản chung của Bộ Giáo Luật không cấm đoán việc ấy”.

Các “điều khoản chung” của Giáo luật được nhắc đến là các điều cấm một tang lễ Công Giáo. Đó là:

“Điều 1184: § 1 Nếu họ không tỏ một dấu hiệu thống hối nào trước khi chết, thì phải từ chối an táng theo nghi lễ Giáo Hội:

1. những người bội giáo, lạc giáo và ly giáo cách tỏ tường;
2. những người chọn hỏa táng thi hài của mình vì những lý do nghịch với Đức Tin Kitô Giáo;
3. những tội nhân trọng trái khác, mà việc an táng theo nghi thức Giáo Hội chắc chắn sẽ sinh gương xấu công khai cho các tín hữu.

§ 2 Khi gặp trường hợp hoài nghi, thì phải hỏi ý kiến Bản Quyền sở tại và làm theo sự phán quyết của Ngài.

Điều 1185: Người nào không được mai táng theo nghi thức Giáo Hội, thì cũng không được làm lễ quy lăng cho họ”. (Bản dịch như trên).

Một khi tất cả các điều kiện này được đáp ứng, thì các vấn đề khác, chẳng hạn như các nghi thức được sử dụng và địa điểm cử hành lễ an táng, được dành cho “sự phán đoán khôn ngoan” của Giám mục địa phương.

Bởi vì lễ tang luôn đòi hỏi sự nhạy cảm mục vụ lớn, và mỗi tình huống có một sự đặc biệt nào đó, nên Giám mục cùng với các linh mục hữu quan là những người cần quyết định các lựa chọn phù hợp tốt nhất, vốn tôn trọng ý muốn của người quá cố, gia đình và tất cả các người khác có liên quan.

Vì lý do này, Giáo Hội đã không cố gắng đưa ra các hướng dẫn chi tiết cho các trường hợp như thế.

Một trong ít điều kiện nghi thức là, nếu một Thánh Lễ an táng được cử hành, tên người quá cố không Công Giáo không được

đọc lên trong phần Kinh Nguyên Thánh Thể. Điều này là khá hợp lý, vì một sự đọc tên như vậy có thể hàm ý rằng người quá cố đã sống hiệp thông trọn vẹn với Giáo Hội Công Giáo. (Zenit.org 16-9-2014)

88. Khi nào Phó tế phải mặc áo lễ Phó tế?

Hỏi: *Thưa cha, con không bao giờ phụ giúp Thánh lễ mà chỉ mặc áo chùng trắng (alb) và dây Stola (stole). Con nhấn mạnh đến việc con mặc lễ phục bình thường dành cho phó tế, là áo lễ Phó tế (dalmatic) của con. Trong nghi thức cho Rước lễ, con có nên hay không nên mặc áo lễ Phó tế? Liệu lễ phục này này là chỉ dành riêng trong trường hợp bí tích thôi sao, chẳng hạn bí tích Thánh thể? Ngoài ra, liệu một phó tế có thể mặc áo lễ Phó tế khi cử hành phép Rửa tội hoặc chủ sự ban phép hôn phối không? – J. M., Tampa, Florida, Mỹ.*

Đáp: Bộ lễ phục thích hợp cho một phó tế trong Thánh Lễ là một áo chùng trắng (với một khăn vai ‘amice’ nếu cần thiết), dây thắt lưng (cincture), dây Stola mang chéo, và áo lễ Phó tế. Dây Stola và áo lễ Phó tế cần cùng màu với phụng vụ ngày đó.

Áo lễ Phó tế là một áo dài tới đầu gối, có tay. Nó phát sinh đầu tiên ở Dalmatia (vì thế có tên là dalmatic), tức nước Croatia ngày nay, và đã được du nhập vào Rôma trong thế kỷ thứ hai.

Lúc đầu áo lễ Phó tế, là dài tới gót chân, và rộng hơn áo hiện nay, nhưng không được đón nhận tốt, vì có vẻ thích hợp với phái nữ hơn. Tuy nhiên sau đó, nó dần trở nên phổ biến nơi các thượng nghị sĩ Rôma và quan chức Đế quốc, như là áo thay thế cho áo choàng rộng (toga), và thậm chí được được sử dụng như là lễ phục riêng cho lễ đăng quang của hoàng đế.

Từ đó, áo đã trở thành một lễ phục riêng cho Giáo Hoàng và các Giám mục. Cuối cùng nó đã được giới thiệu bởi Giáo Hoàng Sylvester I như là một Lễ phục cho các phó tế ở Rôma, trong thế kỷ IV, và dần dần trở thành lễ phục riêng cho các phó tế. Trong

một thời gian, đặc biệt là từ thế kỷ IX đến thế kỷ XIV, Giám mục và thậm chí các linh mục đôi khi mặc áo lễ Phó tế dưới áo lễ ngoài (chasuble). Việc sử dụng này vẫn tồn tại ngày nay, nhưng chỉ dành cho Giám mục, khi các ngài có thể mặc áo lễ Phó tế nhẹ bên dưới áo lễ ngoài, trong các cuộc lễ long trọng, đặc biệt là thánh lễ truyền chức thánh.

Theo sự thực hành hiện nay, linh mục cử hành thánh lễ theo hình thức bình thường không bao giờ sử dụng áo lễ Phó tế. Trong hình thức ngoại thường, có một số buổi lễ trọng thể mà trong đó một linh mục thay thế một phó tế và mặc áo lễ Phó tế cho phù hợp. Tương tự như vậy, trong các dịp lễ đặc biệt, Hồng Y phó tế phụ giúp Giáo hoàng cũng mặc lễ phục Phó tế.

Về việc sử dụng quen thuộc, chúng tôi có thể nói rằng áo lễ Phó tế là dành cho phó tế, cũng như áo lễ ngoài là dành cho linh mục. Vì vậy, trong đa số trường hợp, phó tế sẽ sử dụng áo lễ Phó tế, khi các linh mục sử dụng áo lễ ngoài.

Một ngoại lệ cho quy tắc này là khi một phó tế hộ tống một Giám mục hoặc linh mục mặc áo chòang (cope) trong một buổi đọc Các Giờ Kinh Phụng vụ hoặc cầu Thánh Thể.

Như tôi có thể xác định, không có tình huống nghi lễ nào, mà trong đó một phó tế sử dụng áo lễ Phó tế riêng cho mình. Hình như rằng phó tế chỉ mang áo lễ Phó tế khi thực hiện chức năng hộ tống một Giám mục hoặc linh mục mà thôi.

Vì vậy, cũng giống như một linh mục không sử dụng áo lễ ngoài trong nghi thức cho Rửa lễ, phó tế cũng không sử dụng áo lễ Phó tế như vậy. Điều này cũng có thể được nói cho các cử hành bí tích và á bí tích khác, chẳng hạn như việc an táng, ngoài Thánh lễ.

Lễ phục thích hợp cho các buổi lễ, như rửa tội, lễ cưới, lễ an táng và các dịp tương tự ngoài thánh lễ, là áo chùng trắng (hoặc áo các phép ‘surplice’ bên ngoài áo Dòng), dây Stola, và áo choàng với màu phụng vụ thích hợp. Trong hầu hết trường hợp, màu sắc thích hợp sẽ là màu trắng, mặc dù màu tím có thể được sử dụng cho lễ an táng. Các lễ phục này thể được sử dụng bởi cả linh mục

và phó tế, với sự khác biệt duy nhất là phó tế mang chéo dây Stola.
(Zenit.org 23-9-2014)

CÁC BÍ TÍCH

89. Cần bỏ túc nghi thức rửa tội cho hài nhi nguy tử không?

Hỏi: *Có cần thiết bỏ túc các nghi thức Rửa tội, sau khi một người đã lãnh bí tích rửa tội và thêm sức lúc nguy tử, và sau đó đã khỏe lại không? -J. Q., Dushanbe, Tajikistan*

Đáp: Sách nghi thức rửa tội của Giáo Hội có nhiều nghi thức. Trong số này có nghi thức rửa tội cho trẻ em lúc nguy tử, khi không có mặt linh mục hoặc phó tế.

Nghi thức dự trù một số lời nguyện mà bất cứ tín hữu Công giáo nào cũng có thể đọc được. Người làm nghi thức rửa tội cũng có thể trao áo trắng sau khi rửa tội, đọc lời sau đây:

'N., con đã trở nên tạo vật mới và đã mặc lấy Chúa Kitô. Chiếc áo trắng này là dấu chỉ tước vị của con. Nhờ lời chỉ bảo và gương lành của thân nhân giúp đỡ, con hãy mang nó tinh tuyền mãi cho đến cõi trường sinh'.

Nếu không có mặt thừa tác viên thích hợp để thực hiện các lời nguyện, hoặc khi nguy tử, một tín hữu Công giáo có thể làm phép rửa tội sau khi đọc Kinh Tin Kính, hoặc chỉ cần thực hiện nghi thức quan trọng và công thức của Bí tích rửa tội.

Không có nghi thức rửa tội lúc nguy tử, khi có mặt linh mục hoặc phó tế. Điều này có lẽ là bởi vì linh mục hoặc phó tế luôn

thực hiện các nghi thức đầy đủ. Tuy nhiên các ngài có thể suy xét nghiêm túc để có thể rút ngắn nghi thức trong trường hợp khẩn cấp, hoặc khi không thể thực hiện tất cả các nghi thức, ví dụ như khi rửa tội một trẻ sơ sinh trong lòng ấp. Theo nghi thức cho trường hợp rửa tội khẩn cấp, có một nghi thức mang đứa trẻ đã rửa tội đến nhà thờ, sau khi trẻ đã khỏe hẳn. Trong nghi thức này, linh mục chào đón cha mẹ và người đỡ đầu: “Ngài khen ngợi họ đã cho con được rửa tội không chậm trễ, tạ ơn Thiên Chúa và chúc mừng các cha mẹ vì con đã khỏe mạnh lại”. Tuy nhiên, nghi thức này không bị giới hạn cho trường hợp nguy tử, vốn gặp khó khăn khi phải đến rửa tội trong nhà thờ.

Sau đó có đối thoại tương tự, như được sử dụng khi cha mẹ mang con mình đến rửa tội bình thường, nhưng nhìn nhận rằng đứa trẻ đã là một Kitô hữu. Linh mục làm dấu Thánh giá trên trán đứa bé; cha mẹ và, người đỡ đầu nếu có mặt, cũng làm dấu Thánh giá trên trán cho bé nữa.

Tiếp đến là phần Phụng vụ Lời Chúa ngắn, bài chia sẻ ngắn, lời nguyện tín hữu, kinh cầu các thánh và một bài thánh ca. Nên có khoảng thỉnh lặng giữa một trong các phần trên đây.

Sau đó linh mục thực hiện các nghi thức giải thích sau rửa tội: xúc dầu sau rửa tội, trao áo trắng (nếu chưa thực hiện khi rửa tội trước đây) và trao nến thấp sáng.

Nghi thức kết thúc với một loạt lời cầu và ban phép lành.

Đối với phép Thêm sức, các nghi thức là rất ít, mặc dù không giống như phép rửa tội, phép Thêm sức đòi hỏi sự có mặt của của một linh mục. Trong trường hợp nguy tử, chữ đỏ nói: “Trong trường hợp đứa trẻ chưa đến tuổi khôn, phép Thêm sức được ban phù hợp với các nguyên tắc và qui định như ở phép Rửa tội”

Không gì nói về việc đón nhận trong nhà thờ một trẻ sơ sinh đã được rửa tội và thêm sức lúc nguy tử. Tôi nghĩ rằng có thể thực hiện nghi thức trên đây về việc đưa con trẻ vào nhà thờ, tuy nhiên cần bỏ nghi thức xúc dầu sau rửa tội như bình thường, vì nghi thức Thêm sức được ban ngay sau rửa tội rồi. (Zenit.org 22-1-2013)

90. Giáo Hội quy định gì về việc tuyên xưng lại thề hứa hôn phối?

Hỏi: Ở một số nơi, tôi thấy một số cặp vợ chồng được mời tuyên xưng lại thề hứa hôn phối trong Thánh Lễ. Thưa cha, Giáo Hội có quy định gì về cách thức thực hiện việc này không? Việc này là thích hợp khi nào và nên thực hiện theo hình thức nào? – J. D., Leeton, Australia.

Đáp: Giáo Hội phổ quát đã không đề xuất bất kỳ nghi thức nào cho việc tuyên xưng lại thề hứa hôn phối hoặc trong Thánh Lễ hoặc ngoài Thánh Lễ.

Đồng thời, Giáo Hội trao quyền cho các Hội đồng Giám mục Quốc gia trong việc soạn thảo nghi thức Hôn phối và đệ trình cho Tòa Thánh phê chuẩn.

Qua tiến trình này, nhiều quốc gia, đặc biệt là ở Bắc Mỹ và Nam Mỹ, đã đưa vào sách Nghi Thức Hôn phối một nghi thức cho việc tuyên xưng lại thề hứa hôn phối, đặc biệt là vào các dịp kỷ niệm Ngân khánh (25 năm) và Kim khánh (50 năm) Hôn phối.

Các nghi thức này có một phân biệt nhỏ nhưng có ý nghĩa, giữa lời thề hứa ban đầu và lời tuyên xưng lại thề hứa hôn phối. Tại Mỹ, công thức của lời thề hứa là hơi khác với công thức ban đầu, để phản ánh một sự canh tân tinh thần. Còn tại Canada, chính lời giới thiệu của linh mục giải thích ý nghĩa và lý do của việc tuyên xưng lại thề hứa hôn phối. Cũng có có các khoảnh khắc khác nhau trong thánh lễ cho việc tuyên xưng lại thề hứa hôn phối. Trong một số nước, việc tuyên xưng lại thề hứa hôn phối vào dịp Ngân khánh hoặc Kim khánh được thực hiện sau bài giảng, trong khi ở một số nước khác, việc này được thực hiện sau lời nguyện hiệp lễ.

Lý do cho các thay đổi nhỏ nhưng có ý nghĩa, là bởi vì một cách thiết yếu, việc tuyên xưng lại thề hứa hôn phối là không hứa điều gì mới. Việc tuyên xưng lại thề hứa hôn phối được xem như là hình thức bí tích, và do đó là chỉ dành riêng cho cùng một cặp vợ chồng như khi họ nói lời hứa ban đầu. Thông qua sự đồng ý của họ, hai người hiến dâng cho nhau và đón nhận nhau, thông qua một

giao ước vĩnh viễn và không thể đổi thay, để thiết lập hôn phối. (xem Điều 1057.2 của Bộ Giáo Luật, và Sách Giáo Lý, số 1638).

Quả thật rằng hàng năm người Công giáo tuyên đọc lại lời hứa rửa tội, các linh mục tuyên đọc lại lời hứa truyền chức và nhiều tu sĩ tuyên đọc lại lời khấn Dòng. Tuy nhiên, các lời hứa này là bổ túc cho bí tích, và không tạo nên hình thức bí tích thật sự. Không ai tuyên đọc lại lời hứa rửa tội hoặc lời hứa truyền chức vì mục đích sùng đạo cả.

Đây là lý do tại sao các công thức tuyên xưng lại thề hứa hôn phối cần soạn thảo một cách cẩn thận, và phải tránh bất kỳ sự diễn tả nào có thể gợi ý sự đổi mới mỗi đây bí tích ban đầu. Một ví dụ khá tốt có thể được lấy từ một nghi thức bằng tiếng Anh được sử dụng trong thập niên 1960:

“Việc tuyên xưng lại thề hứa hôn phối:

“Hai vợ chồng nắm tay phải của nhau và lặp lại theo linh mục, người chồng đọc trước:

“Anh (em) là T... tái khẳng định lời thề hôn nhân của anh (em) 25 (hay 50) năm trước đây, và tái hiến dâng đời anh (em) trong cùng một tinh thần mà anh (em) đã kết hôn với em (anh) là T..., khi thịnh vượng cũng như lúc gian nan, khi mạnh khỏe cũng như lúc đau yếu, để yêu thương và tôn trọng em (anh), cho đến khi cái chết chia lìa chúng ta”.

“Kể đó, người vợ cùng lặp lại công thức, sau đó linh mục nói ...”

Ngoài việc tuyên xưng lại thề hứa hôn phối, Giáo Hội có nhiều cách khác để tôn vinh sự kiên trung trong đời sống hôn nhân.

Sách Lễ Rôma có ba Thánh lễ đặc biệt cho ngày kỷ niệm, đặc biệt là cho lễ mừng Ngân khánh và Kim khánh. Sách các Phép chứa nhiều kinh nguyện đẹp, và lời chúc lành cho các cặp vợ chồng, cả trong và ngoài Thánh Lễ

Các văn bản này có thể được sử dụng bất cứ nơi nào trên thế giới, trong khi việc tuyên xưng lại thề hứa hôn phối trong Thánh Lễ chỉ có thể được sử dụng, ở nơi nào nó được chính thức đưa vào trong sách nghi thức, hoặc đã được phê chuẩn cách đặc biệt.

Từ những gì tôi có thể đánh giá từ sự nhận xét đơn giản, sự áp dụng việc tuyên xưng lại thề hứa hôn phối dường như phổ biến nhiều trên khắp châu Mỹ. Tuy nhiên, nó dường như là ít phổ biến ở châu Âu. (Zenit.org 5-2-2013)

91. Trẻ em viết tội ra giấy và đề tên được không?

Hỏi: Trong giáo xứ chúng tôi, trẻ em thường đều đặn đến nhà thờ để lãnh bí tích hòa giải. Cha xứ yêu cầu mỗi em phải viết ra giấy tên của mình và các tội mình đã phạm. Việc này giúp các em nhớ được tội của mình và đẩy nhanh tiến độ xưng tội của số lượng đông trẻ em. Tuy nhiên, tôi có phần lo lắng. Một số trang viết này có thể được các người khác bắt gặp trong nhà thờ. Phụ huynh có thể tìm thấy trang viết này trong cặp sách của con em họ. Tôi lo ngại về tính bí mật của Bí tích và lợi ích của người sám hối. Tôi đã bày tỏ mối quan ngại này, nhưng tình hình vẫn tiếp tục như thường. Xin cha cho tôi vài lời khuyên về vấn đề này. - D. N., Euclid, Ohio, Mỹ.

Đáp: Tôi có thể nói rằng vấn đề này nên được xem xét từ nhiều khía cạnh khác nhau.

Từ quan điểm của hối nhân, không hề có gì sai về việc chuẩn bị xưng tội bằng hình thức viết ra giấy. Nhiều hối nhân làm như thế để khỏi quên sót tội ở tòa giải tội.

Nếu vì một lý do chính đáng người ta không thể nói được, thì hối nhân có thể viết tội của mình ra giấy và đưa cho cha giải tội. Ví dụ, trong “Sổ tay thần học luân lý”, linh mục Dòng Tên Thomas Slater (1855-1928) đã nói rằng:

“Việc xưng tội bằng lời nói không là tuyệt đối cần thiết cho tính thành sự của bí tích, vì người cầm và người không biết ngôn ngữ của linh mục cũng có thể xưng tội được, hoặc người hấp hối và không thể nói được, có thể xưng tội bằng dấu hiệu. Hơn nữa, vì lý do tốt lành, bất cứ ai cũng có thể viết các tội mình ra, trao cho cha giải tội đọc, và thú tội một cách tổng quát, chẳng hạn nói “Con xưng thú mọi tội con đã viết ra”.

Chẳng hạn việc này có thể xảy ra cho một người có vấn đề về tâm lý học, vốn cản trở người ấy diễn đạt trọn vẹn bằng lời nói các tội đã phạm. Cách duy nhất mà người ấy có thể xưng thú đầy đủ các tội là người ấy viết ra giấy.

Trong tất cả các trường hợp như vậy, phận sự của hồi nhân là phải tiêu hủy những gì đã viết ra, mặc dầu, nói cách chặt chẽ, người ấy không buộc phải làm như thế. Nghĩa vụ giữ bí mật là thuộc về linh mục giải tội, chứ không thuộc về hồi nhân. Do đó, có thể quan niệm rằng một số người muốn giữ lại tờ giấy xưng tội, để sẽ thảo luận cùng các vấn đề ấy, ở một cấp độ khác, với cha linh hướng của mình.

Tuy nhiên, trong trường hợp của các thiếu niên, tôi tin rằng họ không nên được yêu cầu, trong bất kỳ trường hợp nào, viết tên của mình và các tội đã phạm vào trang giấy. Các em không cần tuyệt đối phải làm như thế, và các em có quyền vô danh tại tòa giải tội.

Tôi cũng tin rằng việc viết ra các tội chỉ là một gợi ý thực hành chứ không phải là điều buộc.

Nếu muốn tránh nguy cơ rơi rớt danh sách tội nơi nào đó trong nhà thờ chẳng hạn, thì tôi nghĩ rằng các cha hay giáo lý viên có thể giúp đỡ bằng cách cung cấp một hộp kín (như thùng phiếu chẳng hạn), để các em có thể xé tờ giấy đã viết và bỏ hộp kín ấy, sau khi đã xưng tội. Toàn bộ các giấy trong hộp này phải được đốt đi trong thời gian sớm nhất.

Ở một số nơi, hồi nhân được khuyến khích viết tội của họ ra, và sau khi xưng tội, họ đốt tờ giấy ấy trong cái lò dành cho việc này. Mặc dầu điều này có một giá trị tượng trưng nào đó, nó có thể dễ dàng làm người ta không chú ý đến ý nghĩa của lời xá giải của linh mục, vốn là thời điểm bí tích khi mà ân sủng được khôi phục hoặc gia tăng trọn vẹn.

Khả năng của các hiểu nhầm như thế làm cho tôi lo âu khi khuyến khích sự thực hành trên.

Thật vậy, có một số trường hợp mà linh mục đã tạo ấn tượng rằng việc tiêu hủy danh sách các tội làm cho hồi nhân nghĩ rằng nó

có thể thay thế cho việc xá giải bí tích, do đó gây ra sự nghi ngờ về tính thành sự của bí tích. (Zenit.org 19-3-2013)

92. Việc kết hôn dân sự và kết hôn tôn giáo được thực hiện ra sao?

Hỏi: *Vị hôn thê của tôi muốn được kết hôn trong Giáo Hội Công Giáo. Cô ấy là công dân Ireland và tôi là người Mỹ. Chúng tôi đang có kế hoạch kết hôn ở Ireland, nhưng do các vấn đề di trú, chúng tôi đã nghĩ đến việc kết hôn dân sự tại Mỹ trước, và sau đó làm lễ cưới Công Giáo ở Ireland. Chúng tôi lo ngại rằng việc kết hôn dân sự sẽ ảnh hưởng đến việc công nhận hôn nhân Công Giáo. Bí tích hôn nhân Công Giáo đầy đủ là rất quan trọng đối với chúng tôi. Chúng tôi không muốn làm hỏng nó. Tôi xin hỏi liệu Giáo Hội Công Giáo sẽ cho phép chúng tôi kết hôn dân sự trước khi kết hôn Công Giáo trong nhà thờ không? - E. U., Arlington, bang Massachusetts, Mỹ.*

Đáp: Một nguyên tắc đầu tiên cần được tuân giữ là Giáo Hội không công nhận tính hợp lệ của hôn nhân dân sự giữa hai người Công Giáo. Tất cả người Công Giáo có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục nêu ra trong luật, mặc dù Giám mục có quyền miễn chuẩn một số yêu cầu trong các trường hợp đặc biệt.

Câu hỏi về cách thức hôn nhân dân sự liên quan đến việc cử hành bí tích phụ thuộc vào luật pháp của mỗi quốc gia. Nói chung, có hai khả năng chính yếu dựa vào các luật sau:

Một tình huống là địa điểm mà lễ cưới Công Giáo thường có các tác dụng dân sự. Đây là trường hợp ở Mỹ, Ireland, Ý và một số nước khác. Trong mỗi quốc gia, có một quy trình cụ thể cần phải được thực hiện trước mặt chính quyền, nhưng cuối cùng chỉ có một lễ kết hôn mà thôi.

Có một số trường hợp trong đó Giáo Hội cử hành một lễ cưới với tác dụng bí tích mà thôi. Một ví dụ: một đôi lứa, khi đã đi vào một hôn nhân dân sự, và một lúc nào đó mong muốn bình thường

hóa tình trạng của họ trước mặt Thiên Chúa. Bằng cách này, họ sẽ có thể tham gia đầy đủ vào đời sống Giáo Hội, đặc biệt là có thể trở lại rước lễ bình thường.

Trong tình huống trên, nơi mà các nghi lễ tôn giáo có tác dụng dân sự, hôn nhân dân sự là không thực sự là một lựa chọn khả thi cho người Công Giáo trung tín. Đồng thời, một hôn nhân dân sự trước đó không là một ngăn trở cho một cặp vợ chồng cử hành hôn nhân bí tích.

Một tình huống khác phát sinh trong các quốc gia, vốn không có sự nhìn nhận dân sự cho việc cử hành bí tích hôn nhân. Trong các trường hợp này, thường có hai “cử hành kết hôn” - một dân sự và tôn giáo. Đây sẽ là trường hợp ở nhiều nước châu Âu và châu Mỹ Latinh.

Trong hầu hết các trường hợp, việc kết hôn dân sự đi trước kết hôn tôn giáo. Khoảng cách giữa hai việc kết hôn này có thể ngắn vài giờ, vài ngày hoặc thậm chí lâu hơn. Bởi vì Giáo Hội không công nhận việc kết hôn dân sự, người Công Giáo trung tín sẽ không sống đời vợ chồng cho đến sau khi cử hành hôn nhân Công Giáo.

Mặc dù không công nhận hôn nhân dân sự, trong một số nước, Giáo quyền không cho phép cử hành nghi thức kết hôn Công Giáo cho đến sau khi hôn nhân dân sự được thực hiện. Điều này trước tiên là một biện pháp mục vụ để đảm bảo sự bảo vệ hợp pháp đầy đủ cho hai người, và bảo đảm việc nuôi dưỡng con cái trong trường hợp đổ vỡ hoặc chia tay của đôi lứa.

Nếu biện pháp này không được thực hiện, một người nam hoặc một người nữ có thể tự thấy mình bị ràng buộc trong lương tâm với việc kết hôn, nhưng với các cách thức hạn chế về bồi thường pháp lý, liên quan đến việc nuôi con, tài sản hay các trách nhiệm chia sẻ khác bắt nguồn từ cuộc hôn nhân của họ.

Đối với các trường hợp cụ thể của người nêu câu hỏi trên với chúng tôi, tôi nghĩ rằng nếu ông đã hoàn thành các thủ tục giấy tờ cần thiết và hợp lệ, thì không có lý do gì tại sao một lễ cưới Công

Giáo được công nhận về dân sự ở Ireland lại không được công nhận hợp pháp tại Mỹ.

Nếu có gì khó khăn đặc biệt, ông cần tham khảo ý kiến của Giám mục địa phương của mình. (Zenit.org 21-5-2013)

93. Khi nào linh mục vi phạm án tích giải tội?

Hỏi: Sau một lớp giáo dục người lớn gần đây, một linh mục tu sĩ và tôi đã thảo luận về một sự khác biệt trong cách hiểu của chúng tôi về bản chất của án tích giải tội theo Điều 983 và 984 của Bộ Giáo luật 1983. Điều 983: (1) Án tích giải tội là điều bất khả vi phạm; do đó, tuyệt đối cấm chỉ cha giải tội không được tiết lộ về hối nhân bằng lời nói hay bằng cách nào khác, và vì bất cứ lý do gì. Điều 984: (1) Tuyệt đối cấm chỉ cha giải tội không được sử dụng những điều biết được trong tòa giải tội để làm hại hối nhân, cho dù không có nguy cơ tiết lộ (Bản dịch Việt ngữ của các Linh Mục Nguyễn Văn Phương, Phan Tấn Thành, Vũ Văn Thiện, Mai Đức Vinh).

Cả hai chúng tôi đã được đào tạo bài bản trong chủng viện, và cả hai chúng tôi quyết tâm rao giảng và sống trong sự trung thành trọn vẹn với giáo huấn Công Giáo đích thực. Câu hỏi đặt ra là như sau: Một “hối nhân” nói với một linh mục khi xưng tội là ông đã bỏ thuốc độc vào rượu lễ của cha rồi. Linh mục không thuyết phục thành công “hối nhân” ác độc này để khắc phục tình hình, do đó làm cho cha giải tội ở vị thế uống rượu bị độc. Liệu cho linh mục có được phép dùng điều biết được trong tòa giải tội để thay đổi quá trình của sự kiện không, để không ai bị ngộ độc do rượu, cho dù không có nguy cơ tiết lộ? Một lập luận là rằng việc cha giải tội đã hành động để thay rượu bằng cách đổ bình rượu đi, và rót rượu vào đây lại mà không ai biết, là không phải một sự vi phạm án tích giải tội, bởi vì cha không phản bội “hối nhân”, và cũng không có bất cứ điều gì gây hại cho “hối nhân”. Còn lập luận ngược lại là cha giải tội không

thể dùng điều biết được trong tòa giải tội, vì “hỏi nhân” trong thực tế sẽ biết rằng cha giải tội đã làm như vậy, và việc này tạo thành một sự phản bội với “hỏi nhân”, và là bất lợi về hậu quả. Trong thực tế, hành động của cha giải tội có thể làm cho bí tích giải tội là như ghê tởm cho “hỏi nhân”, hay làm cho “hỏi nhân” nói với các người khác rằng cha X đã vi phạm ấn tích giải tội, điều này cũng sẽ làm cho bí tích thành ra ghê tởm. Sự nghiên cứu sâu rộng vào vấn đề dẫn tôi đến gặp một số linh mục-nhà thần học và nhà giáo luật uy tín, và các vị này cũng có hai lập trường khác nhau, vì vậy chúng tôi chưa gặng gỏi hơn với một câu trả lời rõ ràng.

Hơn nữa, theo như tôi có thể biết, Tòa Thánh đã không bao giờ giải quyết các câu hỏi lẽ tẻ như thế, và chúng tôi không có ý tưởng liệu kịch bản đầu tiên nào được đưa lên. Phải thừa nhận rằng, khả năng tình huống như vậy là rất hiếm khi xảy ra, và cuộc thảo luận là giải quyết nó cực kỳ khó xử. Tuy nhiên, ví dụ trên được dẫn ra nơi này và nơi nọ - thậm chí trong các chủng viện nữa - để minh họa cho sự bất khả vi phạm tuyệt đối của ấn tích giải tội, và nghĩa vụ của linh mục có liên quan đến trường hợp tương tự. - C. M., Camden, New Jersey, Mỹ

Đáp: Câu hỏi hóc búa cổ điển này của việc giải tội xảy ra thường như một kịch bản không có người thắng kẻ thua. Tòa Thánh có lẽ không bao giờ giải quyết một tình huống như vậy, vì Tòa thánh cung cấp cho sự khả tín của việc suy đoán, và thậm chí có thể làm cho một số người cố gắng thực sự để lạm dụng bí tích, bằng cách này hay cách khác.

Thật vậy, điều đầu tiên cần lưu ý là rằng đây là một sự lạm dụng bí tích. Một người trong trường hợp được mô tả như vậy là rõ ràng không ăn năn sám hối, và do đó không thể nhận được lời xá giải, mặc dù ấn tích giải tội được áp dụng, độc lập với lời xá giải. Trong trường hợp này, không có nguy cơ là bí tích sẽ trở nên ghê tởm cho hỏi nhân, vì người đó đã chứng tỏ sự bất kính hoàn toàn đối với bí tích, qua một nỗ lực lạm dụng ấn tích giải tội. Do đó, có thể rằng người ấy cần sự giúp đỡ chuyên môn hơn.

Một yếu tố khác cần được xem xét là việc sử dụng không rõ ràng từ ngữ “phản bội” trong câu trả lời, mà sự tìm hiểu của độc giả của chúng tôi đã phát hiện ra.

“Sự phản bội” (prodere trong tiếng Latinh) được đề cập trong Giáo luật là một cái gì đó khách quan và ngoại tại. Nó có nghĩa là tiết lộ tội lỗi và hối nhân, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp cho người khác biết.

“Sự phản bội” với hối nhân, được đề cập trong một trong các câu trả lời trên, là một sự phản bội chủ quan trong cảm giác thất vọng, không sống theo ước vọng, tổn thương tình cảm...

Chỉ có nghĩa đầu tiên mới mang ấn tích giải tội. Việc hối nhân có thể tức tối vô cùng, khi thấy linh mục không chết do uống rượu từ chén thánh, không thuộc về vấn đề giáo luật của sự vi phạm ấn tích giải tội.

Sau khi đã làm rõ như thế, chúng ta có thể thấy rằng, miễn là linh mục không nói gì hết, sự thay đổi rượu hoặc làm vỡ bình đựng rượu không hề làm cho người ta nghi ngờ tội lỗi hoặc hối nhân, và như vậy là không có sự vi phạm ấn tích giải tội. Nếu được hỏi, linh mục có thể đưa ra một câu trả lời cố ý mơ hồ, chẳng hạn “cha cần thay rượu mới”, và hành vi của cha sẽ không dẫn đến bất kỳ sự tiết lộ nào.

Trong một số trường hợp, nó có thể dẫn đến một sự nghi ngờ, đặc biệt là nếu người đó đã được nhìn thấy đi xưng tội và được biết là đã làm phiền. Tuy nhiên một nghi ngờ là không phải sự tiết lộ trực tiếp, và không có gì trong hành vi thay đổi rượu có thể biện minh cho một sự nghi ngờ cả.

Hơn nữa, cha giải tội (như mọi người khác) có nhiệm vụ bảo vệ sự sống và sức khỏe của chính mình và của người khác. Nhiệm vụ này là chắc chắn, và không ngưng lại bởi vì ngài là cha giải tội. Sự vi phạm bị cáo buộc của ấn tích giải tội là không chắc chắn.

Giữa một nhiệm vụ chắc chắn và một nhiệm vụ không chắc chắn, chúng ta luôn phải theo cái chắc chắn.

Có thể lập luận rằng nhiệm vụ này là không tồn tại, nếu sự thực hiện nó kéo theo vi phạm một hành động vô đạo đức về bản

chất, chẳng hạn sự vi phạm trực tiếp hoặc gián tiếp của ấn tích giải tội bởi sự sơ suất đáng khiển trách. Theo quan điểm của nhiều chuyên viên luân lý lỗi lạc, sự sơ suất đáng khiển trách như vậy chỉ có thể xảy ra, nếu linh mục phải nói về những gì ngài đã làm cho người khác, theo một cách nào đó làm cho họ xác định được tội lỗi và hối nhân.

Một điểm nữa là linh mục cũng biết rằng chất thể của bí tích Thánh Thể đã bị pha trộn, do đó nó không còn là chất thể hợp lệ cho hy tế Thánh Lễ nữa. Bởi vì ngài không thể cử hành một cách có ý thức một Thánh lễ không hợp lệ, ngài cũng sẽ có trách nhiệm luân lý nhất định để thay thế rượu lễ khác.

Vì tất cả các lý do này, tôi sẽ nói rằng linh mục, trong trường hợp giả thiết trên đây, sẽ và phải thay rượu lễ khác, trong khi tránh bất kỳ lời nói nào có thể dẫn đến việc tiết lộ tội lỗi và hối nhân. (Zenit.org 28-5-2013)

94. Ai ký tên vào chứng chỉ Bí tích Rửa tội?

Hỏi: *Tôi là một phó tế vĩnh viễn. Mới đây một người mẹ có đứa con được tôi rửa tội trước kia hỏi tôi, là tại sao chứng chỉ Bí Tích Rửa Tội của đứa bé được ký tên bởi cha xứ cũ của chúng tôi, chứ không phải bởi tôi, trong khi tôi là người rửa tội cho đứa bé ấy. Tôi đã kiểm tra và hỏi nhiều người, dường như đây là một thực tế phổ biến trong nhiều nhà thờ trong giáo phận chúng tôi. Thưa cha, liệu có luật nào nói về ai là người ký tên vào sổ Rửa Tội gốc hay không? - D. M., Toronto, Canada.*

Đáp: Câu hỏi này được trả lời khá nhiều trong Điều 877 § 1 và Điều 878 của Bộ Giáo Luật:

“Điều 877 § 1. Cha Sở nơi cử hành Bí Tích Rửa Tội phải cẩn thận ghi ngay vào sổ Rửa Tội: tên của người lãnh Bí Tích Rửa Tội, của thừa tác viên, của cha mẹ, của người đỡ đầu và nếu có, của cả người làm chứng; nơi và ngày rửa tội, ngày và nơi sinh.

“Điều 878. Nếu không phải Cha Sở hay người đại diện Cha Sở ban Bí Tích Rửa Tội, thì thừa tác viên Bí Tích Rửa Tội, bất cứ là ai, phải báo cho Cha Sở tại nơi cử hành Bí Tích Rửa Tội biết, để ngài ghi vào sổ Rửa Tội theo Điều 877 § 1” (Bản dịch Việt ngữ của các Linh Mục Nguyễn Văn Phương, Phan Tấn Thành, Vũ Văn Thiện, Mai Đức Vinh).

Do đó, phù hợp với các điều luật này, phận sự của linh mục quản xứ là làm sổ rửa tội. Ngài cần ghi tên của thừa tác viên Bí tích Rửa Tội, nếu bản thân ngài không làm phép rửa tội lần ấy. Ngài cũng có trách nhiệm gìn giữ sổ Rửa Tội và ghi thêm các sự kiện khác vào đó, chẳng hạn bí tích Hôn phối, khấn Dòng hoặc được truyền chức Linh mục.

Cha phó hoặc cha phụ tá thường cũng có năng quyền ghi sổ Rửa Tội và ký tên vào đó. Các thừa tác viên khác không ký tên vào sổ Rửa Tội, mặc dù ở một số nơi sổ Rửa Tội có dành chỗ cho thừa tác viên ấy ký tên.

Lý do đằng sau là Giáo Hội mong muốn một cách tổng quát rằng cha xứ là người cử hành Bí Tích Rửa Tội. Còn các vị khác cử hành Bí Tích Rửa Tội là do ủy quyền của Giám mục hoặc cha xứ.

Vì vậy, chẳng hạn Điều 862 đặt ra hạn chế này cho người cử hành Bí Tích Rửa Tội:

“Ngoại trừ trường hợp cần thiết, không ai được cử hành Bí Tích Rửa Tội trên lãnh thổ của người khác, dù rằng cho một người thuộc quyền của mình, nếu không có phép hợp lệ”.

Do đó, ngay cả một Giám mục thường không có thể cử hành Bí Tích Rửa Tội bên ngoài giáo phận của mình, ngoại trừ trong trường hợp cần thiết hoặc với sự cho phép. Điều luật này cũng có thể được xem như một sự áp dụng của Điều 857 § 2, vốn trao ưu tiên cho nhà thờ giáo xứ địa phương của một người là nơi rửa tội của người ấy:

“Điều 857 § 1. Ngoài trường hợp cần thiết, nơi thích hợp để Rửa Tội là nhà thờ hay nhà nguyện.

“§ 2. Theo luật, người lớn phải chịu phép Rửa Tội tại nhà thờ riêng của giáo xứ, nhi đồng tại nhà thờ xứ của cha mẹ, trừ khi có lý

do chính đáng khuyến nhủ cách khác” (bản dịch Việt ngữ, như trên).

Trong khi tất cả các điều trên có thể là khô cứng và có tính kỹ thuật, nó là căn cứ cho sự việc rằng một người một được rửa tội trong Giáo Hội hoàn vũ là một thành viên của một cộng đồng Kitô hữu cụ thể. Nhà thờ giáo xứ địa phương thường là nơi mà đức tin cần được nuôi dưỡng, và là nơi mà người ta phát triển đến sự trưởng thành Kitô giáo.

Thật đúng là tính di động của nhiều xã hội có nghĩa rằng sự kết nối giữa một người và giáo xứ của người ấy thường là tạm thời. Tuy nhiên, giáo xứ luôn được mời gọi là sự biểu hiện của Giáo Hội như là gia đình của Thiên Chúa ở một nơi trên trái đất. Do đó, nó là trung tâm tự nhiên cho hầu hết các hoạt động cơ bản của đời sống tinh thần: sinh ra trong Bí Tích Rửa Tội, tăng trưởng nhờ Bí Tích Thêm Sức, nuôi dưỡng bằng Lời Chúa, Bí Tích Thánh Thể, và thường thông qua sự phục vụ cho người khác, cam kết dứt khoát cho những người được mời gọi đến Bí Tích Hôn Phối hoặc thánh hiến cho Thiên Chúa, chữa lành cho các người đau khổ trong linh hồn hoặc thể xác, và ra đi với sự an ủi của lời cầu nguyện cộng đoàn cho người qua đời và các người còn ở lại. (Zenit.org 9-7-2013)

95. Cần xưng gì khi thường xuyên xưng tội?

Hỏi: *Chúng tôi liên tục được dạy bảo đi xưng tội thường xuyên, và tôi tuân theo lời dạy này. Tuy nhiên, tôi đã bối rối trong một thời gian dài về tội nào cần phải xưng trên cơ sở thường xuyên đến với bí tích hòa giải. Tôi chắc chắn biết tội nào là tội trọng và tội nào là tội nhẹ. Tôi tham dự Thánh Lễ mỗi Chúa Nhật, rước lễ càng nhiều càng tốt và cố gắng giữ gìn bản thân, để tránh tội lỗi. Nhưng tôi thường xuyên cảm thấy bản thân mình không biết phải xưng tội nào trong tòa giải tội, trong khi mong muốn xưng tội trên cơ sở thường xuyên là ít nhất một lần mỗi tháng. Điều này có vẻ*

như một cuộc điều tra ngớ ngẩn, nhưng nếu tôi đang nghĩ như thế, chắc nhiều người khác cũng nghĩ như vậy nữa. - J. C., Miami, Florida, Mỹ.

Đáp: Mặc dầu đây không phải là một câu hỏi phụng vụ theo nghĩa chặt chẽ, bạn đọc này có lý khi bạn nhận thấy một khó khăn, mà nhiều người thực hành xưng tội thường xuyên gặp phải.

Có rất nhiều cách để giải quyết câu hỏi này, mặc dầu bản chất của mối quan hệ cá nhân của mỗi người đối với Thiên Chúa có nghĩa rằng bất kỳ câu trả lời chắc chắn nào vẫn là còn thiếu sót.

Tôi đã thấy rằng, ít nhất đối với tôi, đoạn Mt 21, 28-31 là sự hỗ trợ tuyệt vời trong việc hiểu được các động cơ và xung lực đằng sau ước muốn xưng tội thường xuyên. Trong đoạn này, người cha nói với hai con trai của mình đi làm việc trong vườn nho. Một người chấp nhận nhưng không đi, còn người kia ban đầu từ chối nhưng sau đó hối hận và đi làm. Cả hai con trai phải xin sự tha thứ của Cha, người đầu tiên là vì giả hình và bất tuân, người thứ hai là vì không vâng lời mau mắn và muốn làm vui lòng điều thuộc về mình.

Việc xưng tội thường xuyên, nhất là khi không có tội trọng để xưng, là giống như tình trạng của người con thứ hai. Chúng ta không đáp trả cho tình yêu của Chúa như chúng ta cần làm. Và chúng ta mong muốn rằng không nên có lỗi gì giữa chúng ta, thậm chí là sự bất hòa được mang lại bởi sự miễn cưỡng, sự ương ngạnh và một loạt các thái độ khác, vốn làm xấu đi vẻ đẹp của mối quan hệ của chúng ta đối với Chúa. Đây là lý do tại sao việc xưng tội về cơ bản là một hành động của tình yêu: Chúng ta xin sự tha thứ của các người chúng ta yêu mến. Lời xin lỗi miễn cưỡng là dành cho các đối thủ hay kẻ thù, chứ không dành cho các người chúng ta yêu mến.

Trong ánh sáng của mong muốn này, để duy trì vẻ đẹp của một mối quan hệ hiểu thảo với Chúa, không có khó khăn lớn trong việc thường xuyên xưng thú các lỗi lầm tương tự. Chúng thường phản ánh các điểm yếu quen thuộc của chúng ta, vốn chỉ được khắc phục theo dòng thời gian.

Tuy nhiên, có một sự khác biệt trong thứ bậc. Có thể có một sự xung đi xung lại không hoàn hảo, khi một người đã học được từ thời niên thiếu một danh sách tiêu biểu của tội lỗi và cứ xung đi xung lại, mà không thực sự đi vào chiều sâu của mối quan hệ của mình đối với Thiên Chúa. Nhưng còn có một sự xung đi xung lại lành mạnh, vốn chính xác nhận ra các điểm yếu quen thuộc của mình, và phấn đấu để vượt thắng chúng.

Trong trường hợp thứ hai này, cũng đúng là khi linh hồn tiến triển, tội lỗi dường như là vẫn giống nhau, hay đúng hơn nó là cùng một gốc nhưng không cùng một vấn đề. Ví dụ, một người có thể xung tội lười biếng vì người ấy chạy trốn bất cứ nỗ lực thể chất hoặc tinh thần nào. Tuy nhiên, người đó đang làm việc dưới sự thúc đẩy của ân sủng để vượt qua tật xấu này. Một năm sau, người ấy tiếp tục xung tội lười biếng, nhưng do thời gian này người ấy không còn phải cố gắng nhiều để bớt lười biếng, và đôi khi còn thắng vượt nó nữa. Một vài năm sau, con người làm việc chăm chỉ và chăm chỉ cầu nguyện ấy cũng xung tội lười biếng, vì nhận thức mình đã không tận dụng tốt nhất thời gian có sẵn, hoặc làm theo ý riêng mình, mà chống lại các sáng kiến mới của Chúa Thánh Thần. Sự nhận thức về tiến bộ này trong sự đơn điệu đều đặn rõ ràng, là một nguồn an ủi trong việc làm cho sự xung tội thường xuyên trở nên một phần của đời sống thiêng liêng của mình.

Một phương pháp hữu ích để tránh sự đơn điệu đều đặn, nhất là khi một người có cha giải tội thường xuyên, là tập trung mỗi lần vào một loại tội lỗi thường phạm và xem xét chặt chẽ nó hơn so với các tội khác. Điều này có thể giúp chúng ta phát triển trong sự tinh tế của lương tâm. Đồng thời, hối nhân phải cẩn thận để không biến bí tích hòa giải, nhằm được tha thứ tội lỗi, thành sự linh hướng. Sự linh hướng là rộng hơn và bao gồm các yếu tố như động cơ, thái độ, ấn tượng, phản ứng cá nhân đối với ân sủng... Cả hai việc xung tội và việc linh hướng đều tốt, nhưng như một quy luật chung, chúng cần được tách rời nhau hẳn. (Zenit.org 16-7-2013)

96. Trong lễ cưới, linh mục được phép nói “Cha tuyên bố hai con là vợ chồng với nhau” không?

Hỏi: Trong 10 năm qua, tôi đã tham dự nhiều lễ cưới Công Giáo, và không lần nào nghe vị linh mục nói “Giờ đây cha tuyên bố hai con là vợ chồng với nhau”. Điều gì sẽ xảy ra cho một lời tuyên bố đơn giản như thế, và tại sao nó bị cắt khỏi lời thề hôn phối? - G. B., Richmond, Virginia, Mỹ.

Đáp: Theo tôi đã có thể đoán chắc, công thức đặc biệt này không bao giờ là một phần trong nghi thức hôn phối Công Giáo Rôma. Lời này, hoặc các biến thể tương tự, là phần nghi thức của hôn phối Anh Giáo, hoặc của một số giáo phái Tin Lành khác.

Kể từ khi phương tiện truyền thông không khắt khe với chi tiết khi nói đến nghi lễ, nhiều người đã thấy và đã nghe cụm từ được cho là Công Giáo này, trong vô số phim và chương trình truyền hình. Vì lý do này, họ có thể mong đợi như thế khi tham dự một lễ cưới Công Giáo thực sự.

Những người Công Giáo cuối cùng có thể nghe một câu tương tự là người tham dự lễ cưới theo hình thức ngoại thường của nghi thức Rôma, vốn được sử dụng chung cho đến đầu thập niên 1970. Sau khi đôi hôn phối bày tỏ sự ưng thuận kết hôn, và trước khi làm phép nhẫn, linh mục nói, “Ego conjungo vos in matrimónium. In nómine Patris, et Fílii, et Spíritus Sancti. Amen” (Cha kết hợp hai con trong bí tích hôn phối. Nhân danh Cha, và Con và Thánh Thần. Amen).

Với cải cách phụng vụ, lời trên đã được hủy bỏ khỏi nghi thức hôn phối. Trong số các lý do để hủy bỏ nó là, do việc cử hành lễ cưới được thực hiện bằng ngôn ngữ địa phương, việc sử dụng ngôi thứ nhất số ít có thể dễ dàng làm cho người ta hiểu rằng linh mục hành sử như là thừa tác viên bí tích, tương tự như cách thức ngài hành sử khi nói “Cha rửa tội cho con” hoặc “Cha tha tội cho con”. Tuy nhiên, truyền thống Latinh nói rằng chính đôi nam nữ mới là thừa tác viên của bí tích hôn phối. Sách Giáo Lý nói:

“1623. Theo truyền thống Latinh, chính đôi hôn phối là thừa tác viên ân sủng Đức Kitô; họ ban bí tích Hôn Phối cho nhau khi họ bày tỏ sự ưng thuận kết hôn trước mặt Hội Thánh. Trong truyền thống các Giáo Hội Đông Phương, linh mục hay Giám mục chủ lễ làm chứng việc đôi hôn phối trao đổi lời ưng thuận kết hôn (x.CCEO 817), nhưng lời chúc hôn của các ngài cũng cần thiết để bí tích thành sự (x. CCEO 828).

“1626. Hội Thánh coi việc hai người bày tỏ sự ưng thuận kết hôn là yếu tố cần thiết “làm nên hôn nhân” (x. CIC 1057, 1). Thiếu sự ưng thuận này thì không có hôn nhân.

“1627. Sự ưng thuận là “hành vi nhân linh, trong đó đôi vợ chồng tự hiến cho nhau và đón nhận nhau” (x. GS 48,1); (x. CIC 1057, 2): “Anh nhận em làm vợ”; “Em nhận anh làm chồng” (x. OcM 45). Sự ưng thuận này nối kết hai vợ chồng lại với nhau, được thể hiện trọn vẹn khi hai người “trở nên một thân thể” (x. St 2, 24; Mc 10, 8; Ep 5,31).

“1628. Sự ưng thuận phải là hành vi ý chí của mỗi người phối ngẫu, không bị cưỡng bức vì bạo lực hay quá sợ hãi do một nguyên cố ngoại tại (x. CIC 1103). Không có thể lực nhân loại nào có thể thay thế sự ưng thuận này (x. CIC 1057, 1) . Thiếu sự tự do, hôn nhân không thành.

“1630. Linh mục (hay phó tế), chứng giám nghi thức Hôn Phối, nhân danh Hội Thánh nhận lời ưng thuận của đôi hôn phối và chúc lành cho họ. Sự hiện diện của thừa tác viên Hội Thánh (và của những người làm chứng), cho thấy rõ ràng hôn nhân là một bậc sống trong Hội Thánh.

“1631. Vì lý do này, Hội Thánh thường đòi buộc các tín hữu phải kết hôn theo thể thức của Hội Thánh (x. CD Trentô: DS 1813-1816; CIC 1108). Quy định này có những lý do sau:

- hôn nhân là một bậc sống trong Hội Thánh, có những nghĩa vụ và quyền lợi giữa đôi vợ chồng và đối với con cái;
- bí tích Hôn Phối là một hành vi phụng vụ. Do đó, nên cử hành trong nghi thức phụng vụ công khai của Hội Thánh;

- vì hôn nhân là một bậc sống trong Hội Thánh, nên phải có sự chắc chắn (vì thế buộc phải có những người làm chứng);

- việc công khai bày tỏ sự ưng thuận bảo vệ lời cam kết và giúp vợ chồng sống chung thủy” (Bản dịch Việt ngữ của các linh mục Nguyễn Văn Phương, Phan Tấn Thành, Vũ Văn Thiện, Mai Đức Vinh).

Vì các lý do này, linh mục không còn sử dụng ngôi thứ nhất số ít, nhưng tiếp nhận sự ưng thuận của cặp vợ chồng, bằng cách nói:

“Xin Chúa tỏ lòng nhân hậu chuẩn y sự ưng thuận các con (...) vừa tỏ bày trước mặt Hội thánh. Và xin Chúa tuôn đổ phúc lành của Ngài trên các con. Sự gì Thiên Chúa kết hợp, loài người không được phân ly”. (Zenit.org 18-1-2011)

97. Người đã ly dị tái hôn được rước lễ theo quyền “tòa trong” không?

Hỏi: Trong cuộc thảo luận gần đây tại một cuộc họp của giáo hạt, một linh mục tiết lộ rằng ngài đã cho rước lễ các người ly dị tái hôn theo luật đời, mà không có sắc lệnh tiêu hôn, dựa theo quyền của “tòa trong”, bất kể hoạt động vợ chồng của họ là như thế nào. Trong ánh sáng số 1650 của Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo (CCC), linh mục này đang nói về điều gì vậy? Có điều gì tôi chưa hiểu chăng? Xin cha nói rõ về vấn đề này. - G. S., Florida, Mỹ.

Đáp: Số 1650 của Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo nói như sau :

“Nhiều người Công Giáo, ở một số quốc gia, đã ly dị và tái hôn theo luật đời. Giáo Hội trung thành với lời của Đức Kitô: “Ai bỏ vợ và cưới người khác, là phạm tội ngoại tình; ai bỏ chồng để lấy người khác thì cũng phạm tội ngoại tình” (x. Mc 10, 11-12). Nếu hôn nhân lần đầu đã thành sự, Giáo Hội không thể công nhận liên kết mới là thành sự. Nếu những người đã ly dị, tái hôn theo luật đời, họ rơi vào tình trạng khách quan đi ngược lại luật Thiên Chúa. Vì thế, bao lâu còn sống trong tình trạng này, họ không được

rước lễ. Cũng vậy, họ không thể đảm nhận một số trách nhiệm trong Giáo Hội. Chỉ những người hối hận vì mình đã vi phạm đến dấu chỉ giao ước và sự trung thành với Đức Kitô, và cam kết sống tiết dục trọn vẹn, mới được giao hòa nhờ bí tích Thống Hối” (Bản dịch Việt ngữ của Ban Giáo lý Tổng Giáo phận Sài Gòn)

Số này phải được bỏ túc bởi số sau đây:

“1651. Đối với những tín hữu đang sống trong hoàn cảnh như vậy, vẫn giữ đức tin và ao ước giáo dục con cái theo tinh thần Công Giáo, linh mục và cộng đoàn phải có thái độ ân cần đặc biệt, để họ đừng coi như bị tách lia khỏi Giáo Hội và nếp sống tín hữu mà họ có thể và phải giữ vì đã được rửa tội:

“Họ được mời gọi nghe Lời Chúa, tham dự hy tế thánh lễ, kiên trì cầu nguyện, góp phần vào các công cuộc bác ái và các sáng kiến của cộng đoàn để phục vụ công lý, giáo dục con cái trong đức tin Công Giáo, vun trồng tinh thần sám hối và làm các việc đền tội, để ngày qua ngày thành khẩn nài xin ân sủng Thiên Chúa (x. Tông Huấn Gia Đình 84)” (bản dịch như trên).

Sách Giáo Lý tóm tắt giáo lý lâu đời của Giáo Hội, nhưng cũng quan tâm đến nhiều cuộc tranh luận trong vài thập kỷ qua.

Trong thực tế, mỗi mục tử phải xử lý vấn đề của một số người, vì họ đi vào quan hệ hôn nhân ổn định mới trong khi cuộc hôn nhân phép đạo trước đó vẫn còn tồn tại. Thường hôn nhân thứ hai kéo dài lâu hơn hôn nhân thứ nhất và có con cái. Đối với nhiều tín hữu, việc không được rước lễ là nỗi đau của họ.

Các tình huống khó khăn như vậy khiến một số Giám mục và thần học gia đề nghị giải pháp “tòa trong” hoặc “luơng tâm tốt” cho một số trường hợp đặc biệt của các cặp vợ chồng ly dị tái hôn.

Các tác giả của lý thuyết này khác xa nhau về định nghĩa và sự áp dụng giải pháp đề xuất. Nói tóm lại, đây là một sự đáp trả mục vụ của một người, với sự giúp đỡ của một linh mục, mà trong đó con người xác tín vào việc nhận thức về sự vô hiệu của một cuộc hôn nhân trước, mặc dù một quyết định pháp lý bề ngoài liên

quan đến sự hợp lệ này không thể được giải quyết. Vì thế, xác tín ấy sẽ cho phép quay trở lại với các bí tích.

Tuy nhiên, các ý kiến là khá đa dạng về cách thức áp dụng giải pháp đề xuất này. Một số tác giả nhấn mạnh rằng giải pháp này không được ban bởi một linh mục, nhưng chỉ hành động theo sự hướng dẫn của ngài. Các tác giả khác nói một cách rõ ràng rằng đó là quyền quyết định của một linh mục, mà không cần nại đến tòa án.

Tương tự như vậy, một số vị khác lại cho rằng trước khi sử dụng quyền “tòa trong”, đương sự phải cố gắng chạy đến với tòa ngoài (tòa án hôn phối), nhưng không có vấn đề gì đang xảy ra do thủ tục hoặc khó khăn khác. Một vài vị khác lại cho rằng có những trường hợp mà đương sự có thể quyết định ngay, mà không cần liên hệ với tòa án, nếu có lý do chính đáng để không làm như vậy.

Các tác giả ủng hộ “giải pháp tòa trong”, cũng nhìn nhận rằng giải pháp chỉ nên được giới hạn cho một số cặp vợ chồng đã ly dị và tái hôn mà thôi, và không phải là một sự kiểm tra trắng để cho phép nhận lãnh trở lại các bí tích.

Trong số các điều kiện được các tác giả này nêu ra, có: họ có thể nhận các bí tích mà không gây vấp phạm trong cộng đồng; họ hứa hợp thức hóa hôn nhân sau khi người phối ngẫu cũ qua đời; họ chứng tỏ sự ổn định lâu bền trong hôn nhân thứ hai; và họ hiểu rằng việc họ được trở lại với các bí tích không hàm ý có sự thay đổi trong giáo lý Công Giáo, về sự bất khả phân ly của hôn nhân, và cũng không cấu thành một quyết định chính thức liên quan đến việc vô hiệu hoá của cuộc hôn nhân trước.

Chúng tôi đã phải đơn giản hóa lập luận của các tác giả này, nhưng hy vọng rằng chúng tôi đã không diễn dịch chúng một cách sai lạc.

Đồng thời, chúng tôi phải nhấn mạnh rằng đây chỉ là các ý kiến, và không đại diện cho giáo lý Công Giáo về tòa trong.

Giáo huấn chính thức của Giáo Hội về chủ đề này được chứa trong một số văn bản. Chúng tôi nói đến văn bản quan trọng nhất cho lập luận của mình.

Ngày 11-4-1973: Đức Hồng Y Franjo Seper, Tổng trưởng Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin (CDF), đã viết thư cho Chủ tịch Hội đồng Giám mục Công Giáo Mỹ, nói về “các ý kiến mới, vốn phủ nhận hoặc cố gắng ngò vức giáo lý của Huấn Quyền Giáo Hội về sự bất khả phân ly của hôn nhân”. Ngài kết luận với các chỉ dẫn thiết thực sau đây:

“Về việc lãnh nhận các Bí tích, các Đấng Bản Quyền được yêu cầu, một đảng nhấn mạnh việc chấp hành kỷ luật hiện hành và, đảng khác chăm lo cho các mục tử để các ngài quan tâm đặc biệt đến sự tìm kiếm các người đang sống trong một hôn nhân bất thường, bằng cách áp dụng cho các trường hợp này, ngoài các phương cách chính đáng khác, sự thực hành đã được Giáo Hội chấp thuận ở tòa trong (probatam Ecclesiae praxim in foro interno)”.

Một số Giám mục đã yêu cầu giải thích rõ ràng thế nào là sự thực hành đã được Giáo Hội chấp thuận ở tòa trong. Ngày 21-3-1975, Đức Tổng Giám Mục Jean Hamer, thư ký Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, đã trả lời:

“Tôi muốn nói rằng cụm từ này [probata praxis Ecclesiae] phải được hiểu trong bối cảnh của thần học luân lý truyền thống. Các cặp vợ chồng [người Công Giáo sống trong hôn nhân bất thường] có thể được phép nhận lãnh các bí tích với hai điều kiện: họ cố gắng sống theo các đòi hỏi của nguyên tắc luân lý Kitô giáo, và họ nhận lãnh các bí tích trong các nhà thờ, mà ở đó không ai biết họ để họ không gây ra cơ vấp phạm nào”.

Các văn bản này, cộng với Tông huấn “*Familiaris Consortio*” của Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II, tạo nên cơ sở của giáo lý được tìm thấy trong Sách Giáo Lý.

Năm 1994, hai năm sau khi ban hành Sách Giáo Lý, để đáp ứng với một vài gợi ý rằng có thể có một số trường hợp ngoại lệ mục vụ cho giáo lý này, và các điều khoản của Giáo luật trong các trường hợp đặc biệt, Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin đã viết thư cho các Giám mục trên thế giới “Về việc Rước lễ của các tín hữu Công Giáo đã ly dị và tái hôn”.

Tài liệu này khẳng định lại lập trường của tông huấn “*Familiaris Consortio*” và Sách Giáo lý (bao gồm cả hai lý do được nêu ra ở trên), khi nói thêm: “Cấu trúc của tông huấn và cung giọng của các từ ngữ trong đó giúp hiểu rõ ràng sự thực hành ấy, vốn được trình bày như là ràng buộc, không thể được sửa đổi do các tình huống khác nhau”.

Giáo lý cơ bản này đã được khẳng định một lần nữa trong Tông huấn năm 2007 “*Sacramentum Caritatis*”: “Thượng Hội Đồng Giám Mục căn cứ vào Thánh Kinh (x. Mc 10,2-12) xác định thực hành của Giáo Hội, không thể cho những người đã ly dị tái hôn được lãnh nhận các bí tích, chỉ vì tình trạng và điều kiện của họ nghịch lại cách khách quan sự liên hệ tình yêu giữa Đức Kitô và Giáo Hội, điều được biểu lộ và hiện thực trong Bí tích Thánh Thể” (Bản dịch Việt ngữ của Ủy ban Giáo lý Đức tin thuộc Hội Đồng Giám Mục Việt Nam).

Như vậy, rõ ràng là Tòa Thánh đã loại trừ khả năng của “giải pháp tòa trong” như là một cách hợp lệ để giải quyết các vấn đề về tính hợp lệ của hôn nhân. Việc kết hôn là một hành động công khai, trước mặt Thiên Chúa và trước mặt xã hội, và do đó các câu hỏi về tính hợp lệ của nó chỉ có thể được giải quyết ở tòa ngoài. Việc cho phép lãnh nhận các Bí tích chỉ có thể xảy ra trong các trường hợp được nêu ra trong Sách Giáo Lý.

Tuy nhiên, tất cả các vị Giáo hoàng gần đây đã cảm nhận sâu sắc nỗi đau đớn của các cặp vợ chồng đang ở trong tình trạng này. Trong các tháng đầu tiên của triều đại Giáo hoàng của mình, Đức Thánh Cha Biển Đức XVI đã kêu gọi nghiên cứu thêm điều khó khăn này.

Đức Thánh Cha Phanxicô cũng đã đề cập đến chủ đề, và đã kêu gọi các Giám mục đề xuất các sáng kiến có thể sẽ giúp Giáo Hội cho phép các thành viên ấy dự phần vào Thân Thể Chúa Kitô một cách tốt hơn.

Tuy nhiên, như một Hồng Y nổi tiếng đã ghi nhận về chủ đề này: “Đen không thể trở thành trắng được”. Không giải pháp mục

vụ nào có thể thay đổi Tin Mừng hoặc giáo huấn đã được thiết lập của Giáo Hội về sự bất khả phân ly của hôn nhân.

Hoạt động mục vụ quan trọng nhất mà Giáo Hội có thể và nên làm, là cổ vũ việc huấn luyện Kitô giáo cho các bạn trẻ Công Giáo, để họ đi vào hôn nhân với ý định hợp tác với ân sủng của Thiên Chúa, trong việc đưa ra một cam kết suốt đời cho chính họ. Nói cách khác, giải pháp lâu dài tốt nhất cho việc ly dị và tái hôn là phải tránh ly dị trước tiên.

Đồng thời, thật là ngây thơ khi nghĩ rằng một số cuộc hôn nhân sẽ không thất bại, hoặc sẽ không có việc kết hôn không hợp lệ. Đây là một hệ quả tất yếu của sự yếu đuối con người và sự tự do của con người. Tương tự như vậy, hiện nay có một số lượng lớn người Công Giáo ở trong các giải pháp bất thường, họ có nhu cầu mục vụ cụ thể, và Giáo Hội được thúc đẩy tìm cách giúp đỡ họ, trong khi vẫn tôn trọng giáo huấn của Chúa Kitô về sự thánh thiện của hôn nhân.

Đây có lẽ sẽ là tinh thần, mà với nó Đức Thánh Cha Phanxicô và các Giám mục sẽ tìm hiểu bất cứ con đường nào và sáng kiến nào thích hợp, để mang lại ánh sáng của Chúa Kitô cho tất cả các thành viên của Giáo Hội Công Giáo. (Zenit.org 11-2-2014)

98. *Chứng sinh giữ vai trò phó tế được không?*

Hỏi: *Liệu có là đúng khi một chứng sinh giúp xứ được phép làm phận vụ của một thầy phó tế trong Thánh lễ không? Thưa cha, con hỏi như thế vì chuyện đã xảy ra tại giáo xứ của con. Chứng sinh này, chưa được truyền chức phó tế, đã tham gia vào mọi phận vụ mà một thầy phó tế thường làm nếu thầy hiện diện ở đó. Trong bối cảnh này, liệu một giáo dân có thể làm như vậy nếu cha xứ cho phép không? Quy Chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma (GIRM) nói gì về việc này? Có hướng dẫn nào không, thưa cha? - E. C. , Kabwe, Zambia.*

Đáp: Trên nguyên tắc, mỗi thừa tác viên có thể thực hiện các phận vụ, và chỉ các phận vụ ấy mà thôi, tương ứng với thừa tác vụ riêng của mình.

Do đó, một chủng sinh không thể thực hiện các phận vụ như thế, vì chúng chỉ dành riêng cho phó tế hay linh mục. Tuy nhiên, nếu chủng sinh ấy đã lãnh nhận tác vụ giúp lễ (Acolyte), thì thầy có thể thực thi các phận vụ mà một thầy có tác vụ giúp lễ có thể làm khi vắng mặt thầy phó tế.

Quy Chế Tổng Quát Sách Lễ Rôma (GIRM) mô tả các phận vụ này như sau:

“98. Thầy giúp lễ lãnh tác vụ để phục vụ bàn thờ, giúp vị tư tế và thầy phó tế. Công việc chính của thầy là chuẩn bị bàn thờ và các bình thánh; thầy còn là thừa tác viên ngoại thường cho giáo dân rước lễ.

Trong việc giúp bàn thờ, thầy giúp lễ có những phận vụ riêng (x. nn. 187-193) mà thầy phải thi hành.

“100. Nếu không có thầy giúp lễ, các thừa tác viên giáo dân có thể phục vụ bàn thờ và giúp vị tư tế và phó tế. Họ mang thánh giá, nến, hương, bánh, rượu, nước, và ngay cả được cử cho giáo dân rước lễ với tính cách thừa tác viên ngoại thường.

“187. Các phần việc mà thầy giúp lễ có thể làm thuộc nhiều loại khác nhau; lại có nhiều phần việc phải làm cùng một lúc. Vậy nên phân phối các phần việc đó cho nhiều người. Nhưng nếu chỉ có một thầy giúp lễ có mặt, thầy sẽ thi hành những gì quan trọng hơn; còn các việc khác, thì trao cho những người giúp lễ khác.

“Nghị thức đầu lễ

“188. Khi tiến ra bàn thờ, thầy giúp lễ có thể mang thánh giá đi giữa hai người giúp cầm nến cháy. Khi tới bàn thờ, thầy đặt thánh giá gần bàn thờ, để thành thánh giá bàn thờ, nếu không thì đem cất vào nơi xứng đáng. Rồi thầy về chỗ của mình trong cung thánh.

“189. Trong suốt buổi cử hành, nhiệm vụ của thầy giúp lễ là đến gần vị tư tế, hoặc phó tế, mỗi khi cần, để đưa sách và giúp các ngài trong những gì cần thiết. Do đó, nên hết sức dành cho thầy

một chỗ thuận tiện, để thầy dễ dàng lo phần việc của mình nơi ghé ngồi hay tại bàn thờ.

“Phụng vụ Thánh Thể

“190. Nếu không có thầy phó tế, thì sau lời nguyện cho mọi người, và khi vị tư tế còn ở tại ghế, thầy giúp lễ đặt khăn thánh, khăn lau chén, chén thánh và Sách Lễ lên bàn thờ. Rồi, nếu cần, thầy giúp vị tư tế tiếp nhận lễ phẩm do giáo dân dâng tiến, và, nếu tiện, đưa bánh rượu tới bàn thờ và trao cho vị tư tế. Nếu có xông hương, chính thầy đưa bình hương cho vị tư tế và giúp ngài xông hương lễ phẩm, thánh giá và bàn thờ. Rồi thầy xông hương vị tư tế và giáo dân.

“191. Thầy có thừa tác vụ giúp lễ có thể giúp vị tư tế cho giáo dân rước lễ, nếu cần, với tư cách một thừa tác viên ngoại thường. Nếu cho rước lễ dưới hai hình, mà không có thầy phó tế, thầy cho họ rước Máu Thánh; nếu giáo dân rước lễ theo cách chầm, thì thầy cầm chén thánh.

“192. Cho rước lễ xong, thầy có thừa tác vụ giúp lễ giúp vị tư tế hoặc phó tế lau và sắp xếp các bình thánh. Khi không có thầy Phó tế, thầy giúp lễ mang các bình thánh tới bàn phụ, tráng lau và sắp xếp các bình thánh tại đó.

“193. Lễ xong, thầy giúp lễ cùng với các thừa tác viên khác, làm một với phó tế và vị tư tế, trở về phòng thánh theo kiểu đoàn rước cùng một cách và thứ tự như khi đi ra. (Bản dịch Việt ngữ của linh mục Phanxicô Xavier Nguyễn Chí Cần, Giáo phận Nha Trang).

Từ các khoản trên, dường như có thể rằng một chủng sinh giữ vai trò của một thầy phó tế, mà không nhất thiết phải là trường hợp trên đây.

Nếu chủng sinh chưa phải là một thầy giúp lễ lãnh tác vụ, chủng sinh ấy có thể phục vụ bên cạnh linh mục, giúp cha với sách lễ tại bàn thờ, trao đĩa thánh cho cha, và nếu cần, có thể giúp cha cho giáo dân rước lễ, với tư cách một thừa tác viên ngoại thường.

Nếu chủng sinh đã là một thầy giúp lễ, thì sau đó thầy mang các bình thánh tới bàn phủ, tráng lau và sắp xếp các bình thánh tại đó.

Nếu chủng sinh chưa là một thầy giúp lễ, thì chính linh mục tráng lau các bình thánh.

Tuy nhiên, chủng sinh này không có thể thực hiện bất kỳ phận vụ nào chỉ dành riêng cho thừa tác viên có chức thánh.

Do đó, trong Phụng Vụ Lời Chúa, chủng sinh không thể đọc Tin Mừng hay ban bố bài giảng. Huấn thị “*Redemptionis Sacramentum*” nói rõ như sau:

“63. Trong buổi cử hành Phụng Vụ thánh, bài đọc Tin Mừng “là tột đỉnh của phụng vụ Lời Chúa”, theo truyền thống của Giáo Hội, được dành cho thừa tác viên có chức thánh. Nên, một giáo dân, kể cả một tu sĩ, không được phép công bố Tin Mừng trong cử hành Thánh Lễ, kể cả trong các trường hợp khác, mà quy tắc không có rõ ràng cho phép.

“64. Bài giảng, được ban bố trong cử hành Thánh Lễ và là thành phần của chính phụng vụ, “thường do chính linh mục chủ tế hay một linh mục đồng tế mà ngài nhờ đảm trách, hay đôi khi, nếu là hợp thời, cũng do một phó tế, nhưng không bao giờ do một giáo dân. Trong những trường hợp đặc biệt và có lý do chính đáng, bài giảng cũng có thể do một Giám mục hay một linh mục tham dự cử hành, dù các ngài không thể đồng tế”.

“66. Việc cấm giáo dân giảng trong lúc cử hành Thánh Lễ cũng liên quan đến các chủng sinh, các sinh viên thần học, đến tất cả những ai thi hành chức vụ “phụ tá mục vụ”, và đến bất cứ nhóm, phong trào, cộng đoàn hay hiệp hội giáo dân nào” (Bản dịch Việt Ngữ của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam).

Trong Phụng vụ Thánh Thể, thầy giúp lễ không chuẩn bị chén thánh, bằng cách rót sẵn rượu và nước vào chén, nhưng chỉ trao bình rượu và bình nước cho linh mục mà thôi.

Hoặc thầy cũng không giúp linh mục trong việc nâng cao chén thánh cho phần Vinh tụng ca kết thúc. Chính linh mục, chứ

không phải thầy giúp lễ, mời gọi tín hữu chúc bình an cho nhau, và đọc lời “Lễ xong, chúc anh chị em đi bình an” vào cuối Thánh Lễ.

Nếu linh mục cho phép hoặc bảo chủng sinh thực hiện bất kỳ chức năng nào dành riêng cho mình, ngài đã phạm sai lầm. Điều này cũng là thiếu khôn ngoan, nên chủng sinh cần phải từ chối làm như vậy.

Trong một số trường hợp, thậm chí việc này có thể được coi là một sự tiếm quyền của các phận vụ thánh, vốn có thể ngăn trở hoặc trì hoãn sự chấp thuận cho chủng sinh lãnh nhận chức thánh. (Zenit.org 6-5-2014)

99. Liệu đôi tân hôn phải có sự tháp tùng của cha mẹ trong cuộc rước không?

Hỏi: *Thưa cha, tại Mỹ, liệu cô dâu và chú rể có được tháp tùng bởi cha mẹ trong cuộc rước vào nhà thờ khi bắt đầu thánh lễ không? Nghi thức Hôn phối nói rằng “Nếu có cuộc rước vào nhà thờ, các người giúp lễ đi trước, tiếp theo là vị linh mục, và sau đó cô dâu và chú rể. Tùy theo tục lệ địa phương, họ có thể được tháp tùng bởi ít nhất là cha mẹ và hai người làm chứng” (số 20). Trong chữ đỏ này, phải chăng “tục lệ địa phương” là: tục lệ của giáo xứ, hoặc tục lệ của Hội Đồng Giám Mục, nơi mà Nghi thức Hôn phối được phép áp dụng? – A. M., Danville, Virginia, Mỹ.*

Đáp: Về tục lệ, Bộ Giáo luật nói như sau:

“Điều 23: Một tục lệ do cộng đồng tín hữu du nhập chỉ có hiệu lực pháp lý một khi được nhà lập pháp chuẩn y, dựa theo những quy tắc của các điều kiện sau đây.

“Điều 24: § 1. Không tục lệ nào trái ngược với thiên luật có thể có hiệu lực pháp lý.

§2 Tục lệ trái ngược hoặc ở ngoài Giáo Luật (praeter ius canonicum) cũng không có hiệu lực pháp lý, nếu nó không hợp lý. Tuy nhiên, tục lệ nào đã bị minh thị bài bác thì không còn phải là hợp lý nữa.

“Điều 25: Không tục lệ nào có thể có hiệu lực pháp lý nếu không được tuân hành do một cộng đồng ít nhất là có khả năng thụ nhận một luật (*iuris*), với ý định du nhập luật lệ (*legis*).

“Điều 26: Trừ khi được đặc biệt chuẩn y bởi nhà lập pháp có thẩm quyền, một tục lệ trái luật hay ngoại luật (*praeter legem canonicam*) chỉ đạt được hiệu lực pháp lý nếu đã được tuân hành hợp lệ trong khoảng thời gian ba mươi năm tròn và không gián đoạn. Tục lệ trái ngược với một điều luật có kèm khoản ngăn cấm các tục lệ tương lai thì chỉ có giá trị nếu đã được một trăm năm hay là đã từ lâu đời.

“Điều 27: Tục lệ là nguồn giải thích tốt nhất của luật pháp.

“Điều 28: Đừng kể quy định của điều 5, một tục lệ trái luật hay ngoại luật (*praeter legem*) bị thu hồi do một tục lệ hay luật tương phản. Tuy nhiên, nếu không nói minh thị, thì luật không thu hồi các tục lệ đã có trăm năm hay lâu đời; cũng như luật phổ quát không thu hồi các tục lệ địa phương” (Bản dịch Việt ngữ của các Linh Mục Nguyễn Văn Phương, Phan Tấn Thành, Vũ Văn Thiện, Mai Đức Vinh)

Trong khi chúng tôi không thể bình luận cách mở rộng về Giáo luật, chúng tôi có thể nói rằng thí dụ của các cộng đồng có thể hình thành tục lệ là: các Giáo Hội quốc gia và địa phương; các tu hội đời sống thánh hiến và các tỉnh của họ; Phủ giám chức (*prelature*) tông nhân; giáo xứ; các hiệp hội công và các hiệp hội tư đã nhận được quyền tài phán; các tu viện được chính thức thành lập; chủng viện... Như vậy, một “tục lệ địa phương” có thể là tục lệ của một giáo xứ.

Các bản dịch tiếng Anh không luôn luôn phân biệt rõ ràng giữa “*ius*” (law, right, justice, luật, quyền, công lý) và “*lex*” (law, luật lệ). Nói đúng ra, một cộng đồng không thể giới thiệu một luật lệ vì đó là đặc quyền của một cơ quan lập pháp. Cộng đồng này chỉ có thể giới thiệu các qui định, vốn có thể hay không có thể có hiệu lực pháp lý.

Do đó, các chuyên viên giáo luật đôi khi phân biệt giữa tục lệ pháp lý, mà người tín hữu bắt buộc phải làm theo, và một tục lệ của thực tế mà không có hiệu lực pháp lý.

Do luật 30 năm hình thành tục lệ, một số Giám mục đã ban hành các sắc lệnh chung trong năm 2013 nhằm bãi bỏ tất cả các thực hành, vốn không còn phù hợp với luật phụng vụ và giáo luật. Điều này đã được thực hiện như một biện pháp phòng ngừa, bởi vì 30 năm đã trôi qua kể từ khi ban hành Bộ Giáo Luật vào năm 1983. Bằng cách này, các Giám mục đảm bảo rằng không có sự thực hành lạm dụng có thể được xem là một tục lệ hợp pháp.

Trong một cách tương tự, Tòa Thánh đã đặc biệt cấm một số lạm dụng phụng vụ. Một lần nữa, điều này loại trừ khả năng lạm dụng, vốn đòi cho được xem là tục lệ hợp pháp, bởi vì không sự thực hành cấm đoán nào có thể nhập vào phạm trù này.

Luật chữ đỏ liên quan đến các cặp vợ chồng tham gia vào cuộc rước vào nhà thờ đã được ban hành lần đầu tiên vào năm 1970. Hôn nhân là một lĩnh vực mà Tòa Thánh trao sự tự do rộng rãi cho Hội đồng Giám mục Quốc gia, để thiết lập các nghi thức phù hợp với truyền thống dân tộc, sao cho tương thích với giáo lý Kitô giáo đích thực và sự thực hành. Trong các nước có các truyền thống văn hóa đa dạng, các Giám mục thường thấy trước khả năng các sự sử dụng khác nhau.

Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng việc linh mục và đôi tân hôn cùng được rước đầu thánh lễ đã cần có thời gian dài để được chấp nhận tại một số nơi, và ngày nay việc rước này vẫn chưa là phổ quát.

Hình thức nghi thức này nhấn mạnh sự tự do của đôi tân hôn, khi họ thực hiện giao ước hôn nhân của họ, vốn là một việc cử hành tôn giáo, và chính đôi tân hôn là thừa tác viên của bí tích hôn phối của họ.

Việc này cũng tách ra khỏi các lối diễn tả nghi thức, vốn có thể gợi ý rằng tục lệ hôn nhân là không còn hiện diện trong xã hội phương Tây, và đã được hoan nghênh trong một thời kỳ khi mà,

bằng cách nào đó, cô dâu được cha mẹ mình trao tặng hoặc trao đổi vì của hồi môn.

Tuy nhiên, ngay cả khi tục lệ ấy, chẳng hạn như của hồi môn, không còn nữa, lối diễn tả nghi thức của họ thường được giải thích theo cách thức mới và tích cực hơn. Vì vậy, sự hiện diện của cha mẹ của đôi tân hôn, chứ không chỉ là thân phụ của cô dâu, có thể biểu tượng rằng bí tích kết hợp hai gia đình và tạo ra một gia đình mới.

Việc giải thích lại này cũng có thể xảy ra mà không thay đổi các nghi thức. Vì vậy, sự tồn tại của tục lệ thân phụ cô dâu dẫn cô dâu đi tới và trao cho chú rể đang đứng đợi là có thể được, bởi vì ngày nay không ai còn liên kết hình ảnh này với sự trao đổi của hồi môn cả. Nó đã có một ý nghĩa khác và lành mạnh hơn trong tâm trí con người nói chung, và chỉ có các sử gia biết được nguồn gốc của nó mà thôi.

Tính liên tục của tục lệ trên có lẽ là một ví dụ về một tục lệ địa phương phổ biến rộng rãi ngoài vòng luật lệ, và nói cho đúng, là trái với luật lệ. Tuy nhiên, trong trường hợp này, chúng ta đang đối phó với luật phụng vụ chứ không Giáo luật. Nó không phải là một tục lệ pháp lý, khi luôn có sẵn nghi thức mới, và không ai buộc phải tuân theo các thực hành cũ hoặc phải có cuộc rước.

Trong trường hợp của hôn nhân, cũng có thể có các tục lệ hợp pháp, vốn đã in sâu vào trong một truyền thống dân tộc đặc biệt và hiện diện mạnh mẽ trong một giáo phận hay giáo xứ. Ngay cả khi nó không phải là một văn đề luật lệ, tôi nghĩ rằng nhiều linh mục đã có kinh nghiệm như thế nào về sự cử hành hôn nhân nhạy cảm. Linh mục cần có sự khéo xử và sự quyết đoán để chấp nhận những gì có thể được chấp nhận, và giải thích tại sao một số yếu tố không thể được chấp nhận. (Zenit.org 2-9-2014).

Linh mục Edward McNamara

*Dòng Đạo Binh Chúa Kitô (LC),
Khoa trưởng Thần học và giáo sư phụng vụ
Đại học Regina Apostolorum
(Nữ Vương các Thánh
Tông Đồ), Rôma*

GIẢI ĐÁP THẮC MẮC PHỤNG VỤ TẬP 2

Người dịch: Nguyễn Trọng Đa

Thư viện điện tử Công giáo Việt Nam
24. 11. 2017

